

L M MONTGOMERY

Anne dưới
Mái Nhà
Ben Anh Sữa



thế kỷ
nhớ năm

HOA KIẾT NHÌ
HOANG VÂN

Tên sách: Anne dưới mái nhà bên ánh lửa



Tác giả: Lucy Maud Montgomery



Dịch giả: Thiên Nga



Công ty phát hành: Nhã Nam



Nhà xuất bản: Hội Nhà Văn



Ngày xuất bản: 15-09-2014





CHÚ Ý

Ebook được làm với mục đích phi thương mại, nhằm chia sẻ cho các bạn không có điều kiện mua sách.

Nếu có thể, xin hãy mua sách để ủng hộ nhà xuất bản.

Giới thiệu

Ngôi Nhà Mơ Ước xinh xắn và đầy yêu vô ngần, nhưng họ phải chuyển đến một nơi khác thôi, vì giờ Anne đã là mẹ của một bầy trẻ. Rộng lớn hơn không có nghĩa là thiếu đi phần ấm cúng, và Bên Ánh Lửa, đúng như tên gọi, bao giờ cũng có lò sưởi rực rỡ, chõ che trước mọi bão tố, mùi đồ ăn ngon lành và giường cho những sinh linh bé bỏng một rãi ròi.

Nơi đây sẽ chứng kiến bầy trẻ lớn lên, cùng bao cuộc phiêu lưu dưới thung lũng ngoài cửa vịnh khiến ta không khỏi nhớ tới Anne bé nhỏ dưới Chái Nhà Xanh thuở nào. Và đằng sau chúng: một người mẹ duyên dáng thấu hiểu luôn dang rộng vòng tay đón lũ con trở về.

Nhận định

“Dành cho tất cả những ai muốn được trải nghiệm cảm giác vui vẻ, hài hước trong khi đọc; và đặc biệt dành cho tất cả những ai từng yêu thích Anne tóc đỏ dưới Chái Nhà Xanh.”

- Resident Scholar

** Anne dưới mái nhà bên ánh lửa là cuốn thứ 6 trong series truyện Anne tóc đỏ gồm 8 tập.*



Mục lục

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[Chương 17](#)

[Chương 18](#)

[Chương 19](#)

[Chương 20](#)

[Chương 21](#)

[Chương 22](#)

[Chương 23](#)

[Chương 24](#)

[Chương 25](#)

[Chương 26](#)

[Chương 27](#)

[Chương 28](#)

[Chương 29](#)

[Chương 30](#)

[Chương 31](#)

[Chương 32](#)

[Chương 33](#)

[Chương 34](#)

[Chương 35](#)

[Chương 36](#)

[Chương 37](#)

[Chương 39](#)

[Chương 38](#)

[Chương 40](#)

[Chương 41](#)

Chương 1

“Đêm nay trăng sáng quá!” Anne Blythe thềm nhủ khi bước trên lối đi trong vườn đến cửa nhà Diana Wright, những cánh hoa anh đào bé xiu bay bay trong bầu không khí mẩn mẫn, gió nhẹ lay.

Cô dừng chân một lát để nhìn quanh những ngọn đồi và cánh rừng thuở xưa cô đã từng yêu mến và nay vẫn còn mến yêu. Avomea thân thương ơi! Glen St. Mary với cô giờ đây là nhà và đã là nhà bao năm rồi, nhưng Avomea có gì đó mà Glen St. Mary không bao giờ có được.

Cô bắt gặp bóng hình của chính mình khắp mọi ngả... những cánh đồng cô từng rong chơi đang đón chào cô... những vọng âm còn mãi từ quãng đời êm đềm ngày trước ở khắp xung quanh... nhìn đâu cô cũng thấy một kỷ niệm đáng yêu nào đấy.

Đây đó những khu vườn cô từng lai vãng đang nở rộ muôn đóa hồng ngày trước. Bao giờ Anne cũng thích về lại Avomea quê nhà, ngay cả khi, như lúc này đây, lý do cô về thăm thật buồn. Cô cùng Gilbert về dự đám tang cha anh rồi Anne ở lại cả tuần lễ. Bà Marilla và bà Lynde không đành để cô đi quá sớm.

Căn phòng dưới chái ngày xưa vẫn luôn được giữ cho cô, và đêm Anne về cô thấy bà Lynde đã để sẵn một bó lớn hoa xuân thân thuộc... Anne vui mặt vào đó, dường như nó lưu giữ bao hương hoa thơm ngát của những năm tháng không thể quên. Anne - ngày - xưa đang chờ cô ở đấy.

Những niềm vui ngày cũ thân thương, tha thiết xao động trong lòng. Căn phòng gác mái dang tay ôm lấy cô... bao bọc cô... che chở cô. Cô triu mến nhìn chiếc giường thân yêu có tấm trải hình lá táo bà Lynde đan, rồi những chiếc gối sạch tinh đĩnh ren móc chìm của bà Lynde... mấy tấm thảm bên của bà Marilla dưới sàn... chiếc gương đã soi bóng khuôn mặt đứa bé mồ côi, vàng trán trẻ thơ còn như tờ giấy trắng, cô bé đã khóc đến ngủ thiếp đi ở đó đêm đầu tiên rất lâu về trước.

Anne quên mình đã là người mẹ ngập tràn hạnh phúc của năm đứa trẻ... quên rằng mình lại bắt đầu cùng Susan Baker đan những đôi giày bé xiu kỳ lạ dưới mái nhà Bên ánh Lửa. Một lần nữa, cô lại được là Anne tóc đỏ dưới Chái Nhà Xanh.

Bà Lynde mang mấy tấm khăn tắm sạch bước vào thì bắt gặp cô còn đang mơ màng trước gương.

“Thấy cháu về ta vui quá, Anne à. Cháu đi cũng chín năm rồi mà dường như Marilla

với ta vẫn không làm sao thôi nhớ cháu. Cũng không đơn độc quá vì giờ thằng Davy lấy vợ rồi... còn vợ nó Mille thì đúng là dễ thương... ôi chao mấy cái bánh nướng ấy!... mặc dù nó như con sóc chuột tò mò chuyện gì cũng muốn biết. Nhưng ta vẫn luôn nói rằng chẳng có ai như cháu cả.”

“A, nhưng tấm gương này thì không đánh lừa được đâu, bác Lynde ạ. Nó nói thẳng với cháu, ‘Chị không còn trẻ trung như ngày nào nữa đâu’”, Anne giàu tưởng tượng nói.

“Cháu còn giữ được nước da đẹp lắm mà,” bà Lynde an ủi. “Tất nhiên cháu có bao giờ hồng hào lắm đâu mà còn với mắt.”

“Dù sao thì cháu vẫn chưa thấy tí cảm nọng nào,” Anne nói vui. “Căn phòng cũ vẫn còn nhớ ra cháu đấy, bác Lynde ạ. Cháu mừng lắm... nếu có khi nào về mà thấy nó quên cháu rồi thì cháu sẽ đau lòng lắm. Và thật tuyệt khi lại được ngắm trăng lên trên rừng Ma ám.”

“Trông cứ như một mẩu vàng khổng lồ rực rỡ trên bầu trời ấy nhỉ?” bà Lynde nói, cảm thấy mình đang bay bổng viển vông nhưng thơ mộng và mừng là bà Marilla không có ở đây mà nghe thấy.

“Nhìn mấy đợt linh sam nhọn hoắt nổi bật trên nền trời xem... rồi đám bạch dương trong lòng chảo vẫn với tay lên vòm trời bạc. Giờ chúng đã thành cây cao lớn... ngày cháu đến đây chúng hãy còn bé tí... làm cháu thấy mình hơi già thật rồi.”

“Cây cối cũng như trẻ con vậy mà,” bà Lynde nói.

“Ta vừa xoay lưng thì chúng đã lớn mới sợ chứ. Nhìn Fred Wright đấy... mới mười ba mà đã gần bằng bố rồi. Bữa tối có bánh nướng nhân thịt gà nóng, nhưng ta còn làm thêm ít bánh quy chanh cho cháu nữa đấy. Cháu không phải sợ ngủ trên giường đó đâu. Hôm nay ta đã lo phơi phóng mấy tấm ga... Marilla không biết ta làm rồi nên đem ra phơi lần nữa... rồi Mille không biết bọn ta đã làm rồi nên lại đem phơi thêm lần thứ ba. Ta hy vọng mai Mary Maria Blythe sẽ bước chân ra khỏi nhà... bà ta lúc nào mà chẳng thích có đám tang.”

“Cô Mary Maria... Gilbert cứ gọi cô ấy vậy đấy dù cô ấy chỉ là em họ của bố anh ấy thôi... lúc nào cũng gọi cháu là ‘Annie,’” Anne rùng mình. “Lần đầu gặp cháu khi cháu mới cười cô ấy nói, ‘Thật lạ là Gilbert lại đi chọn cháu. Nó thừa sức có biết bao cô xinh đẹp mà.’ Có lẽ vì vậy mà cháu chưa bao giờ thích cô ấy... mà cháu biết Gilbert cũng không, dù anh ấy hết lòng với dòng họ quá nên chẳng chịu thừa nhận đâu.”

“Gilbert ở lại có lâu không?”

“Không ạ. Tối mai anh ấy phải về. Anh ấy bỏ lại một bệnh nhân đang trong tình trạng rất nguy kịch.”

“Ồ, thôi được ta nghĩ giờ ở Avomea chẳng còn mấy điều giữ chân cậu ấy, mẹ cậu ấy cũng đã ra đi hồi năm ngoái rồi. Từ khi bà ấy mất ông cụ Blythe không còn ngăn đầu lên nữa... hẳn là chẳng còn gì làm mục đích sống. Gia đình Blythe bao giờ cũng thế... bao giờ cũng quá nặng tình với những thứ trên đời này. Nghĩ mà buồn vì ở Avomea họ không còn ai nữa rồi. Họ là một gia đình lâu đời từ tể. Nhưng nghĩ lại thì... nhà Sloan cũng còn mấy ai đâu. Người nhà Sloan thì cứ là Sloan, Anne ạ, và mãi mãi vẫn sẽ như vậy vĩnh viễn, amen.”

“Nhà Sloan còn ai cũng mặc, cháu định ăn tối xong sẽ đi dạo khắp vườn cây ăn quả cũ dưới trăng. Cháu nghĩ cuối cùng rồi cháu cũng phải đi ngủ thôi... dù cháu vẫn luôn thấy đêm trăng mà ngủ thì thật uổng phí... nhưng cháu định dậy sớm để ngắm ánh ban mai đầu tiên lan dần trên khắp rừng Ma ám. Bầu trời sẽ ngả sang màu san hô còn lũ chim cổ đỏ sẽ vênh vang đây đó... biết đâu một chú chim sẽ xam bé bóng sẽ đậu trên bậu cửa sổ... lại còn hoa păng xê tím và vàng óng để ngắm nữa...”

“Nhưng bọn thỏ đã xơi hết luống hoa loa kèn tháng Sáu rồi,” bà Lynde buồn bã nói, lạch bạch đi xuống nhà dưới, thậm cảm thấy nhẹ nhõm vì không phải trăng với sao gì nữa.

Anne lúc nào cũng hơi kỳ quặc như thế. Mà dường như giờ đây có mong cô từ bỏ cái cung cách ấy đi cũng vô ích.

Diana bước xuống lối đi để đón Anne. Ngay cả dưới ánh trăng cũng thấy tóc cô hầy còn đen, hai má vẫn hồng hào và đôi mắt sáng. Có điều ánh trăng không giấu được chuyện cô đã có phần đầy đà hơn ngày trước... nhưng Diana thì có bao giờ “đa bọc xương” như dân Avomea vẫn gọi đâu.

“Đừng lo bạn ơi... tớ không ở lại lâu đâu...”

“Làm như tớ lo gì chuyện ấy vậy,” Diana trách móc.

“Cậu biết thừa tớ thích dành buổi chiều bên cậu hơn là đến cái buổi tiệc chiều đãi ấy. Tớ cảm giác như vẫn chưa gặp gỡ cậu được bao nhiêu thì ngày kia cậu đã phải về rồi.”

“Nhưng em của Fred, cậu hiểu mà... bọn tớ phải đi.”

“Tất nhiên rồi. Mà tớ chỉ chạy lên đây một lát thôi. Tớ đi lối cũ, Diana ạ... ngang suối Bong Bóng Nữ Thần Rừng... qua rừng Ma ám... qua khu vườn bóng mát ngày xưa nhà cậu... rồi đi ven hồ Liễu Rủ. Tớ còn dừng lại ngắm mấy cây dương liễu soi bóng hồ như bọn mình vẫn làm ấy. Chúng cũng đã lớn mất rồi.”

“Mọi thứ đều thế cả,” Diana nói mà thờ dài “Khi tớ nhìn nhóc con Fred! Bọn mình ai cũng đổi khác quá chừng... trừ cậu. Cậu chẳng khác gì cả, Anne ạ. Làm sao mà cậu giữ được dáng mảnh mai vậy? Nhìn tớ này!”

“Tất nhiên là có hơi ra dáng làm mẹ,” Anne cười.

“Nhưng đến giờ thì cậu vẫn thoát được cảnh phát phì tuổi trung niên, Diana à. Còn chuyện tớ không khác đi gì cả... à, bà H. B. Dounell cũng đồng tình với cậu đấy. Ở lễ tang bà ấy nói là trông tớ không già đi một ngày nào cả. Bà Harmon Andrews thì không. Bà ấy nói, ‘Trời ơi, Anne, cháu già yếu quá!’ Mất nhìn mỗi người mỗi khác mà... hay là lương tâm mỗi người mỗi khác. Chỉ khi nào xem ảnh trong tạp chí tớ mới cảm thấy mình có già một chút. Tớ đã bắt đầu thấy mấy nhân vật nam nữ trong đó sao mà trẻ trung quá. Nhưng chẳng sao, Diana à... ngày mai bọn mình sẽ lại là thiếu nữ thôi. Tớ đến để nói với cậu chuyện ấy đây. Bọn mình sẽ nghỉ cả chiều đến tối rồi đi thăm lại hết những nơi ngày xưa vẫn thường lui tới... không sót một chỗ nào. Mình sẽ dạo chơi trên các cánh đồng mùa xuân và mấy cụm rừng già nua đầy dương xỉ ấy. Bọn mình sẽ được thấy tất cả những gì thân thuộc xưa kia từng yêu quý và những ngọn đồi nơi bọn mình tìm lại được tuổi thanh xuân. Cậu biết không, dường như không có gì là không thể vào mùa xuân. Bọn mình sẽ không còn cảm thấy trách nhiệm của những bà mẹ mà lại được lông bông, như trong thâm tâm bà Lynde vẫn nghĩ về tớ. Thật ra lúc nào cũng đứng mực thì chẳng vui gì cả, Diana ạ.”

“Chao ôi, nghe sao giống cậu quá! Tớ cũng thích vậy lắm. Nhưng mà...”

“Không nhưng nhị gì cả. Tớ biết cậu đang nghĩ, ‘Ai sẽ lo bữa tối cho mấy ông?’”

“Không hẳn vậy đâu. Anne Cordella cũng lo được bữa ăn từ tế cho cánh đàn ông như tớ vậy, mà con bé mới chưa đầy mười một tuổi đâu,” Diana tự hào nói. “Nhưng cũng sắp tròn mười một rồi. Tớ định đến chỗ Hội Phụ nữ Thiện nguyện. Mà thôi tớ không đi đâu. Tớ sẽ đi với cậu. Sẽ giống như một giấc mơ thành sự thật ấy. Cậu biết không Anne, biết bao chiều tớ ngồi xuống vờ như ta lại là mấy cô bé con. Tớ sẽ mang theo bữa tối cho cả hai...”

“Rồi ta sẽ ăn sau vườn nhà Hester Gray... Tớ chắc vườn của Hester Gray vẫn còn đấy?”

“Có lẽ vậy” Diana nói đầy hồ nghi. “Từ ngày lấy chồng tớ chưa đến đây. Anne Cordella ưa thám hiểm lắm... nhưng tớ luôn dặn con bé là không được đi đâu xa nhà. Nó thích thơ thần quanh mấy cánh rừng... có hôm tớ mắng nó vì ngồi trò chuyện một mình trong vườn thì nó bảo nó đâu có nói một mình... nó đang trò chuyện với hồn hoa. Cậu biết bộ đồ trà đồ chơi có mấy nụ hồng bé xíu cậu gửi hôm sinh nhật thứ chín của nó không. Không sứt mẻ tí nào... con bé cẩn thận thế đấy. Nó chỉ dùng mỗi khi Bộ Ba Xanh Lá đến uống trà với nó thôi. Tớ không làm sao khiến con bé nói ra Bộ Ba Xanh Lá là cái giống gì được. Anne này, về một số mặt thì tớ dám nói con bé giống cậu nhiều hơn là giống tớ đấy.”

“Có lẽ một cái tên mang nhiều điều hơn Shakespeare cho phép. Đừng bức Anne Cordella vì những mơ mộng của nó, Diana ạ. Tớ vẫn luôn thấy tiếc cho những đứa trẻ không được sống đôi ba năm trời xứ thần tiên.”

“Giờ Olivia Sloan đã là cô giáo trong vùng mình rồi,” Diana nói đầy nghi hoặc.

“Cậu ta là cử nhân đại học, cậu biết đấy, nhưng chỉ dạy một năm thôi để được gần mẹ. Cậu ta thì lại nói cần phải bắt trẻ con nhìn thẳng vào thực tại.”

“Tớ sống để nghe cậu thân thiết với hội nhà Sloan sao, Diana Wright?”

“Không... không... không có đâu! Tớ chẳng thích cậu ta tí nào... Cậu ta có đôi mắt xanh tròn xoe chăm chấp như cả họ nhà ấy. Tớ cũng không phiền gì mấy trò mơ mộng của Anne Cordella đâu. Dễ thương mà... như những mơ mộng của cậu một thời vậy. Tớ nghĩ theo năm tháng rồi con bé cũng sẽ nhìn thấy ‘thực tại’ thôi.”

“Thôi, dứt khoát thế nhé. Khoảng hai giờ xuống Chái Nhà Xanh rồi bọn mình sẽ cùng uống rượu lý chua của bác Marilla... thỉnh thoảng bác ấy vẫn pha rượu mặc kệ ông mục sư và bà Lynde... chỉ để làm chúng ta cảm thấy mình đúng là quý sư.”

“Cậu còn nhớ hôm cậu làm tớ say vì rượu ấy không?”

Diana cười khúc khích, cô không phản đối hai chữ “quý sư” nếu Anne dùng từ ấy chứ không phải ai đó khác. Ai cũng biết thật bụng Anne không muốn nói như vậy. Chỉ là kiểu của cô nó thế.

“Ngày mai bọn mình sẽ có một ngày cậu - còn - nhớ - không ra trò đấy, Diana. Tớ không giữ chân cậu nữa đâu... Fred đánh xe tới rồi kia. Váy cậu xinh quá.”

“Fred buộc tớ phải sắm một váy mới để dự đám cưới đấy. Tớ thấy chắc không lo nổi vì bọn tớ mới xây cái nhà kho, nhưng anh ấy nói sẽ không để vợ của anh ấy trông như

người đã được mới mà lại không thể tham dự trong khi ai nấy đều diện ngất trời. Thật đúng là đồ đàn ông.”

“Ồ, cậu nói cứ như bà Elliott ở Glen ấy,” Anne nói nghiêm nghị. “Cậu cần phải coi chừng khuynh hướng ấy. Cậu có muốn sống trong một thế giới không có đàn ông không?”

“Vậy thì khủng khiếp lắm,” Diana thừa nhận. “Rồi rồi, Fred, em đến ngay đây.Ồ, tốt rồi! Vậy mai gặp nhé, Anne.”

Trên đường về Anne dừng lại bên suối Bong Bóng Nữ Thần Rừng. Cô yêu con suối thân quen đó biết chừng nào. Bao nhiêu tiếng cười ngân vang thời thơ ấu của cô nó từng bắt được, lưu giữ lại rồi giờ đây dường như buông ra cho tai cô lắng nghe. Những ước mơ của cô ngày xưa... cô còn thấy chúng in bóng trong dòng Bong Bóng Nữ Thần Rừng trong vắt... những thề nguyện ngày cũ... những thù thi thủa trước... con suối giữ lại tất cả rồi rì rầm kể... nhưng không có ai để nghe ngoài đám vân sam già nua từng trải trong rừng Ma ám bao lâu rồi vẫn lắng tai nghe.

Chương 2

“Một ngày đáng yêu làm sao... dành riêng cho bọn mình” Diana nói. “Dù vậy nhưng tờ e là hôm nay trời quá nóng ẩm đến mức lũ chó cũng phải tru lên... mai sẽ có mưa đấy.”

“Đừng lo. Hôm nay bọn mình sẽ uống lấy vẻ đẹp của nó, dù ngày mai nắng không còn nữa. Hôm nay mình sẽ vui vầy tình bạn với nhau cho dù mai phải chia xa. Nhìn dãy đồi dài màu xanh rêu kia xem... nhìn những thung lũng sương lam kia xem. Chúng là của chúng mình, Diana ạ. Tớ chẳng cần biết ngọn đồi tí tắp kia có ghi tên Abner Sloan trên ấy không... hôm nay nó là của chúng mình. Có gió Tây đang thổi... bao giờ có gió Tây thổi tớ cũng cảm thấy muốn phiêu lưu... rồi bọn mình sẽ có một buổi nhàn du tuyệt hảo.”

Quả vậy. Mọi chốn thân yêu ngày xưa đều được viếng thăm: đường Tình Nhân, rừng Ma ám, Vùng Đất Hoang Lười Nhác, thung lũng Tím, lối Bạch Dương, hồ Pha Lê.

Một số thứ đã đổi khác. Vòng cây bạch dương bé xíu ở Vùng Đất Hoang Lười Nhác thuở nào họ từng dựng một nhà chơi đã thành cây cao lớn, lối Bạch Dương, đã lâu không dấu chân người, bên thành thảm dương xỉ điều hòa; hồ Pha Lê biến dấu mắt tắm, chỉ để lại một vùng lòng chảo rêu phong ẩm ướt. Nhưng thung lũng Tím thì tím biếc sắc hoa viola còn cây táo non Gilbert có lần tìm thấy tận sau vùng rừng rậm đã là cây cao lớn điểm những nụ hoa ti ti có một chấm đỏ tươi.

Họ để đầu trần mà đi. Tóc Anne vẫn óng ánh như gỗ gụ sáng bóng trong nắng còn tóc Diana vẫn đen óng ả. Họ cứ liếc nhìn nhau vui tươi và cảm thông, nồng ấm và thân tình.

Khi thì họ lặng lẽ bước... Anne vẫn nói hai người đồng cảm như cô với Diana luôn cảm nhận được ý nghĩ của nhau. Lúc lại điểm vào cuộc trò chuyện những cụm từ cậu - còn - nhớ. “Cậu còn nhớ hôm cậu rơi xuống chuồng vịt nhà Cobb ở đường Tory không?”... “Cậu còn nhớ lúc bọn mình nhảy xô ra hù dì Josephine không?”... “Cậu còn nhớ Cậu lạc bộ Kể chuyện của bọn mình không?”... “Cậu còn nhớ bà Morgan đến chơi khi cậu bôi đồ đầy mũi không?”... “Cậu còn nhớ bọn mình dùng nến ra hiệu cho nhau từ cửa sổ không?”... “Cậu còn nhớ bọn mình vui biết chừng nào ở cưới cô Lavender và mấy cái nơ màu xanh của Charlotta không?”... “Cậu còn nhớ Hội Cải tạo không?” Họ dường như còn nghe được những chuỗi cười của mình ngày xưa vang vọng về suốt bao năm.

Dường như Hội Cải tạo Làng Avomea đã không còn hoạt động nữa. Không lâu sau

đám cưới của Anne thì nó lại tàn dần.

“Họ không duy trì được nó, Anne ạ. Thanh niên ở Avomea bây giờ không như thời mình.”

“Đừng nói như thể ‘thời mình’ đã qua rồi, Diana. Bọn mình chỉ mới mười lăm và là bạn tâm giao. Không khí không chỉ đầy ánh sáng... nó chính là ánh sáng. Tớ chắc mình vừa mọc cánh rồi.”

“Tớ cũng cảm thấy vậy đấy,” Diana nói, quên là ban sáng cô vừa cân được bảy chục ký. “Tớ thường cảm thấy thích được biến thành chim trong chốc lát. Được bay chắc là tuyệt vời lắm.”

Cái đẹp ở khắp xung quanh họ. Những sắc độ ẩn kín le lói trong vương quốc âm u của rừng rậm rờ ràng trong những lối nhỏ gọi mời. Nắng xuân lọc qua những vòm lá xanh non. Tiếng chim hót liu lo vui tươi khắp nơi nơi. Có những vùng lòng chảo nhỏ khiến ta cảm thấy như mình đang tắm trong một hồ vàng sóng sánh. Đến đâu cũng thoang thoang hương xuân tươi mới phả vào mặt... dương xỉ thơm nhựa thơm linh sam... mùi trong lành của những cánh đồng mới cây xới. Một lối mòn nhỏ thả rèm hoa anh đào một đồng cỏ thân quen đầy những thân vân sam còn non nhỏ xíu trông như những chú bé tí hon ngồi xôm giữa cỏ... những con suối vẫn chưa “rộng quá không nhảy qua được”... hoa mào hôi dưới gốc cây linh sam... từng thảm dương xỉ non lá cong cong... cây bạch dương bị kẻ phá hoại nào đó tước mất lớp vỏ da trắng ở nhiều chỗ, để lộ những sắc màu của vỏ cây bên dưới. Anne nhìn nó lâu đến mức Diana lấy làm lạ. Cô không thấy cái Anne thấy... những sắc độ đi từ trắng kem nguyên chất nhất, đến những sắc thái vàng óng tuyệt mỹ, đậm dần cho đến khi lớp trong cùng khoe màu nâu thẫm nhất như thể để nói rằng mọi cây bạch dương, nhìn bên ngoài thì trông rất ư trinh nguyên lạnh lùng, vẫn có những cảm xúc nồng ấm.

“Trong lòng chúng là ngọn lửa ban sơ của lòng đất,” Anne thì thầm.

Rồi cuối cùng, khi đã băng qua một thung lũng hẹp đầy nấm dù, họ tìm ra vườn nhà Hester Gray. Không đổi thay là mấy. Khu vườn vẫn thật ngọt ngào những loài hoa thân thương. Vẫn còn nhiều hoa loa kèn tháng Sáu, đó là cái tên Diana gọi hoa thủy tiên. Hàng anh đào đã già hơn trước nhưng trở hoa thành một vật trắng như tuyết. Ta vẫn tìm được lối đi hoa hồng chính giữa, và cái rãnh ngày xưa giờ trắng xóa hoa dâu tây, tím biếc màu viola, xanh thẫm sắc dương xỉ non. Họ ăn bữa tối đã ngoại ở một góc vườn ngồi trên mấy phiến đá ngày xưa phủ đầy rêu, sau lưng là một cây tử đinh hương tung cờ tím lên mặt trời đang lặn. Cả hai đều đói và cả hai đều biết thường thức tài nấu nướng khéo léo của chính mình.

“Ồ ngoài trời cái gì cũng ngon lành quá!” Diana thở dài khoan khoái. “Ồ bánh sô cô la của cậu ấy, Anne... chà, tớ không biết diễn tả ra làm sao, nhưng tớ phải xin công thức thôi. Fred sẽ tán phục cho xem. Anh ấy thì ăn gì cũng được mà vẫn cứ gầy. Tớ vẫn nói sẽ không ăn thêm miếng bánh nào nữa... vì mỗi năm mỗi béo lên đây. Tớ rất sợ thành như bà dì Sarah... bà béo đến độ ngồi xuống rồi thì bao giờ cũng phải có người kéo lên. Nhưng khi tớ thấy ổ bánh như thế... và đêm qua tại tiệc chiêu đãi... chà, tớ mà không ăn thì mọi người sẽ phật lòng.”

“Cậu có được vui không?”

“Ồ, có chứ, ở một mặt nào đó. Nhưng tớ rơi vào tay chị họ Henrietta của Fred... chị ta sướng rơn được kể nào là mấy cuộc phẫu thuật, nào là cảm giác ly kỳ khi được phẫu thuật, rồi nào là nếu chị ta không cho mổ thì ruột thừa sẽ sớm toét ra thôi. ‘Chị phải khâu mười lăm mũi. Ô, Diana, chị chịu đựng đau đớn khủng khiếp’ Tớ càng không thích thì chị ta càng thích thú. Nếu đã phải chịu đựng đau đớn thật thì sao giờ chị ta không được nhắc lại cho sướng chứ? Jim thì nhộn lắm... tớ không biết Mary Alice có hoàn toàn thích chuyện đó không... thôi được, chỉ một miếng nhỏ xíu xíu thôi đấy tớ nghĩ chắc là đã trót thì phải trét... chỉ một lát bánh thôi thì cũng chẳng sao... Cậu ấy có nói chuyện này... là ngay đêm trước đám cưới cậu ấy đã sợ đến độ đã định đón tàu cao chạy xa bay. Cậu ấy nói nếu thật lòng thì chủ rể nào cũng cảm thấy vậy. Cậu có nghĩ Gilbert và Fred cảm thấy thế không, Anne?”

“Tớ tin chắc là họ không thấy vậy đâu.”

“Khi tớ hỏi thì Fred cũng nói vậy đấy. Anh ấy nói anh ấy chỉ sợ mỗi một điều là tớ sẽ dúi ý vào phết chót như Rose Spencer. Nhưng ta chẳng bao giờ biết đàn ông thật lòng nghĩ gì đâu. Thôi, giờ mà bận tâm chuyện đó cũng chẳng ích gì. Chiều nay bọn mình có một khoảng thời gian thú vị quá đi mất! Bọn mình cứ như vừa sống lại biết bao niềm vui cũ. Tớ ước gì mai cậu không phải đi, Anne ơi.”

“Hè này cậu không thu xếp được lúc nào xuống Bên ánh Lửa chơi được sao, Diana? Trước khi... à thì, trước khi tớ không đón khách được một thời gian.”

“Tớ thích chứ. Nhưng mùa hè thì dường như không thể nào dứt ra khỏi nhà được. Lúc nào cũng có biết bao chuyện phải làm.”

“Cuối cùng thì Rebecca Dew cũng sắp đến rồi đấy, tớ mừng lắm... nhưng tớ sợ bà cô Mary Maria cũng đến nữa. Bà ấy có bóng gió như thế với Gilbert. Anh ấy cũng không muốn đón tiếp bà ấy gì hơn tớ... nhưng bà ấy là ‘ruột thịt’ nên anh ấy bao giờ cũng phải mở cửa cho bà ấy.”

“Có lẽ mùa đông tớ sẽ xuống. Tớ rất muốn được thấy lại Bên ánh Lửa. Cậu có ngôi nhà đáng yêu quá, Anne... một gia đình đáng yêu nữa.”

“Bên ánh Lửa quả là rất tuyệt... và giờ tớ yêu nó thật rồi. Tớ đã từng nghĩ sẽ không bao giờ yêu được nó. Ngày bọn tớ mới đến tớ ghét nó lắm... ghét vì chờ những cái hay của nó. Chúng xúc phạm đến Ngôi Nhà Mơ Ước thân yêu của tớ. Tớ còn nhớ khi bọn tớ ra đi tớ đã nói thật thâm thương với Gilbert, ‘Ồ đây mình đã rất hạnh phúc. Mình sẽ không bao giờ được hạnh phúc ở đâu nữa cả.’ Tớ mặc sức nhớ nhà một thời gian.”

“Thế rồi... tớ thấy những cái rẽ con triu mền dành cho Bên ánh Lửa chớm nhú. Tớ cưỡng lại quả là tớ đã làm thế... nhưng rồi cuối cùng tớ phải chịu thua và thú nhận là tớ yêu nó mất rồi. Rồi từ đó mỗi năm tớ lại càng yêu nó hơn. Nó không phải ngôi nhà lâu đời quá, nhà lâu đời quá thì buồn lắm. Nó cũng không mới quá... nhà mới quá thì còn non trẻ. Nó chỉ chín chắn.”

“Tớ thích từng căn phòng ở đó. Mỗi phòng đều có một khiếm khuyết cũng như một ưu điểm nào đó... một nét gì đó làm nó khác biệt hẳn với với phòng khác... cho nó một tính cách. Tớ yêu hết những thân cây hùng vĩ trên bãi cỏ ấy. Tớ không biết ai đã trồng nhưng mỗi khi lên lầu tớ đều dừng ở đầu cầu thang... cậu biết ô cửa sổ là lạ trên đầu cầu thang có bậc cửa sâu và rộng ấy rồi đấy... rồi ngồi đó nhìn ra một lát mà nói, ‘Cầu Chúa ban phúc cho người đã trồng mấy cây ấy dù anh ta có đang ở đâu.’ Bọn tớ có nhiều cây quanh nhà lắm nhưng không đời nào bỏ đi một cây nào đâu.”

“VẬY thì cũng giống Fred. Anh ấy tôn thờ cây dương liễu to ở phía Nam nhà. Nó làm hỏng mất tầm nhìn từ cửa sổ phòng khách, bao nhiêu lần tớ đã than phiền với anh ấy thế nhưng anh ấy chỉ nói, ‘Em sẽ đón một thứ đẹp đẽ như vậy chỉ vì nó chắn mất tầm nhìn sao?’ Thế là cây liễu còn đó mà nó đáng yêu thật. Vì vậy mà bọn tớ gọi nhà mình là Trang Trại Dương Liễu Đơn Côi. Tớ thích cái tên Bên ánh Lửa. Tên ấy đẹp đẽ và thân thương quá.”

“Gilbert cũng nói vậy. Bọn tớ mất một thời gian mới quyết định được cái tên. Bọn tớ thử vài tên nhưng có vẻ như đều không phải. Nhưng khi nghĩ ra Bên ánh Lửa thì bọn tớ biết ngay đúng là nó rồi. Tớ mừng vì có một ngôi nhà lớn xinh đẹp nhiều phòng... chúng tớ cần một ngôi nhà như vậy cho gia đình của mình. Bọn trẻ cũng thích, dù phòng rất nhỏ.”

“Bọn nhóc đáng yêu quá.” Diana bên lên cắt cho mình một “lát” bánh sô cô la nữa. “Tớ nghĩ con mình cũng khá xinh... nhưng mấy đứa nhà cậu thật sự có cái gì đó... còn cặp song sinh của cậu nữa chứ. Chuyện đó thì tớ thật tình ganh tị với cậu đấy. Tớ vẫn luôn muốn có con sinh đôi mà.”

“Ồ tớ không thoát được mấy cặp song sinh... đó là định mệnh của tớ. Nhưng tớ khá thất vọng vì con tớ trông không giống nhau... chẳng giống nhau tí nào. Mặc dù Nan rất xinh, tóc và mắt nâu, nước da lại đẹp. Di là cục cưng của bố, vì con bé có mắt màu xanh lá và tóc đỏ... tóc đỏ có cái xoáy Shirley là báu vật của Susan... Sau khi sinh tớ bị ốm một thời gian dài nên bà ấy chăm sóc thằng bé cho đến khi tớ thật bụng tin rằng bà ấy nghĩ thằng bé là con mình. Bà gọi thằng bé là ‘cậu bé da nâu’ của bà và làm hư nó thật đáng xấu hổ.”

“Cu cậu còn bé đến mức cậu còn được lên vào xem nó có đá hất chân mền đi không rồi đắp lại,” Diana nói ganh tị. “Cậu biết không, Jack mới lên chín mà giờ đã không muốn tớ làm vậy. Nó nói nó lớn quá rồi. Mà tớ thì thích làm thế quá! Ôi, tớ ước gì trẻ con không lớn nhanh quá như thế.”

“Con tớ thì vẫn chưa đưa nào đến giai đoạn ấy... dù tớ để ý thấy là từ khi đi học Jem không còn muốn nắm tay tớ đi qua làng nữa,” Anne thờ dãi nói. Nhưng nó với Walter và Shirley đều muốn tớ dèm chân cho. Nhiều lúc Walter xem chuyện đó như một nghi thức vậy.”

“Cậu cũng chưa phải lo nghĩ chúng sẽ trở thành người như thế nào. Này, Jack mê lớn lên thành quân nhân lắm... quân nhân cơ đấy! Đúng là viên vòng!”

“Tớ sẽ không lo chuyện đó đâu. Khi có một ý thích khác xâm chiếm thì nó sẽ quên cả thôi. Chiến tranh đã là quá khứ rồi. Jem tưởng tượng mình sẽ là thủy thủ... như thuyền trưởng Jim... còn Walter thì là thi sĩ. Thằng bé không giống mấy đứa khác. Nhưng đứa nào cũng yêu cây cối và đứa nào cũng thích chơi trốn Vùng Lồng Chảo - một thung lũng nhỏ ngay dưới Bên ánh Lửa có những lối đi thần tiên và một con suối. Một chỗ rất bình thường... với người khác thì chỉ là Vùng Lồng Chảo nhưng với chúng là xứ thần tiên. Đứa nào cũng có lối làm cả... nhưng không phải là bọn nhóc hư lắm... và may là bao giờ cũng có đủ tình thương để chia đều cho tất cả. Ôi, tớ mừng khi nghĩ rằng giờ này đêm mai tớ đã về lại Bên ánh Lửa, kể chuyện cho bọn nhỏ trước lúc ngủ và thưởng cho mấy cây huyền sâm và dương xỉ của Susan vài lời ca tụng. Susan ‘mất tay’ trồng dương xỉ lắm đấy. Chẳng ai trồng được như bà ấy. Tớ khen dương xỉ của bà ấy thật lòng thì được, nhưng còn mấy cây huyền sâm, Diana! Tớ thấy chúng trông chẳng giống hoa gì cả. Nhưng tớ chưa từng nói vậy để Susan phải tự ái. Không hiểu sao bao giờ tớ cũng có cách lảng tránh nói ra sự thật. Cẩn tắc vô áy náy”.

“Susan đúng là đáng yêu... tớ chẳng hình dung nổi mình sẽ ra sao nếu không có bà ấy. Vậy mà tớ nhớ có lần đã gọi bà là ‘người ngoài’. Phải, nghĩ đến về nhà thì thích thật đấy nhưng tớ cũng buồn khi rời xa Chái Nhà Xanh. Ở đây tuyệt vời quá có bác Maria... và cậu. Tình bạn của bọn mình luôn là điều đẹp đẽ vô cùng, Diana ạ.”

“Phải... và bọn mình vẫn luôn... tớ muốn nói là... tớ không bao giờ diễn đạt được những thứ như cậu, Anne... nhưng bọn mình vẫn giữ lời hẹn thề long trọng ngày xưa mà, đúng không?”

“Luôn luôn... và sẽ mãi là như vậy.”

Bàn tay Anne lảng lạng để vào bàn tay Diana. Họ ngồi một lúc lâu im lặng êm đềm đến không cần nói thành lời. Bóng chiều dài, tĩnh mịch đổ trên cỏ hoa rồi những vạt cỏ xanh xa hơn. Mặt trời lặn... những sắc xám hồng trên bầu trời thắm lại rồi mờ đi sau những thân cây trâm ngâm... hoàng hôn mùa xuân đã chiếm lấy khu vườn Hester Gray mà giờ đây không còn ai dạo bước. Bầy chim cổ đỏ rắc những tiếng hót véo von vào không khí buổi chiều. Một vì sao rực rỡ hiện lên trên những ngọn anh đào trắng xóa.

“Ngôi sao đầu tiên xuất hiện bao giờ cũng là phép lạ” Anne mơ màng nói.

“Tớ ngồi đây mãi cũng được,” Diana nói. “Tớ ghét cái ý nghĩ là mình sắp phải chia tay nó.”

“Tớ cũng thế... nhưng suy cho cùng bọn mình chỉ vờ như đang tuổi mười lăm thôi. Bọn mình phải nhớ đến những lo toan cho gia đình. Bụi tử đỉnh hương đằng kia thơm quá! Diana này, có bao giờ cậu chột nghĩ mùi hương của hoa tử đỉnh hương có gì đó không hẳn... trinh bạch không? Gilbert cười nhạo cái ý nghĩ ấy... anh ấy thích chúng lắm... nhưng bao giờ tớ cũng thấy dường như chúng luôn gợi nhớ tới một điều bí mật quá ngọt ngào nào đó.”

“Tớ vẫn nghĩ nếu trồng trong nhà thì chúng ngào ngạt quá,” Diana nói. Cô cầm cái đĩa còn phần bánh sô cô la... nhìn khao khát... lắc đầu rồi gói lại trong giấy gói và nhét vào túi quần.

“Diana, nếu giờ về bọn mình gặp lại mình ngày xưa đang chạy dọc đường Tình Nhân thì chắc là vui lắm nhỉ?”

Diana thoáng rung mình.

“Khôngggg, tớ không thấy vậy vui đâu, Anne. Tớ không để ý là trời tối quá rồi. Mơ mộng giữa ban ngày thì được thôi, còn...”

Họ cùng lặng lẽ, im lìm, trù mến bước về nhà, ánh hoàng hôn cháy rực trên những ngọn đồi già đằng sau và tình yêu không quên cháy bỏng trong lòng.

Chương 3

Sáng hôm sau Anne mang hoa đến mộ của ông Matthew để kết thúc một tuần trọn những ngày vui rồi chiều lại đón tàu từ Camlody về nhà. Cô nghĩ về tất cả những dấu yêu cũ sau lưng, rồi ý nghĩ lại chạy về những dấu yêu trước mặt. Suốt quãng đường lòng cô rộn ràng vì cô sắp về tới một ngôi nhà tràn ngập niềm vui... một ngôi nhà mà ai bước qua ngưỡng cửa cũng biết đó là tổ ấm... một tổ ấm lúc nào cũng đầy ắp tiếng cười, những chiếc cốc bạc, ảnh chụp rồi trẻ con... những báu vật có tóc xoắn và đầu gối bụ bẫm... những căn phòng sẽ chào đón cô... mấy chiếc ghế kiên nhẫn chờ và những chiếc váy trong tủ cũng đang đợi cô. Những ngày kỷ niệm nho nhỏ bao giờ cũng được tổ chức và những bí mật nho nhỏ bao giờ cũng được thủ thi.

“Thật vui khi thấy mình mong được về nhà” Anne nghĩ, lục trong xác tay ra bức thư của cậu con trai nhỏ mà đêm trước cô đã vui vẻ tự hào đọc to cho mọi người ở Chái Nhà Xanh nghe... bức thư đầu tiên của mấy đứa con. Đó là bức thư nhỏ hết sức dễ thương mà đứa nhóc bảy tuổi mới đi học được một năm viết, mặc dù Jem đánh vẫn còn chưa vững lắm và lại còn có một giọt mực to tướng ở góc.

“Cả đêm Di cứ khóc vì Tommy Drew nói sẽ đốt búp bê của em ở buổi nướng thịt. Ban đêm bà Susan kể bọn con nghe những câu chuyện thật hay nhưng bà không phải mẹ, mẹ à. Tối qua bà để con giúp bà gieo hạt củ cải đường đây”

“Sao mình có thể vui về được cả một tuần liền khi xa tất cả bọn chúng như vậy nhỉ?” người đẹp tóc đỏ nhà Bên ánh Lửa tự quở trách chính mình.

“Thật ấm lòng khi có người đón ta ở cuối hành trình” cô kêu lên khi bước xuống tàu tại Glen St. Mary để sả vào vòng tay chờ đón của Gilbert. Cô chẳng bao giờ biết chắc Gilbert có đón mình không... bao giờ cũng có một ai đang hấp hối hay sắp chào đời... nhưng với Anne thì lần nào về nhà cũng vậy, sẽ chẳng có vẻ ớn gì nếu không có anh ra đón. Anh còn mặc một bộ vét mới màu xám nhạt dễ thương nữa chứ! (Minh mừng là đã mặc cái váy diềm xếp nếp màu vỏ trứng này với áo vét nâu, dù bà Lynde nghĩ mình thật điên khi mặc vậy mà đi đường. Nếu không thì trông mình đâu được xinh đẹp thế này để xứng đôi Gilbert.)

Cả Bên ánh Lửa đã lên đèn những chiếc đèn lồng Nhật sắc sỡ treo trên hiên.

Anne vui sướng chạy dọc lối đi viên hoa thủy tiên.

“Bên ánh Lửa hỡi, ta đã về đây!” cô kêu lên.

Tất cả đều ở quanh cô... cười, hét toáng, pha trò... Susan Baker mỉm cười đứng mực đắng sau. Mỗi đứa nhỏ đều có một bó hoa hái riêng cho cô, kể cả Shirley mới có hai tuổi đầu.

“Ôi, buổi chào đón về nhà này mới dễ thương làm sao! Mọi thứ ở Bên ánh Lửa đều có vẻ hạnh phúc quá. Thật tuyệt vời khi thấy gia đình mừng rỡ được gặp lại mình như vậy.”

“Mẹ ơi, mẹ mà còn đi xa nữa,” Jem nghiêm nghị nói, “con sẽ đi cắt ruột thừa.”

“Làm sao anh cắt nó được?” Walter hỏi.

“Suyt!” Jem kín đáo huých Walter rồi nói khề, “Anh biết mình có đau ở đâu đó mà... nhưng cái chính là anh chỉ muốn hù mẹ để mẹ sẽ không đi nữa thôi.”

Có cả trăm điều Anne muốn làm trước tiên... ôm chặt mọi người... chạy ra vườn trong ánh hoàng hôn để hái ít hoa păng xê... ở Bên ánh Lửa đâu đâu ta cũng thấy păng xê... nhất con búp bê bé bỏng sồn cũ nằm trên thảm... nghe hết mấy mẩu chuyện lượm lặt và tin tức lý thú. Ai cũng có cái để góp chuyện. Nào là Nan làm phọt cả tuýp vaseline lên đầu mũi khi cậu bác sĩ ra ngoài lo một ca bệnh còn bà Susan thì lơ đễnh không chú ý... “Tôi cam đoan với cô là lúc đó căng thẳng thật, cô bác sĩ thân mến”... nào là con bò của bà Jud Palmer nuốt mất năm mươi bảy cây đinh nên phải mời bác sĩ thú y ở Charlottetown tới... nào là bà Fenner Douglas đăng trí thể nào khi để đầu trần đi nhà thờ, bố đã nhò hết bồ công anh trên bãi cỏ... “cô bác sĩ thân yêu... khi cô đi vắng thì cứ như cậu ấy có tận tám đứa con”... ông Tom Flagg đi nhuộm ria mép... “mà vợ ông ta mới chết có hai năm”... Rose Maxwell đăng Cửa Vịnh phụ tình Jim Hudson ở mạn Bắc Glen nên anh ta gửi một hóa đơn đòi tất cả những gì đã mua tặng cô... đám tang bà Amasa Warren có thật đông người đến dự... con mèo của Caner Flagg bị cắn đứt một miếng đuôi ngay sát mõng... phát hiện ra Shirley đứng ngay dưới một con ngựa trong chuồng... “Cô bác sĩ yêu quý, tôi sẽ không bao giờ hoàn hồn lại được nữa”... thật đáng buồn là có quá nhiều lý do để sợ mấy cây mạn xanh đang bị đốm đen... cả ngày Di cứ đi quanh mà hát, “Hôm nay mẹ về, hôm nay mẹ về, mẹ về hôm nay” theo điệu bài “Chúng ta lần lần vui về”... nhà Joe Reese có một chú mèo con bị lác vì sinh ra đã mờ mắt... Jem vô tình ngồi lên giấy bầy ruồi trước khi mặc quần dài... rồi con mèo Tôm rơi vào thùng nước.

“Tí nữa thì nó chết đuối, cô bác sĩ thân yêu ơi, nhưng may sao đúng phúc lúc đó bác sĩ nghe tiếng nó gào rồi nắm hai chân sau kéo ra.” (Đúng phúc là gì hả mẹ?)

“Xem ra nó đã hoàn hồn rồi,” Anne nói, vuốt ve những đường cong trắng đen bóng mượt của chú mèo cảm nọng to tướng đang rù rù mẫn nguyện trên ghế trong ánh sáng

lò sưởi. Ở Bên ánh Lửa không phải lúc nào ngồi xuống ghế cũng được an toàn hẳn nếu chưa kiểm tra chắc chắn là không có mèo trong đó. Susan, ban đầu không để tâm đến mèo cho lắm, thế là bà phải học cách thích chúng để tự bảo vệ mình. Còn về Tôm Gilbert đã gọi chú ta như vậy một năm trước, khi Nan đem về nhà chú mèo con khôn khổ gây nhặng đang bị bọn trai hành hạ dưới làng, và thế là cái tên còn mãi, dù bây giờ nó thật không phù hợp.

“Ôi thôi rồi... cô Susan! Gog và Magog sao rồi? Ô... chúng không bị vỡ chứ phải không?”

“Không, không, cô bác sĩ thân yêu,” Susan thét lên, mặt đỏ như gấc chín vì xấu hổ rồi lao ra khỏi phòng. Bà quay lại ngay cùng hai con chó sủa luôn ngụ trước lò sưởi nhà Bên ánh Lửa. “Chẳng hiểu sao tôi quên để lại chỗ cũ trước khi cô về. Cô biết không, cô bác sĩ thân mến, cô đi khỏi thì hôm sau bà Charles Day ở Charlottetown ghé chơi... mà cô biết bà ấy câu nệ và nghiêm trang thế nào. Walter nghĩ mình phải tiếp bà ấy nên mới bắt đầu bằng cách chỉ mấy con chó cho bà ấy xem. ‘Con này là Chúa còn con này là Chúa của cháu[1],’ nó nói vậy đấy, thẳng bẻ ngậy thơ tội nghiệp. Tôi thất kinh... dù tôi nghĩ nếu mà thấy mặt bà Day thì tôi chết mất thôi. Tôi cố hết sức phân trần, vì tôi không muốn bà ấy nghĩ mình là một gia đình bất kính, nhưng tôi quyết định cứ cất mấy con chó vào trong tủ đồ sứ, khuất mắt, cho đến khi cô về.”

[1]. Gog và Magog phát âm tương tự như God và My God.

“Mẹ ơi, mình ăn tối sớm được không mẹ?” Jem nói thật lâm ly. “Con thấy bụng còn cào rồi. Mà, ồ, mẹ ơi, bọn con đã làm món cả nhà đều thích!”

“Đúng là bà cháu tôi đã làm món ấy,” Susan cười toe toét nói. “Chúng tôi nghĩ phải ăn mừng cô về nhà sao cho đàng hoàng, cô bác sĩ thân yêu ạ. Còn giờ thì Walter đâu? Tuần này đến phiên nó đánh kèng ăn mà, tội thẳng bẻ.”

Bữa ăn tối là một đại tiệc... còn sau đó cho cả bày đi ngủ là một niềm vui. Susan còn tự cho phép mình bế Shirley đi ngủ, vì cho rằng đây là một dịp rất đặc biệt.

“Hôm nay có phải ngày bình thường đâu, cô bác sĩ thân yêu” bà nói trịnh trọng.

“Ôi cô Susan, chẳng có gì như ngày bình thường cả. Mỗi ngày đều có một thứ mà không ngày nào khác có. Cô không nhận thấy sao?”

“Đúng quá đi chứ, cô bác sĩ thân yêu. Ngay cả thứ Sáu vừa rồi, trời mưa gió xám xịt cả ngày, thế mà cây phong lữ hồng to của tôi cuối cùng cũng hé nụ sau ba năm trời

chẳng chịu ra hoa. Thế cô đã để ý thấy mấy cây huyền cầm chưa, cô bác sĩ thân yêu?”

“Để ý thấy ư! Trong đời cháu chưa từng thấy những cây huyền cầm như vậy bao giờ, Susan. Cô làm sao mà được vậy?” (Đấy mình không cần nói dối mà vẫn làm bà Susan vui. Quả thật mình chưa hề thấy những cây huyền cầm như thế... nhờ trời!)

“Đó là thành quả của việc quan tâm chăm sóc thường xuyên đấy, cô bác sĩ thân yêu. Nhưng có điều này tôi nghĩ mình phải nhắc đến. Tôi nghĩ Walter nghi ngờ điều gì đó. Chắc chắn vài đứa trẻ ở Glen đã nói cho nó nghe chuyện này chuyện nọ. Thời buổi này có lắm trẻ con biết nhiều thứ không phù hợp. Hôm nọ Walter nói với tôi, về rất trầm ngâm, ‘Bà Susan ơi,’ thằng bé nói, ‘em bé có tổn kém lắm không?’ Tôi có hơi chết trân, cô bác sĩ thân yêu ạ, nhưng tôi giữ bình tĩnh. ‘Một số người nghĩ em bé là thứ xa xỉ’, tôi nói, ‘nhưng ở Bên ánh Lửa, chúng ta thấy em bé là thiết yếu’. Rồi tôi tự trách mình vì cứ cảm râm ra miệng về giá cả đắt đỏ đến mức đáng hổ thẹn của hàng hóa trong các cửa tiệm ở Glen. Tôi e chuyện làm thằng bé băn khoăn. Nhưng nếu nó có nói gì với cô, cô bác sĩ thân yêu, thì cô cũng đã chuẩn bị tinh thần rồi.”

“Cháu tin chắc cô đã đối phó với tình huống ấy tuyệt lắm rồi, cô Susan à,” Anne nói nghiêm trang. “Nhưng cháu nghĩ đã đến lúc tất cả bọn nhỏ được biết ta đang mong đợi điều gì.”

Nhưng tuyệt vời nhất là khi Gilbert đến với cô, khi cô đứng bên ô cửa sổ phòng mình, ngắm sương mù từ ngoài biển tràn vào, qua những đụn cát ngập ánh trắng, qua cảng biển, rồi vào trong thung lũng hẹp dài phía dưới Bên ánh Lửa, nơi ngôi làng Glen St. Mary nép mình.

“Chỉ cần nghĩ đến chuyện được nhìn thấy em khi về nhà sau một ngày mệt nhọc cũng tuyệt lắm rồi! Em có vui không Anne yêu dấu?”

“Vui chứ!” Anne cúi xuống ngửi một bình đầy hoa táo Jem để trên bàn trang điểm cho cô. Cô cảm thấy mình được bao bọc trong tình thương yêu. “Gilbert anh yêu, thật thú vị khi được trở lại là Anne ở Chái Nhà Xanh cả một tuần liền, nhưng về làm Anne của Bên ánh Lửa còn trăm lần thú vị hơn.”

Chương 4

“Tuyệt đối không được!” bác sĩ Blythe nói bằng giọng điệu mà Jem hiểu rõ.

Jem biết chẳng thể trông mong bố đổi ý hay mẹ sẽ cố làm bố đổi ý giúp cậu. Có thể thấy rõ ràng là trong chuyện này mẹ với bố là một. Đôi mắt nâu nhạt của Jem thăm lại vì giận dữ và thất vọng khi cậu nhìn hai bậc phụ huynh tàn nhẫn... nhìn trừng trừng... chúng còn sáng rực hơn nữa khi cậu cứ quắc mắt hoài vậy mà họ vẫn thản nhiên đến mức khiến người ta phát điên lên và tiếp tục ăn bữa tối như thể chẳng có gì bất ổn cả. Tất nhiên bà cô Mary Maria đã để ý thấy mấy cái trừng mắt của cậu...chưa có gì thoát được hai con mắt xanh nhợt, sâu thẳm của bà cô Mary Maria... nhưng hình như bà chỉ khoái chí thưởng thức cảnh ấy.

Cả buổi chiều Benie Shakespeare Drew chơi với Jem... Walter đã xuống Ngõ Nhà Mơ Ước cũ để chơi với Kenneth và Persis Ford... thế rồi Bertie Shakespeare cho Jem biết là chiều tối cả đám con trai Glen sẽ xuống Cửa Vịnh để xem thuyền trưởng Bill Taylor xăm hình con rắn trên cánh tay cho em họ Joe Drew. Nó, Bertie Shakespeare, sẽ đi thế Jem có đi cùng không? Sẽ vui ời là vui. Jem tức thì muốn đi kinh khủng, vậy mà bây giờ người ta bảo cậu là hoàn toàn không thể có chuyện đó được.

“Một trong nhiều lý do,” bố cậu nói, “là con xuống Cửa Vịnh với tụi nó thì xa xôi lắm. Đến tối mịt tụi nó mới về mà tám giờ là con phải đi ngủ rồi, con trai ạ.”

“Hồi bà còn nhỏ đêm nào bà cũng được cho đi ngủ lúc bảy giờ,” bà cô Mary Maria nói.

“Jem, con phải chờ đến khi lớn hơn thì mới được đi xa như vậy vào buổi tối,” mẹ cậu nói.

“Tuần trước mẹ đã nói vậy,” Jem phản uất kêu lên, “mà giờ con lớn hơn rồi. Mẹ nghĩ con là em bé sao? Bertie được đi mà con thì cũng bằng tuổi nó.”

“Quanh đây đang có dịch sởi,” bà cô Mary Maria nói giọng âm ảm. “Coi chừng cháu mắc bệnh sởi đấy, James.”

Jem ghét bị người ta gọi là James. Mà bà thì cứ gọi kiểu ấy.

“Cháu muốn mắc bệnh sởi,” cậu lầm bầm về bất trị. Nhưng rồi bắt gặp cái nhìn của bố nên nói nhỏ dần. Bố không bao giờ cho phép ai “cãi lại” bà cô Mary Maria. Jem ghét bà cô Mary Maria. Di Diana và bà Marilla thật quá sức dễ thương, còn một bà cô

như bà Mary Maria là kiểu Jem hoàn toàn chưa nếm trái.

“Được thôi” cậu vừa thách thức vừa nhìn mẹ để không ai cho là cậu nói với bà cô Mary Maria, “mẹ không muốn thương con thì mẹ cũng không cần phải thương đâu. Nhưng nếu con bỏ nhà đi săn hổ bên châu Phi thì mẹ có chịu được không?”

“Bên châu Phi không có hổ đâu con yêu,” mẹ cậu nói dịu dàng.

“Vậy thì sư tử!” Jem quát lên. Họ quyết tâm đồ cái sai cho cậu phải không? Họ buộc phải cười cợt cậu, đúng không? Cậu sẽ cho họ thấy! “Mẹ đâu thể nói bên châu Phi không có sư tử được. Ở châu Phi có đến hàng triệu con sư tử Châu Phi, đúng là đầy sư tử!”

Bố mẹ lại chỉ mím cười, làm bà cô Mary Maria rất bất mãn. Không bao giờ được cho phép trẻ con có thói nóng nảy.

“Trước khi đi được,” Susan nói, giằng xé giữa một bên là tình yêu và sự cảm thông dành cho Jem bé bỏng, một bên là niềm tin tuyệt đối rằng cô cậu bác sĩ hoàn toàn đúng khi không cho cậu cùng đám trẻ trong làng xuống dưới Cửa Vịnh đến nhà lão thuyền trưởng Bill Taylor say sưa bắt hươu, “thì bánh gừng với kem đặc của cháu này, Jem yêu ạ.”

Bánh gừng với kem đặc là món tráng miệng ruột của Jem. Nhưng tối nay chúng chẳng có cái phép màu làm dịu lại tâm hồn đang dậy sóng của cậu.

“Con không thích ăn gì cả!” cậu nói về hờn dỗi. Cậu đứng lên ra khỏi bàn, đến bên còn quay lại để tung một cú thách thức sau chót.

“Dù sao thì đến chín giờ con mới đi ngủ. Rồi lớn lên con sẽ không bao giờ đi ngủ. Con sẽ thức suốt đêm... đêm nào cũng như đêm nào... rồi xăm xổ khắp cả mình mấy nữa. Con sẽ xấu xa đến tận cùng mức xấu xa luôn. Rồi bố mẹ sẽ thấy.”

“‘Xăm trở’ chứ không phải ‘xăm xổ’, con yêu à,” mẹ cậu nói. Không có gì làm họ động lòng cả sao?

“Chắc là chẳng ai cần nghe ý kiến của cô cả đâu, Anne ạ, nhưng hồi bé cô mà ăn nói với bố mẹ kiểu ấy thì như đòn roi,” bà cô Mary Maria nói. “Cô thấy đáng tiếc là thời nay một số gia đình lại lơ là gây bạch dương.”

“Bé Jem đâu có đáng trách,” Susan cảm cầu, thấy rằng cô cậu bác sĩ không định nói gì cả. Nhưng nếu Mary Maria Blythe mà thoát được thì bà, Susan, biết lý do vì sao.

“Bertie Shakespeare Drew cho nó biết chuyện đó, nhồi vào đầu óc thằng bé ý nghĩ rằng xem xăm hình cho Joe Drew thì sẽ vui làm sao. Cả buổi chiều thằng bé ở đây rồi lên vào bếp lấy cái chảo nhôm tốt nhất ra làm mũ cối.

Nói là chúng chơi trò trận giả. Rồi chúng lấy ván ốp làm thuyền rồi thả dưới suối Vùng Lòng Chảo, làm mình mấy ướn sũng. Sau đó chúng nhảy lò cò quanh sân cả giờ liền, tạo những tiếng kỳ quái chưa từng thấy, vờ làm ếch. Ếch cơ đấy! Thảo nào bé Jem mệt dữ nên không còn là chính mình nữa. Khi không bị mệt nhoài thì nó là đứa trẻ cư xử đáng hoàng chưa từng thấy, mà chuyện đó thì ta có thể tin chắc.”

Bà cô Mary Maria không nói gì làm trầm trọng thêm nữa. Trong bữa ăn bà không bao giờ nói tiếng nào với Susan Baker, để tỏ thái độ phản đối chuyện Susan được phép “ngồi cùng gia đình”.

Trước khi bà cô Mary Maria tới Anne và Susan đã thẳng thắn bàn với nhau chuyện này. Susan, vốn là người “biết thân biết phận”, không bao giờ ngồi hay mong được ngồi cùng gia đình mỗi khi có khách tới Bên ánh Lửa.

“Nhưng cô Mary Maria có phải khách đâu nào.” Anne nói. “Cô ấy chỉ là người trong gia đình thôi... mà cô cũng vậy, Susan à.”

Cuối cùng Susan đành nhượng bộ, không khỏi thấy mãi nguyên trong lòng vì Mary Maria Blythe sẽ thấy bà không phải chị hầu gái tầm thường. Susan chưa gặp bà cô Mary Maria bao giờ, nhưng cô cháu của Susan, con gái chị Matilda, từng làm cho bà ta ở Charlottetown nên kê cho Susan nghe cả rồi.

“Susan ơi, cháu sẽ không vờ vịt tỏ ra mừng rỡ trước viễn cảnh bà cô Mary Maria tới thăm, nhất là lại vào đúng lúc này,” Anne thẳng thắn. “Nhưng cô ấy đã viết thư cho Gilbert hỏi có đến ở vài tuần được không... mà cô biết bác sĩ có thái độ thế nào đối với những chuyện như vậy rồi...”

“Vi cậu ấy hoàn toàn có quyền như vậy,” Susan đoán chắc. “Một người đàn ông còn biết làm gì ngoài việc bệnh vục ruột rà của mình? Nhưng đến những vài tuần thì... thôi cô bác sĩ thân yêu, tôi không muốn nhìn vào mặt bị quan của mọi chuyện... nhưng em đâu chị Matilda nhà tôi cũng bảo đến ở chơi với chị ấy vài tuần rồi ở lại hai mươi năm đấy.”

“Cháu nghĩ ta không phải sợ điều gì như vậy đâu, cô Susan,” Anne mỉm cười. “Cô Maria có nhà riêng rất đẹp ở Charlottetown. Nhưng cô ấy thấy nó rộng rãi trống trải quá. Hai năm trước mẹ cô ấy mất, cô biết không... bà cụ tám mươi lăm mà cô Mary Maria thì rất chu đáo với cụ và nhớ bà cụ lắm. Ta hãy cố làm sao cho cô ấy ở chơi dễ

chịu nhé, Susan.”

“Tôi sẽ cố hết sức, cô bác sĩ thân yêu ạ. Tất nhiên là ta phải đặt thêm một tấm ván lên bàn rồi, mà nói tới nói lui gì rồi kéo bàn dài ra thì vẫn hơn là thu ngắn lại.”

“Ta không được bày biện hoa trên bàn đâu, cô Susan, vì cháu được biết hoa làm cô Mary Maria bị hen. Còn tiêu thì làm cô ấy hắt hơi, nên tốt nhất là ta không nên dùng. Cô ấy lại còn hay bị nhức đầu dữ dội nữa, nên quả thật là ta phải cố sao để không gây ồn quá.”

“Chúa ơi! Thôi được, tôi chưa hề thấy cô cậu bác sĩ làm ồn gì cho lắm. Còn tôi có muốn thét thì ra giữa đám cây thích cũng được; nhưng bọn trẻ tội nghiệp nhà ta mà cứ phải giữ im lặng suốt vì mấy trận đau đầu của Mary Maria Blythe thì... xin cô thứ lỗi cho chứ tôi nghĩ chuyện đó có hơi quá đáng, cô bác sĩ thân yêu ạ.”

“Chỉ vài tuần thôi mà, Susan.”

“Ta hãy cứ mong là thế. Ô, thôi, cô bác sĩ thân yêu, ở đời ta phải chịu cả nạc lẫn mỡ mà,” Susan kết luận.

Vậy là bà cô Mary Maria đến, vừa mới tới là đã hỏi gần đây họ lau chùi ống khói chưa. Dường như bà rất sợ có hỏa hoạn. “Cô vẫn luôn nói rằng ống khói nhà này còn khuya mới đủ cao. Cô mong là chấn gối giường cô được phơi phóng kỹ lưỡng rồi, Anne. Ga trải giường mà ẩm thì khiếp lắm.”

Bà chiếm lĩnh phòng khách của Bên ánh Lửa... và nhân tiện cả mấy phòng khác trong nhà trừ phòng của Susan. Khi bà đến không ai vui mừng rồi rút chào hỏi cả.

Jem, sau khi nhìn bà một cái, lên ra bếp nói khe khẽ với Susan, “Khi bà cô ở đây bọn cháu có được cười không, bà Susan?” Walter thấy bà thì nước mắt lưng tròng nên phải bị lừa thật ề chề ra khỏi phòng. Hai đứa sinh đôi thì không đợi bị lừa ra đã tự động bỏ chạy. Đến cả con Tôm, Susan quả quyết là cũng bỏ đi rồi xù lông xù lá ở sân sau. Chỉ có mình Shirley là cố thủ, đôi mắt nâu tròn xoe bạo dạn nhìn bà đầm đẫm từ chỗ dựa an toàn trên lòng và trong vòng tay Susan. Bà cô Mary Maria cho là bọn trẻ Bên ánh Lửa cư xử hư đốn. Nhưng ta trông mong gì được khi chúng có một bà mẹ “viết báo” và một ông bố nghĩ chúng thật hoàn hảo chỉ bởi chúng là con của anh ta, và một bà giúp việc không bao giờ biết thân biết phận như Susan Baker?

Nhưng chừng nào còn ở Bên ánh Lửa thì bà, Mary Maria Blythe, sẽ làm hết sức mình cho đám cháu của ông anh họ John tội nghiệp.

“Lời cầu nguyện của nhà cháu ngắn quá đấy, Gilbert,” bà phản đối trong bữa ăn đầu tiên. “Cháu có muốn khi ở đây cô đọc lời cầu nguyện cho nhà cháu không? Đó sẽ là một tấm gương tốt hơn cho gia đình cháu.”

Susan thất kinh khi Gilbert trả lời có rồi bà cô Mary Maria đọc lời cầu nguyện tại bữa tối. “Giống kinh cầu hơn là lời cầu nguyện,” Susan khịt mũi phía trên mấy món ăn của mình. Susan ngẫm đồng tình với mô tả của cô cháu bà về Mary Maria Blythe. “Đường như lúc nào bà ta cũng ngửi thấy mùi hôi thối, di Susan à. Không phải mùi khó chịu đâu... mà là mùi hôi ấy.” Gladys biết cách diễn đạt mọi chuyện, Susan ngẫm nghĩ. Thế nhưng, với bất cứ ai ít thành kiến hơn Susan thì trông bà Mary Maria Blythe không hề khó coi so với một bà ở tuổi năm mươi lăm. Bà có cái mà bà tin là “nét mặt quý tộc”, luôn đóng khung trong những lọn tóc hoa râm uốn quăn bóng mượt dường như ngày ngày xúc phạm đến búi tóc hoa râm toen hoèn một nhúm của Susan. Bà ăn mặc rất đẹp, đeo hoa tai hạt huyền dài, cổ áo ren lưới cao rất thời trang trên cần cổ gầy.

“Ít nhất ta cũng không phải xấu hổ về ngoại hình của bà ta,” Susan ngẫm nghĩ. Nhưng bà cô Mary Maria sẽ nghĩ gì nếu biết Susan đang tự an ủi mình bằng lý do như vậy, điều này thì phải nhường cho trí tưởng tượng thôi.

Chương 5

Anne cắt một bình đầy loa kèn tháng Sáu cho phòng mình và một bình mẫu đơn Susan trồng cho bàn làm việc của Gilbert trong thư viện... những bông mẫu đơn màu trắng sữa có đốm đỏ như máu ở chính giữa, như nụ hôn của một vị thần. Không khí tươi tỉnh lên sau ngày tháng Sáu nóng bất thường và người ta khó mà nói được vịnh cảng có màu bạc hay màu vàng.

“Tối nay hoàng hôn sẽ tuyệt vời lắm đấy Susan,” cô nói khi đi ngang nhìn vào cửa sổ bếp.

“Chưa rửa xong bát đĩa thì tôi chẳng ngắm hoàng hôn được đâu, cô bác sĩ yêu dấu,” Susan phản đối.

“Đến lúc đó thì đã hết rồi, Susan. Nhìn đám mây trắng không lồ chất ngất trên Vùng Lòng Chảo kia, có cái chớp màu hồng ấy. Cô không thích bay lên đậu trên ấy sao?”

Susan tưởng tượng mình đang bay lên trên thung lũng hẹp đến đám mây ấy, tay cầm khăn lau chén. Chuyện đó chẳng hấp dẫn được bà. Nhưng lúc này thì phải nghĩ cho cô bác sĩ.

“Mới có một loài bọ hiếm ác ăn mấy bụi hoa hồng đấy” Anne nói tiếp. “Mai cháu phải phun thuốc cho hoa thôi. Cháu muốn làm tối nay lắm... những buổi chiều tối như thế này cháu luôn thích được làm vườn. Tối nay mọi thứ sẽ mọc. Cháu hy vọng trên thiên đường có vườn tược cô Susan à... ý cháu là vườn để ta chăm sóc ấy, giúp cho mọi thứ sinh sôi nảy nở.”

“Nhưng dứt khoát không được có lũ bọ,” Susan phản đối.

“Khôngggg, chắc là không có đâu. Nhưng vườn đã hoàn bích rồi thì còn gì là thú vị hả Susan. Tự ta phải làm lụng trong vườn, nếu không sẽ không cảm nhận được ý nghĩa của nó. Cháu muốn giẫy cỏ, cuốc xới, cấy ghép, thay đổi, sắp đặt, tía cảnh. Cháu còn muốn trên thiên đường có những thứ hoa mình yêu... cháu thích hoa păng xê hơn hoa lan nhạt quang Susan ạ.”

“Cô thích làm gì chiều tối nay thì cứ tùy ý thôi, có vấn đề gì sao?” Susan ngắt lời, nghĩ rằng cô bác sĩ đang mơ mộng hơi viễn vông.

“Vì bác sĩ muốn cháu đi cùng. Anh ấy định đi thăm bà cụ John Paxton tội nghiệp. Cụ đang hấp hối... anh ấy chẳng thể làm gì cho bà cụ nữa rồi... anh ấy đã làm hết khả

năng... nhưng bà cụ lại thích anh ấy ghê thăm.”

“Ồ, thì đây, cô bác sĩ xem, ta đều biết chẳng có ai qua đời hay chào đời mà không có cậu ấy ở bên, mà chiều nay đánh xe đi một vòng thì tuyệt đấy. Chắc là tôi sẽ xuống làng mua thêm đồ ăn dự trữ, sau khi đã cho hai đứa sinh đôi với Shirley đi ngủ rồi bón phân cho bà hoa hồng Aaron Ward. Bà ấy chẳng ra hoa như đáng lẽ phải thế. Bà già Blythe vừa mới lên nhà trên, mỗi bước mỗi thờ dài, nói bà ta lại sắp bị nhức đầu, vậy nên ít ra tôi nay cũng được chút bình yên tĩnh lặng.”

“Cô trông chừng cho Jem đi ngủ đúng giờ nhé, Susan?” Anne nói khi quay đi, bước qua buổi chiều chẳng khác nào một chén hương thơm vừa đổ tràn lại lắng. “Quả thật nó mệt hơn nó tưởng đấy. Mà nó chẳng chịu đi ngủ gì cả. Walter thì tối nay không về nhà đâu, Leslie đã xin phép cha thả bé ở lại đằng ấy.”

Jem ngồi trên mấy bậc thềm bên cửa hông, một bàn chân trần ngoéo trên đầu gối, sau có hần học với mọi thứ nói chung và mặt trắng không lồ đằng sau chóp nhà thờ Glen nói riêng. Jem không thích mặt trắng to tướng như thế.

“Coi chừng đừng để mặt tê liệt như thế,” bà cô Mary Maria nói khi đi ngang cậu mà vào nhà.

Jem còn cau có u ám hơn bao giờ hết. Cậu không cần biết mặt cậu có tê liệt thật không. Cậu mong là vậy. “Đi đi đừng có lẻo đẻo theo tao mãi thế,” cậu nói với cô bé Nan vừa lên ra với cậu khi bố mẹ đánh xe đi rồi.

“Đồ cấm cầu!” Nan nói. Nhưng trước khi lon ton chạy đi cô bé để xuống bậc thềm bên cạnh cây kẹo sư tử đỏ đã cấm ra cho cậu.

Jem lờ nó đi. Cậu cảm thấy bị sỉ nhục hơn bao giờ hết. Cậu không được đối xử đúng đắn. Ai cũng không tốt với cậu. Chẳng phải ban sáng Nan đã nói, “Anh không ra đời ở Bên ánh Lửa như mấy đứa bọn em.” Gần trưa Di ăn mất con thỏ sô cô la của cậu dù biết đó là chó của cậu. Đến Walter mà cũng bỏ rơi cậu, đi đào giếng trong cát với Ken và Persis Ford. Vui dữ! Mà cậu thì rất muốn cùng Benie đi xem xăm hình. Jem tin chắc trong đời mình chưa bao giờ muốn gì khùng khiếp như thế. Cậu muốn xem con tàu tuyệt vời dọc ngang cột buồm mà Benie nói vẫn luôn đứng trên bệ lò sưởi nhà thuyền trưởng Bill. Thật là tủi nhục, đích thị là vậy.

Susan đem ra cho cậu một khoanh bánh phủ lớp kem nhựa thích lẫn với quả hạch, nhưng, “Không, cảm ơn” Jem lạnh lùng dừng dừng nói. Sao bà không để dành chút bánh gừng với kem cho cậu? Hay là mấy đứa kia ăn sạch bách cả rồi. Lũ heo! Cậu lại lao sâu hơn nữa xuống một vực thăm âm u. Giờ này thì cả bọn đang trên đường xuống Cửa

Vịnh rồi. Nghĩ mà cậu không chịu nổi. Cậu phải làm cái gì đó cho sòng phẳng với người nhà. Hay là cậu chê toác con hươu cao cổ bằng mùn của Di trên thảm phòng khách? Chuyện đó sẽ làm cho bà Susan già nổi điên... Susan biết cậu ghét quả hạch trộn trong lớp kem mà vẫn làm. Hay cậu đi vẽ ria mép lên hình tiểu thiên sứ trên lịch trong phòng bà? Cậu vẫn luôn ghét tiểu thiên sứ mũm mĩm, hồng hào, tươi cười đó vì nó trông hết như con Sissy Flagg, con bé ấy đã rêu rao khắp trường là Jem Blythe theo đuổi nó. Nó cơ đấy! Sissy Flagg! Nhưng Susan lại thấy tiểu thiên sứ ấy dễ thương.

Hay là cậu lột trọc lông đầu con búp bê của Nan ra?

Hay cậu đánh cho bay mũi của Gog hay Magog đi... hay cả hai? Biết đâu vậy sẽ làm mẹ thấy là cậu không còn như em bé nữa. Cứ chờ đến mùa xuân sang năm xem! Bao năm nay rồi cậu vẫn hái hoa táo gai về cho mẹ... từ ngày cậu lên bốn cơ... nhưng mùa xuân sau cậu sẽ không hái nữa.

Không, chắc chắn là không!

Hay là cậu ăn thật nhiều táo xanh trên cây non rồi bị bệnh thật là bệnh? Biết đâu chuyện đó sẽ làm họ hoảng kinh. Giả sử cậu không bao giờ kỳ cọ sau tai nữa? Hay là Chủ nhật tới cậu nhả mặt làm trò với mọi người trong nhà thờ? Hay là cậu bỏ một con sâu róm lên người bà cô Mary Maria... một con sâu róm to thật to, lông lá vằn vện? Hay cậu bỏ trốn xuống cảng nắp trên tàu của thuyền trưởng David Reese rồi sáng ra dong buồm sang Nam Mỹ?

Bấy giờ họ có hối tiếc không? Hay là cậu không bao giờ về nữa? Hay là cậu đi săn báo đốm ở Brazil? Lúc ấy họ có hối hận không? Không đâu, cậu cá là không đâu. Chẳng ai yêu thương cậu cả. Túi quần dài của cậu bị thủng một lỗ. Chẳng ai khâu lại. Thôi được, cậu chẳng cần. Cậu sẽ trưng cái lỗ ấy ra cho khắp Glen thấy rồi để thiên hạ xem cậu bị bỏ bê thế nào. Những điều sai quấy dâng lên rồi xâm chiếm cậu.

Cái đồng hồ cũ của ông nội Blythe được đem về Bên ánh Lửa sau khi ông qua đời cứ tích tắc tích tắc tích tắc trong hành lang... một cái đồng hồ già nua, dùng đinh có từ thời có một thứ gọi là thời gian. Mọi ngày Jem vẫn thích nó... giờ thì cậu ghét nó. Nó có vẻ đang cười cợt cậu. “Ha, ha, đến giờ đi ngủ rồi. Mấy đứa kia được xuống Cửa Vịnh còn cậu thì đi ngủ. Ha, ha... ha, ha... ha, ha!”

Tại sao đêm nào cậu cũng phải đi ngủ? Phải rồi, tại sao chứ?

Susan chuẩn bị xuống làng Glen, bà bước ra, triu mến nhìn dáng người bé bỏng, bất trị.

“Đề khi bà về rồi cháu đi ngủ cũng được, bé Jem nhé!” bà nói giọng nuông chiều.

“Tối nay cháu không đi ngủ đâu!” Jem dữ dằn nói. “Cháu sẽ bỏ trốn, cháu định làm thế đấy, già Susan Baker ạ. Cháu sẽ đi nhảy xuống ao, già Susan Baker ạ.”

Susan không thích bị gọi là già, ngay cả khi người gọi là bé Jem. Bà lồm lũi hiên ngang bỏ đi. Đúng là phải kỷ luật nó một chút mới được.

Tôm, theo bà ra ngoài, cảm thấy khát khao được bầu bạn, bèn ngồi bệt xuống trước mặt Jem trên hai chân sau đen mướt, nhưng chỉ được đèn đáp bằng một ánh mắt trừng trừng. “Tránh ra! Ngồi mà nhìn chăm chăm như bà cô Mary Maria. Cút đi! Ô, mày không đi hả, không chịu đi hả? Vậy thì này nhé!”

Tiện tay Jem ném chiếc xe cút kít bằng thiếc bé tí của Shirley nằm bên cạnh, thế là Tôm ngao lên một tiếng ai oán chạy đến nắp trong hàng rào tầm xuân.

Nhìn đấy! Đến con mèo của cả nhà cũng ghét cậu. Tiếp tục sống để làm gì nữa?

Cậu nhặt cái kẻo sư tử lên. Nan đã ăn mất phần đuôi và gần hết thân sau nhưng cũng còn gần giống một con sư tử. Thôi thì ăn quách cho rồi. Biết đâu đó là con sư tử cuối cùng cậu ăn. Đến khi Jem ăn hết con sư tử và liếm ngón tay thì cậu đã quyết ý mình sẽ làm gì. Đó là thứ duy nhất một gã có thể làm khi gã ấy không được phép làm gì cả.

Chương 6

“Sao cả nhà lại đèn đuốc sáng trưng thế này?” Anne kêu lên khi cô và Gilbert rẽ vào cổng lúc mười một giờ “Chắc vừa có khách tới.”

Nhưng khi Anne vội vào nhà thì chẳng thấy khách đâu. Cũng chẳng thấy ai khác cả. Đèn sáng trong bếp... trong phòng khách... trong thư viện... trong phòng ăn... trong phòng của Susan và hành lang trên lầu... nhưng chẳng thấy bóng dáng ai ở đó.

“Anh nghĩ sao,” Anne cất lời... nhưng tiếng điện thoại reo đã cắt ngang. Gilbert nghe máy... lắng nghe một lát... thốt lên một tiếng kinh hoàng... rồi chạy vụt đi mà không nhìn Anne được một cái. Rõ ràng một chuyện gì đó đáng sợ đã xảy ra nên không thể phí thời gian giải thích.

Anne đã quen với chuyện này... như vợ của một người ngồi trực bên sự sống và cái chết phải vậy. Nhún vai bình thản cô cời mũ và áo khoác. Cô cảm thấy hơi bức Susan, quả thật không nên ra ngoài mà để đèn sáng choang và cửa nẻo mở toang cả như vậy.

“Cô bác sĩ... thân yêu,” một giọng không thể nào là của Susan... nhưng lại đúng là của bà cất lên.

Anne nhìn sững Susan. Một Susan như thế đấy... đầu trần không đội mũ... mái tóc bạc dính đầy cọng cỏ khô. Chiếc váy in hoa lấm lem dãi màu khủng khiếp. Còn mặt bà kia!

“Susan! Có chuyện gì vậy? Susan!”

“Bé Jem biến mất rồi.”

“Biến mất ư!”. Anne ngây nhìn ngơ ngẩn. “Ý cô là sao? Sao mà thằng bé biến mất được!”

“Đúng vậy đấy,” Susan hồn hã hồn hển, hai bàn tay vịn xoắn lấy nhau. “Khi tôi xuống Glen thì thằng bé đang ngồi trên bậc thềm cửa hông. Tôi về trước khi trời tối... thì nó đã không còn ở đó. Mới đầu... tôi không sợ... nhưng tôi tìm không thấy nó đâu cả. Tôi đã lục tìm từng phòng khắp nhà, nó có nói sẽ bỏ nhà đi...”

“Bậy nào! Nó không làm thế đâu, Susan. Cô đã lo lắng không cần thiết rồi. Thằng bé ở đâu đây thôi... nó ngủ gật... nhưng nó phải ở đâu đây thôi.”

“Tôi tìm khắp rồi... không sót chỗ nào. Tôi đã lùng sục cả ngoài vườn rồi mấy nhà

phụ. Nhìn váy tôi này... tôi nhớ nó vẫn nói nếu được ngủ trong vựa cỏ khô thì sẽ thích lắm. Nên tôi ra đó... rồi rơi vào cái lỗ trong góc xuống máng tàu ngựa... rồi nằm lên một ổ trứng. Thật may là tôi chưa gãy chân nào... nếu vẫn còn có thứ gọi là may mắn khi bé Jem đã mất tích rồi.”

Anne vẫn chưa chịu cảm thấy lo sợ.

“Cô có nghĩ rốt cuộc nó vẫn xuống Cửa Vịnh với đám con trai không cô Susan? Trước đây nó chưa từng cãi lời nhưng...”

“Không, không phải đâu, cô bác sĩ thân yêu... thằng bé đáng yêu đâu có cãi lời. Sau khi lục tìm khắp nơi tôi đã chạy vội xuống nhà Drew thì Bertie Shakespeare vừa mới về. Nó nói Jem không đi với chúng. Ruột gan tôi như muốn rơi ra ngoài. Cô đã giao nó cho tôi nên... tôi gọi cho nhà Paxton thì họ nói cô cậu vừa ở đây đi và họ không biết là đi đâu.”

“Chúng tôi tới Lowbridge thăm nhà Parker...”

“Tôi gọi điện khắp những nơi tôi nghĩ thằng bé có thể đến. Rồi tôi trở lại làng... cánh đàn ông đã bắt đầu tìm kiếm...”

“Ồ, Susan chuyện đó có cần thiết không?”

“Cô bác sĩ thân yêu, tôi tìm khắp cả rồi... bất cứ đâu thằng bé có thể đến. Ồ, tối nay tôi gặp chuyện gì vậy! Nó còn nói sẽ đi nhảy xuống hồ nữa...”

Bất giác một thoáng rung mình kỳ lạ chạy khắp người Anne. Dĩ nhiên Jem sẽ không nhảy xuống hồ... chuyện đó vớ vẩn quá... nhưng trên hồ có một chiếc thuyền đánh cá cũ mà Carter Flagg dùng để câu cá hồi và Jem, trong tâm trạng bất chấp lúc chiều, biết đâu đã cố chèo thuyền đi khắp hồ... thằng bé vẫn muốn được làm thế... thậm chí khi cố tháo dây cột thuyền nó có thể đã rơi xuống hồ. Nỗi lo sợ trong cô tức thì mang một hình thù đáng sợ.

“Mà mình cũng chẳng hề biết Gilbert đi đâu nữa,” cô bực bội nghĩ.

“Chuyện âm ỉ này là sao đây?” bà cô Mary Maria hỏi, thỉnh linh xuất hiện trên cầu thang, một vòng lơ lửng quanh đầu còn người thì lụng thụng trong chiếc váy ngủ thêu rồng. “Trong cái nhà này không ai được một đêm yên giấc bao giờ sao?”

“Bé Jem biến mất rồi,” Susan lại nói, sợ đến thất ruột chẳng còn chấp nhặt cái giọng điệu của bà Blythe nữa.

“Mẹ nó giao nó cho tôi...”

Anne tự mình đi tìm khắp nhà. Jem phải ở đâu đó thôi. Thằng bé không có trong phòng... giường còn thẳng thớm... Nó không ở trong phòng hai đứa sinh đôi... hay là phòng cô... Nó... nó không ở đâu trong nhà cả. Anne, sau một vòng từ gác xếp xuống đến hầm rượu, quay lại phòng khách trong tình trạng bối rối gần như hoảng loạn.

“Cô không muốn làm cháu lo, Anne,” bà cô Mary Maria nói, hạ giọng nghe sờn cả gai ốc, “Nhưng cháu đã tìm trong thùng chứa nước mưa chưa? Năm ngoái thằng bé Jack MacGregor trên thị trấn bị chết đuối trong thùng chứa nước mưa đấy.”

“Tôi... tôi tìm ở đó rồi,” Susan nói, hai bàn tay lại vụng xoắn với nhau. “Tôi... tôi lấy cái que... rồi khều...”

Tìm Anne, đã đứng phắt khi nghe bà cô Mary Maria hỏi, đập trở lại. Susan trấn tĩnh lại rồi thôi không vụng xoắn hai tay nữa. Bà nhớ ra quá muộn là không được để cô bác sĩ thân yêu lo lắng.

“Ta hãy bình tĩnh và trấn tĩnh lại,” bà nói giọng run run. “Như cô nói, cô bác sĩ thân yêu ạ, hẳn thằng bé ở quanh đây thôi. Nó không thể tan biến đi được.”

“Cô đã tìm trong thùng than chưa? Rồi đồng hồ?” bà cô Mary Maria hỏi.

Susan tìm trong thùng than rồi nhưng chẳng ai nghĩ đến cái đồng hồ. Nó khá to đủ cho một cậu bé nấp bên trong. Anne, không tính đến sự vô lý khi cho rằng Jem sẽ khom người trong đó suốt bốn giờ đồng hồ, chạy vội tới.

Nhưng không có Jem trong đồng hồ.

“Hồi tối đi ngủ cô đã có linh cảm sắp xảy ra chuyện gì đó” bà cô Mary Maria nói, ấn cả hai tay lên thái dương.

“Khi cô đọc chương hằng đêm trong Kinh Thánh thì câu ‘Vi con chẳng biết ngày mai sẽ sanh ra điều gì’, dường như cứ nổi bật trên trang sách. Đó là điềm triệu. Cháu chuẩn bị tinh thần chịu cái tội tệ nhất thì hơn, Anne. Có thể nó lang thang vào đầm lầy. Thật tiếc là ta không có vài con chó săn.”

Anne cố gắng khựng khiếp mới nhoen cười được một cái.

“Cháu e trên đảo chẳng có con nào đâu, cô. Nếu mình còn con Rex lông xù bị trúng

độc của Gilbert thì nó sẽ tìm ra Jem ngay. Cháu tin chắc ta đang hoảng loạn vô cơ thôi...”

“Bốn mươi năm trước Tommy Spencer ở Carlody đã biến mất rất kỳ bí và chưa bao giờ tìm thấy... hay là tìm được rồi nhỉ? Hừm, nếu tìm được rồi thì cũng chỉ là bộ xương thôi. Chuyện này không cười được đâu, Anne. Cô chẳng hiểu sao cháu nhìn sự việc bình thần thể được.”

Điện thoại reo. Anne và Susan nhìn nhau.

“Cháu không... cháu không tới nghe điện thoại được đâu, Susan” Anne thều thào.

“Tôi cũng vậy,” Susan nói dứt khoát. Suốt đời bà sẽ phải giận mình vì tỏ ra yếu đuối như vậy trước mặt Mary Maria Blythe, nhưng bà không thể làm khác được. Hai giờ hoảng kinh tìm kiếm và những tưởng tượng kỳ quặc đã làm Susan thê thảm rồi.

Bà cô Mary Maria hiện ngang bước tới chỗ điện thoại nhắc ống nghe lên, mấy cái lô quần tóc tạo thành cái bóng có sừng trên tường mà Susan, dù đang khổ sở, vẫn phải liên tưởng là trông như quỷ sứ vậy.

“Carter Flagg nói họ tìm khắp nơi rồi mà vẫn không thấy tăm hơi nó đâu cả,” bà cô Mary Maria nói thân nhiên.

“Nhưng ông ta nói chiếc thuyền đánh cá đã ra giữa hồ mà theo như họ biết chắc là không có ai trên ấy. Họ đang tính mò dưới đáy hồ.”

Susan đỡ được Anne vừa kịp lúc.

“Không... không... cháu không ngắt đâu, Susan,” Anne nói qua đôi môi tái dại. “Giúp cháu tới ghế... cảm ơn cô. Ta phải tìm Gilbert...”

“Nếu James chết đuối rồi, Anne ạ, cháu phải tự nhắc mình là nó đã tránh được rất nhiều phiền muộn trên cõi đời khốn khổ này,” bà cô Mary Marie nói ra cái vẻ ban phát thêm an ủi.

“Cháu đi lấy đèn lồng rồi tìm trong vườn lần nữa đây” Anne nói ngay khi đứng lên được. “Phải, cháu biết cô tìm rồi, Susan... nhưng để cháu... để cháu. Cháu không làm sao ngồi yên mà chờ được.”

“Vậy cô phải mặc áo lạnh vào đã, cô bác sĩ thân yêu. Sương đang xuống nhiều lắm còn không khí thì ẩm. Tôi sẽ đi lấy chiếc áo đồ cho cô... nó mạng trên ghế trong

phòng mấy cậu bé. Cô ngồi chờ đây để tôi đem xuống đã nhé.”

Susan tắt tả lên lầu. Vài phút sau thì một thứ chỉ có thể tả được là tiếng ré vang vọng khắp Bên ánh Lửa.

Anne và bà cô Mary Maria chạy vội lên lầu thì thấy Susan vừa cười vừa khóc trong hành lang, trong đời Susan Baker chưa bao giờ, hay sẽ không bao giờ, gần mức điên loạn đến như vậy nữa.

“Cô bác sĩ thân yêu... nó kia! Bé Jem đó... ngủ gật trên bậu cửa sổ sau cánh cửa. Tôi chưa tìm ở đó... cánh cửa che mắt... mà khi nó không ngủ trên giường mình...”

Anne, nhữn cả người vì nhẹ nhõm và mừng rỡ, gắng gượng bước vào phòng rồi quỳ xuống bên bậu cửa sổ.

Chốc nữa thôi cô và Susan sẽ cười mình ngớ ngẩn, nhưng giờ thì chỉ có thể là nước mắt cảm tạ. Bé Jem đang ngủ say sưa trên bậu cửa sổ, một tấm khăn choàng bằng len trùm trên người, gấu bông tả tơi trong hai bàn tay bé bỏng rám nắng, và một mèo Tôm biết tha thứ nằm dài trên hai chân cậu. Mấy lọn tóc quăn đỏ hoe đỏ trên cái gối kê. Đường như cậu đang có một giấc mơ ngọt ngào nên Anne không muốn làm cậu thức giấc. Nhưng chợt cậu mở hai mắt trông như hai ngôi sao màu nâu nhạt nhìn cô.

“Jem, con yêu, sao con không nằm trên giường? Mọi người... mọi người có hơi lo... không tìm thấy con ở đâu cả mà lại không hề nghĩ đến chuyện tìm ở đây...”

“Con muốn nằm ở đây, vì khi nào bố mẹ về con sẽ thấy được bố mẹ đánh xe vào cổng. Một mình buồn quá nên con phải đi ngủ thôi.”

Mẹ ẵm cậu lên... bế cậu vào giường. Được hôn mới tuyệt làm sao... cậu thấy được yêu thương khi cảm nhận mẹ triu mến vỗ vỗ dèm khăn trải giường xung quanh mình. Dù gì, ai mà cần xem xăm con rắn già? Mẹ thật tuyệt vời. Người mẹ tuyệt vời nhất người ta từng có. Ở Glen ai cũng gọi mẹ của Bethe Shakespeare là ‘bà vắt cổ chảy ra nước’ vì bà keo kiệt lắm, và cậu biết... vì cậu đã thấy bà tát vào mặt Bethe vì mỗi chuyện không đầu.

“Mẹ ơi,” cậu nói trong cơn ngái ngủ, “tất nhiên mùa xuân sang năm con sẽ hái hoa tảo gai về cho mẹ... xuân nào cũng thế. Mẹ cứ tin ở con.”

“Tất nhiên là mẹ tin chứ, con yêu,” mẹ nói.

“Thôi được, vì ai nấy đều đã qua cơn nhấp nhòm rồi, cô nghĩ ta có thể hít một hơi

bình yên mà đi ngủ lại,” bà cô Mary Maria nói. Nhưng giọng bà đã bớt chút gắt gỏng.

“Cháu gốc quá không nhớ ra bậu cửa sổ,” Anne nói. “Ta sẽ bị đem ra làm trò đùa và bác sĩ sẽ không để ta quên được đâu, cô cứ tin chắc điều đó. Cô Susan, làm ơn gọi báo cho ông Flagg là ta tìm thấy Jem rồi.”

“Ông ta cũng sẽ cười tôi đã đòi cho xem,” Susan sung sướng nói. “Nhưng mà tôi chẳng thêm quan tâm... bé Jem an toàn rồi thì ông ta muốn cười mấy cũng được.”

“Tôi sẽ cần một tách trà đây,” bà cô Mary Maria phàn nàn thờ dãi, siết chặt mấy con rồng quanh thân gầy đét.

“Tôi đi pha ngay đây,” Susan nhanh nhẩu nói. “Ta đều sẽ cảm thấy tươi tỉnh lên thôi. Cô bác sĩ thân yêu ạ, khi Carter Flagg nghe tin bé Jem an toàn rồi, ông ta nói, ‘Ồ chúa’. Tôi sẽ không bao giờ nói lời nào ghét bỏ người đó nữa, dù giá cả của ông ta có thế nào. Cô thấy trưa mai ta ăn gà được không, cô bác sĩ thân yêu? Chỉ kiểu như một bữa ăn mừng nho nhỏ, ấy là nói vậy. Còn bé Jem sẽ có bánh nướng xốp khoai khâu trong bữa điếm tâm.”

Điện thoại lại reo... lần này là của Gilbert để nói rằng anh đang đưa một đứa bé bị bông nặng ở Cửa Vịnh lên bệnh viện trong thị trấn nên cho đến sáng mai đừng tìm anh.

Bên cửa sổ Anne cúi xuống nhìn chào cảm tạ thế gian rồi mới đi ngủ. Một làn gió mát từ biển thổi vào. Một trạng thái say trắng như đang tràn khắp ngàn cây trong Vùng Lòng Chảo. Anne còn cười nữa... một thoáng run run sau tiếng cười... về chuyện một giờ trước họ đã hoảng loạn và mấy gợi ý vô lý cùng những ký ức rừng rợn của bà cô Mary Maria. Con cô đã an toàn... Gilbert thì đang ở đâu đó giành giật sự sống cho một đứa bé khác... Lạy Chúa nhân từ, xin hãy phù hộ cho thằng bé ấy và cho người mẹ... phù hộ cho mọi bà mẹ khắp nơi. Chúng con rất cần được giúp, khi những trái tim khô óc yêu thương, mong manh bé bỏng hướng về chúng con mong được hướng dẫn yêu thương và cảm thông.

Đêm thân thiện vây quanh trùm lấy Bên ánh Lửa, rồi ai nấy, ngay cả Susan... gần như cảm thấy mình sẽ thích thú nếu được bò vào một cái ổ yên tĩnh từ tế nào đó rồi kéo nắp đậy lại... đều ngủ thiếp đi dưới mái nhà chơ che ấy.

“Thằng bé sẽ có nhiều bạn bè lắm... nó không lẻ loi đâu... bốn đứa nhà chúng tôi... cháu trai cháu gái của tôi từ Montreal sắp đến chơi nữa. Đứa này mà không nghĩ ra thì đứa khác nghĩ ra.”

Bà bác sĩ Parker vui tính, cao lớn, núng nính nhoẽn miệng cười toét với Walter... còn cậu cười đáp lại có hơi xa cách. Cậu không chắc là mình thích bà Parker dù bà tươi cười và vui vẻ. Không hiểu sao cậu thấy bà hơi thái quá.

Bác sĩ Parker thì cậu thích. “Còn về bốn đứa nhà chúng tôi” và cháu trai cháu gái từ Montreal, Walter chưa từng gặp đứa nào. Lowbridge, nơi nhà Parker sống, cách Glen cả chục cây số mà Walter thì chưa từng đến đó, dù ông bà bác sĩ Parker và ông bà bác sĩ Blythe thường xuyên qua lại thăm nhau. Bác sĩ Parker và bố cậu là bạn thân, dù đôi lúc Walter có cảm giác như không có bà Parker thì mẹ vẫn vui vẻ thôi. Như Anne nhận thấy thì dù mới lên sáu nhưng Walter đã nhìn ra được những thứ mà trẻ khác không thấy.

Walter cũng không chắc là cậu thích đi Lowbridge.

Một vài chuyến đi chơi thật tuyệt. Một chuyến đến Avonlea chẳng hạn... a, có trò vui cho ta! Và ngủ một đêm với Keuneth Ford ở Ngôi Nhà Mơ Ước cũ thì còn vui hơn nữa... mặc dù không hẳn có thể gọi vậy là đến chơi, vì đối với bọn trẻ Bên ánh Lửa thì Ngôi Nhà Mơ Ước luôn có vẻ như ngôi nhà thứ hai. Nhưng còn đến Lowbridge những hai tuần, giữa những người xa lạ, thì lại là chuyện khác xa. Tuy vậy, có vẻ như việc đã quyết. Vì một lý do nào đó mà Walter cảm thấy nhưng không hiểu được, bố mẹ hài lòng về sắp xếp này. Phải chăng bố mẹ muốn tổng khứ cả bảy con đi, Walter tự hỏi, lòng khá buồn bã và lo lắng. Jem cũng đi, cậu được đưa đến Avonlea hai hôm trước, Walter còn nghe Susan nói những câu bí hiểm kiểu như “đến lúc đó thì gửi hai đứa sinh đôi đến chỗ bà Marshall Elliott”.

“Lúc nào? Bà cô Mary Maria có vẻ rất ụt đột vì chuyện gì đó và nghe đâu đã nói bà ước gì mọi chuyện xong xuôi cả”.

Cái bà muốn xong xuôi cả là gì vậy? Walter không biết.

Nhưng có gì đó kỳ lạ trong bầu không khí ở Bên ánh Lửa.

“Mai tôi sẽ đưa cháu nó đến,” Gilbert nói.

“Bọn trẻ sẽ mong lắm đấy,” bà Parker nói.

“Chị tử tế quá,” Anne nói.

“Chắc chắn vậy là tốt hơn cả,” Susan sa sầm nói với Tôm trong bếp.

“Cái dù Parker ấy thật sốt sắng lấy Walter của ta đi, Anne,” bà cô Mary Maria nói khi vợ chồng Parker đi rồi.

“Chị ta bảo cô là chị ta thích nó lắm. Sao thiên hạ cứ có cái kiêu thích lạ lùng quá thế? Thôi, có lẽ giờ thì cô cũng có ít nhất hai tuần được vào nhà tắm mà không phải giẫm trúng cá chết.”

“Cá chết ư thưa cô! Cô không muốn nói...”

“Cô nghĩ sao thì nói vậy, Anne. Bao giờ cũng thế. Một con cá chết! Cháu đã bao giờ giẫm chân trần trúng cá chết chưa?”

“Churaa... nhưng làm sao mà...”

“Tôi qua Walter bắt được một con cá hồi rồi bỏ vào chậu tắm cho nó sống, cô bác sĩ thân yêu ạ,” Susan ung dung nói. “Nó mà còn ở đó thì đã ổn rồi, nhưng chẳng hiểu sao nó quẫy ra ngoài rồi chết trong đêm. Dĩ nhiên, nếu người ta thích đi chân không trong nhà...”

“Tôi có nguyên tắc là không bao giờ cãi cọ với ai cả,” bà cô Mary Maria nói, đoạn đứng lên đi khỏi phòng.

“Tôi đã hạ quyết tâm là bà ta sẽ không làm tôi bức được nữa, cô bác sĩ thân yêu ơi,” Susan nói.

“Ồ, Susan đúng là cô ấy cũng làm cháu bức một chút... nhưng dĩ nhiên cháu sẽ không để tâm gì lắm khi mọi chuyện này xong xuôi... nhưng giẫm phải cá chết thì hẳn là khiếp lắm...”

“Cá chết không đỡ hơn cá sống sao, mẹ? Cá chết thì không quẫy được nữa,” Di nói.

Vì bằng mọi giá phải nói thật nên phải thừa nhận rằng cả cô chủ lẫn người giúp việc ở Bền ánh Lửa đều cười khúc khích.

Vậy là thế đấy. Nhưng tối hôm ấy Anne băn khoăn với Gilbert không biết ở

Lowbridge Walter có được vui không “Nó mới nhạy cảm và có trí tưởng tượng phong phú làm sao,” cô đầm chiêu nói.

“Hơi quá nhạy cảm,” Gilbert nói, anh đã mệt sau khi sinh được ba em bé hôm ấy - trích nguyên văn lời Susan.

“Chao ôi, Anne, anh tin rằng thằng bé sợ lên lầu trong bóng tối. Qua ở với bọn trẻ nhà Parker vài ngày sẽ tốt cho nó nhiều lắm. Về nhà nó sẽ thành một người khác.”

Anne không nói gì thêm. Rõ ràng Gilbert hoàn toàn đúng. Walter thui thui khi không có Jem; và xét theo chuyện xảy ra khi sinh Shirley thì cũng nên cho Susan được rảnh tay đôi chút ngoài loay hoay việc nhà và chịu đựng bà cô Mary Maria... mà hai tuần của bà đã kéo ra thành bốn.

Walter nằm thao thức trên giường, cố thoát khỏi cái ý nghĩ ám ảnh là hôm sau cậu sẽ phải đi xa bằng cách để mặc cho trí tưởng tượng bay bổng. Walter có trí tưởng tượng rất sống động. Trí tưởng tượng đối với cậu như một con ngựa chiến trắng cao lớn, như con trong bức tranh trên tường, mà cậu có thể cưỡi phi nước đại đi đi về về trong không gian và thời gian. Thần Đêm đang xuống...

Đêm, như một thiên thần cao lêu lêu, đen kịt, có đôi cánh dơi sống trong rừng của ông Andrew Taylor ở ngọn đồi phía Nam. Khi thì Walter chào đón bà... lúc cậu lại tưởng tượng ra bà sống động tới nỗi đâm ra sợ bà. Walter kịch tính hóa và nhân cách hóa mọi thứ trong thế giới nhỏ bé của mình... thần Gió đêm đêm vẫn kể chuyện cho cậu nghe... thần Giá Rét ngắt hoa trong vườn... thần Sương rơi trong veo và êm ái biết bao... thần Trăng mà cậu đỉnh ninh sẽ bắt được nếu cậu trèo lên tới đỉnh đồi tím xa xa ấy... thần Sương Mù từ biển vào... chính thần Biển bao la luôn biến đổi mà không bao giờ đổi khác... thần Thủy Triều âm u bí ẩn. Với Walter thì tất cả đều là những thực thể. Bên ánh Lửa và Vùng Lòng Chảo, cụm rừng thối ròi Đầm Lầy và bờ biển vịnh cảng đầy người tí hon rồi thủy thần rồi thần rừng rồi người cá rồi yêu tinh. Con mèo đen bằng thạch cao trên bệ lò sưởi trong thư viện là mụ phù thủy xinh đẹp như tiên. Đêm đến nó hiện hình rồi lảng vảng khắp nhà, vươn mình lên cao lớn khổng lồ. Walter vui đầu dưới chân run cầm cập. Lúc nào cậu cũng làm mình sợ vì những tưởng tượng của chính mình.

Có lẽ bà cô Mary Maria đúng khi nói rằng cậu “quá ư nhút nhát và dễ xúc động”, dù Susan sẽ không bao giờ tha thứ cho bà ta vì nói như thế. Có lẽ bà đi Kitty MacGregor ở Bắc Glen mà người ta đồn là có “linh cảm” đã đúng khi nhìn sâu vào đôi mắt xám khói, hàng mi dài của Walter rồi nói là cậu “có một tâm hồn già dặn trong một cơ thể non nớt”. Có lẽ tâm hồn già dặn biết quá nhiều thứ mà một đầu óc non nớt không phải lúc nào cũng hiểu được.

Hồi sáng mọi người nói với Walter rằng ăn xong bố sẽ dẫn cậu đi Lowbridge. Cậu không nói gì, nhưng suốt bữa ăn một cảm giác nghẹn ngào cứ choàng lấy cậu, cậu nhẹ nhàng cúi xuống để giấu một màn nước mắt nhòa nhạt bất ngờ. Song cũng không đủ nhanh.

“Cháu sắp khóc đấy hả Walter?” bà cô Mary Maria nói, như thể một đứa bé sáu tuổi đầu mà khóc thì sẽ nhục nhã suốt đời. “Nếu có thứ gì mà bà ta lòng coi khinh thì đó là con nít khóc nhè. Mà cháu cũng chưa ăn phần thịt của cháu nữa kia.”

“Toàn mỡ thôi,” Walter nói, kiên cường chớp chớp đôi mắt nhưng vẫn chưa dám ngược lên. “Cháu không thích mỡ.”

“Hồi bà còn bé,” bà cô Mary Maria nói, “bà không được phép thích với chả không thích. Thôi, chắc cái vị bác sĩ Parker kia sẽ làm cháu chừa đi vài thói tật. Chị ta họ thối con gái là Winter thì phải... hay là Clark?... không, hẳn dù ta phải là Campbell. Nhưng nhà Winter với nhà Campbell đều một giuộc cả, họ không chịu nổi chuyện vớ vẩn nào đâu.”

“Ồ, xin cô Mary Maria đừng làm Walter hoảng về chuyện đến Lowbridge chơi,” Anne nói, sâu trong đáy mắt ánh lên một tia lửa.

“Cô xin lỗi, Anne,” bà cô Mary Maria nói vô cùng khiêm tốn. “Tất nhiên cô phải nhớ rằng cô không có quyền cố dạy bảo con cái của cháu điều gì cả.”

“Chết tiệt,” Susan lầm bầm khi đi ra lấy món tráng miệng... món bánh pudding Nữ Hoàng mà Walter thích nhất.

Anne cảm thấy có lỗi vô cùng. Gilbert đã ném cho cô cái nhìn trách móc như thể ngụ ý rằng đáng ra cô phải nhẫn nại hơn với một bà lớn tuổi một thân một mình tội nghiệp.

Chính Gilbert cũng cảm thấy hơi khó chịu. Thật ra, như ai cũng biết, cả mùa hè anh đã làm việc quá sức; và có lẽ bà cô Mary Maria đã tạo ra nhiều căng thẳng hơn là anh chịu thừa nhận. Anne đã quyết ý là đến mùa thu, nếu mọi chuyện suôn sẻ, cô sẽ thu xếp hành lý cho anh đi bắt chim để giun cá tháng ở Nova Scotia, cho dù anh có muốn hay không.

“Trà của cô thế nào?” cô ăn năn hỏi bà cô Mary Maria.

Bà cô Mary Maria bĩu môi.

“Nhật thềch. Nhưng mà chẳng sao. Ai cần biết một bà già tội nghiệp có trà như ý mình thích hay không? Tuy nhiên, một số người sẽ nghĩ cô là một vị khách quá ư tử tế.”

Bất kể mối liên quan giữa hai câu bà cô Mary Maria nói là gì thì Anne cũng cảm thấy mình không thể dò ra ngay lúc đó. Bà đâm rất nhọt nhọt.

“Cô nghĩ cô lên lầu nằm đây,” bà nói, hơi uể oải khi đứng dậy rời khỏi bàn ăn. “Gilbert này, cô còn nghĩ... có lẽ cháu không nên ở lại Lowbridge lâu... chắc cháu cũng nên gọi cho cô Carson một tiếng.”

Bà hôn tạm biệt Walter khá vội vàng qua quýt... rất giống như thể bà không nghĩ gì đến cậu cả. “Walter sẽ không khóc đâu.” Bà cô Mary Maria hôn lên trán cậu...

Walter ghét bị hôn ướt nhoẹt trên trán... rồi bà nói:

“Ồ Lowbridge cháu để ý cư xử bên bàn ăn đấy nhé, Walter. Nhớ đừng tham ăn. Nếu cháu ăn tham, một ông Ba Bị sẽ đến xách theo một cái bị đen to tướng để vút trẻ hừ vào.”

May là Gilbert đã ra ngoài thắng yên cho Tom Xám nên không nghe thấy. Anh và Anne luôn để ý không làm con mình hoảng sợ vì những ý nghĩ như vậy hay để bất kỳ ai làm thế. Khi dọn bàn thì Susan nghe thấy âm thanh gì đó và bà cô Mary Maria không hề biết suýt tí nữa thì mình đã lãnh cái bát đựng nước xốt cùng những gì trong đó liệng vào đầu.

Thường thì Walter vẫn thích được ngồi xe với bố. Cậu thích cái đẹp, mà những con đường quanh Glen St. Mary thì thật đẹp. Con đường đến Lowbridge như một sợi ruy băng hai lớp hoa mao lương vàng rung rinh, đây đó viền dương xỉ xanh lục của một rừng cây mời gọi. Nhưng hôm nay dường như bố không muốn nói nhiều và theo như Walter nhớ thì bố chưa từng điều khiển Tom Xám như vậy. Khi họ tới Lowbridge, bố nói riêng mấy lời với vợ vàng với bà Parker rồi vội vã bỏ đi mà không chào tạm biệt Walter. Walter lại phải cố lắm mới không khóc. Đã quá rõ là chẳng ai yêu thương cậu cả. Bố mẹ từng yêu thương, nhưng không còn yêu thương nữa.

Căn nhà lớn, bữa bọn của Parker ở Lowbridge có vẻ không thân thiện với Walter. Nhưng có lẽ lúc ấy thì dường như chẳng có nhà nào là thân thiện cả. Bà Parker dẫn cậu ra sân sau, vang dậy những tiếng hét inh tai đùa giỡn âm ỉ, giới thiệu cậu với mấy đứa trẻ dường như gây ra tiếng ồn đó. Rồi bà quày quả quay lại may vá, để chúng “tự làm quen với nhau”... một trình tự mà hết chín trên mười trường hợp sẽ có kết quả. Có lẽ không thể trách bà khi không thấy rằng Walter Blythe bé bỏng là trường hợp thứ mười. Bà miễn cậu... còn con bà là những đứa trẻ vui vẻ. Fred và Opal có khuynh hướng ra về dân Montreal, nhưng bà cảm thấy khá chắc là chúng sẽ không xấu bụng với ai. Mọi thứ sẽ diễn ra suôn sẻ. Bà rất mừng là giúp được phần nào “Anne Blythe tội nghiệp” qua lúc khó khăn, dù cho chỉ bằng cách đem một đứa con của cô đi. Bà Parker hy vọng “mọi chuyện sẽ tốt đẹp”. Bạn bè của Anne vẫn nhắc nhau về cái lần cô sinh Shirley, họ lo lắng cho cô nhiều hơn chính cô lo cho mình.

Một bầu không khí im lặng bỗng bao trùm xuống sân sau... khoảng sân chạy ra một vườn táo lớn, có bóng mát. Walter đứng nhìn bọn trẻ nhà Parker và hai anh em họ Johnson ở Montreal với vẻ trang nghiêm và rụt rè. Bill Parker lên mười... một thằng oắt con mặt tròn xoay, hồng hào “giống” mẹ và trong mắt Walter thì nó có vẻ rất già dặn to con. Andy Parker chín tuổi và trẻ con ở Lowbridge có thể cho ta biết nó là “đứa con hư nhà Parker” và vì nhiều lý do thích đáng mà được đặt biệt danh là “Heo”. Từ đầu Walter đã không ưa vẻ ngoài của nó... tóc cắt ngắn dựng đứng, mặt tàn nhang tinh quái, hai mắt xanh óc nhỏi. Fred Johnson bằng tuổi Bill và Walter cũng không thích nó, dù nó là thằng dễ coi tóc quần nâu đen và hai mắt đen. Đứa em gái chín tuổi của nó, Opal, cũng có tóc quần và mắt đen... mắt đen lóe sáng. Con bé đứng, tay ôm eo Cora Parker tám tuổi tóc vàng, và cả hai nhìn Walter hết sức kè cả. Nếu không vì Alice Parker thì Walter có quay lưng bỏ chạy cũng là điều dễ hiểu.

Alice lên bảy; Alice có những lọn tóc quần vàng óng nhỏ xíu đáng yêu vô cùng, Alice có đôi mắt xanh mềm mại như cánh hoa viola trong Vùng Lòng Chảo; Alice hai má hồng, có lúm đồng tiền; Alice mặc chiếc váy vàng có viền ren nhỏ nên cô bé trông như

một bông mao lương vàng rung rinh; Alice mỉm cười với cậu như thể đã quen cậu cả đời rồi; Alice là bạn.

Fred mào đầu cuộc trò chuyện.

“Chào, cu con,” nó nói kè kè.

Walter cảm nhận được ngay điệu bộ trịch thượng nên thu mình vào thế giới riêng.

“Em tên Walter,” cậu nói rành mạch.

Fred quay qua mấy đứa kia làm vẻ ngạc nhiên rất kịch. Nó sẽ cho thằng nhóc nhà quê này thấy!

“Nó xưng nó là Walter đấy,” nó cong môi lên hài hước nói với Bill.

“Nó xưng nó là Walter đấy,” đến lượt Bill nói cho Opal.

“Nó xưng nó là Walter đấy,” Opal nói với thằng Andy đang khoái chí.

“Nó xưng nó là Walter đấy,” Andy nói cho Cora.

“Nó xưng nó là Walter đấy,” Cora khúc khích nói lại cho Alice.

Alice không nói gì. Cô bé chỉ nhìn Walter đầy ngưỡng mộ và cái nhìn của cô bé giúp cậu vượt qua được khi mà tất cả mấy đứa kia cùng hò lên, “Nó xưng nó là Walter đấy” rồi ré lên cười chế giễu.

“Bọn nhò thân yêu vui chưa kia!” Bà Parker mãn nguyện nghĩ về sự tài tình của mình.

“Tao nghe mẹ nói mây tin có bà tiên,” Andy nói, liếc mắt trăng tráo.

Walter nhìn chằm chằm ngang ngửa lại nó. Cậu sẽ không để bị hạ trước mặt Alice.

“Có bà tiên mà,” cậu nói quả quyết.

“Không có,” Andy đáp.

“Có,” Walter trả lời.

“Nó nói có bà tiên đấy,” Andy nói với Fred.

“Nó nói có bà tiên đấy,” Fred nói cho Bill... rồi chúng lặp lại cả màn diễn lần nữa.

Đó là sự tra tấn đối với Walter, vốn trước giờ chưa từng bị chế nhạo, nên cậu không chịu nổi nữa. Cậu cắn môi nén nước mắt. Cậu không được khóc trước mặt Alice.

“Mày có thích bị nhéo bầm tím không hả?” Andy hỏi, nó tức thì cho rằng Walter là một thằng ego là yếu đuối nên chọc ghẹo cậu thì sẽ thú lắm.

“Heo, cầm đi!” Alice ra lệnh dữ dằn... rất dữ dằn, dù rất khế, rất dễ thương và rất dịu dàng. Trong giọng điệu cô bé có gì đó mà ngay cả Andy cũng không dám coi thường.

“Tất nhiên anh có định làm vậy đâu,” thằng bé trơ tráo lí nhí.

Gió xoay chiều thuận lợi cho Walter đôi chút và thế là chúng chơi đuổi bắt khá thân ái trong vườn trái. Nhưng khi chúng om sòm tập hợp vào giờ ăn tối thì Walter lại tràn ngập nỗi nhớ nhà. Thật kinh khủng vì trong một lúc khủng khiếp cậu sợ sẽ khóc trước mặt cả bọn... ngay cả Alice, nhưng khi chúng ngồi xuống, cô bé huých nhẹ cánh tay cậu thân ái đến mức điều đó đã giúp cậu. Nhưng cậu không làm sao nuốt trôi... cậu không thể. Bà Parker, vốn có những phương pháp còn nhiều điều phải xem lại, không làm phiền cậu về chuyện đó, yên tâm kết luận là sáng ra cậu sẽ thấy ngon miệng hơn, còn mấy đứa kia mãi ăn và nói chuyện quá không để ý đến cậu.

Walter thắc mắc sao cả nhà cứ gào lên mà nói với nhau như vậy, cậu không biết là chúng chưa kịp bỏ thói quen ấy vì bà nội già điếc đặc và nhạy cảm mới qua đời.

Tiếng ồn làm cậu nhức đầu. Ồ, lúc này ở nhà mọi người cũng đang ăn tối. Mẹ ngồi ở đầu bàn mỉm cười, bố sẽ đùa với hai đứa song sinh, Susan sẽ rót kem vào cốc sữa của Shirley, Nan lên thả mấy mẩu đồ ăn cho mèo Tôm. Ngay cả bà cô Mary Maria, như một phần trong vòng tròn gia đình, dường như bỗng đâu ngồi ánh hào quang dịu dàng, hòa nhã. Ai sẽ đánh keng gọi ăn tối? Đến tuần cậu làm mà Jem thì đi rồi. Giá mà cậu tìm được một chỗ để ngồi khóc!

Nhưng ở Lowbridge dường như không có chỗ cho cậu tha hồ khóc. Và lại... còn có Alice. Walter nuốt ực cả ly nước đá đầy và thấy làm như thế cũng giúp được đôi chút.

“Con mèo của bọn tao xù lông nhím,” bất chợt Andy nói, đá con mèo dưới gầm bàn.

“Mèo nhà em cũng thế,” Walter nói. Tôm đã hai lần nổi cơn tam bành. Mà cậu nhất định không để mèo của Lowbridge xếp hạng cao hơn mèo Bên ánh Lửa đâu.

“Tao cá mèo nhà tao xù lông nhím hơn mèo nhà mày,” Andy chế nhạo.

“Em cá là không,” Walter trả miếng.

“Nào, nào, đừng tranh cãi về mấy con mèo của các con nữa đi,” bà Parker nói, bà muốn một buổi tối yên tĩnh để viết khảo luận ở Viện về “Trẻ em không được thấu hiểu”. “Chạy ra ngoài chơi đi. Chút nữa là tới giờ đi ngủ rồi.”

Giờ đi ngủ! Walter chợt nhận ra rằng cậu phải ở lại đây cả đêm... nhiều đêm... hai tuần. Thật đáng sợ. Cậu bước ra ngoài đến vườn trái, hai bàn tay nắm chặt thì thấy Bill và Andy đang điên cuồng ghì nhau trên cỏ, đấm đá, cào cào, la hét.

“Mày đưa táo sâu cho tao hả, Bill Parker!” Andy thét lên. “Tao sẽ dạy cho mày một trận vì đưa táo sâu cho tao này! Tao sẽ cắn đứt tai mày ra!”

Đánh đấm kiểu này là chuyện xảy ra hằng ngày với đám trẻ nhà Parker. Bà Parker nghĩ rằng con trai đánh nhau thì không sao cả. Bà nói bằng cách đó chúng loại bỏ được nhiều tính hung ác trong người và sau đó lại là bạn tốt của nhau. Nhưng trước giờ Walter chưa thấy ai đánh nhau nên hoảng kinh.

Fred reo hò cổ vũ chúng, Opal và Cora thì cười, nhưng mắt Alice lại rung rung. Walter không chịu nổi điều đó. Cậu lao mình vào giữa các chiến binh, vốn đã tách nhau ra một lát lấy hơi để lại lao vào trận đấu.

“Mấy anh đừng đánh nhau nữa!” Walter nói. “Mấy anh làm Alice sợ kia kìa.”

Bill và Andy nhìn sững cậu một lát, cho đến khi nhận ra khía cạnh buồn cười trong sự nghiệp trẻ con này vào trận đấu của chúng. Cả hai phá ra cười rồi Bill vỗ lưng cậu.

“Có dừng khí lắm, tụi bây ơi,” nó nói. “Nếu tụi bây để cho nó lớn thì lúc nào đó nó sẽ là thằng con trai thực thụ đấy. Trái táo cho chuyện đó này... mà cũng không có sâu đâu.”

Alice quệt nước mắt trên đôi má hồng mịn màng rồi nhìn Walter ngưỡng mộ đến mức Fred không ưa. Tất nhiên Alice chỉ là đứa con nít nhưng con nít đi nữa thì cũng không việc gì phải nhìn mấy thằng con trai khác ngưỡng mộ như vậy khi mà nó, Fred Johnson ở Montreal, đang ở đó. Phải giải quyết chuyện này thôi. Lúc này khi vào nhà Fred nghe thấy dì Jen, đang trò chuyện qua điện thoại. nói gì đó với cậu Dick.

“Mẹ mày bệnh nặng đó,” nó nói với Walter.

“Mẹ em... mẹ em không bệnh nặng!” Walter kêu lên.

“Có mà. Tao nghe dì Jen nói với cậu Dick...” Fred đã nghe dì nói, “Anne Blythe đang bệnh,” nhưng mà thêm vào “nặng” thì mới vui. “Chắc mẹ mày sẽ chết trước khi mày về nhà.”

Walter đưa cặp mắt khổ sở nhìn quanh. Alice lại đứng về phía cậu... đám còn lại thì một lần nữa tụ lại quanh cờ hiệu của Fred. Chúng cảm thấy ở lứa trẻ ngăm ngăm, xinh đẹp này cái gì đó xa lạ... chúng cảm thấy thôi thúc muốn chọc nó.

“Nếu mẹ em bệnh,” Walter nói, “bố em sẽ chữa cho mẹ.”

Bố sẽ làm... bố phải làm!

“Tao sợ là chuyện đó không được đâu,” Fred nói, làm mặt buồn bã nhưng lại nháy mắt với Andy.

“Với bố em thì không có gì là không được cả,” Walter vẫn một hai trung thành.

“Ừa, hè năm ngoái Russ Carter đi Charlottetown có một ngày mà khi về nhà thì mẹ nó đã chết cứng rồi,” Bill nói.

“Chôn rồi nữa chứ,” Andy nói, rắp tâm góp vào cho thêm phần kịch tính - có phải sự thật hay không cũng chẳng sao. “Russ phát điên vì không được dự đám tang... đám tang thì vui lắm.”

“Vậy mà em chưa từng được xem đám tang nào cả,” Opal nói buồn bã.

“Ôi em còn nhiều dịp mà,” Andy nói. “Nhưng mày thấy ngay cả bố tao cũng không làm cho bà Carter sống được mà bố tao là bác sĩ giỏi hơn bố của mày nhiều.”

“Không phải...”

“Phải, phải mà, đẹp trai hơn nhiều nữa...”

“Không phải...”

“Ta mà đi xa nhà thì luôn xảy ra chuyện,” Opal nói.

“Mày sẽ cảm thấy thế nào nếu về tới nhà thì thấy Bên ánh Lửa cháy rụi rồi?”

“Nếu mẹ mày chết, chắc tụi mày sẽ bị tách ra,” Cora nói hớn hờ. “Có lẽ mày sẽ đến đây ở.”

“Phải... đến đi,” Alice nói thật dễ thương.

“Ồ, bố nó sẽ muốn nuôi chúng chứ,” Bill nói. “Ông ấy sẽ sớm cưới vợ khác thôi. Nhưng chắc bố nó rồi cũng chết sớm. Tao nghe bố nói bác sĩ Blythe làm việc tới chết”.

“Xem nó nhìn chăm chăm kia. Mày có đôi mắt con gái, thằng cu a... mắt con gái... mắt con gái.”

“Ôi, thôi im đi,” Opal nói, chợt chán trò chơi. “Mấy anh không lừa nó được đâu. Nó biết mấy anh chỉ ghẹo thôi. Minh xuống công viên xem bóng chày đi. Walter và Alice cứ ở đây. Minh không thể để bọn con nít lêu đẹo theo khắp được.”

Walter không thấy tiếc khi chúng bỏ đi. Rõ ràng Alice cũng không. Hai đứa ngồi xuống một khúc cây tảo rôi ngại ngùng và hài lòng nhìn nhau.

“Để tớ chỉ cậu chơi đánh chuyền nhé,” Alice nói, “và cho cậu mượn con chuột túi nhồi bông của tớ.”

Đến giờ ngủ thì Walter thấy mình được đưa vào phòng ngủ nhỏ ở cuối hành lang một mình. Bà Parker đã chu đáo để lại cho cậu một cây nến và một cái gối ấm, vì đêm tháng Bảy lạnh đến khó hiểu, như đôi khi một đêm hè ở các tỉnh miền Đông vẫn thế. Cần như thế sẽ có sương giá vậy. Nhưng Walter không tài nào ngủ được, dù cho con chuột túi nhồi bông của Alice vẫn áp bên má cậu. Ôi, giá mà cậu đang nằm trong phòng mình ở nhà, có cửa sổ lớn nhìn ra Glen và cửa sổ nhỏ, có riêng một mái che nhỏ xíu, nhìn ra cây hồng tùm! Mẹ sẽ vào đọc thơ cho cậu nghe giọng thật dịu dàng...

“Minh là con trai lớn rồi... mình sẽ không khóc... mình sẽ khôngggg...” Bất giác nước mắt trào ra. Chuột túi nhồi bông để mà làm gì kia chứ? Cậu cảm giác như mình đã xa nhà biết bao năm rồi.

Một lát sau mấy đứa kia từ công viên về và thân ái ulla vào phòng cậu ngồi trên giường nhai tảo.

“Nãy giờ mày khóc hã, cưng,” Andy giễu. “Mày đúng là một cô bé dễ thương. Cưng cưng của mẹ!”

“Cẩn miếng đi, nhóc,” Bill nói, đưa ra mời trái táo đã gặm hết nửa. “Rồi vui lên đi.

Mẹ mày có đỡ hơn thì tao cũng không ngạc nhiên đâu... tức là nếu bà ấy có thể chết.”

“Bố nói nếu không có thể chết thì bà Stephen Flagg đã chết nhiều năm trước rồi. Mẹ mày có không?”

“Dĩ nhiên là có,” Walter nói. Cậu chẳng biết thể chết là gì, nhưng nếu bà Stephen Flagg có thì mẹ cũng phải có.

“Bà Ab Sawyer chết tuần rồi còn mẹ của Sam Clark thì chết tuần trước nữa,” Andy nói.

“Họ chết trong đêm,” Cora nói. “Mẹ nói hầu hết mọi người chết trong đêm. Em mong em thì không vậy. Tưởng tượng ta phải lên thiên đường trong bộ đồ ngủ xem!”

“Mấy đứa! Mấy đứa! Về giường ngủ đi,” bà Parker kêu lên.

Bọn con trai bỏ đi sau khi vờ dùng khăn tắm bịt mắt Walter cho ngộp thở. Suy cho cùng thì chúng khá thích thằng bé. Walter chụp được bản tay của Opal khi con bé quay đi.

“Opal, thật ra mẹ em đâu có bệnh, đúng không?” cậu thì thầm cầu khẩn. Cậu không chịu nổi chuyện bị bỏ lại một mình với nỗi sợ.

Opal “không phải là đứa trẻ xấu bụng”, như bà Parker nói, nhưng nó không cưỡng được cái cảm giác hồi hộp thích thú khi báo tin dữ.

“Cô ấy bệnh thật mà. Di Jen nói vậy... di nói tao không được nói cho mày biết. Nhưng tao nghĩ mày nên biết. Có lẽ cô ấy bị ung thư.”

“Ai ai cũng phải chết hà, Opal?” Đây là một ý nghĩ mới mẻ và đáng sợ đối với Walter, vốn trước giờ chưa từng nghĩ đến chuyện chết chóc.

“Dĩ nhiên, thẳng góc à. Chỉ có điều thật ra họ không chết... họ lên thiên đường,” Opal nói... vui vẻ.

“Không phải ai cũng lên đâu,” Andy cố ý thì thào rõ to... nó đang đứng ngoài cửa lắng nghe.

“Vậy... vậy thiên đường có xa hơn Charlottetown không?” Walter hỏi.

Opal ré lên cười.

“Ôi mày đúng là kỳ cục! Thiên đường cách đây cả hàng triệu dặm. Nhưng để tao chỉ cho mày biết phải làm sao. Mày cầu nguyện đi. Cầu nguyện tốt lắm đó. Có lần tao làm mất một xu nên tao cầu nguyện rồi tìm được hai mươi lăm xu. Tao biết vậy đấy.”

“Opal Johnson, con có nghe đi nói gì không? Mà nhớ thổi tắt nến trong phòng Walter đi. Dì sợ cháy,” bà Parker trong phòng gọi với ra. “Đáng ra thằng bé phải ngủ lâu rồi chứ.”

Opal thổi tắt ngọn nến rồi chạy đi. Dì Jen vốn dễ tính, nhưng khi đi nổi giận thật thì đến khiếp! Andy thò đầu vào cửa chúc ngủ ngon.

“Chắc lũ chim trên giấy dán tường sẽ hiện hình rồi móc mắt mày ra đó,” nó thì thào.

Sau đó thì tất cả đều đi ngủ thật, cảm thấy đã hết một ngày hoàn hảo và Walt Blythe không phải là một thằng nhóc xấu và mai chúng sẽ được chọc ghẹo thật vui nữa.

“Những linh hồn bé bỏng thân yêu,” bà Parker đa cảm nghĩ.

Một sự yên tĩnh khác lạ trôi xuống nhà Parker, còn cách đó mười cây số tại Bên ánh Lửa, Bertha Marilla Blythe bé nhỏ đang chớp chớp đôi mắt tròn xoe màu nâu nhạt nhìn những gương mặt hạnh phúc quanh bé và thế giới mà bé vừa được dẫn vào trong một đêm tháng Bảy lạnh nhất mà ba tỉnh miền Đông từng trải qua trong tám mươi bảy năm!

Walter, một mình trong bóng tối, vẫn trần trọc không sao ngủ được. Trong quãng đời ngắn ngủi trước giờ cậu chưa từng ngủ một mình. Bao giờ cũng có Jem hay Ken gần bên, ấm cúng và an lòng. Khi ánh trăng xanh xao lên vào thì đã có thể lơ mơ thấy căn phòng nhỏ, nhưng như thế còn tệ hơn là bóng tối. Một bức tranh trên tường cuối chân giường như liếc nhìn cậu... dưới ánh trăng tranh ảnh bao giờ trông cũng rất khác. Ở đó ta thấy những thứ không bao giờ ngờ trong ánh sáng ban ngày. Mấy tấm màn ren dài trông như người đàn bà gầy, đứng hai bên cửa sổ. Trong nhà có tiếng động... tiếng cọt kẹt, thờ dài, thì thầm. Ngộ nhớ bầy chim trên giấy dán tường sống dậy và chực móc mắt cậu ra thật thì sao? Một nỗi sợ rờn rợn bất chợt xâm chiếm Walter... rồi một nỗi sợ ghê gớm xua đuổi hết mọi nỗi sợ khác. Mẹ bị bệnh. Cậu buộc phải tin thôi vì Opal đã nói chuyện đó là thật. Có lẽ mẹ đang hấp hối! Có lẽ mẹ chết rồi! Sẽ chẳng còn mẹ đâu nữa mà về nhà. Walter thấy Bên ánh Lửa mà không có mẹ!

Bỗng Walter biết mình không thể chịu nổi điều đó. Cậu phải về nhà. Ngay lập tức - tức thì. Cậu phải gặp mẹ trước khi mẹ... trước khi mẹ... chết. Đây là cái bà cô Mary Maria muốn nói. Bà biết mẹ sắp chết. Tính chuyện đánh thức ai dậy rồi nhờ đưa cậu về nhà cũng vô ích thôi. Họ sẽ không chờ đâu... họ chỉ cười cợt cậu. Đường về nhà dài thăm thẳm nhưng cậu sẽ đi bộ suốt đêm.

Cậu rón rén ra khỏi giường rồi mặc áo quần vào. Cậu lấy giày cầm trong tay. Cậu không biết bà Parker để mũ cậu ở đâu, nhưng không có mũ cũng chẳng sao. Cậu không được gây tiếng động... cậu phải thoát ra mà về với mẹ. Cậu lấy làm tiếc không thể chào tạm biệt Alice... cô bé sẽ hiểu thôi. Qua hành lang tối... xuống cầu thang... từng bước một... nín thở... phải chăng mấy bậc thang này bất tận?... chính bàn ghế đồ đạc đang lắng nghe... ôi, ôi!

Walter đánh rơi một chiếc giày! Nó rơi chan chát xuống thang, nảy tâng tâng bậc này xuống bậc kia, văng qua hành lang rồi bay đập lên cửa trước tạo nên một tiếng động mà Walter tưởng đâu như là tiếng chوảng inh tai.

Walter tuyệt vọng nép mình vào lan can. Chắc ai cũng nghe thấy tiếng đó rồi... họ sẽ ủa ra... cậu sẽ không được về nhà... một tiếng thồn thức tuyệt vọng nghẹn trong cổ.

Đường như hàng giờ trôi qua rồi cậu mới dám tin là không ai thức dậy cả... rồi cậu mới dám tiếp tục cẩn thận xuống thang. Nhưng cuối cùng thì cũng đã xong, cậu tìm thấy chiếc giày rồi thận trọng xoay tay nắm cửa trước... Ở nhà Parker cửa không bao giờ khóa. Bà Parker nói họ không có gì đáng để trộm trừ trẻ con, mà chẳng ai cần chúng.

Walter ra ngoài được rồi... cửa khép lại. Cậu xỏ giày vào rồi len lén đi xuôi đường: căn nhà nằm bên rìa làng nên chẳng mấy chốc cậu đã ra tới đường cái.

Một thoáng hoảng hốt choàng lấy cậu. Sau khi nỗi sợ bị bắt gặp và ngăn cản đã qua, dù loại nỗi sợ bóng tối và lẻ loi một mình xưa cũ lại tràn về. Trước kia cậu chưa từng ra ngoài một mình vào ban đêm. Cậu sợ vũ trụ. Vũ trụ bao la đến mức cậu thấy mình nhỏ bé kinh khủng. Ngay cả ngọn gió rét căm căm từ đằng Đông nổi lên dường như cũng thổi vào mặt cậu như muốn đẩy cậu bật lui.

Mẹ sắp chết rồi! Walter hít một hơi rồi hướng mặt về phía nhà. Cứ thế cậu đi tới, can trường chống chọi lại nỗi sợ. Đang có trăng nhưng ánh trăng soi cho ta thấy mọi vật... mà chẳng có gì trông quen thuộc cả. Có lần đi chơi với bố cậu đã nghĩ chưa bao giờ thấy gì đẹp như con đường sáng trắng có bóng cây đổ ngang. Nhưng giờ đây mấy cái bóng đen sì sặc nét đến mức tưởng như chúng có thể bay vụt tới chỗ cậu. Những cánh đồng khoác một vẻ xa lạ. Cây cối không còn thân thiện nữa. Chúng như đang theo dõi cậu... chen chúc trước mặt và sau lưng cậu. Hai con mắt sáng quắc từ con mương nhìn ra cậu, rồi một con mèo đen to đến không tưởng chạy băng qua đường. Có phải mèo không? Hay là...? Đêm lạnh: cậu run cầm cập trong chiếc áo mỏng, nhưng cậu không nề hà gì cái lạnh mà chỉ ước sao mình không còn sợ mọi thứ... sợ mấy cái bóng, sợ âm thanh lén lút, sợ những thứ không tên có lẽ đang rình rập trong mấy dải đất mà cậu đi qua. Cậu tự hỏi sẽ thế nào khi mình không sợ gì cả nhỉ... như Jem vậy.

“Mình sẽ... mình sẽ làm bộ như mình chẳng sợ quái gì cả,” cậu nói to lên... và rồi kinh hãi giật bắn người vì tiếng nói của mình mất hút trong đêm vô cùng.

Nhưng cậu cứ dần bước... mẹ sắp chết rồi thì người ta phải dần bước thôi. Có lúc cậu ngã vào một hòn đá khiến da đầu gổit tím bầm và rách toét. Có lúc cậu nghe tiếng một chiếc xe độc mã chạy lại sau lưng nên nấp vào cây chờ cho nó đi qua, khiếp đảm sợ bác sĩ Parker phát hiện ra cậu bỏ đi nên đuổi theo. Có lúc cậu dừng lại chỉ vì khiếp sợ thứ gì đó đen thui lông lá ngồi bên vệ đường. Cậu không đi ngang qua mặt nó được đâu... cậu không thể nhưng cậu đã đi. Đó là một con chó đen thui to tướng... có phải chó không?... nhưng cậu cũng đi qua nó rồi. Cậu chẳng dám chạy vì sợ nó rượt theo. Cậu len lén liếc nhìn ra sau... nó đã đứng lên rồi phóng như bay về phía đối diện. Walter đưa bàn tay nhỏ xíu nâu nâu lên úp mặt thì thấy tay cậu ướt ướt mồ hôi.

Một vì sao lặn trên bầu trời trước mặt cậu, reo rắc những đốm lửa khắp nơi. Walter nhớ đã nghe dì Kitty già nói rằng khi một vì sao lặn là có người qua đời. Có phải là mẹ không? Từ nãy giờ cậu đã cảm thấy hai chân sẽ không đưa cậu đi thêm được bước nào nữa, nhưng nghĩ thế cậu lại dần bước. Giờ cậu lạnh đến độ gần như không còn thấy sợ nữa. Có phải cậu sẽ không bao giờ về tới nhà? Từ lúc cậu rời Lowbridge dường như

cũng phải hàng bao nhiêu tiếng đồng hồ trôi qua rồi.

Chính xác là ba tiếng đồng hồ. Cậu lên ra khỏi nhà Parker lúc mười một giờ. Mà giờ là hai giờ. Khi Walter nhận ra mình đang đứng trên con dốc chạy xuống Glen thì cậu bật nức nở vì nhẹ nhõm. Nhưng khi cậu bước thấp bước cao qua làng thì những ngôi nhà im ngũ dường như thờ ơ và xa tít mù. Họ quên cậu mất rồi. Bất thần một con bò cái kêu ồ ồ về phía cậu qua hàng rào khiến Walter nhớ là ông Joe Reese có nuôi một con bò đực dữ tợn. Chỉ vì hoảng sợ mà cậu cầm đầu cầm cổ chạy một hơi đến tận ngọn đồi dẫn về công Bền ánh Lửa. Cậu về tới nhà rồi... ôi, cậu đã về tới nhà!

Thế rồi cậu dừng phắt lại, run bần bật, một cảm giác hãi hùng vì cảnh quanh hiu trùm lên cậu. Cậu những tưởng sẽ thấy ánh đèn ấm áp, thân thiện ở nhà. Nhưng ở Bền ánh Lửa chẳng có ngọn đèn nào cả!

Thật ra nếu có thể nhìn ra được thì cậu sẽ thấy có một ngọn đèn trong phòng ngủ đằng sau, chỗ cô y tá ngủ cùng cái nội em bé bên giường. Nhưng Bền ánh Lửa gần như tối om như căn nhà bỏ hoang và điều đó làm Walter mất hết can đảm. Cậu chưa hề thấy, chưa hề hình dung, Bền ánh Lửa tối om ban đêm.

Nghĩa là mẹ chết rồi!

Walter nháo nháo chạy lên lối đi, băng qua cái bóng lẫm lẫm của ngôi nhà trên bãi cỏ, đến cửa trước. Cửa khóa. Cậu gõ yếu xìu... cậu không với tới núm cửa... nhưng không có ai đáp lại, cậu cũng không nghĩ sẽ có ai nghe thấy. Cậu lắng tai nghe... chẳng có lấy một âm thanh sự sống trong nhà. Cậu biết mẹ đã chết và mọi người đều đi cả rồi.

Đến lúc này thì cậu đã lạnh và kiệt sức cùng cực không kêu được nữa; nhưng cậu rón rén đi vòng đến nhà kho rồi trèo thang lên đụn cỏ khô. Cậu không còn thấy sợ nữa; cậu chỉ muốn tìm chỗ nào khuất gió để ngã lưng cho đến sáng. Có lẽ lúc ấy sẽ có ai đó quay về khi đã chôn cất mẹ xong.

Một con mèo vằn bé bỏng xinh đẹp ai đó cho bác sĩ đến bên cậu, miệng kêu rừ rừ, cơ thể tỏa ra mùi cỏ ba lá khô thật dễ chịu. Walter mừng rỡ túm lấy nó... nó ấm và sống động. Nhưng nó nghe tiếng lũ chuột nhắt lão nháo trên sàn nên không chịu ở lại. Mặt trắng nhìn cậu qua ô cửa sổ giăng đầy mạng nhện, nhưng Walter chẳng tìm thấy chút an ủi nào nơi mặt trắng xa lác, lạnh lùng vô cảm đó. Ánh đèn sáng trong một ngôi nhà dưới Glen giống một người bạn hơn. Chừng nào ngọn đèn đó còn sáng thì cậu còn vượt qua được.

Cậu không ngủ được. Đầu gối cậu đau quá còn cậu thì lạnh lại còn cái cảm giác nôn nao trong bụng nữa chứ. Có lẽ cậu cũng đang hấp hối. Cậu hy vọng vậy, vì mọi người

cũng đều chết và đi cả rồi. Đêm có bao giờ tàn không? Mọi đêm khác vẫn luôn tàn nhưng có lẽ đêm nay thì không. Cậu nhớ một câu chuyện hải hùng mà cậu nghe người ta đồn, rằng thuyền trưởng Jack Flagg đăng Cửa Vịnh đã tuyên bố khi thật sự nổi điên thì một sớm mai nào đó ông sẽ không cho mặt trời mọc lên. Nếu thuyền trưởng Jack cuối cùng cũng nổi điên thật rồi thì sao.

Rồi đèn ở Glen tắt đi... và cậu không chịu được chuyện ấy. Nhưng khi tiếng kêu tuyệt vọng rời khỏi môi thì cậu nhận ra là trời đã sáng.

Walter trèo xuống thang ra ngoài. Bên ánh Lửa nằm trong ánh bình minh mới ló rạng trông thật lạ lùng, vô tận. Bầu trời bên trên hàng bạch dương trong Vùng Lòng Chảo tỏa một vàng sáng nhẹ màu hồng bạc. Có lẽ cậu có thể vào bằng cửa hông. Thình thoảng bà Susan vẫn để cửa hông mở cho bố.

Cửa hông không khóa. Nức nở một tiếng mừng rỡ Walter lên vào hành lang. Trong nhà vẫn còn tối nên cậu lần từng bước rón rén lên cầu thang. Cậu sẽ lên giường... giường của cậu... và nếu không quay về nữa cậu có thể chết ở đó rồi lên thiên đường và tìm thấy mẹ. Chỉ có điều Walter nhớ lại điều Opal nói... thiên đường thì xa hàng triệu dặm. Chìm trong một nỗi cô độc vừa mới trào dâng, Walter quên bước cẩn thận nên giậm mạnh chân xuống đuôi con Tôm đang nằm ngủ ở khúc quanh cầu thang. Tiếng gào đau đớn của Tôm vang vọng khắp nhà.

Susan, vừa thiu thiu ngủ, bị âm thanh khủng khiếp ấy kéo ra khỏi giấc chập chờn. Susan đi ngủ lúc mười hai giờ có phần kiệt sức sau buổi chiều và buổi tối mệt nhọc mà Mary Maria Blythe còn góp phần bằng cách “xóc hông” đúng lúc dầu sôi lửa bỏng nhất. Bà phải ủ chân bằng một chai nước nóng và xoa bóp với dầu, cuối cùng là đắp một tấm khăn ướt lên mắt vì “lại có một trận đau đầu nữa”.

Lúc ba giờ Susan thức giấc, lòng cứ có cái cảm giác kỳ lạ là ai đó đang rất cần mình. Bà trở dậy và rón rén xuống hành lang đến cửa phòng cô bác sĩ Blythe. Ở đó im ắng cả... bà còn nghe được tiếng Anne thở nhẹ đều. Susan đi kiểm tra một vòng khắp nhà rồi quay về giường, tin rằng cái cảm giác kỳ lạ đó chỉ là do cơn ác mộng còn vương vất lại. Nhưng cho đến hết đời Susan vẫn tin rằng lúc đó bà có cái thứ mà bà vẫn hằng cười nhạo, thứ mà Abby Flagg, người “nhập” có khả năng tâm linh, gọi là “một kinh nghiệm chữa bệnh”.

“Walter đang gọi mình và mình nghe thấy nó,” bà quả quyết.

Susan đứng dậy đi ra lần nữa, bụng thăm nhủ rằng đêm đó Bên ánh Lửa đúng là bị ám. Bà chỉ mặc mỗi chiếc váy ngủ vải thô, đã co rút sau nhiều lần giặt cho đến khi chỉ còn lửng lơ cách xa tí tấp hai mắt cá chân xương xẩu: nhưng dường như bà vẫn xinh đẹp bội phần so với sinh vật bé bỏng mặt mày tái dại, run rẩy và đôi mắt xám kinh hoàng đang ngược lên nhìn bà từ dưới đầu cầu thang.

“Walter Blythe!”

Chỉ bằng hai bước Susan đã bỗng được cậu trong tay... đôi tay mạnh mẽ, dịu

dàng.

“Bà Susan ơi... mẹ cháu chết rồi sao?” Walter hỏi.

Trong chớp mắt mọi thứ đều đã khác. Walter nằm trên giường, ấm áp, được cho ăn, được dỗ dành. Susan nhóm lò sưởi, lấy cho cậu một tách sữa nóng, một lát bánh nướng nâu vàng và một đĩa đầy bánh “mặt khi” ưa thích, rồi dèm chăn cho cậu thật kỹ cùng một chai nước nóng dưới chân. Bà hôn và xoa đầu cho cái đầu gối bé bỏng bị thâm của cậu. Thật dễ chịu khi biết có người đang chăm sóc ta... có ai đó cần ta... ta quan trọng đối với ai đó.

“Bà Susan ơi, vậy là bà chắc chắn mẹ cháu chưa chết thật hả?”

“Mẹ cháu đang ngủ say và khỏe mạnh hạnh phúc, con cừu non ạ.”

“Mẹ không bệnh gì cả sao? Opal nói...”

“Ừm, cừu non ạ, hôm qua mẹ cháu thấy không khỏe lắm một lúc, nhưng chuyện qua cả rồi và lần này mẹ cháu không hề gặp nguy hiểm tính mạng gì cả. Cháu cứ chờ đến khi ngủ dậy rồi sẽ được gặp mẹ... và còn một thứ khác nữa. Bà mà tóm được mấy con quỳ nhỏ ở Lowbridge thì... Thật không thể tin nổi là cháu đi bộ một mạch từ Lowbridge về nhà. Mười cây số! Vào một đêm thế này.”

“Cháu khổ tâm lắm, Susan ơi,” Walter nói nghiêm trang. Nhưng chuyện qua rồi; cậu an toàn và hạnh phúc; cậu đã... về nhà cậu đã...

Cậu ngủ thiếp đi.

Gần trưa cậu mới thức giấc thì thấy nằng cuộn cuộn tràn vào qua những ô cửa sổ phòng, rồi cậu khập khiễng vào gặp mẹ. Cậu đã chớm nghĩ mình thật ngu ngốc và chắc mẹ sẽ không hài lòng vì cậu bỏ trốn khỏi Lowbridge. Nhưng mẹ chỉ quàng tay kéo cậu lại gần. Mẹ nghe bà Susan kể hết mọi chuyện rồi và đã nghĩ ra vài chuyện định nói với Jen Parker.

“Ôi, mẹ, mẹ sẽ không chết phải không... và mẹ vẫn còn thương con, phải không mẹ?”

“Con yêu, mẹ không có ý niệm gì về chuyện chết chóc cả và mẹ yêu con đến đau lòng. Cứ nghĩ đến chuyện đêm hôm con phải đi bộ một mạch từ Lowbridge mà xem!”

“Bụng đói nữa chứ,” Susan rùng mình. “Lạ là nó còn sống mà kể lại chuyện đấy. Thời của phép lạ vẫn chưa qua và ta có thể tin chắc chuyện đó.”

“Một cậu bé gan dạ,” bố vừa cười vừa bước vào cùng Shirley công kênh trên vai. Bố vỗ vỗ đầu Walter, thế là cậu chụp lấy tay bố và ôm chặt. Trên đời chẳng có ai như bố cả. Nhưng không ai được biết thật ra cậu đã sợ thế nào.

“Con không bao giờ phải đi xa nhà nữa, phải không, mẹ?”

“Cho đến bao giờ con muốn thì thôi,” mẹ hứa.

“Con sẽ không bao giờ muốn đâu,” Walter mở lời... rồi dừng lại. Suy cho cùng, cậu sẽ không phiền gì nếu gặp lại Alice.

“Nhìn này, cừu con,” Susan vừa nói vừa dẫn vào một cô gái hồng hào mặc tạp dề trắng đội mũ vải, tay xách một cái giỏ.

Walter nhìn. Một em bé! Một em bé bụ bẫm, béo tròn, mấy lọn tóc quăn ẩm ướt mịn màng khắp đầu và hai bàn tay bé xíu xinh xinh.

“Con bé xinh chưa này?” Susan tự hào nói. “Nhìn hàng mi con bé xem... tôi chưa từng thấy đứa bé sơ sinh nào có hàng mi dài thế. Rồi đôi tai xiu xiu xinh xinh nữa. Bao giờ tôi cũng nhìn đôi tai trước.”

Walter ngập ngừng.

“Em xinh quá, bà Susan ơi... ôi, nhìn mấy ngón chân cong cong bé tí đáng yêu chưa kia!... nhưng mà... em bé quá phải không?”

Susan cười.

“Ba ký sáu thì không bé đâu, cừu con. Con bé đã bắt đầu biết để ý rồi đấy. Chưa được một giờ con bé đã ngóc đầu lên nhìn bác sĩ rồi. Cả đời tôi chưa hề thấy biểu hiện nào như vậy.”

“Tóc nó sẽ đỏ đấy,” bác sĩ nói giọng hài lòng. “Tóc vàng đỏ đáng yêu như tóc mẹ.”

“Mắt thì nâu nhạt như mắt cha,” vợ bác sĩ sung sướng nói.

“Con chẳng hiểu sao nhà mình không ai có tóc vàng cả,” Walter mơ màng nói, nghĩ đến Alice.

“Tóc vàng! Như nhà Drew ư!” Susan nói về miệt thị vô cùng.

“Khi ngủ trông em bé xinh lắm,” cô y tá thờ ơ. “Tôi chưa thấy em bé nào sắp ngủ mà nhũn mắt như vậy.”

“Con bé là một phép mầu. Con mình đứa nào cũng dễ thương cả, Gilbert ơi, nhưng con bé là đứa dễ thương nhất.”

“Chúa thương yêu cháu,” bà cô Mary Maria khịt mũi nói, “Trước đó trên đời đã có vài em bé rồi, cháu biết không, Anne.”

“Em bé của nhà cháu chưa từng ở trên đời đâu, bà Mary Maria,” Walter tự hào nói. “Bà Susan ơi, cháu hôn em bé... chỉ một cái thôi... nhé?”

“Chuyện đó thì được,” Susan nói, trừng mắt theo cái lưng đã rút lui của bà cô Mary Maria. “Còn giờ tôi xuống làm bánh anh đào cho bữa tối đây. Trưa hôm qua Mary Maria Blythe có làm một cái... tôi ước gì cô thấy, cô bác sĩ thân yêu. Trông cứ như đồ chó tha mèo gặm. Tôi sẽ cố ăn được bao nhiêu hay bấy nhiêu, còn hơn bỏ phí, nhưng chừng nào tôi còn khỏe mạnh thì một cái bánh như vậy sẽ không bao giờ dọn ra trước mặt cậu bác sĩ đâu và cô cứ tin chắc chuyện đó.”

“Đâu phải ai cũng có tài bánh trái như cô, cô biết mà,” Anne nói.

“Mẹ ơi,” Walter nói khi Susan hài lòng khép cánh cửa lại sau lưng, “Con nghĩ mình là một gia đình rất xinh xắn, mẹ có nghĩ vậy không?”

Một gia đình rất xinh xắn, Anne nằm trên giường sung sướng ngắm nghĩ đứa bé nằm bên cạnh cô. Cô sẽ sống khỏe lại để vui vầy với chúng, nhanh nhẹn như trước, yêu thương chúng, dạy dỗ chúng, an ủi chúng. Chúng sẽ tìm đến cô cùng những niềm vui và nỗi buồn nho nhỏ, những hy vọng mới chớm, những lo sợ mới, những rắc rối còn con mà với chúng có vẻ lớn lao và những niềm đau nhỏ bé dường như thật đáng cay. Cô sẽ lại nắm mọi sợi chỉ đời sống Bên ánh Lửa trong tay để dệt nên tấm thảm đẹp đẽ. Rồi bà cô Mary Maria sẽ không còn cơ mà nói, như hai ngày trước Anne nghe thấy, “Cháu trông mệt mỏi khiếp quá Gilbert. Không có ai chăm sóc cháu à?”

Dưới nhà bà cô Mary Maria lắc đầu chán nản nói, “Chân trẻ sơ sinh nào cũng cong, tôi biết, nhưng Susan à, chân đứa bé đó thì cong quá. Tất nhiên ta không được nói thế với Anne tội nghiệp. Nhớ là đừng nhắc chuyện đó với Anne đấy, Susan.”

Susan, một lần này thôi, không nói nên lời.

Chương 11

Đến cuối tháng Tám Anne đã lại là mình, trông chờ một mùa thu hạnh phúc. Bertha Marilla bé bỏng càng lớn càng xinh đẹp và là trung tâm tôn thờ cho mấy ông anh bà chị tha hồ ngưỡng mộ.

“Cháu tưởng em bé cứ kêu khóc suốt chứ,” Jem nói, say sưa để cho mấy ngón tay bé xúu quần quanh tay mình. “Bertie Shakespeare Drew nói vậy mà.”

“Mấy đứa bé nhà Drew khóc la suốt ngày thì rõ rồi, Jem yêu à,” Susan nói. “Chắc chúng khóc vì nghĩ mình phải là người nhà Drew. Còn Bertha Marilla là em bé nhà Bên ánh Lửa, Jem yêu à.”

“Cháu ước gì cháu ra đời ở Bên ánh Lửa, Susan à,” Jem tiếc nuối nói. Cậu luôn cảm thấy tiếc vì mình không được thế. Thịnh thoảng Di cứ lôi chuyện đó ra để chế giễu cậu.

“Cậu không thấy cuộc sống ở đây khá chán sao?” một hôm bạn học cũ trường Queen ở Charlottetown đã khá kè cả hỏi Anne.

Chán ư! Anne muốn cười vào mặt khách. Bên ánh Lửa chán ư! Với đứa bé xinh xắn đem đến điều kỳ diệu mỗi ngày... những dự tính đón Diana và bé Elizabeth và Rebecca Dew đến chơi... bà Sam Ellison ở Bắc Glen trên tay Gilbert, bị căn bệnh trước đó trên thế giới chỉ có ba người mắc phải... Walter mới đi học... Nan uống cả chai nước hoa trên bàn trang điểm của mẹ... họ tưởng con bé chết mất nhưng nó lại chẳng hề hấn gì... con mèo đen kỳ lạ sau hè đẻ ra những mười mèo con, một con số chưa từng nghe tới... Shirley khóa mình trong phòng tắm rồi quên không biết làm sao mở... Tôm bị quần trong tờ giấy bầy ruồi... giữa đêm hôm bà cô Mary Maria cảm nên đi quanh làm rèm bất lửa rồi đánh thức cả nhà bằng những tiếng thét thất thanh. Đời sống mà chán ư!

Vì bà cô Mary Maria vẫn còn ở lại Bên ánh Lửa. Thịnh thoảng bà nói về đáng thương “Bất cứ khi nào thấy chán cô thì cứ cho cô biết... cô vẫn quen tự lo thân mà.” Chỉ có một cách để đáp lại câu đó và tất nhiên Gilbert luôn nói. Dù anh không nói thật lòng hoàn toàn như mới đầu. Ngay cả “tinh thần hết lòng vì dòng họ” của Gilbert cũng đã bắt đầu phai nhạt đi chút, anh khá vô vọng nhận ra... “đúng là đồ đàn ông” như cô Cornelia cười khẩy... rằng có vẻ như bà cô Mary Maria đang trở thành một vấn đề trong nhà mình. Một hôm anh đã liều nhẹ nhàng ám chỉ là nhà cửa để lâu ngày không có người ở sẽ bị hư hại; bà cô Mary Maria đồng tình với anh, thân nhiên nói bà đang tính chuyện bán căn nhà ở Charlottetown đi.

“Ý không tồi đâu,” Gilbert khích lệ. Cháu biết trong thị trấn có một căn nhà nhỏ rất

xinh đang rao bán... một người bạn của cháu sẽ đi California... nó rất giống với ngôi nhà bà Sarah Newman sống mà cô vẫn trầm trồ ấy...”

“Bà ấy thích vậy mà,” Anne khấp khởi nói.

“Ai mà thích sống thui thui thì có gì không ổn rồi,” Susan khó khăn lắm mới nén được một tiếng rên.

Tháng Chín Diana đến ở chơi cả tuần. Rồi bé Elizabeth đến... giờ bé Elizabeth không “bé” nữa... mà đã trở thành Elizabeth cao ráo, mảnh mai, xinh đẹp. Nhưng vẫn còn mái tóc vàng óng và nụ cười băng khuâng. Bố cô quay về nhiệm sở ở Paris nên Elizabeth sẽ theo ông để trông coi nhà cửa. Cô và Anne có những buổi đi dạo hồi lâu quanh những bờ biển lộp lộp nơi bờ cát thân thương, về nhà dưới những vì sao mùa thu lạnh lẽ, thao thức. Họ làm sống lại đời sống ở Bạch Dương Lộng Gió ngày xưa và lần bước theo những con đường trên bản đồ xứ thần tiên mà Elizabeth vẫn còn giữ và định cất giữ mãi.

“Đi đâu cháu cũng treo trên tường phòng cháu,” cô nói.

Một ngày gió thổi qua vườn Bên ánh Lửa... ngọn gió thu đầu tiên. Hôm ấy màu hồng ánh hoàng hôn có hơi tiết chế. Mùa hạ bỗng đâu trở nên già cỗi. Sự chuyển mùa đã đến.

“Chưa gì đã mùa thu rồi,” bà cô Mary Maria nói bằng giọng điệu ngụ ý mùa thu đã xúc phạm đến bà.

Nhưng mùa thu cũng rất đẹp. Có niềm hân hoan khi gió từ bờ vịnh xanh thẫm thổi vào và ánh sáng rực rỡ của vầng trăng trung thu. Những cây cúc tây trĩu tình trong Vùng Lòng Chảo và bọn trẻ cười vui trong một vườn táo trĩu quả, những buổi chiều trong xanh quang đàng trên các đồng cỏ đồi cao ở Bắc Glen và bầu trời vẩy bạc có từng đàn chim đen bay qua; và, khi ngày ngắn lại, sương mù xám loăng rón rén trườn lên những đụn cát rồi tràn ra cảng.

Cùng những chiếc lá rơi, Rebecca Dew đến thăm Bên ánh Lửa như đã hứa nhiều năm rồi. Chỉ đến ở một tuần nhưng bị thuyết phục ở lại hai... không ai tha thiết mong điều đó hơn Susan. Dường như vừa gặp nhau Susan và Rebecca Dew đã nhận ra mình là bạn tri âm tri kỷ... có lẽ vì cả hai đều quý mến Anne... có lẽ vì cả hai đều ghét bà Mary Maria.

Có một buổi chiều trong căn bếp khi mưa tí tách trên lá ngoài kia còn gió hú quanh các mái hiên và góc nhà Bên ánh Lửa, Susan trút hết mọi buồn phiền cho Rebecca Dew và nhận về sự đồng cảm sâu sắc. Vợ chồng bác sĩ đã ra ngoài thăm bạn bè, bày trẻ đều

được ẩm áp trên giường và may là bà cô Mary Maria nhức đầu nên đã đi khuất mắt rồi... “cứ như thể một vòng sắt quanh não,” bà rên xiết.

“Bất cứ ai,” Rebecca Dew nhận xét, mở cửa lò hâm rồi thoải mái đặt hai bàn chân vào trong, “ăn nhiều cá thu chiên trong bữa tối như bà đó cũng đáng bị nhức đầu. Tôi không chối có ăn phần mình... vì phải nói là, cô Baker ạ tôi chưa thấy ai chiên cá thu được như cô... nhưng tôi đâu có ăn những bốn miếng.”

“Cô Dew thân mến ơi,” Susan sốt sắng nói, để đồ đan xuống và khấn khoản nhìn vào đôi mắt đen nhỏ xiu của Rebecca, “trong thời gian ở đây cô đã được thấy đôi chút Mary Maria Blythe là sao rồi đó. Nhưng cô chưa biết được phân nửa... à không, chưa được một phần tư. Cô Dew thân mến ơi, tôi cảm thấy mình có thể tin cậy cô. Tôi mở lòng với cô chuyện tuyệt đối bí mật có được không?”

“Được chứ, cô Baker.”

“Bà đó đến đây hồi tháng Sáu nhưng tôi nghĩ bà ta định ở lại đây tới hết đời. Trong nhà này ai cũng ghét bà ta... ngay cả cậu bác sĩ giờ cũng không ưa bà ta, dù cậu ấy vẫn đang che giấu điều đó. Nhưng cậu ấy rất hết lòng vì dòng họ nên luôn nhắc nhở rằng không được để em họ của bố cậu cảm thấy mình không được tiếp đón niềm nở trong nhà này. Tôi đã năn nỉ,” Susan nói, giọng điệu như ngụ ý bà đã quỳ xuống mà năn nỉ, “tôi đã năn nỉ cô bác sĩ có lập trường dứt khoát mà nói Mary Maria Blythe phải đi đi. Nhưng cô bác sĩ lại quá từ tâm... nên vậy là chúng tôi vô vọng, cô Dew ạ... hoàn toàn vô vọng.”

“Tôi ước gì tôi được xử lý bà ta,” Rebecca Dew nói, chính chị cũng khá đau điếng vì một số câu của bà cô Mary Maria. “Tôi cũng biết như ai, cô Baker ạ, rằng ta không được vi phạm phép tắc hiếu khách thiêng liêng, nhưng tôi cam đoan với cô, cô Baker, rằng tôi sẽ nói thẳng với bà ta.”

“Tôi mà không biết thân biết phận thì tôi đã xử lý bà ta rồi, cô Dew ạ. Chưa lúc nào tôi quên mình không phải bà chủ ở đây. Đôi lúc, Dew ạ, tôi long trọng tự nhủ Susan Baker, mi là kẻ dễ người ta chà đạp hay là không phải đây?” Nhưng cô biết tôi bó chân bó tay thế nào rồi. Tôi không thể bỏ cô bác sĩ mà đi và tôi cũng không được đem thêm phiền muộn cho cô ấy khi chống lại Mary Maria Blythe. Tôi sẽ tiếp tục cố lo phận sự của mình. Vì, cô Dew thân yêu,” Susan nói long trọng, “tôi sẵn lòng chết vì cô cậu bác sĩ. Ngay cả bà ta chưa đến chúng tôi là một gia đình hạnh phúc biết bao, cô Dew. Nhưng giờ bà ta đang bắt chúng tôi phải chịu khổ sở và hậu quả sẽ thế nào tôi cũng chưa biết, vì có phải là nhà tiên tri đâu, cô Dew. Hay nói đúng hơn, tôi biết. Tất cả chúng tôi sẽ bị tống vào nhà thương điên thôi. Không phải chỉ một chuyện bất kỳ nào, cô Dew ơi... mà nhiều lắm, cô Dew... hàng trăm, cô Dew. Một con muỗi thì ta còn chịu được, cô

Dew... nhưng thử nghĩ hàng triệu mà xem!”

Rebecca Dew nghĩ đến hàng triệu con muỗi đó mà lắc đầu buồn bã.

“Bà ta luôn dạy cô bác sĩ phải điều hành nhà mình ra làm sao rồi nên mặc những áo quần gì. Bà ta cứ rình rập tôi còn nói chưa từng thấy bọn nhỏ nào hay cái cọ như vậy. Cô Dew thân yêu, tự cô cũng thấy bọn trẻ nhà chúng tôi không bao giờ cái cọ... à thì, hầu như không bao giờ...”

“Chúng nằm trong số những đứa trẻ tuyệt vời nhất tôi từng gặp đấy, cô Baker ạ.”

“Bà ta hay chõ mũi và rình mò...”

“Chính tôi đã bắt quả tang bà ta làm thế mà, cô Baker.”

“Bà ta bao giờ cũng thấy phật lòng và đau đớn vì chuyện gì đó nhưng chưa bao giờ phật lòng đủ để rũ áo ra đi. Bà ta cứ ngồi đó làm ra vẻ thui thui và bị hắt hủi cho đến khi cô bác sĩ tội nghiệp muốn quẩn trí. Chẳng có gì vừa ý bà ta cả. Cửa sổ mở thì bà ta sẽ kêu ca là có gió lùa. Đóng hết thì bà ta lại nói thỉnh thoảng cũng thích chút khí trong lành. Bà ta không chịu được hành tây... thậm chí mùi hành. Bà ta nói nó làm bà ta buồn nôn. Nên cô bác sĩ dặn chúng tôi không được dùng tí hành nào. Giờ thì,” Susan nghiêm trang nói, “đường như hành là sở thích chung, cô Dew thân ạ, nhưng ở Bên ánh Lửa chúng tôi đều phải nhận phần lỗi về mình vì thích nó.”

“Chính tôi cũng mê hành lắm,” Rebecca Dew thú nhận.

“Bà ta không chịu được mèo. Bà ta nói mèo làm mình nổi da gà. Không cần biết có nhìn thấy chúng hay không. Chỉ cần biết có một con ở đâu đó là đủ. Nên Tôm tội nghiệp hầu như chẳng dám lộ mặt trong nhà. Bản thân tôi không hề thích mèo, cô Dew ạ, nhưng tôi cho rằng đôi khi chúng thì chúng có quyền ngoắc. Rồi thì, ‘Susan, làm ơn đừng bao giờ quên là tôi không ăn trứng được,’ hay ‘Susan, tôi phải nói cô bao nhiêu lần nữa là tôi không dùng bánh nướng nguội được?’ hay ‘Susan, một số người uống trà để lâu ngày cũng được nhưng tôi không thuộc trong giới may mắn đó.’ Trà để lâu ngày, cô Dew ơi! Như thể tôi từng mời ai trà để lâu ngày!”

“Chưa ai nghĩ thế về cô cả, cô Baker.”

“Nếu có câu nào không nên hỏi thì bà ta sẽ hỏi. Bà ta ganh tị vì cậu bác sĩ cho vợ biết trước rồi mới kể cho bà ta... bà ta cứ cố moi tin về bệnh nhân ở cậu ấy. Chẳng có gì làm cậu ấy bực mình cho bằng, cô Dew ạ. Bác sĩ thì phải biết kín miệng, cô cũng thừa biết rồi. Rồi lại còn mấy con tam bành về hỏa hoạn nữa chứ! ‘Susan Baker,’ bà ta nói

với tôi, ‘tôi mong cô đừng bao giờ dùng dầu hỏa mà đốt lò sưởi. Hay để giẻ dính dầu gần đó, Susan. Ai cũng biết thứ ấy tự bốc cháy trong chưa đầy một giờ. Cô có muốn đứng đây mà nhìn nhà này cháy rụi khi biết đó là lỗi của mình không, Susan?’ Đây, cô Dew thân yêu, tôi đã được dịp cười bà ta chuyện đó. Ngay đêm ấy bà ta làm rèm cửa bốc cháy và tiếng bà ta ré vãn còn văng vẳng bên tai tôi. Lại đúng lúc bác sĩ tội nghiệp vừa mới ngủ sau hai đêm thức trắng! Cái làm tôi nổi xung nhất, cô Dew ơi, là trước khi đi đâu bà ta đều vào kho lương thực của tôi mà đếm trúng. Tôi phải bình thần lắm mới nhịn không nói, ‘Sao không đếm thìa luôn đi?’ Dĩ nhiên bọn trẻ ghét bà ta. Cô bác sĩ sắp đứt hơi vì phải giữ không cho chúng bộc lộ ra. Có hôm cô cậu bác sĩ đi vắng bà ta đã tát Nan... tát con bé... chỉ vì Nan gọi bà ta là bà Mefusaleh^[1]... vì nghe tiểu yêu Ken Ford nói.”

[1]. Nan và Ken nhầm tên của Methuselah, người sống thọ nhất thế giới theo Kinh Thánh (969 tuổi).

“Là tôi thì tôi đã tát bà ta rồi,” Rebecca Dew nói độc địa.

“Tôi nói bà ta mà còn làm vậy nữa thì tôi sẽ tát bà ta. ‘Ồ Bên ánh Lửa thỉnh thoảng chúng tôi cũng có đánh đấy,’ tôi bảo bà ta, ‘nhưng tát thì không bao giờ, vậy nên hãy giữ thứ đó cho riêng mình đi.’ Bà ta hờn dỗi và phật lòng cả tuần nhưng ít ra bà ta cũng không bao giờ dám động một ngón tay vào đứa nào nữa. Nhưng khi bố mẹ chúng phạt chúng thì bà ta rất khoái chí. ‘Bà mà là mẹ cháu,’ một buổi chiều bà ta nói với bé Jem. ‘Ồ hô, bà có bao giờ là mẹ của ai đâu,’ thằng nhỏ tội nghiệp nói... buộc phải nói vậy, cô Dew ạ, hoàn toàn vì bị dồn đến chỗ phải nói thế. Cậu bác sĩ bắt thằng bé nhịn ăn tối mà đi ngủ, nhưng cô Dew này, cô nghĩ sau đó ai lo lắng len lén đem chút gì lên cho thằng bé?”

“À, vậy hả, ai?” Rebecca Dew cười như nắc nẻ, bước vào tinh thần câu chuyện.

“Cô sẽ đau lòng, cô Dew, khi nghe thằng bé cầu nguyện sau đó... một mình không ai chỉ vẽ cả, ‘Ôi lạy Chúa! xin hãy tha thứ cho con vì đã hỗn xược với bà cô Mary Maria. Và lạy Chúa xin hãy giúp con luôn lễ phép với bà cô Mary Maria.’ Làm tôi rơi nước mắt, con cừu tội nghiệp. Tôi không đồng tình thái độ bất kính hay hỗn xược của người trẻ đối với người già, cô Dew thân ạ, nhưng tôi nghĩ phải thú thật rằng hôm nọ Bertie Shakespeare Drew bắn đạn giấy vào bà ta... trượt mũi bà ta vài phân, cô Dew ơi... khi thằng bé về thì tôi chặn nó ở cổng cho nó một túi bánh vòng. Dĩ nhiên tôi chẳng nói với nó vì sao. Cu cậu khoái lắm... vì bánh vòng có mọc trên cây dâu, cô Dew, mà cái nhà chị Vất Cổ Chày Ra Nước thì không bao giờ làm. Nan và Di... tôi không hề môi nói chuyện này với ai ngoài cô cả, cô Dew à... cô cậu bác sĩ chưa bao giờ ngờ có chuyện đó nếu không họ đã ngăn... Nan và Di đặt tên cho con búp bê sứ cũ bị nứt đầu theo tên

bà cô Mary Maria, rồi mỗi khi bà mắng hai đứa thì chúng đem Mary Maria ra dìm... ý tôi là con búp bê... trong thùng chứa nước mưa. Chúng tôi đã được nhiều lần sung sướng trần nước rồi, tôi cam đoan với cô thế. Nhưng cô không tin nổi cái việc mà một đêm nọ bà đó làm đâu, cô Dew.”

“Bà ta thì chuyện gì tôi cũng tin được, cô Baker à.”

“Đến giờ ăn tối bà ta chẳng chịu động đến miếng nào vì tự ái chuyện gì đó, nhưng rồi trước khi đi ngủ bà ta vào kho lương thực mà ăn hết sạch bữa ăn trưa tôi để dành cho bác sĩ tội nghiệp... sạch sành sanh, cô Dew thân yêu. Tôi hy vọng cô sẽ không cho tôi là kẻ ngoại đạo, cô Dew ơi, nhưng tôi không hiểu nổi sao Chúa lại không phạt chán một số người.”

“Cô không được để mình đánh mất khiêu hài hước đâu cô Baker,” Rebecca Dew nói dứt khoát.

“Ồ, tôi thừa biết cảnh một con cóc gặp nạn thì cũng có mặt hài hước mà, cô Dew. Nhưng vấn đề là, con cóc có thấy hay không? Tôi xin lỗi đã làm phiền cô vì tất cả những chuyện này, cô Dew thân yêu, nhưng tôi nhẹ lòng lắm rồi. Những điều này tôi không đem nói với cô bác sĩ được nên gần đây tôi thấy nếu không tìm được chỗ trú ra cho hả thì tôi nổ tung mất.”

“Tôi biết rõ cảm giác đó ra làm sao mà, cô Baker.”

“Còn giờ, cô Dew thân yêu,” Susan nói, nhanh nhẩu đứng lên, “một tách trà rồi đi ngủ thì cô thấy sao? Một chân gà nguội nữa, cô Dew nhé?”

Chương 12

Gilbert đã có hai tuần bắn chim dễ giun ở Nova Scotia... ngay cả Anne cũng không thuyết phục được anh nghỉ một tháng... rồi tháng Mười một đã tới gần Bên ánh Lửa. Những ngọn đồi thẳm tối, cùng đám vân sam còn tối hơn diều hành trên đó, trông lâm li vào những đêm buông xuống sớm, nhưng Bên ánh Lửa vẫn sáng trưng ánh lò sưởi và tiếng cười, dù gió từ Đại Tây Dương hú những điều thê lương.

“Sao gió không vui vậy mẹ?” một đêm nọ Walter hỏi.

“Vì nó nhớ lại mọi nỗi buồn trên thế gian từ khởi thủy,” Anne đáp.

“Nó kêu khóc chỉ vì không khí ẩm ướt quá,” bà cô Mary Maria cười khẩy, “nên cái lưng nó đang hành tôi.”

Nhưng một số ngày thậm chí còn có gió reo vui khắp rừng thích xám bạc, còn một số ngày thì không có lấy một ngọn gió, chỉ có ánh nắng thu muộn dịu ngọt và những bóng cây trụi lá im lìm khắp bãi cỏ và cái tĩnh lặng rét buốt lúc hoàng hôn.

“Nhìn ngôi sao Hôm màu trắng trên cây dương Lombardy đằng góc kia,” Anne nói. “Mỗi khi thấy gì như thế cháu đều nhắc mình phải lấy làm mừng vì vẫn còn tươi tỉnh hoạt bát.”

“Cháu nói những chuyện nực cười quá, Anne. Ở đảo Hoàng Tử Edward thì nhìn thấy sao là chuyện quá bình thường,” bà cô Mary Maria nói... rồi trầm nghĩ, “Sao với chả trắng! Cứ như trước giờ chưa ai thấy sao, Anne nó có biết sự phí phạm khủng khiếp mỗi ngày đang diễn ra trong bếp không vậy? Nó có biết cái kiểu Susan Baker cầu thả quảng trúng lung tung với lại dùng mỡ heo trong khi dùng mỡ vét cũng được? Hay nó không cần biết tới? Tội nghiệp thằng Gilbert! Thảo nào nó cứ phải làm lụng đến mùa mất ra.”

Tháng Mười một ra đi trong sắc xám và nâu: nhưng đến sáng thì tuyết đã dẹt nên một màn trắng xóa khiến Jem sung sướng kêu lên khi chạy ủa xuống ăn sáng.

“Ôi mẹ ơi, sắp đến Giáng sinh rồi và ông già Noel sẽ tới!”

“Chắc không phải cháu vẫn còn tin vào ông già Noel chứ?” bà cô Mary Maria nói.

Anne liếc cái nhìn báo động về Gilbert, anh nói nghiêm trang, “Bọn cháu muốn tội nhỏ được hưởng cái di sản xứ thần tiên lâu chừng nào tốt chừng ấy, cô ạ.”

May là Jem không để ý đến bà cô Mary Maria. Cậu và Walter vô cùng háo hức bước ra thế giới tuyệt vời mới vừa được mùa đông đem đến nét duyên dáng riêng. Bao giờ Anne cũng ghét phải thấy vẻ đẹp của tuyết phẳng phiu bị dấu chân làm hỏng mất nhưng đó là chuyện chẳng đáng dừng, và lại vẫn còn vẻ đẹp để dành cho lúc chiều hôm khi nắng Tây cháy rực khắp các vùng trũng trắng xóa giữa những ngọn đồi tím và Anne ngồi trong phòng khách trước một lò sưởi gỗ cây thích đường. Cô thấy ánh lửa lò sưởi bao giờ cũng đáng yêu. Nó tạo nên những điều thật bất ngờ, tình nghịch. Nhiều chỗ trong phòng vụt lóe lên lung linh rồi tắt. Những bức tranh thoát ẩn thoát hiện.

Những cái bóng nắp rồi vụt ra. Ngoài kia, qua cửa sổ lớn không che màn, toàn thể cảnh vật phản chiếu tinh quái trên bãi cỏ có bà cô Mary Maria hình như đang ngồi ngay lưng dưới cây hồng tưng... bà cô Mary Maria chưa bao giờ cho phép mình “nằm dài”.

Gilbert “nằm dài” trên trường kỷ, cố quên hôm ấy anh đã mất một bệnh nhân vì viêm phổi. Rilla bé bỏng trong nôi đang cố nhai hai cô tay hồng hồng của mình; ngay cả Tôm, hai bàn tay trắng cụp vào dưới ngực, cũng dám rù rù trên thảm lò sưởi, làm bà cô Mary Maria bực lắm.

“Nhân nói đến mèo,” bà cô Mary Maria nói lâm li... dù này giờ chẳng ai nói về chúng... “ban đêm toàn bộ lũ mèo Glen đến thăm ta hay sao? Cô thật bối rối không hiểu ai mà ngủ được tròn giấc khi mèo gào như đêm qua. Dĩ nhiên phòng cô ở đằng sau nên cô chắc mình cô được hưởng trọn buổi hòa nhạc miễn phí.”

Chưa ai phải đáp thì Susan bước vào, nói có gặp bà Marshall Elliott trong tiệm của Carter Flagg và mua sắm xong bà ấy sẽ đến. Susan không nói thêm rằng bà Elliott đã lo lắng hỏi, “Con bé Blythe có chuyện gì vậy, Susan? Chủ nhật vừa rồi trong nhà thờ tôi thấy con bé trông mệt mỏi lo lắng lắm. Tôi chưa bao giờ thấy con bé như vậy cả”.

“Tôi có thể nói cho bà biết cô Blythe có chuyện gì,” Susan trả lời dứt khoát. “Cô ấy bị một đòn chí mạng từ bà cô Mary Maria. Mà dường như cậu bác sĩ không thấy ra, dù cậu ấy tôn thờ cả mặt đất cô ấy bước qua.”

“Tôi xin lỗi, cô bác sĩ thân yêu. Tôi thừa nhận đã quên thân phận mình. Nhưng có một số điều không nên chịu đựng.”

“Đúng là đồ đàn ông,” bà Elliott nói.

“Em mừng lắm,” Anne nói, bật dậy để thắp ngọn đèn. “Lâu rồi em chưa gặp cô Cornelia. Giờ ta sẽ được biết chút tin tức.”

“Thế sao!” Gilbert lạnh nhạt nói.

“Người đàn bà đó chuyên ngồi lê đôi mách đầy ác ý,” bà cô Mary Maria nói nghiêm khắc.

Có lẽ đây là lần đầu tiên Susan nổi xung bên vực cô Cornelia.

“Cô ấy đâu có vậy, bà Blythe, và Susan Baker sẽ không bao giờ chịu đứng đó mà nghe cô ấy bị gọi sai như vậy. Ác ý, đúng là! Bà Blythe, bà đã bao giờ nghe lươn ngắn lại chê trạch dài chưa?”

“Susan... Susan,” Anne van lơn.

“Tôi xin lỗi, cô bác sĩ thân yêu. Tôi thừa nhận đã quên thân phận mình. Nhưng có một số điều không nên chịu đựng.”

Vậy là cửa Bên ánh Lửa hiếm khi đánh rầm một cái như thế.

“Cháu thấy chưa, Annie?” bà cô Mary Maria nói đầy ý nghĩa. “Nhưng cô thấy chừng nào cháu còn sẵn sàng bỏ qua cho người hầu cái kiểu ấy thì chẳng ai làm gì được.”

Gilbert đứng lên bỏ vào thư viện, ở đó một người đàn ông mỗi một còn mong được chút bình yên. Còn bà cô Mary Maria, vốn không ưa cô Cornelia, thì cáo lui đi nghỉ. Thành thử khi cô Cornelia vào thì thấy có mỗi mình Anne, thần thờ bên nôi em bé. Cô Cornelia không bắt đầu trút một bầu chuyện phiếm ra như mọi lần. Thay vì vậy, bỏ áo khoác qua một bên rồi, cô ngồi xuống bên Anne và cầm tay cô.

“Anne cưng, có chuyện gì vậy? Ta biết có chuyện gì đó mà. Có phải linh hồn già rục của Mary Maria đang giày vò cháu đến chết không?”

Anne gượng cười.

“Ôi cô Cornelia... cháu biết mình ngu ngốc vì cứ để tâm nhiều chuyện đó... nhưng hôm nay là một trong những ngày dường như cháu không thể tiếp tục chịu đựng cô ấy nữa. Cô ấy... cô ấy đúng là đang hủy hoại cuộc sống của chúng cháu ở đây...”

“Sao cháu không bảo bà ta đi đi là xong?”

“Ồ, chúng cháu đâu thể làm vậy, cô Cornelia. Ít ra thì cháu không thể còn Gilbert sẽ không làm vậy đâu. Anh ấy nói anh mà đuổi máu thịt của mình ra khỏi cửa thì sẽ không bao giờ còn nhìn mặt chính mình nữa.”

“Trời đất quý thần ơi!” cô Cornelia nói hùng hồn. “Bà ta có nhiều tiền và nhà riêng từ tể. Bảo bà ta về đó mà sống thì sao gọi là đuổi ra khỏi nhà được?”

“Cháu biết... nhưng mà Gilbert... cháu nghĩ anh ấy không nhận thấy hết mọi chuyện. Anh ấy cứ vắng nhà suốt mà thật ra thì... chuyện nào cũng rất nhỏ nhặt... cháu thấy xấu hổ...”

“Ta biết, cưng à. Có điều những chuyện nhỏ nhặt ấy gộp lại thành lớn khủng khiếp. Dĩ nhiên đàn ông thì không hiểu được đâu. Ta quen một bà ở Charlottetown biết rất rõ về bà ta. Bà ấy nói cả đời Mary Maria Blythe chưa từng có lấy một người bạn. Bà ấy nói đáng ra tên bà ta là Blight^[1] chứ không phải Blythe. Cái cháu cần, cháu yêu, là đủ nghị lực để nói rằng cháu không kiên nhẫn chịu đựng thêm được nữa.”

[1]. Tai họa, phát âm như Blythe.

“Cháu thấy cứ như khi ta nằm mơ mình cố chạy nhưng lại chỉ lê được chân thôi,” Anne buồn bã nói. “Giá mà chỉ thỉnh thoảng... đằng này là hằng ngày. Giờ thì bữa ăn đúng là kinh khủng. Gilbert nói anh ấy không còn lạng thụt quay ra được nữa.”

“Cậu ta mà nhận ra điều đó,” cô Cornelia cười khẩy.

“Trong bữa ăn chúng cháu không còn được trò chuyện cho ra trò chuyện vì mỗi khi ai mở miệng thì chắc chắn cô ấy sẽ nói câu gì đó khó chịu. Cô ấy liên tục chỉnh cách cư xử của bọn trẻ và trước mặt quan khách bao giờ cũng làm cho người ta chú ý đến lỗi của chúng. Chúng cháu từng có những bữa ăn vui vẻ biết bao... mà giờ thì... Cô ấy ghét tiếng cười... mà cô biết chúng cháu cười để làm gì rồi. Bao giờ cũng có ai đó tìm một câu đùa... hay đã từng như vậy. Cô ấy chẳng bỏ qua điều gì cả. Hôm nay cô ấy nói, ‘Gilbert, đừng có mặt sưng mày sía thế. Cháu với Anne cãi nhau đấy à?’ Chỉ vì chúng cháu im lặng. Cô biết Gilbert hơi trầm cảm mỗi khi mất đi một bệnh nhân mà anh ấy nghĩ đáng ra đã sống. Rồi cô ấy thuyết giáo cho chúng cháu về sai lầm đại đột và răn chúng cháu chớ cảm giận sau khi mặt trời lặn. Ôi, sau đó chúng cháu đã cười chuyện ấy... nhưng lúc ấy thì... Cô ấy và Susan không hợp nhau. Chúng cháu cũng không làm sao để Susan dừng lâu bầu những câu vô phép. Susan chẳng còn dừng ở mức lâu bầu nữa khi cô Mary Maria nói với bà ấy là chưa bao giờ thấy đứa nào nói dối như Walter... vì cô Mary Maria nghe thẳng bẻ kể cho Di một câu chuyện dài về gặp gỡ một người trên mặt trăng rồi hai người trò chuyện với nhau. Cô ấy muốn lấy nước xà phòng rửa sạch miệng thẳng bẻ. Cô ấy và Susan đã có một cuộc đối đầu nảy lửa. Rồi cô ấy nhồi vào đầu óc bọn trẻ đầy những ý nghĩ khủng khiếp. Cô ấy kể Nan nghe về một đứa trẻ hư đã chết trong lúc ngủ nên bây giờ Nan sợ không dám đi ngủ. Cô ấy nói với Di rằng nếu nó luôn là đứa con gái ngoan thì cuối cùng rồi bố mẹ cũng sẽ yêu thương nó như Nan, dù

tóc con bé màu đỏ. Gilbert nghe được đã nổi giận đùng đùng và nói năng rất gay gắt với cô ấy. Cháu không khỏi hy vọng cô ấy sẽ thấy méch lòng mà đi... dù cháu rất ghét để ai rời nhà mình vì méch lòng. Nhưng cô ấy chỉ để nước mắt lưng tròng trong đôi mắt xanh to đó rồi nói mình không có ý gì xấu. Cô ấy vẫn nghe nói hai đứa sinh đôi chưa bao giờ được yêu thương đồng đều nên tưởng chúng tôi bệnh Nan và Di tội nghiệp cảm nhận được điều đó! Cô ấy khóc cả đêm khiến Gilbert cảm thấy mình tàn nhẫn... bèn xin lỗi."

"Cậu ta làm thế ư!" cô Cornelia kêu lên.

"Ôi, cháu không nên nói thế này, cô Cornelia ơi. Khi cháu biết ơn Chúa về những gì mình có thì cháu cảm thấy mình thật nhỏ nhen khi để bụng những chuyện này... ngay cả khi chúng quá có làm cuộc sống bớt đi phần rục rờ. Không phải lúc nào cô ấy cũng đáng ghét đâu... đôi khi cô ấy cũng khá tử tế..."

"Cháu nói thật đấy à?" cô Cornelia hỏi mĩa mai.

"Phải... tốt bụng nữa. Cô ấy nghe cháu nói thích bộ đồ trà chiều nên đã đi Toronto mua cho cháu một bộ... đặt hàng qua bưu điện! Mà, ôi, cô Cornelia ơi, nó xấu tệ!"

Anne bật cười rồi cuối cùng nức nở. Rồi cô lại cười.

"Thôi ta không nói về cô ấy nữa... giờ khi đã buột miệng nói hết ra rồi thì cháu thấy không còn thấy nặng nề lắm... thật như trẻ con. Nhìn Rilla bé xiu xiu kia, cô Cornelia. Khi ngủ lòng mi nó có đẹp không này? Giờ ta tán gẫu thật ra trò nào."

Khi cô Cornelia đi rồi thì Anne lại là chính mình. Dẫu vậy cô vẫn ngồi trầm ngâm trước lò sưởi một lúc. Cô chưa kể hết cho cô Cornelia nghe. Cô chưa kể gì cho Gilbert. Có rất nhiều chuyện nhỏ nhặt...

"Nhỏ nhặt đến mức mình đâu thể phàn nàn," Anne nghĩ. "Nhưng mà... điều nhỏ nhặt mới là cái đục dần những lỗ thủng trong đời sống... như bầy thiêu thân... và làm hỏng nó."

Bà cô Mary Maria có cái trò đóng vai bà chủ... bà cô Mary Maria mời khách khứa mà không hề nói tiếng nào cho đến khi họ tới... "Cô ấy làm mình cảm thấy như thể mình không thuộc về nhà của chính mình." Bà cô Mary Maria xê dịch đồ đạc trong nhà lúc Anne đi vắng. "Cô hy vọng cháu không phiền, Anne; cô nghĩ ta cần bàn ở đây hơn là trong thư viện nhiều." Thói tò mò trẻ con không biết thỏa mãn của bà cô Mary Maria về mọi thứ... mấy câu hỏi thẳng thừng về những chuyện rất riêng tư... "vào phòng mình mà không bao giờ gõ cửa... luôn có mùi thuốc lá... cứ làm phòng mấy cái

gối mình đã làm cho xẹp xuống... lúc nào cũng ám chỉ rằng mình huyền thuyên quá nhiều với Susan... cứ la rầy bọn trẻ... Lúc nào mình cũng phải xem chừng chúng và buộc chúng cư xử đàng hoàng rồi nhưng không phải lúc nào mình cũng lo nổi.”

“Bà Maywia già xấu xí,” một ngày đáng sợ nọ Shirley đã nói rành mạch như vậy. Gilbert định đánh đít cậu, nhưng Susan đã đứng lên với vẻ đường bệ bị thương tổn và nghiêm cấm chuyện đó.

“Nhà mình đang sợ sệt,” Anne nghĩ. “Gia đình này bắt đầu xoay quanh câu hỏi, ‘Bà cô Mary Maria có thích chuyện đó không?’ Mình không muốn thừa nhận chuyện đó đâu nhưng đúng là vậy. Gì cũng được còn hơn để bà lau nước mắt ra về cao thượng. Chuyện đó không thể tiếp diễn nữa.”

Rồi Anne nhớ đến điều cô Cornelia nói... Mary Maria Blythe chưa bao giờ có bạn. Khùng khiếp quá! Vì Anne có biết bao tình bạn nên cô chợt cảm thấy động lòng trắc ẩn cho người đàn bà chưa bao giờ có bạn này... chẳng có gì trước mặt ngoài tuổi già đơn độc, thao thức, không ai tìm đến mong chờ che hay hàn gấm, hy vọng và giúp đỡ, hơi ấm và tình thương. Chắc hẳn gia đình cô kiên nhẫn với bà được mà. Suy cho cùng thì những chuyện khó chịu này chỉ là trên bề mặt. Chúng đâu thể làm hỏng nguồn sống sâu xa.

“Mình vừa đột nhiên thấy thương thân khủng khiếp thôi mà, có gì đâu,” Anne nói, bế Rilla trong nôi ra rồi xao xuyến vì cái má mịn màng tròn trịa áp bên má mình. “Giờ thì chuyện đã qua rồi và mình thật xấu hổ.”

“Tôi chưa từng phủ nhận,” Rebecca Dew nói, rút hai bàn chân hơ xong trong lò ra, “rằng mặc dù trong cuộc sống ta không được quên Những Điều Cao Quý nhưng thức ăn ngon là một thứ dễ chịu có chừng mực.”

Chương 13

“Bây giờ chắc mình không bao giờ còn mùa đông như ngày xưa nữa, phải không mẹ?” Walter ù đột nói.

Vì tuyết tháng Mười một đã tan từ lâu mà suốt tháng Mười hai Glen St. Mary vẫn là một miền đất âm u âm đạm, nằm giữa vòng vịnh xám xịt lấm chấm những ngọn bốt biển cong cong trắng xóa như băng. Chỉ được vài ngày nắng, càng biển lóng lánh trong vòng tay những ngọn đồi vàng rực: những ngày còn lại thì lạnh lùng khắc nghiệt. Nhà Bên ánh Lửa hoài công mong chờ tuyết cho Giáng sinh: nhưng các hoạt động chuẩn bị vẫn đều đều diễn ra và khi tuần lễ cuối đến gần thì Bên ánh Lửa đã đầy bí ẩn và bí mật cùng những tiếng thì thầm và mùi thơm phưng phức. Ngay trước hôm Giáng sinh mọi thứ đã sẵn sàng. Cây linh sam Walter và Jem đem từ Vùng Lòng Chảo lên đứng trong góc phòng khách, cửa lớn cửa sổ treo những vòng lá xanh lớn thướt tha thật to. Lan can quần vân sam leo còn kho lương thực của Susan thì chật ních ê hề. Thế rồi, cuối buổi chiều, khi ai nấy đành cam chịu một Giáng sinh “xanh” buồn tẻ thì ai đó nhìn ra cửa sổ và thấy những bông tuyết trắng lớn như lông chim rơi dày.

“Tuyết! Tuyết!! Tuyết!!!” Jem kêu toáng lên. “Cuối cùng thì cũng có Giáng sinh trắng rồi, mẹ ơi.”

Bọn trẻ Bên ánh Lửa sung sướng đi ngủ. Thích biết bao khi được rúc vào chăn ấm áp để chịu và lắng nghe bão hú bên ngoài suốt đêm tuyết âm u. Anne và Susan bắt tay vào trang hoàng cây Giáng sinh... “Chính họ cũng xử sự như hai đứa trẻ,” bà cô Mary Maria nghĩ đầy khinh miệt. Bà không bằng lòng trang trí nền trên cây... “Nhà bắt lửa thì sao.” Bà không tán thành mấy quả cầu đủ màu sắc... “Hai đứa sinh đôi ăn thì sao.” Nhưng chẳng ai để tâm tới bà. Họ đã biết được rằng cầu nhàu là điều kiện duy nhất để bà cô Mary Maria thấy cuộc đời dễ sống hơn.

“Xong!” Anne kêu lên khi gắn chặt ngôi sao bạc thật lớn lên chóp cây linh sam nhỏ kiêu kỳ. “Ồ, cô Susan ơi, trông đẹp không này! Thật thích khi mỗi dịp Giáng sinh ta lại được là trẻ con mà không phải xấu hổ! Cháu thật mừng vì tuyết đã rơi rồi... nhưng cháu mong hết đêm nay bão sẽ tan.”

“Mai sẽ có bão cả ngày đấy.” Bà cô Mary Maria nói chắc chắn. “Cái lưng khốn khổ của cô bão thế.”

Anne đi qua hành lang, mở cánh cửa lớn trước nhà nhìn ra. Vạn vật chìm trong một trận bão tuyết trắng xóa. Mấy ô kính cửa sổ xám xịt vì tuyết chất dày. Cây hồng tùng như một bóng ma trùm kín không lồ.

“Trông chẳng hứa hẹn gì mấy,” Anne rầu rĩ thừa nhận.

“Nhưng Chúa điều khiển thời tiết, cô bác sĩ thân yêu ạ! Chứ không phải bà Mary Maria Blythe,” Susan nói với ra sau vai.

“Cháu hy vọng ít nhất tối nay cũng không có điện thoại của bệnh nhân,” Anne quay đi và nói. Susan nhìn vào bóng tối âm thầm để từ biệt rồi khóa đèn bão lại bên ngoài.

“Tối nay nhà chị đừng có mà sinh đấy nhé,” bà cay độc cảnh cáo về hướng Bắc Glen nơi bà George Drew đang chờ sinh đứa thứ tư.

Bất chấp cái lưng của bà cô Mary Maria, bão đã dịu đi trong đêm rồi sáng ra rớt đầy thứ rượu đỏ mặt trời mùa đông xuống vùng trũng bí mật phủ tuyết trắng giữa các ngọn đồi. Bọn trẻ đều thức dậy sớm, mặt mũi sáng như sao và đầy vẻ háo hức.

“Ông già Noel có qua được bão không mẹ?”

“Không. Ông ấy bệnh nên không dám thử đâu,” bà cô Mary Maria nói, bà đang trong tâm trạng vui vẻ nên cảm thấy muốn đùa.

“Ông già Noel tới đây rồi,” Susan nói trước khi mắt chúng kịp nhòa đi, “ăn sáng xong các cháu sẽ thấy ông ấy đã làm gì cho cây thông nhà mình.”

Sau bữa điểm tâm bố biến đâu mất thật bí hiểm, nhưng không đứa nào thấy nhớ bố vì mãi chơi với cây thông... cây thông tươi thắm, biết bao bong bóng vàng bong bóng bạc và nến thấp trong căn phòng vẫn còn tối, những gói quà đủ màu cột ruy băng duyên dáng nhất xếp xung quanh. Thế rồi ông già Noel xuất hiện, một ông già tuyệt đẹp mặc bộ đồ có lông trắng, chòm râu trắng dài và cái bụng bự ời là bự... Susan đã nhồi ba cái gối tựa vào chiếc áo thụng vải nhung đỏ Anne may cho Gilbert. Thoạt đầu Shirley thét lên kinh hãi, mặc dù vậy cũng không chịu cho dẫn ra ngoài. Santa phân phát quà cùng một câu ngắn gọn nghĩnh cho tất cả bằng giọng nghe quen lạ lùng dù qua mặt nạ; thế rồi đúng phút chót bộ râu của ông bắt lửa ở cây nến, bà cô Mary Maria khá toại nguyện vì sự cố này dù vẫn chưa đủ để ngăn bà thờ dài thăm nào.

“Than ôi, Giáng sinh không còn như ngày cô còn bé.” Bà nhìn món quà bé Elizabeth gửi từ Paris về cho Anne với vẻ chê bai... một bức tượng đồng Artemis cầm cây cung bạc nhỏ xíu thật đẹp.

“Con đàn bà hư hỏng trêu trên nào thế?” bà nghiêm khắc hỏi.

“Nữ thần Diana đấy,” Anne nói, rồi cười toe toét với Gilbert.

“Ồ, ngoại đạo à! Vậy thì lại là chuyện khác. Nhưng Anne này, cô mà là cháu thì cô sẽ không để chỗ nào bọn trẻ có thể nhìn thấy được đâu. Đôi khi cô bắt đầu nghĩ trên đời chẳng còn gì như tính e lệ nữa. Bà ngoại cô,” bà cô Mary Maria kết luận theo kiểu chẳng đầu vào đâu đặc trưng của rất nhiều phát ngôn của bà, “không đời nào chịu mặc ít hơn ba cái váy lót, mùa đông cũng như mùa hè.”

Bà cô Mary Maria đã đan “găng tay hở ngón” cho bọn nhỏ bằng màu len đỏ tía đáng sợ, và cả một áo len dài tay cho Anne nữa; Gilbert nhận được chiếc cà vạt xấu phát bệnh còn Susan được một váy lót vải thô màu đỏ. Ngay cả Susan cũng thấy váy lót vải đỏ là lỗi thời rồi, nhưng bà cũng lịch sự cảm ơn bà cô Mary Maria.

“Một nhà truyền giáo khổ hạnh chắc mới thích được thứ này,” bà nghĩ. “Ba váy lót, đúng là! Mình tự mãn cho mình là người đàn bà đoan chính nhưng mình cũng thích nhân vật Cung Bạc đó. Cô ta hầu như chẳng mặc gì nhiều, nhưng mình mà có thân hình như vậy thì chẳng biết mình có muốn che giấu đi không nữa. Nhưng giờ mình phải đi chuẩn bị đồ nhồi cho gà tây cái đã... nói vậy không có nghĩa là món đó sẽ có gì khác biệt vì chẳng nào mà chả không có hành tây.”

Ngày hôm ấy Bên ánh Lửa trần trẻ hạnh phúc, niềm hạnh phúc truyền thống, bình dị thôi, mặc dù có bà cô Mary Maria, một con người dứt khoát không thích thấy mọi người hạnh phúc quá.

“Xin cho thịt nhặt màu thôi. (James, ăn xúp khế thôi) A, cháu không phải người lạng thịt như bố cháu, Gilbert ạ. Ông ấy biết chia cho mọi người miếng người ấy thích nhất. (Hai đứa sinh đôi này, thỉnh thoảng người già cả cũng muốn có dịp chen vào một câu đấy. Bà được nuôi dạy bằng nguyên tắc là cần phải thấy mà không cần phải nghe trẻ con.) Không, cảm ơn Gilbert, đừng lấy xà lách cho cô. Cô không ăn đồ sống. Vâng, Anne, cô muốn chút bánh pudding. Mấy cái loại bánh nhân thịt bằm quá ư là khó tiêu.”

“Bánh thịt bằm của Susan là thơ, cũng như bánh táo là ý nhạc” bác sĩ nói. “Cho anh mỗi thứ một miếng đi, cô gái Anne.”

“Ở tuổi mình cháu có thật lòng thích được gọi là cô gái không, Anne? Walter, cháu chưa ăn hết bánh mì bơ của cháu kia. Rất nhiều trẻ em nghèo mà có được thì mừng lắm đấy. James thân yêu, hi mũi rồi làm sao cho dứt đi, bà không chịu nổi tiếng hi mũi.”

Nhưng đó là một Giáng sinh vui tươi đáng yêu. Sau bữa ăn bà cô Mary Maria cũng đã bớt lạng nhặt một chút, gần như nhả nhận nói là quà tặng cho bà khá xinh, và thậm chí còn chịu đựng Tôm với vẻ hy sinh nhẫn nhục khiến ai cũng thấy hơi xấu hổ vì yêu

thương chú.

“Cháu nghĩ mấy nhóc nhà mình đã có một ngày vui vẻ.” Đêm đó Anne sung sướng nói khi nhìn cây cối đan vào nhau dệt nên những hoa văn trên mấy ngọn đồi trắng xóa và vòm trời hoàng hôn, bọn trẻ thì đã ra bãi cỏ mài mê rải vụn bánh cho chim trên mặt tuyết. Gió khẽ rì rào giữa những cành cây, gửi những trận mưa tuyết lên bãi cỏ và hứa hẹn ngày mai sẽ lại có bão, nhưng Bên ánh Lửa đã có một ngày của mình rồi.

“Cô cũng nghĩ vậy,” bà cô Mary Maria đồng tình. “Cô tin chắc là chúng đã được hết hò đủ rồi. Còn ăn uống thì thôi, ta chỉ trẻ có một thời, mà cô chắc trong nhà ta vẫn còn nhiều dầu thầu dầu.”

Susan gọi đó là “mùa đông sợt”... bao nhiêu đợt tuyết tan và băng giá trang hoàng cho Bên ánh Lửa những đêm trụ băng tuyết đẹp. Bọn trẻ cho bảy con chim giẻ cùi xanh ăn, lũ chim này đều dẫn đến vườn quả nhận phần ăn và để Jem nhắc chúng lên trong khi bay tránh xa tất cả những người khác. Tháng Giêng và tháng Hai Anne thức cả đêm nghiền cứu mấy cuốn danh mục hạt giống. Thế rồi gió tháng Ba cuộn trên những đụn cát, lên bờ cang rồi lên rặng đồi. “Bọn thỏ”, Susan nói, “đang nằm ấp trứng Phục sinh”.

“Có phải tháng Ba là tháng phún khích không hả mẹ?” Jem thốt lên, cậu là em của tất cả các ngọn gió từng thổi.

Họ có thể đã tha cho cái sự “phún khích” của Jem khi quệt xước tay vì chiếc đinh gi và phải chịu khổ mấy ngày vì nó, trong khi bà cô Mary Maria kể đủ chuyện bà từng nghe về nhiễm trùng máu. Nhưng điều đó, Anne ngẫm nghĩ khi nguy hiểm đã qua, là cái ta phải trông đợi khi có một cậu con trai còn bé ham thử nghiệm.

Và ô kia, tháng Tư rồi! Cùng tiếng cười của mưa tháng Tư... lời thì thầm của mưa tháng Tư... nhỏ tí tách, tràn lướt cuốn đi, vỗ nhẩy nhót bắn tung tóe. “Ồ, mẹ ơi, thế gian đã rửa mặt sạch sẽ rồi phải không ạ?” Di kêu lên vào buổi sáng trời nắng trở lại.

Có những vì sao mùa xuân nhợt nhạt tỏa sáng trên những cánh đồng mù sương, có những cây liễu tơ trong đầm lầy. Ngay cả vẻ lạnh băng khô cứng của mấy cánh con trên cây đường như cũng chột tan biến mà trở nên mềm mại tha thướt. Con chim cổ đỏ đầu tiên là một sự kiện; Vòng Lồng Chảo lại một lần nữa là nơi có biết bao niềm vui tự do rõ đại; Jem hái về cho mẹ những bông táo gai đầu mùa... làm bà cô Mary Maria khá khó chịu, vì nghĩ đáng ra hoa đó phải tặng bà; Susan bắt đầu sắp xếp lại mấy giá đồ trên gác mái, còn Anne, suốt mùa đông hầu như chẳng có phút nào cho riêng mình, khoác lên mình bộ xiêm y niềm vui mùa xuân và gần như sống cả ngày trong vườn, trong lúc mèo Tôm lẩn lộn khắp các lối đi vì ngây ngất hương xuân.

“Cháu lo cho mảnh vườn đó còn hơn cả lo cho chồng đấy Anne,” bà cô Mary Maria nói.

“Vườn tử tế với cháu lắm!” Anne mơ màng đáp... rồi, nhận ra những hàm ý có thể rút nhận xét của mình, cô bật cười.

“Cháu nói chuyện lạ lùng hết sức đấy, Anne. Dĩ nhiên cô biết cháu không có ý nói Gilbert không tử tế... nhưng nếu người lạ mà nghe cháu nói như vậy thì sao?”

“Cô Mary Maria thân yêu,” Anne nói vui vẻ, “vào thời gian này trong năm thì quả thật cháu không chịu trách nhiệm về những gì mình nói đâu. Quanh đây ai cũng biết điều đó. Cứ đến mùa xuân là cháu hơi rồ dại. Nhưng cái rồ dại đó tuyệt vời quá. Cô có thấy từng đám sương mù trên những đụn cát như những nàng phù thủy nhảy nhót không? Thủy tiên hoa vàng nữa? Trước kia ở Bên ánh Lửa bọn cháu chưa bao giờ có hoa thủy tiên khoe sắc như vậy.”

“Cô không mấy để tâm đến thủy tiên hoa vàng. Chúng rất phổ biến,” bà cô Mary Maria nói, quần khăn quàng quanh người rồi đi vào nhà để bảo vệ cái lưng.

“Cô bác sĩ thân yêu,” Susan nói với vẻ lo ngại, “cô có biết mấy cây diên vĩ mới cô muốn trồng trong góc có bóng râm đó ra sao rồi không? Hồi chiều khi cô đi vắng bà ta trồng ngay vào chỗ nắng nhất ở sân sau.”

“Ồ, Susan! Mình không dời đi được vì cô ấy sẽ tự ái lắm!”

“Giá mà cô cho phép tôi nói, cô bác sĩ thân yêu...”

“Đừng, đừng Susan, ta cứ tạm để chúng đấy. Cô còn nhớ đó, cô ấy đã khóc khi cháu bóng gió là không nên tia cảnh mớ trên châu trước khi ra hoa.”

“Nhưng lại khinh khinh hoa thủy tiên của ta, cô bác sĩ thân yêu ạ... mà chúng thì lừng danh khắp cả khu cảng...”

“Và xứng đáng như vậy. Nhìn chúng cười cô vì cô để bụng cô Mary Maria kia. Susan này, cuối cùng thì sen cạn cũng sắp nở trong góc này rồi. Thật vui khi ta đã thôi không còn hy vọng một điều gì thì lại thấy nó bất ngờ xuất hiện. Cháu sẽ trồng một vườn hồng nhỏ ở góc Tây Nam. Chỉ hai tiếng vườn hồng thôi đã làm cả người cháu bồi hồi xao xuyến. Cô đã bao giờ thấy một màu trời xanh biếc như thế chưa, Susan? Nếu đêm đêm cô chăm chú lắng nghe thì sẽ nghe thấy mọi con suối nhỏ vùng đồng quê đang hàn huyên. Cháu vừa thoáng có ý hay là tối nay mình ngủ trong Vùng Lòng Chảo gối đầu trên hoa viola dại.”

“Cô sẽ thấy ẩm ướt lắm,” Susan kiên nhẫn nói. Cứ đến mùa xuân là cô bác sĩ lại thế. Sẽ qua thôi.

“Susan,” Anne nói ngon ngọt, “tuần tới cháu muốn tổ chức tiệc sinh nhật.”

“Ừ, sao lại không chứ?” Susan hỏi. Thật ra thì trong nhà không có ai sinh nhật vào tuần cuối tháng Năm, nhưng nếu cô bác sĩ muốn có tiệc sinh nhật thì sao phải băn khoăn cân nhắc?

“Cho cô Mary Maria,” Anne nói tiếp như người quyết tâm vượt qua phần nặng nề nhất. “Tuần tới là sinh nhật cô ấy. Gilbert nói cô ấy năm mươi lăm tuổi nên cháu đang tính...”

“Cô bác sĩ thân yêu, có thật là cô muốn tổ chức tiệc cho cái đồ...”

“Đếm đến một trăm đi, cô Susan... đếm đến một trăm đi, Susan thân yêu. Nó sẽ làm cô ấy hài lòng lắm. Nghĩ lại thì, đời cô ấy có gì đâu?”

“Đó là tại bà ta...”

“Có lẽ vậy. Nhưng Susan này, cháu thật lòng muốn làm điều này cho cô ấy.”

“Cô bác sĩ thân yêu ơi,” Susan u ám nói, “mỗi khi tôi cần cô đều từ tể mà cho tôi nghỉ phép một tuần. Có lẽ tuần tới tôi nên nghỉ phép! Tôi sẽ bảo cháu gái Gladys đến giúp cô một tay. Và rồi bà Mary Maria Blythe có cả tá tiệc sinh nhật cũng được, chẳng cần có tôi.”

“Susan à, nếu chuyện này khiến cô cảm thấy như vậy, tất nhiên cháu sẽ bỏ ý ấy đi,” Anne chậm rãi nói.

“Cô bác sĩ thân yêu, người đàn bà đó bắt cô phải chịu đựng bà ta rồi định ở đây luôn. Bà ta làm cô phiền muộn... rồi xô mũi cậu bác sĩ... rồi để bọn trẻ phải chịu khổ sở. Tôi không nói gì về mình cả, vì tôi là ai chứ? Bà ta cứ quờ mắng rồi chì chiết rồi bóng gió rồi rên rỉ... mà giờ cô lại muốn tổ chức tiệc sinh nhật cho bà ta! Thôi được, tôi chỉ còn biết nói là, nếu cô muốn làm thế... ta cứ thế mà tổ chức thôi!”

“Susan, cô yêu dấu!”

Sau đó là bản tính và lập kế hoạch. Susan, khi đã nhượng bộ, quyết tâm rằng vì danh dự Bên ánh Lửa buổi tiệc phải đạt đến độ ngay cả Mary Maria Blythe cũng không làm sao bắt lỗi được.

“Cháu nghĩ ta sẽ có một bữa tiệc trưa, Susan ạ. Rồi họ sẽ về sớm để cháu còn kịp cùng bác sĩ đi xem hòa nhạc ở Lowbridge. Ta sẽ giữ kín và gây bất ngờ cho bà cô. Cô ấy không được biết gì về chuyện này cho đến phút chót. Cháu sẽ mời hết những ai bà cô thích ở Glen...”

“Vậy họ có thể là ai, cô bác sĩ thân yêu?”

“Ồ, tôi mời những người cô ấy chịu được vậy. Rồi em họ Adelia Carey của cô ấy ở Lowbridge, cả vài người trên thị trấn nữa. Ta sẽ có một ổ bánh sinh nhật to thật ngon lành cảm năm mươi lăm ngọn nến...”

“Tất nhiên là tôi sẽ phải làm cái bánh đó rồi...”

“Susan, cô biết mình làm bánh trái cây tuyệt nhất đảo Hoàng Tử Edward mà...”

“Tôi biết mình là sếp trong tay cô rồi, cô bác sĩ thân yêu.”

Tiếp đó là một tuần bí ẩn. Một bầu không khí bí mật lan tràn khắp Bên ánh Lửa. Mọi người đều thề sẽ không cho bà cô Mary Maria biết bí mật. Nhưng Anne và Susan đã quên tính đến những bàn tán. Đêm trước bữa tiệc bà cô Mary Maria đi thăm người quen ở Glen về thì thấy họ ngồi với vẻ khá mệt mỏi trong phòng đón nắng mà không thấp đèn.

“Tôi thui tối mò cả vậy, Anne? Cô chịu không hiểu được sao ai cũng thích ngồi trong bóng tối. Bóng tối làm cô buồn chán.”

“Đâu phải tối... chạng vạng mà... đã có cuộc hôn phối tình yêu giữa ánh sáng và bóng tối và từ đó cái đẹp tuyệt vời sinh ra,” Anne nói, tự nhủ với chính mình hơn là với ai khác.

“Cô nghĩ tự cháu biết mình muốn nói gì, Anne. Thề ra mai cháu có tiệc sao?”

Anne ngồi phắt dậy. Susan, vốn đã ngồi như vậy rồi, không thể ngồi thẳng hơn được nữa.

“Sao... sao... cô...”

“Cháu cứ để cô phải nghe mọi chuyện từ người ngoài vậy,” bà cô Mary Maria nói, nhưng dường như vì buồn phiền hơn là vì giận.

“Bọn cháu... bọn cháu định làm... một bất ngờ, cô...”

“Cô không biết cháu trông đợi gì ở một buổi tiệc vào thời gian này trong năm khi mà cháu chẳng thể tin cậy vào thời tiết, Anne.”

Anne hít một hơi nhẹ nhõm. Rõ ràng bà cô Mary Maria chỉ biết là sẽ có tiệc chứ không hay nó có liên quan gì đến bà.

“Cháu... cháu muốn tổ chức trước khi hoa xuân héo tàn cô ạ.”

“Cô sẽ mặc cái đầm lụa bóng màu hồng lựu. Anne, cô chắc nếu cô chưa được nghe về chuyện này trong làng thì mai cô sẽ bị cả đám bạn bè đẹp đẽ của cháu bắt gặp đang mặc váy vải thô.”

“Ồ, không đâu, cô. Tất nhiên là bọn cháu định cho cô biết đúng lúc để còn ăn mặc sửa soạn mà...”

“Thôi được, nếu lời khuyên của cô có ý nghĩa gì với cháu, Anne... mà đôi khi cô gần như buộc phải nghĩ là không... cô muốn nói rằng sau này cháu đừng giấu giếm giấu giếm thái quá như vậy. Mà này, cháu có biết trong làng họ nói chính Jem là đứa ném đá qua cửa sổ nhà thờ Hội Giám lý không?”

“Không phải đâu ạ,” Anne nói nhỏ nhẹ. “Thằng bé nói với cháu là nó không làm.”

“Anne thân yêu, cháu có chắc là nó không nói dối không?”

“Anne thân yêu” vẫn nói nhỏ nhẹ.

“Hoàn toàn chắc, cô Mary Maria. Cả đời Jem chưa hề nói dối cháu.”

“Chà, cô nghĩ cháu nên biết thiên hạ nói gì.”

Bà cô Mary Maria hiện ngang bó đi bằng điệu bộ thanh lịch mọi khi, làm bộ làm tịch tránh Tôm đang nằm ngửa trên sàn khăn khăn ai đó cù bụng cho.

Susan và Anne hít một hơi sâu.

“Chắc là cháu đi ngủ đây, Susan à. Cháu thật lòng hy vọng ngày mai mọi chuyện tốt đẹp. Cháu không thích cái đám mây đen đang phủ trên cánh kia chút nào.”

“Sẽ ổn thôi, cô bác sĩ thân yêu,” Susan trấn an. “Niên lịch nói thế mà.”

Susan có một cuốn niên lịch dự báo thời tiết cả năm và thường đúng tương đối đủ để giữ được uy tín.

“Đừng khóa cửa hông cho bác sĩ về nhé Susan. Anh ấy lên thị trấn và có thể về muộn. Anh ấy đi mua hoa hồng... năm mươi lăm bông hồng vàng, Susan ạ... cháu nghe cô Mary Maria nói chỉ thích mỗi hoa hồng vàng.”

Nửa giờ sau, Susan, đang đọc chương hằng đêm trong Kinh Thánh, thì bất gặp câu, “Chớ năng bước chân đến nhà kẻ lân cận con, e người chán con, và trở lòng ghét con chẳng.” Bà để một cành ngải bụi vào đó để đánh dấu. “Thời ấy cũng đã thế,” bà ngẫm nghĩ.

Anne và Susan đều dậy sớm, muốn hoàn tất vài chuẩn bị cuối cùng trước khi bà cô Mary Maria quanh quẩn gần bên. Bao giờ Anne cũng thích dậy sớm để bắt lấy nửa giờ huyền bí trước khi mặt trời lên, khi mà thế gian thuộc về các bà tiên và thần linh xa xưa. Cô thích ngắm bầu trời buổi mai màu hồng phớt và vàng rực đằng sau chớp nhà thờ ánh mặt trời lên rực rỡ trong vắt, mỏng manh lan trên mây đục cát, những cuộn khói tím đầu tiên từ mấy nóc nhà trong làng lơ lửng bay lên.

“Như thể ta vừa có một ngày đặt làm theo yêu cầu ấy, cô bác sĩ thân yêu,” Susan mẫn nguyện vừa nói vừa trang trí dừa vào ổ bánh có lớp kem cam. Sáu bữa điểm tâm, tôi sẽ thử làm món bánh quy bơ kiêu mới và cứ nửa giờ lại gọi Carter Flagg một lần để đảm bảo là ông ta sẽ không quên món kem. Rồi còn phải cạo rửa mấy bậc thềm nữa.”

“Có cần không, Susan?”

“Cô bác sĩ thân yêu, cô đã mời bà Marshall Elliott phải không? Bà ấy chỉ được phép thấy bậc thềm nhà ta không một hạt bụi thôi. Nhưng cô sẽ lo phần trang trí chứ cô bác sĩ thân yêu? Tôi không có thiên khiếu cắm hoa.”

“Bốn ổ bánh! Trời ơi!” Jem nói.

“Đã tổ chức tiệc,” Susan nói nghiêm trang, “thì phải cho ra tiệc.”

Khách đến đúng giờ và được bà cô Mary Maria mặc váy lụa bóng màu hồng lựu và Anne mặc voan nâu nhạt tiếp đón. Anne đã định mặc váy muslin trắng, vì hôm ấy là mùa hè ấm áp, nhưng đã quyết định khác đi.

“Cháu biết điều lắm, Anne,” bà cô Mary Maria bình luận. “Cô vẫn luôn nói, màu trắng chỉ dành cho người trẻ.”

Mọi thứ diễn ra theo đúng kế hoạch. Bàn ăn trông tuyệt đẹp với những chiếc đĩa xinh xắn nhất của Anne và vẻ đẹp kỳ lạ của hoa diên vĩ trắng và tím. Bánh quy bơ của Susan gây xôn xao, ở Glen trước giờ chưa từng thấy gì như thế, món xúp kem của bà là tột đỉnh trong các món xúp; xa lát gà làm từ “gà đúng là gà” của Bên ánh Lửa; Carter Flagg bị quấy rầy liên tục đã gửi kem đến thật đúng giờ. Cuối cùng Susan, bê ổ bánh sinh nhật thấp năm mươi lăm ngọn nến bước vào và đặt xuống trước mặt bà cô Mary Maria.

Anne, bề ngoài là bà chủ nhà, thân nhiên tươi cười, đã cảm thấy rất lo lắng một lúc. Dù nhìn bề ngoài thì mọi thứ đều suôn sẻ nhưng trong thâm tâm cô càng lúc càng tin chắc là có gì đó không ổn chút nào. Khi khách đến cô mãi tíu tít không nhận thấy mặt bà cô Mary Maria thoáng biến sắc khi bà Marshall Elliott thân ái chúc mừng sinh nhật bà. Nhưng khi cuối cùng mọi người đã ngồi quanh bàn Anne mới nhận ra bà cô Mary Maria trông không hề hài lòng. Thậm chí bà tái nhợt... không thể nào là vì thịnh nộ chứ!... rồi suốt bữa ăn không nói tiếng nào, trừ mấy chữ cộc lốc đáp lại những câu nói với bà. Bà chỉ múc hai thìa xúp và nhón ba lát xà lách; còn về kem, bà đối xử như thể nó không có ở đó.

Khi Susan đặt bánh sinh nhật có nến lung linh xuống trước mặt, bà cô Mary Maria hớp một hơi kinh hãi nhưng không thành vì còn phải nuốt trôi một cơn thổn thức, kết quả là âm thanh phát ra là một thứ tiếng khô khề nghèn nghẹn.

“Cô ơi cô thấy không khỏe sao?” Anne thốt lên. Bà cô Mary Maria nhìn cô lạnh nhạt.

“Khá khỏe, Anne. Thật ra thì khỏe đáng kể, đối với một người có tuổi như tôi.”

Đúng thời khắc đầy hứa hẹn này thì cặp sinh đôi xuất hiện, xách ở giữa một giỏ đầy năm mươi lăm bông hồng vàng, thế rồi, giữa sự im lặng bàng hoàng bất chợt, dâng giỏ hoa cho bà cô Mary Maria, cùng những câu chúc mừng ngọng nghịu và lời chúc tốt lành. Tiếng trầm trở đồng thanh ồ lên từ bàn ăn, nhưng bà cô Mary Maria không tham gia.

“Hai đứa... sinh đôi thôi tắt nến cho cô, cô nhé,” Anne căng thẳng áp ứng, “rồi... cô cắt bánh sinh nhật nhé?”

“Vẫn chưa rục rệu lắm... Anne, cô tự thôi tắt nến được.”

Tiếp đó bà cô Mary Maria thôi nến, cẩn thận và khoan thai. Cũng cẩn thận và khoan thai như vậy bà cắt bánh. Rồi bà bỏ dao xuống.

“Còn bây giờ có lẽ cô xin phép, Anne một bà lớn tuổi như cô cần được nghỉ ngơi sau quá nhiều huyên náo như vậy.”

Chiếc đèn lụa bóng của bà cô Mary Maria kêu loạt soạt. Giỏ hoa hồng đỏ nhào khi bà quét ngang qua. Đôi giày cao gót kêu lách cách khi bà cô Mary Maria lên lầu. Cửa phòng bà cô Mary Maria đánh sầm xa xa.

Những người khách chết sống cổ lắm mới ăn được mấy lát bánh sinh nhật trong bầu không khí im lặng căng thẳng mà chỉ có câu chuyện của bà Amos Martin mới phá tan được, khi bà đánh bạo kể về một bác sĩ ở Nova Scotia đầu độc vài bệnh nhân bằng cách tiêm mầm bệnh bạch hầu. Mấy người kia, cảm thấy câu chuyện không được tinh tế ý nhị cho lắm, không yểm trợ nỗ lực đáng khen nhằm làm không khí sôi động lên của bà và tất cả ra về ngay khi có thể đứng mực mà làm vậy.

Anne rồi trí chạy vội tới phòng bà cô Mary Maria.

“Cô yêu ơi có chuyện gì vậy cô?...”

“Có cần phải quảng cáo tuổi tác tôi ra trước thiên hạ không, Anne? Lại còn mời Adella Carey đến đây... để chị ta biết được tuổi tôi... Bao năm rồi chị ta vẫn muốn biết chết đi được!”

“Cô yêu, chúng cháu định... chúng cháu định...”

“Cô không biết ý đồ của cháu là gì, Annie. Cô thừa biết đằng sau tất cả những chuyện này là gì... ồ, cô đoán được ý cháu mà, Anne thân yêu... nhưng cô sẽ cố không moi móc ra... cô sẽ để cháu tự vấn lương tâm lấy.”

“Cô Mary Maria, cháu chỉ có ý định tặng cô một sinh nhật vui vẻ. Cháu rất tiếc...”

Bà cô Mary Maria lấy khăn tay chấm lên mắt và can trường mỉm cười.

“Dĩ nhiên cô sẽ tha thứ cho cháu, Annie. Nhưng cháu phải nhận ra rằng sau một nỗ lực cố ý làm tổn thương tình cảm của cô như thế thì cô không thể ở lại đây thêm được nữa.”

“Cô ơi, cô không tin rằng...”

Bà cô Mary Maria đưa bàn tay dài, gầy, u sần lên.

“Ta hãy dừng bàn đến chuyện đó, Annie. Cô muốn bình yên... chỉ bình yên thôi. ‘Ai mà chịu được khi tinh thần bị tổn thương?’”

Đêm đó Anne đi xem hòa nhạc với Gilbert, nhưng không thể nào nói là cô thưởng thức được âm nhạc. Gilbert đón nhận toàn bộ chuyện này “đúng như lũ đàn ông”, cô Cornelia ắt hẳn sẽ nói vậy.

“Anh nhớ cô vẫn luôn hơi khó chịu về tuổi tác của mình. Bỏ từng chọc cô. Đáng ra

anh phải nhắc em trước... nhưng anh quên mất. Nếu cô đi, đừng cố ngăn cô"... Và nhờ tinh thần dòng họ mà kiếm chế không nói thêm "đúng là thoát nợ!"

"Bà ta sẽ không đi đâu. Không may mắn vậy đâu, cô bác sĩ thân yêu," Susan hồ nghi nói.

Nhưng một lần này thôi Susan đã sai. Ngay ngày hôm sau bà cô Mary Maria bỏ đi, tha thứ cho tất cả mọi người kèm theo tiếng than thở chia tay.

"Đừng trách Annie, Gilbert ạ," bà nói cao thượng. "Cô bỏ qua cho nó những gì nó có ý xúc phạm. Cô chưa hề để bụng chuyện nó giữ bí mật với cô... dù đối với một đầu óc nhạy cảm như cô... nhưng bất chấp tất cả mọi chuyện thì cô vẫn luôn yêu quý Anne tội nghiệp." Câu này được nói với cái vẻ của một người đang thừa nhận điểm yếu. "Nhưng Susan Baker là con mèo có màu sắc khác. Lời cuối cho cháu đây, Gilbert... Hãy đặt Susan Baker ở đúng chỗ của bà ta và giữ bà ta yên ở đó."

Mới đầu không ai tin nổi là mình may mắn. Rồi họ mới sực nhận ra bà cô Mary Maria đã đi thật rồi... họ lại được cười mà không làm ai giận... mở hết cửa sổ mà không có ai kêu ca gió lùa... ăn một bữa mà không ai bảo là món ta đặc biệt ưa thích có thể gây ung thư dạ dày.

"Minh chưa bao giờ sẵn lòng thúc hối khách ra đi như vậy," Anne nghĩ, có phần áy náy. "Thật tuyệt khi lại được là chính mình."

Tôm liếm láp thật tỉ mỉ, cảm thấy rằng suy cho cùng thì làm mèo cũng vui.

Bông mẩu đơn đầu tiên bùng nở trong vườn.

"Thế giới tràn ngập thơ ca, phải không mẹ?" Walter nói.

"Sắp sửa có một tháng Sáu thật đẹp," Susan dự báo. "Niên lịch nói thế. Sẽ có vài cô dâu và chắc cũng hai đám tang là ít. Chẳng phải thật kỳ lạ sao khi lại được tự do hít thở trở lại? Khi tôi nghĩ mình đã cố hết sức can ngăn cô tổ chức buổi tiệc đó, cô bác sĩ thân yêu ạ, tôi lại nhận ra là có một Thiên ý sáng suốt hơn. Cô bác sĩ thân yêu ơi, cô không nghĩ hôm nay cậu bác sĩ sẽ được thưởng thức chút hành trong món bít tết sao?"

Chương 15

“Ta cảm thấy mình phải đến, cháu thân mến,” cô Cornelia nói, “để phân trần về cú điện thoại đó. Hoàn toàn là sơ suất... ta thật áy náy quá... rốt cuộc thì chị họ Sarah chưa chết.”

Anne nhòe cười mời cô Cornelia ngồi vào ghế trên hàng hiên, còn Susan, ngẩng lên trên cổ áo ren thêu kiểu Ai Len đang móc cho cháu gái Gladys, thốt một câu lịch sự đáng ngờ, “Xin chào, bà Marshall Elliott.”

“Sáng nay bệnh viện báo chị qua đời hồi đêm, nên ta cảm thấy mình phải thông báo cho cháu, vì chị ấy là bệnh nhân của cậu bác sĩ. Nhưng đó là một Sarah Chase khác còn chị họ Sarah thì ta lấy làm mừng mà nói là đang sống và rất có thể sẽ sống. Ở đây mát mẻ để chịu thật đấy, Anne. Ta vẫn nói muốn có gió mát thì tới Bên ánh Lửa.”

“Cô Susan và cháu đang thưởng thức cái duyên của buổi tối sáng sao này,” Anne nói, để chiếc váy muslin hồng trang trí hình tổ ong đang may cho Nan qua một bên rồi chấp hai tay trên đầu gối. Cô sẵn sàng đón chào một cái cơ để được ngồi thong dong một lát. Đạo này cô và Susan ít khi được thành thoi.

Sẽ có trăng, nhưng sự tiện lợi rằng trăng sẽ mọc còn đáng yêu hơn chính cảnh tượng trăng lên. Hoa ly da báo “bùng sáng” dọc lối đi còn kim ngân thoang thoang theo làn gió mơ màng.

“Nhìn đám anh túc rập rờn bên tường rào trong vườn kia, cô Cornelia. Năm nay Susan và cháu rất tự hào về anh túc nhà mình, dù chúng cháu chẳng phải động tay động chân gì cả. Hồi mùa xuân Walter vô tình làm đổ gói hạt giống ở đây và đây là kết quả. Năm nào chúng cháu cũng có một bất ngờ thú vị như thế.”

“Ta mê anh túc lắm,” cô Cornelia nói, “dù chúng tươi không được lâu.”

“Chúng sống có một ngày,” Anne thừa nhận, “nhưng ngày hôm ấy mới uy nghi, lộng lẫy làm sao? Vậy không hơn cúc ngũ sắc cứng cáp phát khiếp gần như sống mãi sao? Ở Bên ánh Lửa chúng cháu không trồng cúc ngũ sắc. Đó là thứ hoa duy nhất chúng cháu không thân thiện. Susan còn không nói chuyện với chúng nữa kia.”

“Có ai bị ám sát dưới Vòng Lòng Chảo sao?” cô Cornelia hỏi. Quả thật, tiếng vắng lại nghe cứ như là có người đang bị thiêu ở cốc. Nhưng Anne và Susan đã quá quen nên không băn khoăn.

“Cả ngày nay Persis và Kenneth ở đây chờ rồi kết thúc bằng bữa đại tiệc trong Vùng Lòng Chảo. Còn về bà Chase thì khi sáng Gilbert đã lên thị trấn rồi, nên anh ấy sẽ biết thực hư về bà ấy thôi. Châu mừng là bà ấy khỏe, vì tất cả mọi người... các bác sĩ khác không đồng tình với chẩn đoán của Gilbert nên anh ấy có hơi lo.”

“Khi đi bệnh viện Sarah dẫn bọn ta không được chôn trừ phi chắc chắn chị ấy đã chết,” cô Cornelia nói, ngồi quạt thật uy nghi và thắc mắc sao lúc nào vợ bác sĩ trông cũng thanh thoi được như vậy. “Cháu hiểu đó, bọn ta vẫn hơi sợ hồi xưa chồng chị ấy bị chôn sống... trông ông ấy tươi tỉnh lắm kìa. Nhưng không ai nghĩ đến điều đó mãi đến khi đã quá muộn. Ông ấy là anh của cái gã Richard Chase mua trang trại Moorside cũ rồi dọn từ Lowbridge về hồi mùa xuân. Hắn là một kẻ kỳ quặc. Nói về đồng quê để được chút thanh bình... ở Lowbridge hắn tối ngày chỉ lo đùa cợt mấy bà góa “...” và mấy gái già,” cô Cornelia ắt đã thêm vào nhưng không nói, vì tôn trọng cảm xúc của Susan.

“Cháu có gặp cô con gái Stella của ông ấy... cô bé đến tập hát đồng ca. Chúng cháu khá mến nhau.”

“Stella là đứa con gái dễ thương... một trong ít đứa con gái còn biết đồ mặt. Ta vẫn luôn yêu quý con bé. Mẹ con bé và ta từng là bạn chí thân. Lisette tội nghiệp!”

“Cô ấy mất sớm sao?”

“Phải, khi Stella mới lên tám. Một mình Richard nuôi dạy Stella. Hắn ta ngoại đạo nữa khác. Hắn nói dân bà chỉ quan trọng về mặt sinh học... không cần biết điều đó nghĩa là sao. Hắn vẫn luôn khoắc lác như thế.”

“Dường như ông ấy nuôi dạy cô bé không tồi,” Anne vừa nói vừa nghĩ Stella Chase là một trong những cô gái duyên dáng nhất mình từng gặp.

“Ồ, không làm hồng Stella được đâu. Ta cũng không phủ nhận là trong đầu Richard có lăm lăm. Nhưng hắn rất gần gũi khi nhắc đến bọn trai trẻ... chưa bao giờ để Stella tội nghiệp có được một bạn trai trong đời! Chẳng trai nào cố đi chơi với con bé cũng đều bị hắn châm chọc đến khiếp vía. Hắn là người hay mỉa mai nhất ta từng biết. Stella không trị nổi hắn... trước nó thì mẹ nó cũng không. Họ không biết làm sao. Hắn cứ chống đối nhưng dường như cả hai không ai làm sao được.”

“Cháu thấy Stella có vẻ rất tận tụy với bố.”

“Ồ đúng vậy. Con bé ngưỡng mộ hắn. Hắn dễ mến cực kỳ khi được làm mọi chuyện theo ý mình. Nhưng đáng ra hắn phải biết điều hơn trong chuyện Stella lấy chồng chứ.

Hắn phải biết mình đâu thể sống mãi mãi... dù nghe hắn nói thì ta sẽ nghĩ ý hắn là thể đấy. Tất nhiên hắn vẫn chưa già... cưới vợ khi còn rất trẻ. Nhưng gia đình đó hay gặp chuyện rủi. Nên hắn mà đi rồi thì Stella sẽ thế nào? Ta chắc là chỉ quất queo héo úa dần thôi.”

Susan ngược lên khỏi bông hồng mọc mũi Ai Len phức tạp đủ lâu để nói dứt khoát:

“Tôi không đồng tình với các bậc cha mẹ làm hồng đời con trẻ kiểu ấy.”

“Có lẽ nếu Stella thật lòng để ý ai thì bố cô bé có phản đối cũng không ảnh hưởng gì lắm.”

“Đến đây thì cháu làm rồi, Anne cưng ạ. Stella không bao giờ cưới ai mà bố nó không thích đâu. Ta còn có thể cho cháu biết một người nữa cũng sắp bị làm hồng đời, đó là cháu của Marshall, Alden Churchill. Mary nhất quyết là thằng bé sẽ không cưới vợ ngày nào chị ta còn tránh được cho nó. Chị ta còn trái tính trái nết hơn cả Richard nữa... chị ta mà là chong chóng thì sẽ chỉ về hướng Bắc khi mà gió thổi hướng Nam. Đất đai là của chị ta cho đến khi nào Alden cưới và rồi sẽ thuộc về cậu ta, cháu biết đấy. Lần nào cậu ta hẹn hò với một đứa con gái chị ta cũng đều nghĩ cách ngăn cản cho bằng được.”

“Thật tình, là do bà ta cá sao, bà Marshall Elliott?” Susan hỏi lạnh nhạt. “Thế mà nhiều người cứ nghĩ là Alden hay thay đổi đấy. Tôi còn nghe người ta gọi cậu ta là chuyên gia tán tỉnh.”

“Alden đẹp trai nên bọn con gái theo đuổi nó thôi,” cô Cornelia vặn lại. “Ta không trách cậu ta lẳng nhăng chúng một chút rồi bỏ rơi sau khi dạy cho chúng một bài học. Nhưng đã có một hai cô tử tế cậu ta thật sự thích và lần nào Mary cũng ngăn cản. Chính chị ta nói với ta thế mà... nói là đi bói Kinh Thánh... chị ta cứ ‘bói Kinh Thánh’ rồi lòi ra một câu mà lần nào cũng là cản chuyện Alden cưới vợ. Ta không kiên nhẫn nổi với chị ta và cái kiểu kỳ quặc của chị ta. Sao chị ta không thể đi lễ và làm người đúng mực như đám còn lại chúng ta ở Bốn Làn Gió? Nhưng không, chị ta phải lập nên một tôn giáo riêng cho mình, trong đó có ‘bói Kinh Thánh’. Mùa thu năm ngoái con ngựa quý giá đó bị bệnh... cũng bốn trăm đô la là ít... thay vì cho mời bác sĩ thú y ở Lowbridge đến chị ta lại ‘bói Kinh Thánh’, rồi lòi ra được một câu... ‘Đức Chúa đã ban cho, đức Chúa lại cất đi. Đáng ngợi khen danh đức Chúa trời.’ Vậy là chị ta không mời bác sĩ thú y nên con ngựa chết. Chị ta thích hiểu câu ấy như vậy, Anne cưng ạ. Ta gọi đó là bất kính. Ta nói thẳng với chị ta như vậy nhưng câu trả lời ta nhận được là một cái nhìn khinh miệt. Chị ta cũng không chịu gắn điện thoại. ‘Cô nghĩ tôi định nói chuyện vào cái hộp trên tường sao?’ chị ta nói thế trong khi ai ai người ta cũng gắn cả.”

Cô Cornelia dừng, hết cả hơi. Những thói kỳ quái của bà chị chồng luôn làm cô mất kiên nhẫn.

“Alden không giống mẹ chút nào,” Anne nói.

“Alden giống bố... trên đời chưa bao giờ có người đàn ông nào tử tế hơn. Vì sao anh ấy lại chịu cưới Mary thì nhà Elliott chưa bao giờ hiểu được. Dù họ mừng rơn khi gả được chị ta đi suốt sẽ như vậy... chị ta từng là cô gái cao lêu đêu và gàn dở. Dĩ nhiên chị ta có tiền... di Mary để lại tất cả cho chị ta... nhưng đó không phải là lý do, George Churchill thật lòng yêu chị ta. Tôi chẳng hiểu sao Alden chịu đựng được mấy thói nguỵ của mẹ nó; nhưng cậu ta là đứa con trai ngoan.”

“Cô biết cháu vừa chợt nghĩ ra điều gì không, cô Cornelia?” Anne vừa nói vừa mỉm cười tinh quái. “Alden và Stella mà phải lòng nhau thì chẳng phải tốt đẹp sao?”

“Chuyện đó khó lắm, mà dù có đi nữa hai đứa cũng không đi tới đâu đâu. Mary sẽ chia rẽ đôi trẻ còn Richard thì sẽ mời một anh nông dân quên ra cửa ngay, mặc dù chính hắn giờ cũng là nông dân. Nhưng Stella không phải kiểu con gái Alden thích... cậu ta thích mấy đứa tươi cười mặt đỏ phừng ấy. Stella cũng không để ý đến mẫu người như cậu ta đâu. Tôi nghe nói ông mục sư mới ở Lowbridge đang nhìn con bé đắm đuối.”

“Chẳng phải ông ta khá xanh xao mà lại còn cận thị. Mắt ông ta còn lồi nữa”, Susan nói. “Khi ông ta cô trông ra vẻ tinh cảm thì chắc là đáng sợ lắm.”

“Ít ra ông ta cũng là tín đồ Giáo hội Trưởng lão,” cô Cornelia nói, như thể điều đó bù đắp được nhiều lắm. “Ôi, ta phải đi thôi. Ta thấy nếu ở ngoài sương lâu thì ta sẽ bị chứng đau dây thần kinh hành hạ.”

“Để cháu tiễn cô ra cổng.”

“Cháu mặc chiếc váy ấy bao giờ trông cũng như nữ hoàng ấy, Anne cưng,” cô Cornelia nói đầy ngưỡng mộ nhưng không ra đâu vào đâu cả.

Anne gặp Owen và Leslie Ford ở cổng nên đưa họ về lại hàng hiên. Susan đã đi lấy nước chanh cho bác sĩ cùng đám trẻ sung sướng và buồn ngủ vừa từ Vùng Lòng Chảo kéo về.

“Lúc đánh xe vào bố nghe thấy bọn con làm ồn kinh khủng,” Gilbert nói. “Chắc cả làng cả nước nghe được mất.”

Persis Ford vừa lắc lắc mấy lọn tóc quấn dày màu mật ra sau vừa thề lưởi với anh. Persis là cục cưng của “chú Gil”.

“Bọn cháu chỉ bắt chước mấy thầy tu đạo Hồi hú thôi mà nên dĩ nhiên bọn cháu phải hú chứ,” Kenneth phân trần.

“Nhìn áo xống của con xem,” Leslie nghiêm khắc nhắc nhở.

“Con ngã vào bánh sô cô la của Di đấy,” Kenneth nói, giọng rõ là mẫn nguyện. Cậu bé ghét mấy cái áo sạch tinh hồ cứng mà mẹ bắt cậu mặc mỗi khi đến Glen.

“Mẹ yêu ơi,” Jem nói, “cho con mấy chiếc lông đà điểu cũ trên gác xép để đính sau quần làm đuôi được không? Mai bọn con sẽ làm xiếc mà con là đà điểu. Bọn con sẽ có cả voi nữa.”

“Con có biết mỗi năm phải tốn sáu trăm đô để nuôi một con voi không?” Gilbert nói nghiêm trang.

“Voi tưởng tượng thì không tốn gì cả đâu,” Jem kiên nhẫn giải thích.

Anne cười. “Nhờ trời ta chưa bao giờ phải tiết kiệm trong thế giới tưởng tượng.”

Walter không nói gì. Cậu hơi mệt nên hoàn toàn bằng lòng ngồi xuống cạnh mẹ trên mấy bậc thềm rồi ngả đầu lên vai mẹ. Leslie Ford nhìn cậu và thầm nghĩ cậu có gương mặt của một vị thần... cái nhìn xa xăm, cách biệt của một tâm hồn ở một vì sao khác. Trái đất không phải là quê nhà của cậu.

Tất cả đều hạnh phúc trong giờ khắc huy hoàng của ngày huy hoàng ấy. Chuông nhà thờ bên kia cảng ngân lên nhẹ nhàng du dương. Trăng dẹt muôn ánh hình trên biển. Mấy đụn cát lấp lánh trong ánh bạc mờ. Không khí thoáng thoảng mùi bạc hà và mấy bông hồng đầu đó ngọt ngào không chịu nổi. Còn Anne, mơ màng nhìn qua bãi cỏ bằng cặp mắt mà, dù đã sáu đứa con, vẫn còn trẻ lắm, nghĩ rằng trên đời không có gì mãnh mai thanh tú như một cây dương Lombardy măng trẻ dưới ánh trăng.

Rồi cô nghĩ tới Stella Chase và Alden Churchill, cho đến khi Gilbert hỏi cô nghĩ gì mà mãi mê vậy.

“Em đang nghiêm túc tính chuyện thử làm bà mai,” Anne đáp.

Gilbert nhìn mấy người kia vờ như tuyệt vọng.

“Tôi đã sợ sẽ có ngày chuyện đó lại nổ ra. Tôi đã cố hết sức rồi, nhưng ta đâu sửa đổi được một bà mai bẩm sinh. Cô ấy rất say mê nghề đó. Số lượng những đám cô ấy mai mối cho thì không thể tin nổi. Tôi mà có những trách nhiệm như vậy đè nặng lương tâm thì đêm đến tôi chẳng làm sao ngủ được đâu.”

“Nhưng họ đều hạnh phúc cả mà,” Anne phản đối. “Em khéo thật mà. Cứ nghĩ đến mọi đám em làm mai... hay bị buộc tội là làm mai xem... Theodora Dix với Ludovic Speed này... Stephen Clark với Prissie Gardner này... rồi Janet Sweet với John Douglas... giáo sư Carter với Esme Taylor... Nora với Jim... rồi Dovie với Jarvis...”

“Ồ, tôi công nhận điều đó. Vợ tôi đây, Owen ạ, chưa bao giờ hết kỳ vọng. Với cô ấy thì cây kẻ lúc nào cũng có thể mọc cảnh non. Tôi chắc cô ấy vẫn sẽ cố dựng vợ gả chồng cho thiên hạ cho đến khi nào cô ấy chín chắn thì thôi.”

“Tôi nghĩ chị ấy có chút chuyện phải làm với một đám nữa đây,” Owen nói, mỉm cười với vợ.

“Không phải tôi,” Anne nhanh nhẩu nói. “Chuyện đó thì trách Gilbert ấy. Tôi đã làm hết sức để thuyết phục anh ấy đừng mô ca đó cho George Moore. Nhân nói chuyện ngủ ban đêm... có những đêm tôi tỉnh dậy toát mồ hôi lạnh vì mơ thấy mình thành công rồi.”

“Thôi được, người ta nói chỉ những phụ nữ hạnh phúc mới làm mai, nên đó là một thành công cho anh,” Gilbert nói mãn nguyện. “Giờ trong đầu em đang có nạn nhân nào vậy, Anne?”

Anne chỉ nhoén cười với anh. Làm mai là chuyện đòi hỏi sự khéo léo và thận trọng, nên có những thứ mà ngay cả với chồng ta cũng không nói được.

Chương 16

Đêm ấy và mấy đêm sau nữa Anne nằm thao thức hàng giờ, nghĩ đến Alden và Stella. Cô có cảm giác Stella khao khát nghĩ về hôn nhân... một mái nhà... những đứa trẻ. Một đêm cô gái ấy đã nằn nì xin được tắm cho Rilla... “Tắm cho thân hình bé bỏng bụ bẫm của bé thì thích quá”... rồi lại bẽn lẽn, “Cô Blythe ơi, thấy hai cánh tay mịn màng bé nhỏ dễ thương chia ra cho ta sao mà yêu quá. Em bé thật tuyệt vời đúng không?” Thật đáng tiếc nếu một người cha cầu kinh ngăn trở những hy vọng thầm kín này nọ.

Đó sẽ là một cuộc hôn nhân lý tưởng. Nhưng làm sao tác hợp được đây khi mà những ai có liên quan đều hơi cứng đầu và trái tính trái nết? Vì sự cứng đầu và trái tính trái nết không hẳn chỉ ở phía người lớn. Anne ngờ là Alden và Stella cũng phần nào như vậy. Chuyện này cần có một phương pháp khác hẳn bất cứ vụ nào trước đây. Đúng lúc đó Anne nhớ ra cha của Dovie.

Anne hắt cằm lên rồi dốc tâm trí vào tiến hành. Alden và Stella, cô nghĩ, từ giờ phút ấy gần như đã cưới nhau rồi.

Chẳng còn thời gian đâu để lãng phí. Alden, sống dưới Cửa Vịnh và đi nhà thờ Anh giáo bên kia cảng, thậm chí còn chưa gặp Stella Chase... có lẽ còn chưa thấy. Đã mấy tháng rồi cậu ta chưa theo đuổi cô nào, nhưng cậu ta có thể bắt đầu bất cứ lúc nào. Bà Janet Swift ở Bắc Glen có một đứa cháu gái rất xinh đến ở chơi mà Alden thì hay theo đuổi những cô mới. Vậy thì, điều đầu tiên phải làm là để cho Alden và Stella gặp nhau. Phải dàn xếp chuyện này thế nào đây? Phải làm cho chuyện xảy ra thế nào mà nhìn bề ngoài hoàn toàn vô tình. Anne nặn óc nhưng cũng không nghĩ ra được gì độc đáo hơn là mở tiệc rồi mời cả hai đến. Cô không thích ý này cho lắm. Thời tiết lúc này mà tổ chức tiệc thì nóng nực quá... thanh niên Bốn Làn Gió lại rất thích nô đùa náo nhiệt. Anne biết Susan sẽ không bao giờ ưng thuận một buổi tiệc mà không lau chùi quét dọn Bên ánh Lửa gần như là từ gác mái xuống đến hầm rượu mà Susan thì đang nóng nực vì mùa hè. Nhưng chính nghĩa thì cần có hy sinh thôi. Cử nhân Jen Pringle viết rằng cô sẽ đến thăm Bên ánh Lửa như đã hứa từ lâu nên đó đúng là cái cớ để tổ chức. Đường như may mắn về phe với cô. Jen đến... thư mời gửi đi... Susan tân trang lại Bên ánh Lửa... bà và Anne sẽ tự tay lo nấu nướng cho bữa tiệc ngay giữa đợt nóng.

Đêm trước bữa tiệc Anne mệt ghê gớm. Nóng khủng khiếp... Jem bệnh nằm trên giường vì cơn đau mà Anne thậm chí lo là viêm ruột thừa dù Gilbert vô tư bác đi đó chỉ là do ăn táo xanh... còn Tôm bị bỏng gần chết vì Jen Pringle, trong khi cố giúp Susan, đánh đổ cả chảo nước nóng trên lò xuống người chú. Xương cốt toàn thân Anne đau nhức, đầu đau, hai bàn chân đau, mắt đau. Jen đã cùng một đám trẻ con đi xem hải đăng,

dẫn Anne phải đi nằm ngay; nhưng thay vì đi nằm cô ngồi trên hàng hiên trong không khí ẩm ướt theo sau sấm chớp buổi chiều mà nói chuyện với Alden Churchill, cậu đến để lấy thuốc chữa bệnh viêm cuống phổi cho mẹ nhưng không chịu vào nhà. Anne nghĩ đó là một dịp trời cho, vì cô rất muốn nói chuyện với cậu. Họ là bạn bè khá tốt của nhau, vì Alden thường ghé vì mục đích tương tự.

Alden ngồi trên bậc thềm, đầu để trần tựa vào cột. Anne vẫn nghĩ cậu là một anh chàng rất điển trai... cao và vai rộng, mặt trắng như đá cẩm thạch không bao giờ râm nắng, mắt xanh trong sáng, và mái tóc đen như mực chải thẳng đứng. Cậu có giọng cười và cung cách từ tế, cung kính mà đàn bà độ tuổi nào cũng thích. Cậu học ở Queen ba năm và đã tính đi Redmond, nhưng mẹ cậu không cho, viện những lý do trong Kinh Thánh, thế là Alden bằng lòng định cư ở trang trại. Cậu nói với Anne là thích trông coi trang trại; đó là công việc tự do, ngoài trời, độc lập: cậu có tài kiểm tiền của mẹ và tính cách hấp dẫn của cha. Thảo nào cậu được xem như một mẫu mực mơ ước để cưới hỏi.

“Alden, tôi muốn nhờ cậu việc này,” Anne nói với vẻ lấy lòng. “Cậu có làm giúp tôi không?”

“Chắc chắn rồi, bà Blythe,” cậu trả lời thật tình. “Cứ nói đi. Bà biết tôi sẽ làm tất cả vì bà mà.”

Alden thật lòng quý mến bà Blythe và sẽ thực sự làm nhiều điều vì cô.

“Tôi e chuyện này sẽ làm cậu chán,” Anne băn khoăn. “Nhưng chỉ là thế này... tôi muốn đêm mai cậu lo cho Stella Chase được vui vẻ trong buổi tiệc của tôi. Tôi rất sợ cô ấy không được vui. Cô ấy vẫn chưa quen biết nhiều thanh niên quanh đây... hầu hết đều trẻ hơn cô ấy... ít ra thì đám con trai đều còn trẻ cả. Hãy mời cô ấy nhảy và đừng để cô ấy một mình lạc lõng. Cô ấy nhút nhát với người lạ lắm. Tôi rất muốn cô ấy được vui.”

“Ồ, tôi sẽ làm hết sức,” Alden nói vẻ sẵn lòng.

“Nhưng cậu không được phải lòng cô ấy đâu, cậu biết đấy,” Anne báo trước, thận trọng cười.

“Xin hãy nhân từ chứ, bà Blythe. Sao lại không?”

“Thôi được,” tỏ vẻ bí mật, “tôi nghĩ cậu Paxton ở Lowbridge thích cô ấy lắm.”

“Cái cậu công tử bột trẻ hóm hỉnh ấy à?” Alden la lên, nhiệt tình thật bất ngờ.

Anne làm như quả trách nhẹ nhàng. “Sao vậy, Alden, tôi nghe cậu ta là thanh niên

tử tế lắm mà. Đó là kiểu đàn ông duy nhất may ra có cơ hội với cha của Stella, cậu biết đấy.”

“Thế sao?” Alden nói, lại rơi vào thái độ hững hờ cũ.

“Phải... mà ngay cả cậu ta tôi cũng không chắc có được không nữa. Tôi được biết ông Chase cho rằng không ai là đủ tử tế cho Stella. Tôi e một nông dân quen sẽ không có cơ may thành công được. Nên tôi không muốn cậu tự làm khổ mình vì đem lòng yêu một cô gái mà không bao giờ cậu có được. Chỗ bạn bè nên tôi báo trước thế. Tôi tin chắc mẹ cậu cũng sẽ nghĩ như tôi.”

“Ồ cảm ơn... mà dù gì thì cô ấy là kiểu con gái thế nào? Trông có xinh không?”

“À, tôi thừa nhận cô ấy không phải mỹ nhân. Tôi rất thích Stella... nhưng cô ấy có hơi xanh xao và cách biệt. Không mạnh mẽ quá... nhưng tôi nghe nói cậu Paxton có tiền riêng. Tôi thì nghĩ đó là một đám lý tưởng nên tôi không muốn ai làm hỏng đâu.”

“Sao bà không mời anh Paxton đó đến bữa tiệc linh đình của bà rồi bảo anh ta lo cho Stella được vui?” Alden hỏi có phần hơi hung hăng.

“Cậu biết mục sư không tới tiệc có khiêu vũ mà, Alden. Thôi, đừng có gàn nữa... hãy lo sao cho Stella được vui về nhé.”

“Ồ, tôi sẽ lo cho cô ấy được một bữa tung bừng. Chào, bà Blythe.”

Alden đột ngột vụt đi. Còn lại một mình, Anne cười. “Nào, theo những gì mình hiểu về bản tính con người thì cậu ấy sẽ lao ngay vào cho thiên hạ thấy nếu muốn mình cũng có được Stella không cần đếm xỉa đến ai. Cậu ta cần cậu về chuyện ông mục sư này. Nhưng mình nghĩ mình sẽ có một đêm tồi tệ vì cơn đau đầu này đây.”

Cô trải qua một đêm tồi tệ, lại còn muôn phần tồi tệ hơn vì cơn đau mà Susan gọi là “vẹo cổ” rồi sáng ra thì cảm thấy u ám chẳng khác nào mảnh vai xám xịt, nhưng đến chiều lại là bà chủ tiệc vui tươi lịch sự. Buổi tiệc thật thành công. Đường như ai cũng được vui. Stella thì dứt khoát là vui rồi. Anne thấy Alden đã lo chuyện đó gần như quá kỹ trên mức xã giao lịch sự. Mới gặp mà sau bữa ăn tối Alden đã cấp riêng Stella ra một góc tối mờ ngoài hàng hiên rồi giữ cô lại đó cả giờ thì có hơi táo bạo. Nhưng nhìn chung thì Anne hài lòng khi sáng ra nghĩ lại mọi chuyện. Thật ra, thăm phòng ăn xem như đã hỏng vì hai đĩa kem đổ và một đĩa bánh rơi xuống sàn, giá nến bằng thủy tinh Bristol của bà nội Gilbert tan tành; ai đó đánh đổ bình đầy nước mưa trong phòng của khách làm trần thư viện ướt sũng và loang màu cả; mấy quả ngủ nơi trường kỷ gần đứt, cây dương xỉ Boston cao lớn của Susan, niềm kiêu hãnh của lòng bà, hình như bị một

người nào to lớn nặng nề ngồi lên. Nhưng cái được là nếu mọi dấu hiệu đều đúng thì Alden phải lòng Stella rồi. Anne nghĩ cân cân nghiêng về phía mình.

Trong vài tuần tiếp đó tiếng đồn trong vùng đã khẳng định ý nghĩ này. Càng lúc càng rõ là Alden đã cắn câu. Nhưng còn Stella thì sao? Anne nghĩ Stella không phải kiểu con gái quá dễ dãi rơi vào bàn tay mời gọi của bất cứ người đàn ông nào. Cô có chút “bất trị” của cha mà ở cô lại thành ra tính độc lập quỵn rũ.

Một lần nữa may mắn lại mỉm cười với một bà mai đang bán khoán. Một chiều họ Stella đến thăm mấy cây phi yến ở Bên ánh Lửa rồi sau đó họ ngồi trên hiên trò chuyện. Stella Chase xanh xao và mảnh mai, khá e thẹn nhưng cực kỳ dễ thương. Cô có vàng tóc vàng nhạt mềm mại và đôi mắt nâu gỗ. Anne nghĩ chính hàng mi của cô làm nên chuyện, vì cô không hẳn xinh. Hàng mi dài không thể tưởng và khi cô ngược lên rồi cúi nhìn xuống thì nó làm xao xuyến trái tim phái nam. Cô có một sự khác biệt nhất định trong cung cách khi cô có vẻ già dặn hơn tuổi hai mươi bốn, còn cái mũi sau này nhất định sẽ cong như mũi điều hâu.

“Lâu nay tôi có nghe chuyện em, Stella ạ,” Anne nói, hươ hươ ngón tay. “Mà... tôi... không... biết... tôi... có... thích... không... nữa. Em tha lỗi cho nếu tôi thắc mắc không biết Alden Churchill có đúng là bạn trai thích hợp với em không?”

Stella giật mình quay mặt lại.

“Sao vậy... em tưởng bà mến Alden, bà Blythe.”

“Tôi mến cậu ấy chứ. Nhưng mà... à, em hiểu cho... cậu ấy có tiếng là hay thay đổi. Tôi nghe không cô nào giữ được cậu ấy lâu. Rất nhiều người đã thử... nhưng không được. Tôi không muốn thấy em bị bỏ rơi như thế nếu ý thích cậu ta lại xoay chiều.”

“Em nghĩ bà lầm về Alden rồi, bà Blythe,” Stella nói thông thả.

“Tôi mong là vậy, Stella ạ. Nếu em là một mẫu người khác... nhún nhảy và vui vẻ, như Eileen Swift...”

“Ồ, thôi... em phải về đây,” Stella nói mông lung. “Bố sẽ thấy lẻ loi.”

Khi cô đi rồi thì Anne lại cười.

“Minh đoán rằng Stella bỏ đi mà thề trong lòng là sẽ cho mấy người bạn nhiều chuyện thấy cô có thể giữ Alden và Eileen Swift sẽ không bao giờ tóm được cậu ấy. Cái lắc đầu nhẹ và hai má chột ửng hồng cho mình thấy điều đó. Về phần bọn trẻ thì chỉ có

vậy. Còn người lớn thì mình e sẽ khó chơi đây.”

Vận may của Anne vẫn còn. Hội Phụ nữ Truyền giáo hỏi cô có ghé thăm bà George Churchill để lấy tiền đóng góp hằng năm cho hội được không. Bà Churchill chẳng mấy khi đi nhà thờ và không phải thành viên của Hội, nhưng bà “tin ở sứ mệnh” nên bao giờ cũng cho một khoản tiền hào phóng nếu có ai đến hỏi. Người ta không thích làm việc này đến mức các thành viên phải thay phiên nhau và năm nay đến lượt Anne.

Một chiều cô đi bộ xuống đây, chọn con đường mòn hoa cúc trắng băng qua những ô đất chạy ngang một đỉnh đồi duyên dáng tươi mát, ngọt ngào đến con đường có nông trại nhà Churchill tọa lạc, cách Glen hơn một cây số. Con đường khá tẻ nhạt, hàng rào chữ chi xám xịt chạy lên những dốc nhỏ thẳng đứng... thế nhưng nó có ánh đèn nhà cửa... một con suối... mùi của những đồng cỏ khô chạy xuống tận biển... những khu vườn. Anne dừng chân ngắm từng khu vườn cô đi qua. Niềm say mê vườn tược của cô không bao giờ mất. Gilbert vẫn nói nếu trong nhan đề một cuốn sách có chữ “vườn” thì Anne phải mua bằng được.

Một con thuyền thẩn thờ nằm không dưới cảng, còn ngoài xa kia một con tàu đang đứng yên. Bao giờ các mạch máu trong Anne cũng đập nhanh hơn một chút khi nhìn một con tàu sắp ra khơi xa. Cô hiểu thuyền trưởng Franklin Drew khi có lần nghe ông nói lúc bước qua cầu tàu lên tàu của mình, “Than ôi, tôi thấy tiếc cho những người chúng tôi bỏ lại trên bờ biết bao!”

Căn nhà lớn của gia đình Churchill có hàng rào sắt mắt cáo làm li quanh áp mái bằng, nhìn xuống cảng và những đụn cát. Bà Churchill chào cô lịch sự, quá vồn vã là khác, rồi dẫn cô vào một phòng khách âm u nhưng rộng rãi, mấy bức tường dán giấy nâu sẫm màu treo vô số tranh chì màu vẽ người quá cố nhà Churchill và Elliott. Bà Churchill ngồi xuống một chiếc sofa nhung lông màu xanh lá, hai bàn tay dài gầy xếp lại nhìn chăm chăm người đến thăm.

Mary Churchill cao, hốc hác và khắc khổ. Bà có cái cằm nhô, đôi mắt xanh sâu hút như của Alden, miệng rộng, mím lại. Bà chưa hề phí lời và không bao giờ tán gẫu. Nên Anne thấy khó mà thực hiện mục đích thật tự nhiên, nhưng cô cũng xoay xở được bằng cách viện đến ông mục sư mới bên kia cảng mà bà Churchill không ưa.

“Ông ta không phải người tu hành,” bà Churchill lạnh lùng nói.

“Tôi nghe nói mấy bài giảng của ông ấy đáng nề lắm mà,” Anne nói.

“Tôi đã nghe một lần và không muốn nghe nữa. Linh hồn tôi tìm kiếm thức ăn mà

lại được cho giáo lý. Ông ấy tin có thể dùng đầu óc mà hiểu được Nước Chúa. Không thể đâu.”

“Nhân nói về mục sư... giờ ở Lowbridge họ có một mục sư rất thông thái. Tôi nghĩ anh ta để ý cô bạn trẻ của tôi, Stella Chase ấy. Nghe đồn họ sẽ là một đôi.”

“Cô muốn nói hôn nhân ư?” bà Churchill hỏi.

Anne cảm thấy mất mặt nhưng ngẫm rằng ta phải ráng chịu những thử thách này khi nhúng tay vào việc không liên quan gì đến ta.

“Tôi nghĩ cặp ấy rất xứng, bà Churchill ạ. Stella đặc biệt phù hợp làm vợ mục sư. Tôi đã dặn Alden không được làm hỏng chuyện ấy.”

“Sao vậy?” bà Churchill hỏi, không chớp mắt.

“Thì... quả thật... bà biết đấy... tôi sợ Alden sẽ không có cơ hội nào. Ông Chase nghĩ không có ai đủ tốt đẹp cho Stella cả. Bạn bè Alden chẳng ai muốn thấy cậu ấy bỗng nhiên bị bỏ rơi như chiếc găng tay cũ. Cậu ấy là chàng trai dễ thương quá không thể thể được.”

“Chưa từng có đứa con gái nào bỏ rơi con trai tôi cả,” bà Churchill nói, đôi môi mím chặt. “Bao giờ cũng là ngược lại. Nó tìm chúng, vì mấy lọn tóc quăn rồi tiếng cười khúc khích rồi ông ọ. Con tôi muốn cưới bất kỳ người phụ nữ nào nó chọn cũng được, cô Blythe ạ... bất cứ người phụ nữ nào.”

“Ồ vậy ư?” lưỡi của Anne nói. Giọng điệu cô thì nói, “Dĩ nhiên tôi lịch sự không cãi lại bà nhưng bà vẫn chưa làm tôi đổi ý.” Mary Churchill hiểu nên bộ mặt nhợt nhạt, nhăn nhoe âm lên một chút khi bà rời phòng để lấy tiền đóng góp cho hội truyền giáo.

“Nhà bà ở đây có quang cảnh tuyệt vời vô cùng,” Anne nói khi bà Churchill tiễn cô đến cửa.

Bà Churchill liếc nhìn bờ cảng mà không đồng tình.

“Nếu cô cảm giác được gió Đông cắt da vào mùa đông, cô Blythe ạ, ắt cô sẽ không nghĩ nhiều về quang cảnh đâu. Tối nay khá lạnh đấy. Tôi e mặc chiếc váy phong phanh đó cô sẽ bị cảm lạnh. Nhưng cái váy xinh đấy. Cô vẫn còn trẻ để nghĩ đến hội hè phù hoa. Tôi thì đã thôi không còn thấy hứng thú gì đến những thứ thoáng qua tạm bợ như thế.”

Khi về nhà qua ánh hoàng hôn xanh lá lờ mờ Anne cảm thấy khá hài lòng về cuộc nói chuyện.

“Tất nhiên người ta đâu thể trông mong ở bà Churchill,” cô nói với đàn chim sáo đã đang họp nghị viện trên một cánh đồng nhỏ tràn ra từ rừng, “nhưng mình thấy mình đã làm bà ấy phải nghĩ ngợi đôi chút. Mình còn thấy bà ấy không thích đề thiên hạ nghĩ Alden mà bị phụ tình. Thôi được, mình đã làm mọi thứ trong khả năng với mọi người liên quan rồi, chỉ còn ông Chase mà không biết mình làm được gì vì chưa quen. Chẳng hiểu ông ta có biết gì chuyện Alden và Stella đang tìm hiểu nhau không. Chắc là không. Dĩ nhiên Stella chẳng bao giờ dám dẫn Alden về nhà đâu. Chà, mình sẽ phải làm gì với ông Chase đây?”

Thật sự kỳ lạ... cách mọi thứ đều đứng về phía cô. Một buổi chiều cô Cornelia đến nhờ Anne cùng đi đến nhà Chase.

“Ta định xuống nói Richard Chase đóng góp cho bếp lò mới của nhà thờ. Cháu có đi với ta không, cháu cung, để ủng hộ tinh thần ấy? Ta không thích phải đối phó với hẳn ta một mình.”

Họ thấy ông Chase đang đứng trên mấy bậc thềm trước, hai chân dài và cái mũi dài, trông khá giống một con sếu trăm tư. Ông có mấy sợi lọn tóc bóng bẩy chải vượt lên trên đỉnh đầu hói và cặp mắt xám nhỏ nhấp nháy nhìn họ. Ông tỉnh cờ lại đang nghĩ rằng nếu người đang đi cùng Cornelia già là vợ bác sĩ thì cô có đáng người thật đẹp. Còn về cô em họ xa tít mù tắp Cornelia, cô ta có hơi quá chắc nịch và trí tuệ đầu băng nửa con châu chấu, nhưng không phải con mèo già xấu tính gì nếu luôn làm vừa ý cô ta.

Ông nhã nhặn mời họ vào thư viện nhỏ, cô Cornelia cầu nhàu khi ngồi vào một chiếc ghế dựa.

“Tối nay oi kinh khủng. Tôi e sắp có mưa đông. Chao ời, Richard, con mèo giờ béo thế!”

Richard Chase có một thứ tương tự con mèo vàng kích thước không bình thường đang treo lên đầu gối ông. Ông dịu dàng vuốt ve nó.

“Thomas Thi Sĩ cho thiên hạ biết thế nào là mèo,” ông nói. “Phải không, Thomas? Nhìn cô Cornelia kia, Thi Sĩ hãy quan sát mấy cái liếc độc địa cô ta đang ném về chú mày từ những quả cầu sinh ra để chỉ biểu lộ lòng tốt và sự triu mến.”

“Đừng có gọi tôi là cô Cornelia của con vật đó!” bà Elliott phản đối gay gắt. “Đùa thì đùa nhưng đùa kiểu ấy thì hơi quá đà đấy.”

“Làm cô của Thi Sĩ thì không hay hơn làm cô của Neddy Churchill sao?” Richard Chase phản nản hỏi. “Neddy là đồ phạm ăn tục uống, đứng không? Tôi nghe nói cô đã lập một danh sách tội lỗi của nó. Chẳng phải thà làm cô một con mèo từ tể thẳng thần lý lịch sạch sẽ không rượu chè trai gái như Thomas thì còn thích hơn hay sao?”

“Ned tội nghiệp là người,” cô Cornelia vặn lại. “Tôi không thích mèo. Đó là lỗi duy nhất tôi bắt bẻ Alden Churchill. Nó cũng có sở thích kỳ lạ với mèo. Có Chúa mới biết nó có từ đâu... bố mẹ nó đều ghét.”

“Hắn cậu ấy là một thanh niên hiểu biết lắm!”

“Hiểu biết ư! Chà, cậu ta khá hiểu biết... trừ chuyện mèo và say mê tìm hiểu thuyết tiến hóa... một thứ nữa mà cậu ta không thừa hưởng từ mẹ.”

“Cô Elliott này,” Richard Chase nói trịnh trọng, “cô có biết là chính tôi cũng âm thầm ủng hộ thuyết tiến hóa không.”

“Lúc trước anh có nói với tôi thế. Thôi được, anh muốn tin gì thì cứ tin, Dick Chase... đúng là đồ đàn ông. Nhờ trời, không ai làm tôi tin được mình là con cháu của khi.”

“Tôi công nhận là trông cô không thế, cô là một phụ nữ đoan trang. Tôi thấy nơi dung mạo hồng hào, dễ thương vô cùng duyên dáng của cô không có gì giống khi. Tuy nhiên, bà cố tổ cao tăng của cô từng dùng đuôi mà đu từ cánh này sang cánh khác. Khoa học đã chứng minh điều đó, Cornelia... chấp nhận hoặc bỏ đi thôi.”

“Vậy thì tôi sẽ bỏ đi. Tôi không định tranh cãi với anh về điểm đó hay bất kỳ điểm nào cả. Tôi có tôn giáo của mình và không có hình ảnh tổ tiên đã nhân nào trong đó. Nhân tiện, Richard, hè này trông Stella không được khỏe như tôi hy vọng.”

“Con bé luôn nhạy cảm quá mức với tiết trời nóng nực. Mát mẻ hơn thì nó sẽ khỏe lại thôi mà.”

“Tôi mong là vậy. Hè nào Lisette cũng khỏe hơn trừ mùa hè sau cùng, Richard... đừng quên chuyện đó. Stella có thể chết của mẹ. Cũng tốt thôi vì chắc con bé không lấy chồng đâu.”

“Sao lại chắc không lấy chồng? Tôi hỏi vì tò mò thôi, Cornelia... tò mò trắng trợn. Tôi thấy quá trình tư duy của phụ nữ thú vị vô cùng. Từ tiền đề nào hay dữ liệu nào mà cô rút ra kết luận, theo kiểu quá ư tự nhiên thoải mái của cô, rằng chắc Stella không lấy

chồng?”

“À, Richard, nói dễ hiểu thì nó không phải kiểu con gái được đàn ông ưa thích cho lắm. Nó là đứa con gái dễ thương, tử tế nhưng nó không quyến rũ đối với đàn ông.”

“Nhiều người đeo đuổi nó lắm. Tôi dành hầu hết của cải để mua rồi bảo quản súng săn và chó bun đấy.”

“Tôi nghĩ họ đeo đuổi túi tiền của anh thì có. Họ dễ dàng thôi chí, đúng không nào? Chỉ một tràng mia mai châm chọc của anh là họ chạy mất dép rồi. Họ mà thật lòng muốn Stella thì đã không nản lòng gì vì điều đó cũng như con chó bun tưởng tượng của anh. Không, Richard, anh thừa nhận Stella không phải đứa con gái dễ có bạn trai hợp ý đi thôi. Lisette cũng vậy, anh biết mà. Trước khi anh đến, chị ấy chưa từng có ai theo đuổi.”

“Nhưng tôi không đáng để chờ đợi sao? Rõ ràng Lisette là cô gái thông minh. Cô đâu có muốn tôi trao con gái mình cho gã Tom, gã Dick hay gã Harry nào cũng được, phải không nào? Ngôi sao của tôi, bất kể mấy nhận xét chê bai của cô, có xứng đáng tỏa sáng trong cung điện của các ông hoàng không nào?”

“Ô Canada ta không có vua,” cô Cornelia vặn lại. “Tôi không nói Stella không phải cô gái dễ thương. Tôi chỉ đang nói hình như đám đàn ông không nhận ra điều đó, xét theo thể chất của nó, tôi nghĩ vậy thì cũng tốt. Thêm một điều hay cho anh nữa. Không có con bé anh có tự xoay xở được đâu... anh sẽ lóng ngóng như con nít. Thôi được, hứa với chúng tôi một khoản đóng góp cho bếp lò nhà thờ rồi chúng tôi sẽ đi. Tôi biết anh đang mong được cầm cuốn sách ấy lên chết đi được.”

“Một phụ nữ đáng nể, sáng suốt! Cô em họ đáng quý! Tôi thừa nhận... tôi đang chết dần chết mòn đây. Nhưng ngoài cô ra chưa ai đủ sáng suốt để thấy ra điều đó hay đủ tốt bụng để ra tay cứu mạng tôi. Cô nghĩ tôi phải góp bao nhiêu?”

“Anh cứ góp năm đô la cũng được.”

“Tôi không tranh cãi với phụ nữ bao giờ. Năm đô la phải không. A, đi à? Người đàn bà có một không hai này, cô ta không bao giờ để phí thời gian! Đạt được mục đích rồi thì cô ta để ta được yên ngay. Thời này họ không sinh giống mèo như cô ta. Xin chào tinh hoa trong số những anh em họ.”

Suốt buổi ghé thăm Anne không mở miệng nói tiếng nào. Sao cô phải nói gì khi mà bà Elliott đang giúp cô một cách thông minh và tình cờ thế. Nhưng khi cúi chào tiễn họ ra cửa thì Richard Chase bỗng kính cẩn cúi tới trước.

“Cô có hai mắt cá chân đẹp nhất tôi từng thấy, cô Blythe ạ, mà hồi trẻ tôi cũng chu du khá nhiều nơi rồi đây.”

“Hắn đáng sợ quá phải không?” cô Cornelia há hốc khi họ đi xuống đường làng. “Hắn vẫn nói với phụ nữ những thứ xúc phạm như thế. Cháu không nên thấy phiền lòng vì hắn, Anne cưng.”

Anne không thấy phiền lòng. Cô khá thích Richard Chase.

“Minh thấy,” cô ngắt, “ông ta không thích ý kiến là Stella không được đàn ông ưa thích, dù tổ tông họ có là khi đi nữa. Minh nghĩ ông ta cũng thích ‘cho thiên hạ thấy’. Thôi, có thể làm gì thì mình đã làm rồi. Minh đã khiến cho Alden và Stella để ý nhau; cô Cornelia với mình cũng đã khiến bà Churchill và ông Chase gần như ủng hộ mà không phản đối. Giờ thì mình chỉ cần bình tĩnh ngồi chờ xem mọi chuyện xoay vần thế nào thôi.”

Một tháng sau Stella Chase lại đến Bên ánh Lửa rồi ngồi bên mấy bậc thềm cạnh Anne... ước gì một ngày nào đó mình sẽ trông như bà Blythe... có cái vẻ chín muồi... cái vẻ của một phụ nữ đã sống trọn vẹn và bao dung.

Chiều màu khói lạnh theo sau ngày xám vàng mát mẻ đầu tháng Chín. Buổi chiều ấy được dệt trong lời than van rì rầm của biển.

“Tôi nay biển không được vui,” Walter vẫn nói mỗi khi nghe âm thanh đó.

Stella có vẻ thần thờ lặng lẽ. Lát sau, nhìn lên những vì sao như có phép màu dệt nên trong đêm tím, cô bất chợt nói, “Bà Blythe, em muốn nói với bà chuyện này.”

“Gì thế, em yêu?”

“Em đã đính hôn với Alden Churchill,” Stella nói về khắc khoải. “Bọn em đính hôn từ Giáng sinh năm ngoái. Bọn em đã báo cho bố và bác Churchill biết ngay nhưng giữ kín với mọi người chỉ bởi vì có một bí mật như vậy thì thật ngọt ngào. Bọn em không thích đem chia sẻ với mọi người. Nhưng tháng sau bọn em sẽ cưới nhau.”

Anne khéo léo giả vờ làm người đàn bà hóa đá. Stella vẫn đắm đắm nhìn những vì sao nên không thấy vẻ mặt bà Blythe. Cô nói tiếp, dễ dàng hơn một chút:

“Hồi tháng Mười một năm ngoái Alden và em gặp nhau tại một bữa tiệc ở Lowbridge. Bọn em... yêu nhau ngay từ giây phút đầu tiên. Anh ấy nói vẫn luôn mơ về

em... vẫn luôn tìm kiếm em. Khi thấy em bước tới cửa anh ấy đã tự nhủ, ‘Đây là vợ mình.’ Còn em... cũng cảm thấy như vậy, ô bọn em hạnh phúc lắm, bà Blythe!”

Nhưng Anne vẫn không nói gì, nhiều lần như vậy.

“Điều u ám duy nhất cho hạnh phúc của em là thái độ của bà về chuyện này, bà Blythe. Bà không thử tán thành được sao? Từ khi em đến Glen St. Mary bà vẫn luôn là người bạn thân thiết của em... em cảm thấy bà như một người chị. Nên em sẽ cảm thấy rất khổ sở vì nghĩ đám cưới của mình trái với mong muốn của bà.”

Trong giọng Stella có tiếng nức nở. Anne đã nói lại được.

“Em yêu, hạnh phúc của em là tất cả những gì tôi mong ước. Tôi mến Alden... cậu ấy là một anh chàng tuyệt vời, chỉ có điều cậu ấy từng có tiếng là ưa tán tỉnh...”

“Nhưng không phải đâu. Anh ấy chỉ tìm cho đúng người, bà không thấy sao, bà Blythe? Mà anh ấy chưa tìm thấy.”

“Bố em nghĩ sao về chuyện đó?”

“Ồ, bố hài lòng lắm. Từ đầu bố đã thấy thích Alden. Họ thường tranh luận với nhau hàng giờ về tiến hóa. Bố nói luôn muốn cho em lấy chồng khi có người phù hợp. Em thấy thật kinh khủng nếu phải xa bố, nhưng bố nói chim non được quyền có tổ riêng. Em họ Delia Chase sẽ đến trông coi nhà cửa cho bố và bố rất quý em ấy.”

“Còn mẹ Alden?”

“Bác ấy cũng khá vui lòng. Giáng sinh năm ngoái khi Alden báo cho bác ấy biết bọn em đã đính ước thì bác ấy đi xem Kinh Thánh và câu đầu tiên giờ ra là, ‘Người nam sẽ lia cha mẹ mà đính dúi với vợ mình.’ Bác nói vậy thì đã rõ bác phải làm gì rồi nên bác ưng thuận ngay. Bác ấy sẽ dọn đến ở ngôi nhà nhỏ riêng ở Lowbridge.”

“Tôi mừng là em không phải sống với cái ghế sofa nhung lông xanh lá đó,” Anne nói.

“Sofa à?Ồ, phải rồi, đồ đạc ở đó lỗi thời quá bà nhĩ? Nhưng bác ấy sẽ mang theo rồi anh Alden sẽ bày biện lại đồ đạc mới hoàn toàn. Vậy là bà thấy đấy, ai cũng hài lòng, bà Blythe ạ, nên bà không chúc phúc cho bọn em được sao?”

Anne cúi tới hôn lên cái má mát mịn của Stella.

“Tôi rất mừng cho em. Cầu Chúa phù hộ cho những ngày sắp đến với em, em yêu.”

Khi Stella đi rồi Anne phóng lên phòng riêng để tránh không gặp ai trong ít phút. Một mặt trắng già hoài nghi, chênh lệch từ sau những đám mây bông bành đằng Đông ló ra còn mấy cánh đồng bên kia có vẻ ma mĩnh tinh quái nhảy mắt với cô.

Cô kiểm lại mọi điều trong những tuần vừa qua. Cô làm hồng thắm phòng khách nhà mình, tiêu tan hai món đồ gia bảo quý báu và làm hư trần thư viện; cô đã cố lợi dụng bà Churchill và bấy lâu nay hẳn bà ấy cười thầm trong bụng.

“Trong chuyện này,” Anne hỏi trắng, “ai là kẻ làm điều ngu ngốc khủng khiếp chưa từng thấy? Mình biết ý kiến của Gilbert sẽ thế nào rồi. Mọi rắc rối mình đã trải qua, nhằm tác thành hôn nhân cho hai người đã đính ước với nhau? Mình chưa nghe mai mối thôi... chưa hẳn rồi. Mình sẽ không bao giờ nhắc một ngón tay lo liệu cho cuộc hôn nhân nào dù trên đời không còn ai cưới nhau nữa. À mà cũng có một điều an ủi... hôm nay Jen Pringle viết thư thông báo cô ấy sắp cưới anh chàng Lewis Stedman gặp tại bữa tiệc của mình. Mấy giá nên Bristol hy sinh không hẳn là vô ích. Mấy đứa... này mấy đứa! Bọn con nhất định phải tạo tiếng động kỳ quái dưới ấy sao?”

“Bọn con là cú mà... bọn con phải kêu thôi,” từ trong bụi rậm tối tăm giọng Jem phật lòng thốt lên. Cậu biết mình đang giả tiếng cú rất giỏi. Jem biết nhại giọng của bất kỳ sinh vật hoang bé bỏng nào ngoài rừng. Walter không giỏi chuyện đó lắm nên chẳng mấy chốc cậu bỏ không làm cú nữa mà thành một cậu bé khá vỡ mộng, lên đến bên mẹ để được vỗ về.

“Mẹ ơi, con tưởng để hát... vậy mà hôm nay ông Carter Flagg nói không phải... chúng chỉ cào hai chân sau mà tạo ra tiếng ấy thôi. Phải vậy không mẹ?”

“Gần như vậy... mẹ không rõ quá trình ấy lắm. Nhưng con biết không, đó là cách chúng hát.”

“Con không thích vậy đâu. Con sẽ chẳng bao giờ thích nghe chúng hát nữa.” “Ồ, có chứ, con sẽ thích thôi. Cuối cùng con sẽ quên chuyện chân sau mà chỉ nghĩ đến đàn đồng ca thần tiên của chúng trên khắp những đồng cỏ mùa gặt và mấy ngọn đồi mùa thu. Có phải đã đến giờ ngủ rồi không, con trai bé bỏng?”

“Mẹ ơi, mẹ sẽ kể chuyện trước lúc ngủ làm con lạnh cả sống lưng chứ? Rồi sau đó ngồi bên con cho đến khi con ngủ?”

“Thế có mẹ còn để làm gì nữa hả, con yêu?”

“Hải mã nói, đã đến lúc bàn về việc^[1]... nuôi một con chó,” Gilbert nói.

[1]. Trích bài thơ “Con hải mã và bác thợ mộc” của Lewiss Carroll.

Từ ngày Rex già bị trúng độc, Bên ánh Lửa vẫn chưa nuôi chó lại; nhưng mấy cậu con trai cần có chó nên bác sĩ quyết định sẽ kiếm cho chúng một con. Nhưng anh bận đến nỗi mùa thu đó anh cứ lần lửa mãi; nên cuối cùng thì một buổi chiều tháng Mười một Jem chơi với cậu bạn học rồi bỗng theo về nhà một con chó... một con chó nhỏ “lông vàng” có hai tai đen vênh váo vênh lên.

“Joe Reese cho con đây, mẹ ời. Nó tên Gyp. Xem cái đuôi của nó xinh chưa này? Con nuôi nó được phải không mẹ?”

“Chú ta là giống chó gì vậy, con yêu?” Anne hỏi hồ nghi.

“Con... con nghĩ nó lai nhiều giống,” Jem nói. “Thế càng làm cho nó thú vị hơn nữa, mẹ có nghĩ thế không, mẹ? Thú vị hơn là chỉ một giống thôi. Đi mà, mẹ.”

“Ồ, nếu bố con đồng ý...”

Gilbert nói “được” và thế là Jem bắt đầu được thừa hưởng chú. Ở Bên ánh Lửa ai cũng chào đón Gyp vào vòng tròn gia đình, trừ Tôm, chú ta bày tỏ ý kiến không cần quanh co. Ngay cả Susan cũng đâm thích chú nên những ngày mưa khi bà quay tơ trên gác xép thì Gyp, vì chủ chú đi học vắng nhà, ở với bà, vè vang sẵn những con chuột tương tượng trong mấy góc tối và sủa một tiếng hoảng kinh mỗi khi vì sốt sáng quá mà đến thật sát cái guồng quay tơ nhỏ. Cái guồng quay nhỏ chưa bao giờ được dùng đến... khi dọn đi nhà Morgan đã bỏ nó lại... nó ngồi trong góc tối như một bà già lom khom. Chẳng ai hiểu nổi sao Gyp lại sợ nó. Chú không hề ngại cái guồng to mà ngồi khá gần khi Susan quay tơ, rồi phóng tới phóng lui bên chân khi bà bước từ đầu này đến đầu kia gác xép, quần sợi len dài. Susan công nhận loài chó quá là biết bầu bạn và thấy cái mọp nằm ềnh ra vầy vầy hai bàn chân trước khi muốn được một khúc xương của chú quả là hết sức tinh khôn. Bà cũng nổi giận như Jem khi Bertie Shakespeare miệt thị nói, “Thứ ấy mà cũng gọi là chó à?”

“Nhà chúng tôi gọi đó là chó đấy,” Susan nói điềm nhiên đáng ngại. “Có lẽ cháu thì sẽ gọi nó là hà mã.” Thế là hôm đó Bertie phải về nhà mà không được một miếng bánh tuyệt vời Susan gọi là “bánh táo giòn rụm” bà thường xuyên làm cho hai cậu bé cùng bạn bè của chúng. Bà không có ở đó khi Mac Reese hỏi, “Thầy triều đánh dạt nó vào

à?” nhưng Jem đã biết đứng lên bên vực chủ chó của mình, còn khi Nat Flagg nói chân của Gypsy dài ngoằng so với khổ người thì Jem trả miếng rằng chân chó phải dài đủ để chạm mặt đất. Natty không sáng láng cho lắm nên câu đó làm thẳng bé cứng họng.

Tháng Mười một năm ấy trời kiêu nằng: gió rét căm căm thổi khắp cụm rừng thích cảnh trơ trụi, bạc trắng, còn Vùng Lồng Chảo gần như ngày nào cũng sương muối giăng kín... không phải một thứ thần tiên, đẹp đẽ như sương mù mà là thứ “sương muối âm uớt, âm u, ảo não, âm thầm, âm ảnh” theo lời bố bọn trẻ. Phần lớn thời gian bọn trẻ Bên ánh Lửa phải chơi trên gác xép, nhưng chúng thích thú kết bạn với hai chú gà gô cứ chiều chiều lại đến đậu trên một cây táo già nua khổng lồ, còn năm chú chim giẻ cùi lộng lẫy của chúng vẫn trung thành, kêu túc túc tinh quái khi mổ thức ăn bọn trẻ để ra cho. Chỉ có điều chúng tham lam và ích kỷ nên xua đi gần hết chim chóc khác.

Mùa đông đến cùng tháng Mười hai và tuyết rơi không dứt suốt ba tuần. Mấy cánh đồng bên kia Bên ánh Lửa trở thành những đồng cỏ bạc liên một mạch, hàng rào và cột cổng đội mũ chóp trắng, cửa sổ trắng xóa những hình thù thần tiên còn đèn nhà Bên ánh Lửa soi qua những chiều chạng vạng mịt mù tuyết, đón chào tất cả những kẻ rong chơi về nhà. Susan thấy dường như chưa mùa đông nào có nhiều em bé như năm ấy; và khi bà cứ phải đề phần “đồ ăn cho bác sĩ” trong kho lương thực đêm này qua đêm khác, bà ù ê nghĩ rằng anh mà cầm cự được đến mùa xuân thì đúng là phép lạ.

“Đứa bé Drew thứ chín rồi! Như thể trên đời này nhà Drew còn chưa đủ!”

“Tôi chắc bà Drew sẽ nghĩ đó đúng là điều kỳ diệu như ta nghĩ về Rilla, Susan ạ.”

“Cô cứ đùa đi, cô bác sĩ thân yêu.”

Nhưng trong thư viện hay bếp ăn lớn bọn trẻ đang lập kế hoạch cho nhà chơi mùa hè trong Vùng Lồng Chảo khi bão gào rú bên ngoài, hay những đám mây trắng mịn màng đùa qua những vì sao băng giá. Vì đầu ngoài kia thế nào thì Bên ánh Lửa bao giờ cũng có lò sưởi rực rỡ, ấm cúng, chõ che trước mọi bão tố, mùi đồ ăn ngon lành và giường cho những sinh linh bé bỏng mệt mỏi rồi.

Năm nay Giáng sinh đến rồi đi mà không bị cái bóng nào của bà cô Mary Maria làm u ám. Có vết chân thỏ trong tuyết để lần theo, rồi những cánh đồng bao la tuyết đóng dày để chạy thi với bóng, rồi những ngọn đồi lấp lánh để trượt xuống, rồi giày trượt mới để mang thử trên hồ nước giữa thế giới màu hồng giá lạnh của hoàng hôn mùa đông. Và bao giờ cũng có chú chó vàng tai đen chạy cùng ta hay sủa mừng cuồng quýt đón khi ta về, ngủ dưới chân giường khi ta ngủ và nằm dưới chân khi ta học đánh vần, ngồi sát bên ta trong giờ ăn và thỉnh thoảng bàn tay bé xịu lại kêu ta nhắc nhở.

“Mẹ yêu, con không biết trước khi Gyp đến con đã sống ra sao nữa. Nó biết nói đấy, mẹ ơi... nó biết nói thật mà... bằng mắt, mẹ biết không.”

Thế rồi... bị kịch! Một hôm Gyp có vẻ hơi thần thờ. Chú không chịu ăn dù Susan đem món sườn heo chú thích ra mời mọc; ngày hôm sau lại bác sĩ thú y Lowbridge được mời đến và lắc đầu. Khó nói... ắt con chó đã ăn phải thứ gì độc trong rừng... chú có thể bình phục mà cũng có thể không. Chú chó nhỏ nằm im lìm, không đoái hoài đến ai ngoài Jem, gần như đến phút chót vẫn còn cố vẫy đuôi khi Jem chạm vào.

“Mẹ yêu, cầu nguyện cho Gyp thì có sai không mẹ?”

“Dĩ nhiên là không, con yêu. Ta được phép cầu nguyện cho bất cứ thứ gì ta yêu mến. Nhưng mẹ sợ... chú chó nhỏ Gyppy bệnh nặng lắm.”

“Mẹ, mẹ đừng nghĩ là Gyppy sắp chết chứ!”

Sáng hôm sau thì Gyp chết. Đó là lần đầu tiên cái chết bước vào thế giới của Jem. Không ai trong chúng ta từng quên cảm giác khi nhìn thấy kẻ ta yêu thương chết đi dù cho đó “chỉ là một chú chó con”. Không ai ở Bên ánh Lửa đau buồn dùng cách diễn đạt ắt để nói về chú, kẻ cả Susan, bà quệt mũi đỏ au và lâm bầm:

“Trước đây tôi chưa từng thân thiết với chó... và sẽ không bao giờ nữa. Đau lòng quá.”

Susan không biết bài thơ của Kipling về cái đại khi trao cả tấm lòng ta cho một con chó xé toạc; nhưng nếu bà biết thì, dù xem thường thơ ca, bà cũng phải nghĩ rằng một lần này thôi nhà thơ có lý.

Đêm thật nặng nề đối với Jem tội nghiệp. Mẹ và bố phải vắng nhà. Walter cũng đã khóc đến ngủ thiếp đi nên cậu còn lại một mình... một con chó để trò chuyện cũng không có. Đôi mắt nâu thân yêu vẫn luôn ngược lên nhìn cậu đầy tin tưởng đến thế giờ đã mờ dần trong cõi chết.

“Chúa nhân từ ơi,” Jem cầu nguyện, “xin hãy chăm lo cho chú chó nhỏ của con mới chết hôm nay. Ngài sẽ nhận ra nó nhờ hai cái tai đen. Vì con, xin hãy đừng để nó thấy lẻ loi.”

Jem vui mặt trong ga trải giường giấu tiếng nức nở. Khi cậu tắt đèn, đêm đen sẽ nhìn cậu qua cửa sổ mà không còn Gyp nữa. Sáng mùa đông lạnh sẽ đến mà không còn Gyp. Ngày sẽ tiếp ngày biết bao năm nữa mà không còn Gyp. Cậu không chịu nổi điều đó.

Rồi một cánh tay dịu dàng chuỗi quanh cậu và cậu được ôm chặt trong vòng tay ấm áp. Ô, trên cõi đời vẫn còn tình yêu, dù cho Gypsy đã đi rồi.

“Mẹ, sẽ mãi hoài thế này phải không mẹ?”

“Không mãi hoài đâu.” Anne không nói là cậu sẽ chóng quên thôi... rằng chẳng bao lâu nữa Gypsy sẽ chỉ còn là một ký ức thân thương. “Không phải mãi hoài đâu, Jem bé bỏng ạ. Một lúc nào đó chuyện này sẽ lạnh lại... như bàn tay con bị bỏng rồi lại lạnh dù ban đầu đau lắm.”

“Bố nói sẽ mua cho con một con chó khác. Con không phải nuôi nó, đúng không? Con không muốn con chó nào nữa, mẹ... không bao giờ nữa.”

“Mẹ biết, con yêu ạ.”

Mẹ biết hết. Không ai có mẹ như mẹ của cậu cả. Cậu muốn làm điều gì đó cho mẹ... rồi cậu chợt biết mình sẽ làm gì. Cậu sẽ mua cho mẹ chuỗi ngọc trai trong tiệm của ông Flagg. Có lần cậu nghe mẹ nói rất thích có một chuỗi hạt trai và bố bảo, “Khi tàu của ta tới anh sẽ mua cho em một xâu, cô gái Anne ạ.”

Phải cân nhắc cách thức: cậu được cho tiền quà nhưng đều để mua những thứ cần thiết và chuỗi hạt trai không nằm trong các mục đã lập ngân sách. Hơn nữa, cậu muốn tự mình làm ra tiền để mua. Lúc ấy nó mới đúng là quà của cậu. Sinh nhật mẹ là tháng Ba... sáu tuần nữa thôi. Mà chuỗi hạt có giá những năm mươi xu!

Ở Glen không dễ kiếm tiền nhưng Jem đã quyết tâm dốc hết tâm trí vào thực hiện. Cậu lấy mấy cuộn chỉ cũ làm con vụn bán cho nam sinh trong trường lấy hai xu một cái. Cậu bán ba chiếc răng sữa quý giá lấy ba xu. Mỗi chiều thứ Bảy cậu bán lát bánh táo giòn rụm cho Bertie Shakespeare Drew. Mỗi đêm cậu bỏ số tiền mình kiếm được vào một con heo đồng nhỏ xíu Nan tặng cậu làm quà Giáng sinh. Con heo đồng sáng bóng rất đẹp có một khe trên lưng để thả tiền xu vào. Khi ta bỏ được năm mươi đồng xu vào rồi thì con heo sẽ tự mở ra tài tình nếu ta vặn cái đuôi rồi trả tài sản lại cho ta. Sau cùng, để có được tám xu cuối cậu bán râu trứng chùm cho Mac Reese. Đó là râu trứng đẹp nhất ở Glen và bán đi thì cũng có đau lòng một chút. Nhưng sinh nhật mẹ ngày một gần rồi mà tiền thì phải có. Mac vừa trả thì Jem thả ngay tám xu vào con heo và khoái chí lắm.

“Vặn đuôi nó xem có mở ra thật không,” Mac nói, không tin là con heo sẽ mở. Nhưng Jem không chịu; bao giờ sẵn sàng đi mua chuỗi hạt thì cậu mới đập heo.

Chiều hôm sau Hội Phụ nữ Truyền giáo họp mặt tại Bên ánh Lửa và sẽ không bao giờ quên buổi chiều đó. Đúng lúc bà Norman Taylor đang cầu nguyện... mà người ta tin rằng bà Norman Taylor rất tự hào về mấy bài cầu nguyện của mình... một cậu bé cuống cuống chạy nhào vào phòng khách.

“Con heo đồng của con đâu mất rồi, mẹ ơi... con heo đồng của con mất tiêu rồi!”

Anne lừa cậu ra ngoài nhưng bà Norman sẽ mãi xem như bài cầu nguyện của mình đã hỏng và, vì đặc biệt muốn gây ấn tượng với vợ mục sư đến thăm, phải nhiều năm sau bà mới tha thứ cho Jem hay mới coi cha cậu là bác sĩ trở lại. Khi các bà các cô đã về nhà rồi thì Bên ánh Lửa bị lung sục từ trên xuống dưới để tìm con heo mà công cốc. Jem, vừa bị quở trách vì lỗi cư xử của mình vừa đau đớn vì mất mát, chỉ nhớ cậu thấy nó lần cuối là khi nào hay ở đâu. Mac Reese, được gọi điện thoại đến, trả lời nó thấy con heo để trên tủ của Jem.

“Susan ơi, cô có nghĩ, rằng Mac Reese...”

“Không, cô bác sĩ thân yêu, tôi cảm thấy khá chắc là thằng bé không lấy đâu. Nhà Reese cũng có lỗi lầm... dù họ rất mê tiền, nhưng phải có được một cách trung thực kia. Con heo quý quá đó có thể ở đâu được nhỉ?”

“Hay chuột ăn mất rồi?” Di nói, em cười nhạo ý tưởng đó nhưng cậu cũng thấy lo. Tất nhiên chuột không thể nào ăn con heo đồng có năm mươi xu trong bụng.

Nhưng chúng ăn được không nhỉ?

“Không, không, con yêu. Con heo của con sẽ xuất hiện thôi,” mẹ an ủi.

Nhưng hôm sau Jem đi học nó cũng không xuất hiện. Tin cậu bị mất heo đã tới trường trước và mọi người nói với cậu rất nhiều thứ, không hẳn là đỡ dành. Nhưng đến giờ ra chơi Sissy Flagg khế nép tới bên cậu với vẻ lấy lòng. Sissy Flagg thích Jem nhưng Jem không thích con bé, bất chấp - hay có lẽ chính là vì - mấy lọn tóc vàng dày và đôi mắt nâu to. Ngay cả khi mới lên tám người ta cũng có thể đã có vấn đề về người khác giới.

“Tớ có thể cho cậu biết ai lấy con heo của cậu.”

“Ai?”

“Cậu phải chọn tớ trong trò vỗ tay thì tớ mới nói.”

Đó là viên thuốc đắng nhưng Jem cũng đã nuốt. Gì cũng được miễn tìm ra con heo đó! Cậu ngồi mặt đỏ lựng bên cạnh Sissy đắc thắng trong khi chúng chơi trò vỗ tay, và khi chuông reo thì cậu đòi phần thưởng của mình.

“Alice Palmer nói là Willy Drew cho nó biết là Bob Russell nói với nó là Fred Elliott nói cho nó biết con heo của cậu ở đâu. Đi mà hỏi Fred ấy.”

“Đồ xì gạt!” Jem thét lên, trừng mắt nhìn con bé. “Xì gạt!”

Sissy cười ngạo nghễ. Nó không cần biết. Dù sao thì Jem Blythe cũng đã phải ngồi với nó một lần rồi.

Jem đến gặp Fred Elliott, thằng này mới đầu khai không biết gì về con heo cũ rín ấy và cũng không muốn biết. Jem tuyệt vọng. Fred Elliott hơn cậu ba tuổi và có tiếng là ưa hoạnh hợ. Bỗng cậu nảy ra một ý. Cậu nghiêm nghị đưa ngón trỏ đầy cấu gât ra chỉ thẳng vào Fred Elliott mặt đỏ to con.

“Mày là một kẻ theo thuyết hóa thể,” cậu nói rành rọt.

“Ê, mày, đừng có chửi tao, oắt con Blythe.”

“Còn hơn cả chửi,” Jem nói, “Đó là chữ trù ẻo. Tao mà chỉ mặt nói lại lần nữa... thì... mày sẽ bị xui xẻo cả tuần. Ngón chân mày sẽ rụng ra không chừng. Tao sẽ đếm đến mười, nếu mày không nói cho tao biết trước khi tao đến mười thì tao sẽ trù ẻo

mày.”

Fred không tin chuyện đó. Nhưng đêm hôm đó sẽ diễn ra cuộc đua trượt tuyết nên nó không dám liều. Vả lại, ngón chân là ngón chân. Đến sau thì cu cậu đầu hàng.

“Được rồi... được rồi. Đừng có toác hàm ra mà nhấc đạo lần thứ hai. Mac biết con heo ở đâu... nó nói nó biết đó.”

Mac không đi học, nhưng khi Anne nghe câu chuyện của Jem thì cô gọi điện cho mẹ thẳng bẻ. Lát sau bà Reese đến, đỏ mặt và ra điều xin lỗi.

“Mac nó không có lấy con heo đâu, chị Blythe à. Nó chỉ muốn thấy con heo có mỡ ra không, nên khi Jem ra khỏi phòng thì nó vặn cái đuôi. Con heo rơi ra thành hai mảnh mà nó không biết ráp lại. Nên nó để hai mảnh con heo và tiền vào đôi ủng đi lễ của Jem trong tủ. Đứng ra nó không được động vào... bố nó cũng đã cho nó một trận rồi... nhưng nó không ăn cắp, chị Blythe à.”

“Cái từ cháu nói với Fred Elliott là gì vậy, bé Jem yêu?” Susan hỏi khi con heo bị vỡ đôi đã tìm thấy và tiền đã đếm xong.

“Kể theo thuyết hóa thạch,” Jem tự hào nói. “Tuần trước Walter tìm thấy từ đó trong từ điển... bà biết nó thích những từ dài dòng rồi đó, Susan... rồi... rồi cả hai chúng cháu học cách phát âm. Bọn cháu đọc đi đọc lại cho nhau hai mươi một lần trên giường cho nhớ rồi mới ngủ.”

Giờ thì chuỗi hạt đã được mua và cất kỹ trong cái hộp thứ ba từ trên xuống trong ngăn kéo giữa trong tủ của Susan... lâu nay Susan đã được biết kế hoạch bí mật rồi... Jem tưởng như sinh nhật mẹ sẽ không bao giờ đến. Cậu khoái chí vì mẹ không hay biết gì. Mẹ chẳng biết tí gì về cái thứ đang giấu trong ngăn kéo tủ của Susan... mẹ chẳng mấy biết sinh nhật sẽ đem lại cho mình điều gì... mẹ chẳng mấy biết con tàu sẽ đem đến cho mình những gì khi hát ru hai đứa sinh đôi ngủ,

“Em đã thấy có một con tàu, dong buồm đi, dong buồm đi trên biển,

Ô kia, tàu chạt đầy những món quà xinh xắn cho em.”

Đầu tháng Ba Gilbert bị một trận cúm suýt thành viêm phổi. Bên ánh Lửa đã có đôi ngày lo lắng. Anne đi quanh như thường lệ, tháo gỡ mọi rắc rối, ban phát an ủi, cúi bên những chiếc giường trắng soi để xem mây thân hình bé xíu thân yêu có được ấm không; nhưng bọn nhỏ nhớ tiếng cười của cô.

“Bố mà chết thì thiên hạ sẽ làm sao?” Walter thì thầm, môi tái dại. “Bố không chết đâu, con yêu. Giờ bố đã qua cơn nguy kịch rồi.”

Anne tự hỏi thể giới nhỏ của họ ở Bốn Làn Gió và Glen và Cửa Vịnh sẽ thế nào nếu... nếu... có gì xảy đến cho Gilbert. Họ đều phụ thuộc vào anh quá nhiều. Riêng dân ở Bắc Glen dường như thật lòng tin rằng anh biết làm người chết sống lại nhưng kiềm chế chỉ vì điều đó sẽ vượt quá ý đồ của Đảng Toàn Năng. Họ quả quyết là có lần anh đã làm được điều đó... chú Archibald MacGregor già long trọng cam đoan với Susan rằng Samuel Hewett đã chết thật rồi nhưng bác sĩ Blythe lại làm cho ông tỉnh lại. Dù chuyện đó là thế nào đi nữa nhưng khi người còn sống được thấy Gilbert khuôn mặt gầy gò nâu sạm và đôi mắt nâu nhạt thân tình bên giường bệnh và nói vui vẻ, “Đào ôi, anh không sao đâu,”... thì họ tin vào điều đó cho đến khi nó thành sự thật. Còn về những người trùng tên với anh thì nhiều đến độ, anh đếm không xuể. Cả vùng Bốn Làn Gió có biết bao là Gilbert nhỏ. Thậm chí còn có một cô bé Gilbertine.

Thế là bố đã khỏe lại và mẹ lại cười, và... cuối cùng, đã là đêm trước sinh nhật.

“Cháu mà đi ngủ sớm thì ngày mai sẽ đến nhanh hơn đấy, bé Jem à,” Susan cam đoan.

Jem thử nhưng hình như không được. Walter ngủ thiếp đi rất nhanh, còn Jem cứ trần trọc mãi. Cậu sợ ngủ quên. Nhờ cậu không dậy kịp và ai cũng tặng quà cho mẹ rồi thì sao? Cậu muốn là người đầu tiên. Sao khi này cậu không nhờ bà Susan gọi cậu nhi? Bà đã ra ngoài đi thăm ai đó nhưng khi bà về cậu sẽ nhờ. Nếu cậu chắc chắn là nghe thấy tiếng bà! Thôi được, cậu cứ xuống nằm trên sofa dưới phòng khách đã, ở đó không thể nào không nghe thấy tiếng bà được.

Jem rón rén xuống nhà rồi nằm cuộn tròn trên trường kỷ. Cậu nhìn được khắp Glen. Trăng đông đầy phép lạ vào mấy vùng trũng nằm giữa những đụn tuyết trắng. Rặng cây cao lớn về đêm vẫn rất bí ẩn chia cánh tay ra quanh Bên ánh Lửa. Cậu nghe thấy mọi tiếng động trong một ngôi nhà về đêm... sàn nhà cọt két... ai đó trở mình trên giường... than trong lò sưởi cháy rã rậm xuống... con chuột nhắt chạy lảo nhảo trong tủ đồ sứ. Có phải là tuyết lở không? Không, chỉ là tuyết trượt trên mái xuống. Có hơi lè lơi... sao bà Susan chưa về?... giá mà lúc này cậu có Gyp... Gyppy thân yêu ơi. Cậu đã quên Gyp rồi sao? Không, không hẳn. Nhưng giờ nghĩ đến chú cậu không còn đau lòng lắm nữa... phần lớn thời gian cậu đã nghĩ đến những điều khác rồi. Ngủ ngon nhé, chú chó thân yêu nhất trong mọi chú chó. Có lẽ rồi một lúc nào đó cậu cũng sẽ có chú chó khác thôi. Nếu ngay lúc này cậu có một con thì tuyệt vời biết bao... hay là Tôm cũng được. Nhưng Tôm không có đó. Con mèo già ích kỷ! Chỉ biết nghĩ đến bản thân thôi!

Vẫn chưa thấy bóng dáng bà Susan đi dọc con đường ngoằn ngoèo bất tận suốt quãng đường trắng soi trắng xóa kỳ lạ mà ban ngày là Glen thân thuộc của riêng cậu. Thôi

được, cậu chỉ cần tưởng tượng ra chuyện này chuyện kia cho qua thời gian. Một ngày nào đó cậu sẽ tới đảo Baffin sống với người Eskimo. Một ngày nào đó cậu sẽ dong buồm ra khơi xa và nấu một con cá mập cho bữa ăn Giáng sinh như thuyền trưởng Jim. Cậu sẽ thực hiện một chuyến thám hiểm đến Congo tìm khi đột. Cậu sẽ là thợ lặn và rong ruổi khắp lâu đài pha lê sáng ngời dưới đáy đại dương. Lần tới khi về Avonlea cậu sẽ nhờ cậu Davy dạy cho cách cho sữa vào miệng mèo. Cậu Davy làm rất thuần thục. Có lẽ cậu sẽ là hải tặc. Bà Susan muốn cậu làm mục sư. Mục sư làm được nhiều việc tốt nhất nhưng chẳng phải làm hải tặc thì vui nhất hay sao? Ngộ nhớ anh lính gỗ bé xíu trên bệ lò sưởi nhảy thót xuống rồi nổ súng thì sao! Ngộ nhớ mấy cái ghế bắt đầu đi quanh phòng! Hay là tắm thảm da hổ sống đây! Ngộ nhớ đám “gấu quàng quạc” mà cậu với Walter “giả vờ” khắp nhà hồi hai đứa còn bé tí thật sự đang ở quanh đây thì sao! Jem bỗng hoảng sợ. Ban ngày cậu không hay quên mất sự khác biệt giữa hư cấu và hiện thực, nhưng vào một đêm bất tận như đêm nay thì lại khác. Chiếc đồng hồ kêu tích tắc... tích tắc... và cứ mỗi tiếng tích lại có một con gấu quàng quạc ngồi trên một bậc thang. Mấy bậc thang đen thui toàn gấu quàng quạc. Chúng sẽ ngồi đó cho đến sáng mà... ba hoa.

Ngộ nhớ Chúa quên cho mặt trời mọc! Ý nghĩ này khủng khiếp đến mức Jem vui mặt trong tấm khăn len để chặn nó lại bên ngoài, và thế là Susan bắt gặp cậu đang nằm ngủ say ở đấy khi bà về nhà trong ánh mặt trời mùa đông màu cam rực rỡ đang lên.

“Bé Jem!”

Jem đuổi người ra và ngồi thẳng dậy, ngáp. Đó là một đêm bận bịu cho Thần Sương Giá Thợ Bạc, còn mấy cánh rừng chẳng khác nào cõi thần tiên. Một đỉnh đồi tí tắp nhuộm màu đỏ thắm. Mấy cánh đồng trắng xóa bên kia Glen đều có màu hoa hồng yêu kiều. Sáng nay là sinh nhật mẹ.

“Cháu chờ bà, Susan... để dặn bà gọi cháu... mà bà chẳng về gì cả...”

“Bà xuống thăm nhà John Warren, vì di họ vừa mất, rồi họ mời bà ở lại thức với thi hài,” Susan vui vẻ phân bua. “Bà đâu có nghĩ cháu cũng cố cho bị viêm phổi, vừa khi bà xoay lưng đi. Chạy lẹ vào giường đi rồi bà sẽ gọi khi nào nghe mẹ cháu nhức nhích.”

“Susan, bà làm sao để đâm cá mập?” Trước khi lên lầu Jem còn muốn biết.

“Bà có đâm cá mập đâu nào,” Susan trả lời.

Khi cậu vào phòng mẹ thì mẹ đã dậy rồi, đang chải mái tóc dài óng ả trước gương. Mắt mẹ khi nhìn thấy chuỗi hạt kia!

“Jem yêu! Tặng cho mẹ sao!”

“Giờ mẹ không phải chờ đến khi tàu của bố đến nữa,” Jem nói ra vẻ thờ ơ. Cái gì xanh xanh lấp lánh trên bàn tay mẹ thế kia? Một chiếc nhẫn... quà của bố. Tốt thôi, nhưng nhẫn thì thường quá rồi... cả đến Sissy Flagg mà cũng có một chiếc. Nhưng còn một xâu chuỗi ngọc trai ư!

“Chuỗi hạt trai là món quà sinh nhật thật tuyệt vời,” mẹ nói.

Chương 20

Một tối cuối tháng Ba khi Gilbert và Anne cùng bạn bè đi Charlottetown ăn tối, Anne mặc chiếc váy mới màu xanh lơ khảm bạc quanh cổ và cánh tay; rồi cô đeo chiếc nhẫn ngọc lục bảo của Gilbert và chuỗi hạt của Jem.

“Bố có người vợ thật đẹp phải không, Jem?” bố cậu tự hào hỏi.

Jem nghĩ mẹ rất đẹp và chiếc váy của mẹ rất dễ thương. Chuỗi ngọc trai trên ngấn cổ trắng nuột nà của mẹ trông mới xinh đẹp làm sao! Cậu luôn thích thấy mẹ chưng diện, nhưng khi mẹ không mặc váy áo lộng lẫy thì cậu còn thích hơn. Váy áo biến mẹ thành một người xa lạ. Khi mặc chúng, mẹ không thật sự là mẹ.

Sau bữa tối Jem vào làng mua đồ giùm Susan và trong khi cậu ngồi chờ trong tiệm của ông Flagg... khá sợ là Sissy có thể vào như thỉnh thoảng vẫn thế rồi cứ tỏ ra quá thân tình... thì cái tai họa đó rơi xuống... cái cú choáng váng làm tan tành mộng ảo thật khủng khiếp đối với một đứa trẻ bởi quá ư bất ngờ và dường như không thể nào thoát được.

Hai đứa con gái đang đứng trước hộp kính ông Carter Flagg trưng bày đầy chuyện và kẹp tóc.

“Mấy chuỗi ngọc trai đó đẹp chưa kia?” Abbie Russell nói.

“Không khéo người ta tưởng là đồ thật,” Leona Reese nói.

Rồi chúng đi qua, hoàn toàn không biết mình vừa làm gì với cậu bé đang ngồi trên cái thùng đinh. Jem vẫn ngồi đó thêm một lúc nữa. Cậu không nhúc nhích được.

“Có chuyện gì vậy, cậu nhóc?” ông Flagg hỏi. “Trông cháu có vẻ ỉu xiu quá.”

Jem nhìn ông Flagg bằng đôi mắt thâm thiết. Miệng cậu khô khốc kỳ lạ. “Bác Flagg ơi, mấy... mấy chuỗi hạt đó... là ngọc trai thật phải không?”

Ông Flagg cười xòa. “Không, Jem ạ. Bác e với năm mươi xu cháu không mua được ngọc trai thật đâu, cháu biết không. Ngọc trai thật như chuỗi hạt ấy sẽ có giá hàng trăm đô la. Đó chỉ là hạt giả... so với giá đó là đã rất đẹp rồi. Bác mua được ở chỗ bán đồ phá sản... nên bác mới bán rẻ được như vậy. Bình thường thì tới một đô la cơ. Còn lại có một xâu thôi... chúng đắt hàng như tôm tươi.”

Jem tuột xuống cái thùng và bỏ đi, quên băng thứ Susan nhờ cậu đi mua. Cậu bước loạng choạng trên con đường giá lạnh về nhà. Trên đầu là một vòm trời đen thẫm lạnh giá; trong không khí có cái mà Susan gọi là “một cảm giác” tuyết, và một lớp băng mỏng đóng trên mấy vũng nước. Càng nằm đen mò và ẩm ướt giữa hai bờ trợ trợ. Trước khi Jem về tới nhà thì một trận gió tuyết làm bốn bề trắng xóa. Cậu ước gì tuyết cứ rơi... rơi hoài... rơi mãi... cho đến khi cậu bị chôn vùi và ai cũng bị vùi sâu hàng sải. Đời thật bất công.

Lòng Jem tan nát. Và đừng ai coi thường nguồn cơn nỗi đau của cậu mà cười nhạo. Cậu ê chề cùng cực không còn gì để nói. Cậu đã tặng mẹ thứ mà cậu và mẹ đều tưởng là chuỗi hạt trai... trong khi nó chỉ là một thứ đồ nhái cũ kỹ. Mẹ sẽ nói gì... mẹ sẽ cảm thấy thế nào... khi mẹ biết ra? Vì dĩ nhiên người ta đã nói cho mẹ biết rồi. Jem chưa lần nào chợt nghĩ là mẹ không cần được mọi người nói cho biết. Không được để mẹ bị “biến thành trò cười” thêm nữa. Mẹ phải biết chuỗi hạt trai mình tặng không phải đồ thật. Tội mẹ quá chùng! Mẹ đã thật tự hào về nó... chẳng phải cậu đã thấy niềm tự hào ngời lên trong mắt mẹ khi mẹ hôn và cảm ơn cậu sao?

Jem lên vào bằng cửa hông rồi đi thẳng lên giường nơi đó Walter đã ngủ say. Nhưng Jem không ngủ được; cậu vẫn thức khi mẹ về nhà và đi khẽ vào để xem Walter và cậu có được ấm không.

“Jem, con yêu, giờ này con còn thức sao? Con không bệnh đấy chứ?”

“Không, nhưng con rất không vui ở đây này, mẹ yêu,” Jem nói, để tay lên bụng, thật lòng tưởng đó là tim.

“Có chuyện gì vậy con yêu?”

“Con... con... có chuyện này con phải cho mẹ biết, mẹ ơi. Mẹ sẽ thất vọng lắm, mẹ ơi... nhưng con không có ý lừa mẹ đâu, mẹ... thật sự con không có ý.”

“Mẹ tin chắc là con không có ý lừa mẹ mà, con yêu. Chuyện gì vậy? Đừng sợ.”

“Ôi mẹ yêu, chuỗi hạt đó không phải ngọc trai thật... con tưởng là thật... quả là con tưởng thật... quả là...”

Jem đầm đìa nước mắt. Cậu không nói tiếp được.

Anne có muốn cười đi nữa thì trên mặt cô cũng không có vẻ gì là cười. Hôm ấy Shirley bị u đầu, Nan thì trật mắt cá chân, Di mất tiếng vì cảm lạnh. Anne đã hôn và băng bó và vỗ về; nhưng chuyện này thì khác... chuyện này cần toàn bộ sự khôn ngoan

bí mật của những bà mẹ.

“Jem, mẹ chưa hề nghĩ con cho đó là ngọc trai thật. Mẹ biết là không phải... ít ra cùng trong một nghĩa của từ thật. Trong nghĩa khác, đó là thứ thật nhất mẹ từng được tặng. Vì ở đó có tình thương và công sức và sự hy sinh bản thân mình... và điều đó mới làm cho nó trở nên quý giá đối với mẹ hơn mọi châu ngọc mà những người mò ngọc trai từng bắt được dưới biển cho các nữ hoàng đeo. Con yêu, mẹ sẽ không đổi chuỗi hạt xinh xắn của mẹ lấy sợi dây chuyền đáng giá nửa triệu tối qua mẹ đọc thấy một triệu phú nọ tặng cô dâu của mình. Nên điều đó cho con thấy rằng món quà của con đối với mẹ đáng giá thế nào, con trai cưng nhất ạ. Giờ con thấy khá chưa?”

Jem sung sướng đến mức cậu thấy xấu hổ. Cậu e sung sướng như vậy thì thật trẻ con. “Ôi, cuộc đời đã dễ chịu lại rồi,” cậu nói thận trọng.

Nước mắt trong hai mắt long lanh đã hết. Mọi chuyện đều tốt đẹp cả.

Hai cánh tay mẹ choàng quanh cậu... mẹ thích chuỗi hạt... chẳng có gì quan trọng nữa. Một ngày nào đó cậu sẽ tặng mẹ chuỗi hạt không chỉ nửa triệu đâu, mà cả triệu. Từ đây đến đó thì, cậu mệt rồi... giường cậu thì ấm áp và dễ chịu quá chừng... bàn tay mẹ thoảng hương hoa hồng... và cậu không còn ghét Leona Reese nữa.

“Mẹ yêu, mẹ mặc chiếc váy đó trông đẹp quá,” cậu nói ngái ngủ. “Đẹp và thuần khiết... thuần khiết như nước ca cao Epps ấy.”

Anne mỉm cười ôm chặt cậu và nghĩ đến điều nực cười hôm ấy cô đọc được trên tờ tạp chí y khoa, ký tên tiến sĩ V. Z. Tomachowsky. “Các bạn đừng bao giờ hôn cậu con trai nhỏ của mình, nếu không các bạn sẽ tạo nên một dạng phức cảm Jocasta.” Lúc ấy cô đã cười chuyện đó và hơi giận dữ nữa. Giờ cô chỉ cảm thấy tội cho người viết. Tội nghiệp, người đàn ông tội nghiệp! Vì dĩ nhiên V. Z. Tomachowsky là đàn ông. Không người phụ nữ nào lại đi viết gì ngớ ngẩn và tàn ác như thế.

Chương 21

Năm ấy tháng Tư rón rén đến thật lộng lẫy cùng nắng và gió dịu được đôi ngày; thế rồi một trận bão tuyết Đông Bắc dữ dội buông tấm chăn trắng lên khắp thế gian lần nữa. “Tuyết tháng Tư khiếp quá,” Anne nói. “Như cái tát vào mặt khi ta chờ một nụ hôn.” Bên ánh Lửa viên những trụ băng và suốt hai tuần dài ngày rét căm căm còn đêm đến thì khắc nghiệt. Rồi tuyết miễn cưỡng biến mất, và khi có tin lan truyền là đã thấy con chim cổ đỏ đầu tiên trong Vùng Lòng Chảo thì Bên ánh Lửa lấy lại can đảm mà liệu tin rằng quả thật phép mùa xuân lại sắp xảy ra.

“Ồ mẹ ơi, hôm nay có mùi như mùa xuân rồi,” Nan kêu lên, thích thú hít lấy không khí ẩm ướt tươi mát. “Mẹ ơi, mùa xuân là quãng thời gian hào hứng quá phải không!”

Hôm ấy mùa xuân đang chập chững... như một đứa bé đáng yêu mới học đi. Hoa văn cây cối và cánh đồng mùa đông bắt đầu được tráng những chấm màu xanh lá và Jem lại mang về những bông hoa táo gai đầu tiên. Vậy mà một bà to béo khủng khiếp, ngồi căng phồng nơi ghế dựa ở Bên ánh Lửa, lại thở dài buồn bã than rằng mùa xuân không còn tươi đẹp như ngày bà còn con gái.

“Bà không nghĩ rằng có lẽ đổi thay là ở chính ta... không phải tại mùa xuân sao, bà Mitchell?” Anne mỉm cười.

“Có lẽ thế. Tôi biết mình đã khác đi rồi, quá rõ nữa là. Tôi chắc bây giờ nhìn tôi cô không nghĩ tôi từng là thiếu nữ xinh đẹp nhất vùng này đâu.”

Anne ngẫm rằng nhất định cô sẽ không nghĩ vậy. Mái tóc lơ thơ, xơ xác, xám xịt dưới chiếc mũ nhiều đen và tấm “mạng che góa phụ” dài thậm thụt loang lổ xám; hai mắt xanh, vô cảm đã mờ đục và trũng sâu; và gọi cái cằm ngắn của bà là cằm thì cũng hơi nhân hậu. Nhưng lúc ấy bà Anthony Mitchell đang cảm thấy khá tự phụ vì ở Bốn Làn Gió chẳng ai có đồ tang đẹp hơn. Chiếc váy đen lụng thụng bà mặc là nhiều đen đến tận đầu gối. Thời ấy người ta để tang thái quá.

Anne được miễn không phải nói gì, vì bà Mitchell không để cô có dịp.

“Tuần này hệ thống nước mềm nhà tôi cạn khô... có chỗ bị rò rỉ... nên sáng nay tôi xuống làng để gọi Raymond Russell đến sửa. Thế rồi tôi tự nhủ, ‘Giờ mình đến đây rồi thôi thì cứ chạy lại Bên ánh Lửa mà nhờ cô bác sĩ Blythe viết hộ một kiểu phở cho Anthony.’”

“Là cáo phó phải không?” Anne ngây ra hỏi.

“Đúng rồi... mấy thứ họ đưa lên báo về người đã khuất, cô biết đấy,” bà Anthony giải thích. “Tôi muốn Anthony phải có một cái thật hay... cái gì khác lạ cơ. Cô viết lách này kia, phải không?”

“Thình thoảng tôi cũng viết truyện,” Anne thừa nhận. “Nhưng một người mẹ bận rộn thì không có nhiều thời gian cho chuyện đó. Tôi cũng từng có những ước mơ tuyệt vời nhưng giờ tôi e mình sẽ không bao giờ có tên trong cuốn Danh nhân nữa, bà Mitchell ạ. Cả đời tôi chưa bao giờ viết cáo phó.”

“Ồ, viết kiểu phó thì có khó gì đâu. Chú Charlie Bates già ở vùng chúng tôi viết hầu hết kiểu phó cho Nam Glen, nhưng ông ấy không có tí chất thơ nào mà tôi thì đã quyết là phải có một bài thơ cho Anthony. Trời ơi, ông ấy luôn mê thơ ca. Tuần trước tôi lên nghe cô phát biểu về băng bó tại Viện Glen và nghĩ bụng, ‘Ài mà ăn nói lưu loát được vậy thì chắc là biết viết một kiểu phó thật nên thơ.’ Cô sẽ viết giùm tôi, phải không cô Blythe? Anthony sẽ thích lắm. Ông ấy luôn ngưỡng mộ cô. Có lần nhà tôi nói cô mà bước vào một căn phòng thì sẽ khiến hết thấy những người đàn bà kia trông ‘tâm thường và không có gì nổi bật’. Thình thoảng ông ấy cũng nói chuyện thì phú thật đấy nhưng không có ý gì đâu. Tôi đọc nhiều kiểu phó lắm... tôi có một cuốn album lớn đầy cả kiểu phó... nhưng tôi thấy hình như ông nhà tôi không thích bài nào cả. Ông ấy thường cười cợt chúng tôi. Rồi cũng đến lúc phải viết một cái. Ông ấy chết đã hai tháng rồi. Nhà tôi chết chậm nhưng không đau đớn gì. Chết vào mùa xuân thì thật bất tiện, cô Blythe ạ, nhưng tôi cũng đã cố. Tôi nghĩ nếu nhờ ai khác viết kiểu phó cho Anthony thì chú Charlie sẽ nổi giận đùng đùng nhưng tôi không cần biết. Chú Charlie chữ nghĩa lưu loát lắm nhưng ông ta và Anthony chưa lúc nào tâm đầu ý hợp gì mấy nên nói tóm lại thì tôi sẽ không nhờ ông ta viết kiểu phó cho Anthony. Tôi làm vợ Anthony... người vợ chung thủy đầm thắm được ba mươi lăm năm... ba mươi lăm năm, cô Blythe ạ,”... như thể sợ Anne nghĩ chỉ mới ba mươi tư... “và bằng mọi giá tôi nhất định phải viết một kiểu phó nào ông nhà tôi sẽ thích. Đó là điều con gái Seraphine nói với tôi - con bé lấy chồng ở Lowbridge, cô biết đấy... Seraphine, một cái tên đẹp phải không?... tôi lấy tên đó từ một tấm bia. Anthony không thích... ông ấy muốn gọi con bé là Judith theo tên mẹ ông. Nhưng tôi nói nó quá trịnh trọng nên ông ấy nhượng bộ thật độ lượng. Nhà tôi không giỏi tranh cãi... dù ông ấy luôn gọi nó là Seraph... tôi nói đến đâu rồi ấy nhỉ?”

“Con gái bà đã nói...”

“Ồ, phải rồi, Seraphine nói với tôi, ‘Mẹ ơi, cái gì khác dù mẹ có hay không có cũng được, nhưng hãy làm một kiểu phó thật hay cho bố.’ Hai bố con nó bao giờ cũng gần bó lắm, dù đôi lúc ông ấy cũng chế giễu nó, cũng như với tôi. Nào, cô sẽ viết chứ, cô Blythe?”

“Thật tình tôi không được biết nhiều về chồng bà, bà Mitchell.”

“Ồ, tôi kể mọi thứ về ông ấy cho cô nghe được mà... trừ phi cô muốn biết màu mắt ông ấy. Cô biết không, cô Blythe, sau đám tang khi Seraphine và tôi đang bàn chuyện thì tôi chịu không biết mắt ông ấy màu gì, sau ba mươi lăm năm chung sống. Thôi thì dù sao chúng cũng khá là dịu dàng và mơ mộng. Ngày ông ấy làm quen tôi đôi mắt ấy từng trông van lơn lăm. Ông ấy vát và lăm mới cưới được tôi, cô Blythe à. Ông ấy cuồng si tôi nhiều năm trời. Hồi ấy tôi kên kieu lắm và muốn kén cá chọn canh. Nếu cô thiếu chất liệu để viết thì chuyện đời tôi ly kỳ lắm, cô Blythe ạ. Ôi, thôi, thời ấy qua rồi. Tôi có cả khối người theo đuổi. Nhưng họ cứ đến rồi đi... còn Anthony thì cứ đến thôi. Ông ấy cũng khá ưa nhìn nữa... một người đàn ông đáng vẻ gọn gàng đẹp để làm sao. Tôi không bao giờ chịu được đàn ông béo lùn... mà nhà tôi còn cao hơn tôi một hai bậc... tôi sẽ chẳng bao giờ phù nhận điều đó đâu. ‘Con mà cưới người nhà Mitchell thì người nhà Plummer sẽ lên được một bậc đấy,’ mẹ tôi nói... tôi người nhà Plummer, cô Blythe ạ... con gái của John A. Plummer. Ông ấy ca tụng tôi bằng những lời lãng mạn đẹp để quá chừng, cô Blythe ạ. Có lần nhà tôi nói tôi có vẻ duyên dáng siêu phàm của ánh trăng. Tôi biết thế nghĩa là một thứ gì đó rất đẹp để dù tôi không biết ‘siêu phàm’ nghĩa là gì. Tôi cứ tính tra từ điển mà rồi cũng chưa làm được. Dù sao thì, cuối cùng tôi cũng hứa danh dự rằng tôi sẽ là cô dâu của ông ấy. Nghĩa là... ý tôi là tôi nói tôi sẽ lấy ông ấy. Ôi trời, tôi ước gì cô thấy tôi mặc áo cưới, cô Blythe. Ai cũng khen tôi là người đẹp. Mảnh dẻ như cá hồi, mái tóc óng như vàng ròng, nước da thì tuyệt đẹp. A, thời gian làm chúng ta đổi thay khủng khiếp. Cô vẫn chưa đến độ đó đâu, cô Blythe. Cô vẫn còn xinh xắn thật đấy... lại còn là một phụ nữ có học thức cao nữa. Ôi, nào ai cũng được thông minh... phải có người lo nấu nướng nữa chứ. Chiếc váy cô mặc đẹp thật đấy, cô Blythe. Tôi để ý thấy cô không bao giờ mặc đồ đen... cô đúng đấy... chẳng mấy chốc rồi cô sẽ phải mặc thôi. Tôi khuyên cô cứ khất chuyện đó lại cho đến khi ta buộc phải mặc. Ấy, tôi nói đến đâu rồi?”

“Bà đang... có kể cho tôi điều gì đó về ông Mitchell.”

“Ồ phải rồi. Đấy, chúng tôi cưới nhau. Đêm đó có một sao chổi lớn... tôi còn nhớ mình đã nhìn thấy khi chúng tôi ngồi trên xe về nhà. Thật tiếc là cô không được thấy ngôi sao chổi đó, cô Blythe. Nó đẹp lắm. Tôi chắc cô đâu có đưa nó vào trong kiểu phổ được, nhỉ?”

“Chuyện đó thì... có lẽ là hơi khó...”

“Thôi được”, bà Mitchell thở dài từ bỏ ngôi sao chổi, “cô sẽ phải cố hết sức mình đấy. Đời ông nhà tôi chẳng lý thú cho lắm. Có lần nhà tôi say... nói chỉ muốn say một lần xem nó thế nào... ông ấy luôn có óc tò mò. Nhưng dĩ nhiên ta không đưa chuyện

đó vào kiểu phó được. Ngoài ra chẳng còn gì nhiều xảy đến với ông ấy. Không phải kêu ca gì đâu mà chỉ để nêu sự thật thôi, ấy là nhà tôi có hơi khờ khạo và dễ tính. Ông ấy thường ngồi cả giờ nhìn chăm chăm cây thực quỳ. Ôi trời, ông ấy mê hoa lắm... không ưa cắt bỏ hoa mao lương vàng đi. Vụ thu hoạch lúa dù có kém hay không cũng không cần biết miễn sao có cúc họa mi và cúc hoàng anh. Còn cây cối... vườn trái của ông ấy... tôi vẫn luôn nói, chỉ là đùa thôi, ông quan tâm đến cây cối hơn tôi. Còn nông trại của nhà tôi... trời, ông ấy yêu mảnh đất của mình lắm. Như thể nghĩ nó là người. Lần lúc tôi nghe ông ấy nói, ‘Chắc tôi ra ngoài nói chuyện với nông trại một lát đây.’ Khi chúng tôi đã già tôi muốn ông nhà tôi bán đi, vì thấy rằng bọn tôi không có con trai, rồi về Lowbridge nghỉ hưu, nhưng ông nhà tôi cứ nói, ‘Tôi không bán nông trại được đâu... tôi không bán trái tim mình được đâu.’ Đành ông có ngộ không? Không lâu trước khi chết ông nhà tôi muốn luộc một con gà mái để ăn tối, ‘nấu theo kiểu của bà ấy,’ ông ấy nói. Ông ấy luôn mê tài nấu nướng của tôi, tôi phải nói là như vậy. Duy chỉ có một thứ ông ấy không chịu được là món xà lát rau diếp trộn quả hạch. Ông ấy nói quả hạch đúng là thứ không mong đợi đáng nguyên rủa. Nhưng nhà không còn dư con gà mái nào... chúng đang nằm ổ cá... chỉ còn lại mỗi con gà trống nên dĩ nhiên tôi đâu làm thịt nó được. Trời, tôi thích thấy gà trống khệnh khạng quanh nhà. Đâu có gì đẹp hơn một con gà trống, cô có nghĩ vậy không, cô Blythe? À, tôi nói đến đâu rồi?”

“Bà đang nói ông nhà muốn bà làm thịt nấu cho ông một con gà mái.”

“Ồ phải. Và sau đó tôi rất hối tiếc vì đã không nấu. Nửa đêm tôi tỉnh dậy mà nghĩ đến chuyện đó. Nhưng tôi đâu biết ông ấy sắp chết, cô Blythe ơi. Ông ấy chẳng hề kêu ca gì nhiều mà cứ nói mình đỡ hơn rồi. Rồi đến phút chót vẫn để tâm đến mọi thứ. Giá mà tôi biết ông nhà tôi sắp chết, bà Blythe, tôi đã nấu món gà mái cho nhà tôi, dù có trứng hay không cũng mặc.”

Bà Mitchell tháo đôi găng hồ ngón ren đen lỏi thời ra lấy khăn tay chấm nước mắt, cái khăn tay được viền đen phải đến năm phân.

“Giá vậy thì nhà tôi đã được thưởng thức rồi,” bà sụt sùi. “Răng cô ông ấy vẫn còn cho đến phút chót, ông nó yêu dấu ời. Thôi, đủ gì”... xếp khăn tay đeo găng vào, “ông ấy sáu mươi lăm tuổi rồi, cũng không cách xa cái cử thất thập cổ lai hi là mấy. Mà tôi có thêm một tấm biển đóng trên quan tài nữa. Mary Martha Plummer với tôi bắt đầu sưu tập biển quan tài cùng lúc nhưng chẳng mấy chốc bà ấy vượt tôi... bà con nhà bà ấy qua đời nhiều lắm, chưa kể ba đứa con. Bà ấy có nhiều biển quan tài hơn bất cứ ai trong vùng này. Có vẻ như tôi không may mắn lắm nhưng rồi tôi cũng có đầy cả bộ lò sưởi. Thomas Bates em họ tôi mới chôn tuần rồi nên tôi muốn vợ chú ấy cho tôi tấm biển, nhưng cô ta chôn nó theo chú ấy luôn rồi. Cô ta nói sưu tập biển quan tài là tàn tích của thời mông muội. Cô ta là người nhà Hampson mà nhà Hampson bao giờ cũng kỳ quặc. À, tôi nói đến đâu rồi nhỉ?”

Lần này thì quả thật Anne không biết bà Mitchell nói đến đâu. Mấy tấm biển quan tài khiến cô bàng hoàng.

“Ôi thôi, dù gì Anthony tội nghiệp cũng chết rồi. ‘Tôi vui vẻ ra đi lặng lẽ,’ nhà tôi nói có chừng ấy, nhưng vào phút cuối ông ấy chỉ mỉm cười với cái... trần nhà, không phải với tôi hay Seraphine. Tôi rất mừng là trước khi chết ông ấy được hạnh phúc như vậy. Có những lúc tôi vẫn nghĩ có lẽ ông ấy không được hạnh phúc cho lắm, cô Blythe ạ... ông ấy dễ xúc động và nhạy cảm kinh khủng. Nhưng trong quan tài ông ấy trông thật cao quý và uy nghi. Chúng tôi có một đám tang lớn. Hôm ấy đúng là một ngày đẹp trời. Nhà tôi được chôn với rất nhiều hoa. Phút cuối tôi bị nôn nao, còn thì mọi thứ diễn ra tốt đẹp cả. Chúng tôi chôn ông ấy trong nghĩa trang ở Nam Glen mặc dù cả nhà ông ấy được chôn ở Lowbridge. Nhưng ông ấy chọn nghĩa trang cho mình từ lâu rồi... nói muốn được chôn gần nông trại để được nghe biển và gió reo trong ngàn cây... ba phía nghĩa trang đều có cây cối, cô biết đấy. Tôi cũng mừng... tôi luôn nghĩ đó là một nghĩa trang nhỏ ấm cúng và chúng tôi có thể chăm sóc cho mấy cây phong lũ mọc trên mộ ông ấy. Nhà tôi là người tốt... giờ thì chắc đã lên thiên đường rồi, nên cô không cần lo lắng đâu. Tôi vẫn nghĩ viết kiểu pho khi không biết người đã khuất đang ở đâu thì chán lắm. Vậy tôi trông cậy ở cô được chứ, cô Blythe?”

Anne bằng lòng, cảm thấy bà Mitchell sẽ ở lại đó mà nói cho đến khi cô ưng thuận thì thôi. Bà Mitchell, thờ dãi nhẹ nhõm một cái nữa, nặng nề nhắc mình khỏi ghế.

“Tôi phải đi rồi. Hôm nay tôi đang chờ một lứa trứng gà tây nở. Tôi rất thích trò chuyện với cô và ước gì có thể ở lại lâu hơn. Làm góa phụ cô quanh lắm cô ạ. Đàn ông chẳng có nghĩa lý gì to tát đâu, nhưng khi đi rồi thì ta cũng thấy nhớ nhớ.”

Anne lịch sự tiễn bà xuống lối đi. Bọn trẻ đang rình chim cổ đỏ trên bãi cỏ còn mấy nụ thủy tiên hoa vàng đang nhú khắp nơi.

“Cô có ngôi nhà lộng lẫy thật... một ngôi nhà thật lộng lẫy, cô Blythe ạ. Tôi vẫn luôn thích có một ngôi nhà lớn. Nhưng chỉ có chúng tôi với Seraphine... mà lấy đâu ra tiền?... mà, dù sao thì Anthony cũng chẳng bao giờ chịu nghe chuyện đó. Ông ấy yêu căn nhà cũ đó kinh khủng. Tôi định bán nó nếu được trả giá khá khá rồi sống ở Lowbridge hoặc ở Mowbray Narlows, chỗ nào tôi quyết sẽ là nơi tốt nhất cho một góa phụ sống. Bảo hiểm của Anthony sẽ có ích vào một lúc nào đó. Cô muốn nghĩ sao cũng được, nhưng chịu đựng một nỗi đau đầy dễ hơn là nỗi đau vui. Đến khi nào thành góa phụ cô sẽ nhận ra điều đó... dù tôi hy vọng chuyện đó cũng phải nhiều năm nữa. Bác sĩ đạo này thế nào? Mùa đông năm nay khắc nghiệt thật nên chắc cậu ấy làm ăn khá khá. Trời, cô có một gia đình đáng yêu quá! Ba đứa con gái! Giờ thì hay đấy, nhưng cô cứ đợi đến khi chúng đến tuổi mê trai xem. Nói thế không có nghĩa là tôi phải lo lắng gì

nhieu về Seraphine. Con bé trầm lặng... như bố nó... lại còn cứng đầu y hệt nữa. Khi con bé phải lòng John Whitaker, nó muốn có thằng ấy bất chấp những gì tôi nói. Thanh lương trà hả? Sao cô không trồng cạnh cửa trước? Nó sẽ chặn mấy bà tiên ở ngoài.”

“Nhưng ai lại muốn chặn mấy bà tiên ở ngoài, bà Mitchell?”

“Giờ cô lại nói như Anthony rồi. Tôi chỉ đùa thôi. Dĩ nhiên tôi không tin có mấy bà tiên... nhưng nếu tình cờ đâu họ tồn tại thì tôi nghe nói họ rất ma mãnh khó chịu. Thôi, tạm biệt cô Blythe. Tuần tới tôi sẽ ghé lấy kiểu phó.”

“Cô lại tự đẩy mình vào chuyện phiền toái rồi, cô bác sĩ thân yêu,” Susan nói, bà đã nghe lỏm được gần hết cuộc chuyện trò khi đánh bóng đồ bạc trong kho lương thực.

“Thế sao? Nhưng mà Susan này, tôi thật sự muốn viết cái ‘kiểu phó’ đó. Tôi mến Anthony Mitchell... dù chẳng biết gì mấy về ông... và tôi cảm thấy chắc chắn rằng ông ấy sẽ trần trọc dưới mộ nếu cáo phó của mình trên tờ Nhật báo Doanh nghiệp giống như bao cáo phó khác. Anthony hiếm khi thấy được mặt buồn cười trong một chuyện gì đó.”

“Thời trẻ Anthony Mitchell là anh chàng hết sức tử tế, cô bác sĩ thân yêu. Dù người ta nói hơi mơ mộng. Ông ấy không đủ bon chen để hợp với Bessy Plummer, nhưng ông ấy kiếm sống lương thiện và trả hết nợ nần. Dĩ nhiên ông ấy đã cưới một người không phù hợp chút nào. Giờ Bessy Plummer trông giống một người yêu có tính khôi hài vậy thôi chứ hồi ấy cô ta đẹp như tranh. Một số người trong chúng ta, cô bác sĩ thân yêu ạ,” Susan thở dài kết luận, “thậm chí còn không có gì nhiều nhận như vậy để mà nhớ về.”

“Mẹ ơi,” Walter nói, “hoa máu rồng nở kín khắp sau hè kia. Có đôi chim cổ đỏ đang bắt đầu xây tổ trên bậu cửa sổ kho lương thực. Mẹ cho phép chúng chứ, mẹ? Mẹ sẽ không mở cửa sổ làm chúng sợ bay đi mất chứ?”

Anne đã gặp Anthony Mitchell vài lần, dù căn nhà nhỏ xám xịt nơi ông sống ở tận Nam Glen, nằm giữa rừng vân sam và biển, có cây liễu to đẹp đẽ che như một cây dù lớn, mà bác sĩ ở Mowbray Narrows lo cho hầu hết người ở đây. Nhưng thỉnh thoảng Gilbert mua củ khô của ông nên có lần ông đem lại một mớ thì Anne dẫn ông đi xem khắp vườn rồi họ nhận ra mình cùng chung tiếng nói. Cô mến ông... gương mặt gầy, nhăn nheo, thân thiện, đôi mắt nâu nhạt can đảm, tinh anh, chưa bao giờ nao núng hay bị lừa bịp... có lẽ trừ một lần, khi cái đẹp nông cạn phù phiếm của Bessy Plummer lừa ông bước vào cuộc hôn nhân ngu ngốc. Nhưng ông không bao giờ có vẻ không vui hay bất mãn. Miễn là ông được cây cuốc làm vườn gặt hái thì ông mãn nguyện như một đồng cỏ già đầy nắng. Mái tóc đen điểm bạc và một tinh thần chính chắn, thanh tĩnh, bộc lộ trong những nụ cười hiếm hoi nhưng dịu ngọt. Những cánh đồng thân thương đem lại cho ông bánh mì và sự thích thú, niềm vui chinh phục và an ủi những lúc buồn đau. Anne vui vì ông được chôn gần chúng. Có thể ông vui về ra đi nhưng ông cũng đã vui về sống nữa. Ông bác sĩ ở Mowbray Narrows kể rằng khi nói với Anthony Mitchell là ông ta không thể đưa ra hy vọng bình phục nào thì Anthony mỉm cười đáp, “Thôi được, giờ tôi ngày một già đi rồi thì cuộc sống đôi lúc cũng hơi đơn điệu. Cái chết sẽ giống như một thay đổi. Tôi thật sự tò mò muốn biết, bác sĩ ạ.” Ngay cả bà Anthony,

giữa mọi chuyện phi lý huyền thuyên của bà, cũng đã tiết lộ vài điều hé lộ con người thật của Anthony. Vài buổi chiều sau đó bên cửa sổ phòng mình Anne viết xong “Một người già” rồi đọc lại mà cảm thấy hài lòng.

“Đến nơi gió lướt

Rừng thông dày mượt,

Tiếng biển rì rào

Qua đồng cỏ đông,

Những hạt mưa rơi

Nhẹ ru giấc nồng.

Đến nơi đồng rộng

Xanh ngắt bốn bề,

Cánh đồng gặt hái

Dốc cỏ phía Tây,

Vườn cây đơm quả

Ông trồng lâu nay.

Đến nơi sao soi

Gần mãi bên ông,

Ánh dương tràn khắp

Quanh chỗ ông nằm,

Cỏ sương dịu dàng

Lên bên giấc ngủ.

Những gì ông yêu

Bao năm sống cùng,

Được bao ân huệ

Bên ông yên nghỉ,

Biển hát rì rào

Cho giấc nghìn thu.”

“Minh nghĩ Anthony Mitchell sẽ thích,” Anne nói, mở tung cửa sổ nghiêng người ra mùa xuân. Trong vườn của bọn trẻ đã có từng dãy lá rau diếp cong cong; hoàng hôn hồng dịu dàng sau rừng thích; Vùng Lòng Chảo vắng tiếng cười dễ thương của bầy trẻ.

“Mùa xuân yêu kiều đến mức mình chẳng muốn đi ngủ và bỏ lỡ gì cả,” Anne nói.

Tuần sau đó, một chiều nọ bà Anthony Mitchell đến lấy “kiểu pho”. Anne thăm tự hào đọc cho bà nghe; nhưng mặt bà Anthony không tỏ vẻ hài lòng rõ rệt.

“Trời, tôi phải nói nó thật sống động. Cô diễn đạt các thứ rất hay. Nhưng... nhưng... cô không nói chữ nào về chuyện ông ấy đang ở trên thiên đường cả. Cô không chắc ông ấy đang ở đó sao?”

“Chắc đến mức không cần phải nhắc đến, bà Mitchell ạ.”

“Ồ, một số người có thể hồ nghi. Ông ấy... ông ấy không đi nhà thờ thường xuyên... dù ông ấy là công dân tốt trong cộng đồng. Nó cũng không nói tuổi ông ấy... không nhắc đến hoa. Chao ôi, vòng hoa trên quan tài nhiều không đếm xuể. Tôi nghĩ hoa là đủ nên thơ rồi!”

“Tôi lấy làm tiếc...”

“Ồ, tôi không trách cô... tôi không trách cô chút nào. Cô đã cố hết sức rồi, mà nó nghe cũng rất hay. Tôi nợ cô bao nhiêu?”

“Ồ kia... ôi... không gì cả, bà Mitchell. Tôi không thể nghĩ đến chuyện như vậy.”

“Thôi được, tôi nghĩ chắc cô sẽ nói vậy, nên có mang đến một chai rượu bồ công

anh tôi tự làm. Nó làm dịu bao tử, nếu cô từng bị chứng đầy hơi làm phiền. Tôi có đem một chai trà thảo dược tự làm nữa, chỉ có điều tôi e cậu bác sĩ không đồng ý. Nhưng nếu cô muốn một ít và nghĩ có thể lén giấu vào chỗ nào cậu ấy không biết thì cô cứ nói.”

“Không, không, cảm ơn bà,” Anne nói khá thẳng thừng. Cô vẫn chưa hoàn hồn sau chữ “sống động”.

“Tùy cô thôi. Cô cứ tự nhiên cho. Mùa xuân này tôi sẽ không cần thuốc men gì nữa. Hồi mùa đông khi chú em họ xa của tôi Malachi Plummer mất, tôi có bảo cô vợ góa của chú ấy cho tôi ba chai thuốc còn lại... họ mua đến cả tá. Cô ta định vất đi nhưng tôi chẳng bao giờ chịu nổi bỏ phí thứ gì. Tôi không thể uống quá một chai nên tôi bảo người làm công nhà chúng tôi lấy hai chai còn lại. ‘Nếu không bỏ bớt gì thì cũng chẳng hại gì đâu,’ tôi bảo anh ta thế. Không phải là tôi không có phần nhẹ nhõm khi cô không muốn nhận tiền gì cả cho bài kiếu phó vì lúc này tôi khá thiếu tiền. Đám tang tốn kém lắm mặc dù D. B. Martin đâu như là người lo dịch vụ tang lễ rẻ nhất ở vùng này. Tôi thậm chí còn chưa trả tiền đồ tang. Trả xong tôi mới cảm thấy mình đang dễ tang thật. May là tôi không phải mua mũ mới. Mũ này tôi may cho đám tang mẹ tôi mười năm trước rồi. Cứ như tôi thành góa phụ may mắn, nhỉ? Giá mà cô thấy góa phụ của Malachi Plummer bây giờ, cái mặt ủ rũ của cô ta! Thôi được, tôi phải đi đây. Tôi rất biết ơn cô, cô Blythe, dù là... nhưng tôi cảm thấy chắc chắn cô đã làm hết sức mình rồi và bài thơ dễ thương lắm.”

“Bà không ở lại ăn tối cùng chúng tôi ư?” Anne hỏi. “Chỉ có Susan và tôi... bác sĩ đi rồi còn bọn trẻ lần đầu có bữa ăn dã ngoại trong Vùng Lòng Chảo.”

“Tôi không phản đối đâu”, bà Anthony nói, vui vẻ ngồi lại xuống ghế. “Tôi sẵn sàng ngồi lâu chút nữa. Khi già rồi không hiểu sao ta phải nghỉ ngơi rất lâu. Và,” bà nói thêm, nở nụ cười thanh thản mơ màng trên gương mặt hồng hào, “có phải tôi nghe thấy mùi củ cải chiên không nhỉ?”

Anne gần như ác cảm với củ cải chiên khi tuần tới tờ Nhật báo Doanh nghiệp ra báo. Ở đó, trong cột cáo phó, bài “Mộ người già”... có năm khổ thơ thay vì bốn như ban đầu! Và khổ thứ năm là:

“Một người chồng, người bạn và người đỡ đầu tuyệt vời,

Chúa Trời chưa bao giờ tạo ra ai hơn thế,

Một người chồng tuyệt vời, dịu dàng và chân thật,

Một trong một triệu, Anthony yêu dấu, là anh.”

“! ! !” Bên ánh Lửa nói.

“Tôi mong cô không thấy phiền khi tôi chen vào một khổ nữa,” tại buổi họp tối của Viện bà Mitchell nói với Anne. “Tôi chỉ muốn ca tụng Anthony thêm chút nữa... nên thằng Johnny Plummer cháu tôi đã viết. Nó ngồi xuống một cái là ngoáy ra nhanh như gió. Nó giống cô... nó trông không được sáng láng nhưng lại biết làm thơ. Nó có được cái tài ấy là nhờ mẹ nó... cô ta là người nhà Wickford. Nhà Plummer không có chút thi ca nào trong người cả... không tẹo nào.”

“Thật tiếc từ đầu bà không nghĩ đến chuyện bảo cậu ta viết ‘kiểu phó’ cho ông Mitchell,” Anne nói lạnh lùng.

“Ừ nhỉ? Nhưng tôi không biết nó biết làm thơ và đầu óc tôi mãi lo tiền đưa Anthony. Rồi mẹ nó cho tôi xem bài thơ nó viết về một con sóc chết đuối trong xô xi rô nhựa... thật xúc động. Nhưng bài của cô hay thật mà, cô Blythe. Tôi nghĩ cả hai gộp lại sẽ tạo nên cái gì đó khác biệt, cô có nghĩ thế không?”

“Vâng,” Anne nói.

Bọn trẻ Bên Ánh Lửa gặp xui xẻo với thú cưng. Chú cún lông đen xoắn tí hay ngoáy đuôi bỏ vừa mua từ Charlottetown về thì tuần sau đó chú ra ngoài rồi đi đâu mất. Không nghe không thấy gì về chú nữa, và dù nghe đồn có thấy một thú thủ ở Cửa Vịnh bắt con chó nhỏ lông đen lên tàu vào đêm tàu dong buồm đi, số phận của chú vẫn thuộc một trong số những bí ẩn thâm u bí hiểm còn chưa giải đáp trong biên niên sử của Bên Ánh Lửa. Walter chịu đựng điều đó nặng nề hơn Jem, vốn vẫn chưa quên hẳn nỗi đau về cái chết của Gyp và chưa định cho phép mình yêu thương một con chó quá nhiều một cách không khôn ngoan. Rồi đến Tom Hồ, sống trong nhà kho và chưa bao giờ được phép vào nhà vì có thói trộm vặt nhưng vẫn được vuốt ve nuông chiều kinh khủng, bị tìm thấy cứng đờ trên sàn nhà kho và phải đem chôn trong Vung Lồng Chảo theo đầy đủ nghi thức long trọng. Cuối cùng con chó Bun mà Jem mua của Joe Russell mất hai mươi lăm xu, bệnh rồi chết. Có thể chú chết nhanh hơn vì một liều biệt dược Jem cho chú uống, cũng có thể không. Joe đã khuyên vậy mà Joe thì chắc phải biết. Nhưng Jem cảm thấy như mình đã làm Bun chết.

“Bên Ánh Lửa bị tru hay sao?” cậu ừ dột hỏi khi Bun đã được cho yên nghỉ bên cạnh Tom Hồ. Walter viết cho chú một tấm bia rồi cậu và Jem cùng hai đứa sinh đôi đeo ruy băng đen quanh cánh tay cả tuần, làm Susan thất kinh vì nghĩ như vậy là bất kính. Susan không khó người ngoại chuyện mất Bun, vì có lần chú sống chuồng và tàn phá vườn của bà. Bà còn ít bằng lòng hơn nữa với hai con cóc Walter đem về bỏ trong hầm rượu. Tối đến bà thả một con ra ngoài nhưng không tìm thấy con kia và thế là Walter nằm thức trắng lo lắng.

“Chắc chúng là vợ chồng,” cậu nghĩ. “Chắc giờ chúng cô đơn khủng khiếp và buồn vì bị chia lìa. Con mà Susan thả ra bé hơn, nên mình đoán nó là cô cóc và có lẽ cô sợ chết khiếp khi có một thân một mình ngoài sân mênh mông không ai che chở... hệt như một góa phụ.”

Nghĩ về những buồn phiền của góa phụ khiến Walter không chịu nổi, cậu bèn lên xuống hầm tìm cậu cóc, nhưng chỉ được mỗi việc đánh đổ một mớ đồ thiếc Susan bỏ đi tạo nên tiếng kêu loảng xoảng đến người chết cũng phải sống dậy. Tuy nhiên nó chỉ đánh thức mỗi Susan, bà cảm ngọn nến đi xuống, ngọn lửa lập lòe hắt những cái bóng vô cùng kỳ dị lên gương mặt hốc hác.

“Walter Blythe, cháu làm cái gì vậy?”

“Bà Susan ơi, cháu phải tìm cho ra con cóc đó,” Walter nói tuyệt vọng. “Bà ơi, cứ nghĩ xem bà sẽ cảm thấy thế nào khi không có chồng bên cạnh, nếu như bà có chồng.”

“Cháu nói cái quái gì vậy?” Susan ngó ra hỏi rất chính đáng.

Lúc này cậu cóc rõ ràng đang tự cho rằng mình bị lạc đường và đã từ bỏ mọi hy vọng khi Susan xuất hiện tại hiện trường, bỗng từ đằng sau thùng dưa chuột muối thì là của Susan nhảy phóc ra chỗ trống. Walter nhảy chồm tới cậu rồi thả cậu qua cửa sổ, hy vọng cậu sẽ về với cái được cho là tình yêu của mình và sống hạnh phúc đến trọn đời.

“Cháu biết cháu không nên đem mấy sinh vật đó vào hầm rượu mà,” Susan nói nghiêm khắc. “Chúng sẽ sống bằng gì?”

“Dĩ nhiên cháu định bắt côn trùng cho chúng,” Walter buồn phiền đáp. “Cháu muốn nghiên cứu chúng mà.”

“Thật chẳng có ai chịu trách nhiệm về chúng nữa,” Susan vừa than vãn vừa đi theo một Blythe con hậm hực lên lầu. Và ý bà không muốn nói đến mấy con cóc.

Bọn nhò gặp may hơn với chim cổ đỏ. Chúng tìm được chú lớn hơn chim non một chút, trên ngưỡng cửa sau một đêm tháng Sáu mưa gió bão bùng. Chú có cái lưng xám với ngực lốm đốm và mắt sáng, và ngay từ đầu dường như chú đã hoàn toàn tin cậy cả nhà Bên Ánh Lửa, thậm chí không trừ Tôm, kẻ chưa bao giờ thử chọc phá chú, ngay cả khi chim cổ đỏ tíu tít nhảy lên đĩa của nó mà xin vài miếng. Ban đầu bọn trẻ cho chú ăn sâu và chú xơi ngon miệng đến mức Shirley dành hầu hết thời gian để đào sâu. Cậu đựng sâu trong mấy cái lon rồi để quanh nhà, làm Susan thấy rất gớm, nhưng vì chim cổ đỏ bà chịu hơn thế cũng được, chú dạn dĩ bước lên ngón tay chai sần của bà và chiêm chiếp vào mặt bà. Susan mê chú chim cổ đỏ như điều đồ và nghĩ thật đáng để nhắc trong một lá thư gửi cho Rebecca Dew rằng ngực chú bắt đầu ngả sang màu đỏ hung tuyệt đẹp.

“Tôi xin cô đừng nghĩ rằng trí tuệ tôi đang sút kém đi, cô Dew thân yêu,” bà viết. “Tôi cho rằng yêu thích một con chim đến vậy thì thật ngớ ngẩn nhưng trái tim con người cũng có những điểm yếu chứ. Nó không bị cầm tù như chim yến... điều tôi chưa bao giờ chịu được, cô Dew thân yêu ạ... mà tha hồ đi khắp trong nhà ngoài vườn và ngủ trong một cái vòm cạnh bụi học của Walter tít trên cây táo nhìn vào cửa sổ phòng Rilla. Có lần khi bọn nhò đưa nó vào Vùng Lòng Chảo, nó vỗ cánh bay mất nhưng đến chiều hôm lại quay về khiến chúng mừng rơn, và tôi phải hết sức thật lòng góp vào niềm vui của mình.”

Vùng Lòng Chảo không còn là “Vùng Lòng Chảo” nữa. Walter đã bắt đầu cảm thấy rằng một địa điểm thú vị như vậy xứng đáng có cái tên phù hợp hơn với những khả năng phiêu lưu mà nó mời gọi. Một chiều mưa nọ bọn nhò phải chơi trên gác xép,

nhưng đến cuối giờ chiều mặt trời lại rạng rỡ chiếu khắp Glen. “Ồ, nhìn cầu vồng óng ánh kia!” Rilla kêu lên, bao giờ cô bé cũng nói với cái giọng hơi ngọng nghịu dễ thương như thế.

Đó là cầu vồng trắng lợt nhất chúng từng được thấy. Một đầu hồ như tựa ngay trên chóp nhà thờ Giáo hội Trưởng lão còn đầu kia buông xuống góc ao lau sậy ở đầu trên thung lũng. Và thế là ngay tức thì Walter nghĩ ra cái tên thung lũng Cầu Vồng.

Tự thung lũng Cầu Vồng đã là một thế giới đối với trẻ con nhà Bên Ánh Lửa. Những ngọn gió nhẹ vi vu không ngừng còn chim chóc ca vang từ sáng đến tối. Bạch dương trắng lấp lánh khắp nơi và từ một thân cây... Tiểu Thu Áo Trắng... Walter tưởng tượng đêm đêm có một nữ thần rừng bé nhỏ bước ra trò chuyện với chúng. Một cây thích và một cây vân sam, mọc gần nhau đến mức cành đan vào nhau, cậu đặt tên là “Cây Tình Nhân” và sợi chuông xe trượt tuyết cũ cậu treo trên đó tạo nên tiếng chuông chùm thánh thót tuyệt trần theo mỗi đợt gió lay. Một con rồng canh giữ cây cầu bằng đá chúng xây bắc qua con suối. Cành cây giao nhau bên trên cầu hẳn là những tên dị giáo ngấm đen tíc tíc còn rêu xanh lục dọc hai bờ là thảm tử Samarkand, không tấm thảm nào sánh bằng. Robin Hood và những người đi theo lần khuất tứ bề; ba tiên nữ ngụ trong dòng suối; ngôi nhà cũ bỏ hoang của gia đình Barclay ở đầu Glen, có cái rãnh cỏ mọc và khu vườn cây ca rum mọc um tùm, dễ dàng biến thành tòa lâu đài bị bao vây. Lưỡi gươm Thập tự quân từ lâu đã gỉ nhưng con dao thái thịt của Bên Ánh Lửa là lưỡi dao được trui rèn trong xứ thần tiên, và mỗi khi Susan thiếu mất nắp chảo rán thì bà biết nó đang được dùng làm tấm khiên che cho một hiệp sĩ bị bắn sáng chói giữa cuộc phiêu lưu cao cả đang quỳ trong Thung Lũng Cầu Vồng.

Có lúc chúng cũng chơi trò hải tặc, để chiều lòng Jem, lên mười cậu đã bắt đầu thích vẽ máu me trong các trò tiêu khiển, nhưng Walter lại luôn chùn bước khi đi trên ván, trong khi Jem thấy đây mới là phần trình diễn hay nhất. Đôi lúc cậu băn khoăn không biết Walter có thật đủ cứng cáp để làm cướp biển không, dù cậu thủy chung giấu kín ý nghĩ ấy và không chỉ một lần bày trận chiến thắng bọn con trai trong trường gọi Walter là “Blythe Èo Lả”... hay đã gọi cho đến khi biết ra làm vậy là đồng nghĩa với một cuộc ẩu đả với thằng Jem có những nắm đấm cực kỳ đáng hãi.

Giờ thì thỉnh thoảng Jem đã được phép xuống Cửa Vịnh vào buổi chiều để mua cá. Cậu thích được sai làm việc này lắm, vì mỗi lần như thế cậu lại được ngồi trong buồng lái của thuyền trưởng Malachi Russell dưới chân đồng cỏ gần cảng, rồi lắng nghe thuyền trưởng Malachi cùng các bạn nói chuyện, từng là những thuyền trưởng trẻ trung bất chấp, dặt chuyện. Ai cũng có chuyện để kể và chuyện kể cứ đi vòng vòng hết từ người này sang người khác. Oliver Reese già... người ta ngờ thời trai trẻ quả thật là hải tặc... bị vua một bộ lạc ăn thịt người bắt làm tù binh... Sam Elliott đã trải qua trận động đất San Francisco... “William Gan Li” Macdougall có một cuộc vật lộn ghê gớm với cá mập...

Andy Baker bị kẹt trong vôi rồng. Andy khẳng định mình còn biết nhổ nước miếng thẳng hơn bất cứ ai ở Bốn Làn Gió. Thuyền trưởng Malachi mũi khoằm, cằm mỏng, ria mép điểm bạc lờm chờm, là người Jem thích nhất. Mới mười bảy tuổi ông đã làm thuyền trưởng một tàu hai cột buồm, chờ hàng hóa là gỗ xẻ đến Buenos Aires. Hai bên má ông có hình xăm mỏ neo và ông có một chiếc đồng hồ đeo tay cổ tuyệt vời lên dây cót bằng chìa khóa. Khi dễ tính ông sẽ để Jem lên dây còn khi cực kỳ dễ tính thì ông sẽ dẫn Jem đi câu cá tuyết hay đào trai lúc thủy triều xuống, và khi dễ tính nhất ông sẽ cho Jem xem nhiều mô hình tàu ông đeo gọt. Jem nghĩ chúng đã là cuộc phiêu lưu. Trong số đó có một tàu cướp biển, cánh buồm kẻ sọc hình vuông và trước mũi có con rồng đáng sợ... rồi thuyền buồm của Columbus... tàu Mayflower... tàu có đáng thon gọi là Người Hà Lan Bay... rồi bao nhiêu là tàu hai cột buồm, thuyền buồm dọc, thuyền ba cột buồm, thuyền cao tốc, tàu chở gỗ.

“Bác dạy cháu đeo tàu như thế nhé, thuyền trưởng Malachi?” Jem nài nỉ.

Thuyền trưởng Malachi lắc đầu và trầm ngâm khắc vào vịnh.

“Không dạy mà biết được đâu, nhóc. Cháu phải đi tàu trên đại dương ba bốn mươi năm rồi mới có đủ hiểu biết về tàu để đeo... hiểu và yêu. Tàu giống như đàn bà vậy, nhóc... phải hiểu và yêu họ nếu không họ không bao giờ thổ lộ những điều thầm kín đâu. Và ngay cả khi ta tưởng đã biết rành từ mũi tàu đến đuôi tàu, từ trong ra ngoài, thì vẫn thấy nàng chơi với ta như bạn bè thôi mà khép kín cõi lòng với ta. Nàng sẽ bỏ ta bay đi như một con chim nếu ta buông tay. Có một con tàu bác đã đi mà bác chưa bao giờ chuốt được mô hình, lần nào thử cũng vậy. Nàng đúng là một con tàu khó lay chuyển, cứng đầu. Và có một người đàn bà... nhưng đó là lúc bác ăn nói bạo tợn trơ trẽn. Bác có một con tàu đã sẵn sàng để cho vào chai và bác sẽ tiết lộ cho cháu biết, nhóc ạ.”

Thế là Jem không được nghe gì thêm về “người đàn bà” mà cũng chẳng quan tâm, vì cậu không quan tâm đến phái yếu, ngoài mẹ và Susan. Họ không phải là “đàn bà”. Họ chỉ là mẹ và Susan mà thôi.

Khi Gyp chết Jem đã cảm thấy không bao giờ muốn có một con chó khác nữa; nhưng thời gian có những cách chữa lành thật lạ lùng. Jem lại bắt đầu cảm thấy thích nuôi chó. Chú cún lông đen hồi nào không hẳn là chó... chú chỉ là một sự tình cờ. Jem có cả một đoàn chó điều hành quanh tường trong góc riêng trên căn gác mái nơi cậu cất giữ bộ sưu tập vật lạ của thuyền trưởng Jim... chó cất trong các tạp chí... một chú chó lớn tai cụp thật quý tộc... một con chó bun cầm nòng đẹp đẽ... một chú chó Đức trông như bị ai kéo đầu kéo đuôi ra như sợi dây chun... và một chú chó xù đã cạo lông còn núp tua ở mút đuôi... một chú chó sục cáo... một chú chó chuyên săn sói của Nga... Jem thắc mắc chó săn sói của Nga có bao giờ có gì để ăn không... một chú Pom hoạt bát...

một chú chó đốm... một chú spaniel có đôi mắt thật hấp dẫn. Tất cả đều hảo hạng nhưng trong mắt Jem thấy đều thiếu thiếu cái gì đó... cậu chỉ không biết là gì thôi.

Thế rồi trên tờ Nhật báo Doanh nghiệp đăng mẩu rao vặt “Bán chó. Hỏi Roddy Crawford, Cửa Vĩnh.” Chỉ vậy thôi Jem không biết vì sao mẩu rao vặt cứ bám riết lấy tâm trí cậu và tại sao cậu cảm thấy nơi mẩu tin vẫn tất ấy một nỗi buồn nào đó. Nhờ Craig Russell cậu biết được Roddy Crawford là ai.

“Một tháng trước bố Roddy mất nên nó phải lên thị trấn sống với dì. Mẹ nó mất nhiều năm rồi. Rồi Jake Millison mua lại trang trại. Nhưng căn nhà sắp bị đập bỏ. Có lẽ dì nó sẽ không cho nó giữ con chó đâu. Con chó đó chẳng hay ho gì nhưng Roddy vẫn cứ tưởng nó ghê gớm lắm ấy.”

“Không biết nó muốn bán con chó bao nhiêu nì. Tao chỉ có một đô la thôi,” Jem nói.

“Chắc điều nó muốn nhất là một mái nhà từ tế cho con chó,” Craig nói.

“Nhưng bố mày sẽ cho mày tiền mua mà, đúng không?”

“Phải. Nhưng tao muốn mua một con chó bằng tiền của mình,” Jem nói.

“Lúc ấy sẽ có cảm giác như là chó của tao hơn.”

Craig nhún vai. Bọn trẻ nhà Bên Ánh Lửa đó thật ngộ. Ai trả tiền mua một con chó già thì có gì quan trọng đâu?

Chiều hôm ấy bố chở Jem xuống trang trại Crawford cũ kỹ nghèo nàn, mục nát thì thấy Roddy Crawford cùng con chó của cậu. Roddy là một cậu bé trạc tuổi Jem... một cậu bé xanh xao, tóc thẳng màu nâu đỏ và cả xù tàn nhang; chú chó của cậu có hai tai nâu mịn màng, mũi nâu đuôi nâu và đôi mắt nâu dịu đẹp chưa từng thấy. Khoảnh khắc Jem thấy chú chó thân yêu đó, với một sọc trắng chạy dọc trán tách ra làm đôi giữa hai mắt rồi viền quanh cái mũi, cậu đã biết rằng mình phải có chú.

“Mày muốn bán con chó hả?” cậu hỏi hăm hờ.

“Tao không muốn bán nó,” Roddy nói buồn thiu. “Nhưng Jake nói tao phải bán đi nếu không ông ta trấn nước nó. Ông ta nói dì Vinnie sẽ không chịu nuôi chó trong nhà.”

“Mày muốn bán nó bao nhiêu?” Jem hỏi, sợ rằng sẽ nghe nêu một cái giá cao đến

không mua được.

Roddy hơi một cái rở to. Cậu đưa con chó ra.

“Đây, lấy nó đi,” cậu bé nói giọng khào khào. “Tao không bán nó đâu... tao không bán đâu. Tiền không bao giờ mua được Bruno. Nếu mày cho nó một mái nhà từ tể... và đối tốt với nó...”

“Ồ, tao sẽ đối tốt với nó mà,” Jem sốt sắng nói. “Nhưng mày phải lấy đồng đô la của tao. Nếu mày không nhận tao sẽ không cảm thấy nó là chó của tao. Nếu mày không lấy thì tao không nhận nó đâu.”

Cậu nhét đồng đô la vào bàn tay miễn cưỡng của Roddy... cậu bồng Bruno và ôm ghì chú vào ngực. Chú chó nhỏ quay lại nhìn chủ. Jem không thấy mất chú nhưng thấy ánh mắt Roddy.

“Nếu mày muốn nó quá...”

“Tao muốn nó nhưng không được nuôi nó,” Roddy gắt. “Ở đây đã có năm người muốn có nó nhưng tao sẽ không để ai trong số họ nuôi nó đâu... Jake điên lắm nhưng tao không quan tâm. Họ không phù hợp. Còn mày... tao muốn mày nuôi nó vì tao không nuôi được... đem nó khuất mắt tao nhanh đi!”

Jem nghe lời. Con chó nhỏ run rẩy trong vòng tay cậu nhưng không phản đối. Jem ôm chú triu mến suốt quãng đường về lại Bên Ánh Lửa.

“Bố ơi, làm sao Adam biết một con chó là chó hả bố?”

“Vi chó thì không thể là gì ngoài chó,” bố cười toe. “Đúng không nào?”

Đêm đó Jem há hức quá nên cứ trần trọc mãi. Cậu chưa gặp chú chó nào mà cậu mê như Bruno. Thảo nào Roddy không muốn phải chia tay với chú. Nhưng Bruno sẽ sớm quên Roddy và yêu quý cậu. Hai đứa sẽ là bạn thân. Cậu phải nhớ xin mẹ dặn chú hàng thịt gửi xương tới mới được.

“Con yêu thương tất cả mọi người và mọi thứ trên đời,” Jem nói. “Chúa ơi, xin hãy ban phúc lành cho mọi con mèo con chó trên thế giới nhưng nhất là Bruno.”

Cuối cùng Jem cũng ngủ thiếp đi. Có lẽ chú chó nhỏ nằm dưới chân giường kê mồm lên bàn tay chìa ra của cậu cũng ngủ; mà cũng có thể không.

Chương 24

Chim cổ đỏ đã thôi không sống chỉ nhờ sâu mà còn ăn cơm, bắp, rau diếp và hạt cây sen cạn. Chú trở nên rất mập mạp... “con chim cổ đỏ to đùng” ở Bên Ánh Lửa đang dần nổi tiếng khắp vùng... còn ngực chú đã chuyển sang màu đỏ đẹp tuyệt. Chú thường đậu trên vai Susan nhìn bà đan lát. Chú vẫn bay ra đón Anne khi cô đi đâu về và lịch chích nhảy vào nhà trước cô: mỗi sáng chú đến bên bậu cửa sổ phòng Walter tìm vụn bánh. Hằng ngày chú tắm trong cái chậu nơi góc có hàng giậu tầm xuân ở sân sau, và thường làm âm cả lên nếu không thấy nước trong đó. Bác sĩ kêu ca là bút và diêm của anh lúc nào cũng rải khắp thư viện, nhưng không thấy ai đồng cảm với mình, rồi ngay cả anh cũng nhượng bộ khi một ngày nọ chim cổ đỏ không biết sợ đậu trên bàn tay anh để nhặt một hạt hoa. Ai cũng mê tí chim cổ đỏ... có lẽ trừ Jem, lòng dạ đã dành cả cho Bruno và dần dần nhưng hoàn toàn chắc chắn học được bài học cay đắng... rằng ta có thể mua thân xác một con chó nhưng không thể mua tình cảm của nó.

Mới đầu Jem không nghĩ ngờ gì điều này. Dĩ nhiên Bruno sẽ hơi nhớ nhà và thấy lẻ loi một thời gian, nhưng chuyện đó sẽ sớm vơi đi. Nhưng rồi Jem thấy nó chẳng vơi đi gì cả. Bruno là chú chó nhỏ biết vâng lời nhất đời; chú làm y lời và đến cả Susan cũng phải thừa nhận rằng không thể tìm đâu con vật nào cư xử đáng hoàng hơn. Nhưng trông chú không có sức sống. Mỗi khi Jem dẫn Bruno ra ngoài chơi thì mới đầu mắt chú long lanh, đuôi ve vẩy và chú vênh vang chạy đi. Nhưng một lúc sau thì ánh lung linh trong mắt sẽ không còn và chú ngoan ngoãn lóc cóc chạy bên Jem, đầu gục xuống. Lòng tốt của mọi người tới tấp dồn cho chú... những miếng xương có thịt thà và tùy nhiều nhất đều dành cho chú tùy nghi... không hề phản đối chú ngủ dưới chân giường Jem đêm đêm. Nhưng Bruno vẫn là một người lạ xa cách... khó gần. Đôi khi giữa đêm Jem thức giấc thò tay xuống vỗ vỗ thân hình bé nhỏ cứng cáp; nhưng không bao giờ thấy chú liềm lưỡi đáp lại hay đập đuôi. Bruno để cho vuốt ve nhưng không đáp lại.

Jem nghiêng rằng. Có rất nhiều quyết tâm trong con người James Matthew Blythe, cậu sẽ không chịu thua một chú chó đâu. Chó của cậu mà cậu mua một cách công bằng trung thực bằng số tiền khó khăn lắm mới dành dụm được từ tiền quả. Bruno sẽ phải vượt qua chuyện nhớ nhung Roddy... phải bỏ cái kiểu nhìn ta bằng cặp mắt thương tâm của một sinh vật lạc lõng... phải học cách yêu thương cậu.

Jem phải đứng lên bên vực Bruno, vì mấy thằng khác trong trường, ngờ vực tình yêu của cậu dành cho chú chó, luôn cổ “chọc” cậu.

“Chó của mày có bọ chết... bọ chết Siêu Bự,” Perry Reese ghẹo. Jem phải tần cho một trận toi bời thì Perry mới chịu rút lời mà nói Bruno không có lấy một con bọ chết, không một con nào.

“Con cún của tao mỗi tuần nổi khùng một lần,” Rob Russell khoe khoang. “Tao cá con chó già của mày cả đời không bao giờ biết nổi điên. Tao mà có con chó như vậy thì tao sẽ cho nó qua máy xay thịt.”

“Nhà tao từng có một con như vậy,” Mike Drew nói, “nên nhà tao trấn nước nó chết rồi.”

“Chó của tao tuyệt kinh,” Sam Warren hãnh diện nói. “Nó cắn chết gà rồi đến ngày giết là thì nhai hết quần áo. Cá là con chó già của mày không đủ can đảm làm vậy đâu”

Jem buồn bã thú nhận với lòng mình, nếu không phải với Sam, rằng Bruno không đủ can đảm. Cậu gần như mong là chú có. Và thật nhức nhối khi Watty Flagg kêu lên, “Chó mày ngoan thật... không bao giờ sủa ngày Chủ nhật,” vì làm gì có ngày nào Bruno sủa đâu.

Nhưng bất chấp tất cả những điều đó thì chú vẫn là một chú chó nhỏ thân thương, đáng yêu.

“Bruno, sao mày không thương tao?” Jem gần như nức nở. “Chẳng có gì mà tao không làm cho mày được... ta có thể cùng vui về thể mà.” Nhưng cậu không chịu thừa nhận thất bại với ai cả.

Một buổi chiều Jem từ buổi nướng trai dưới Cửa Vịnh vội chạy về vì cậu biết sắp có bão. Biển than van thể kia mà. Đất trời có một vẻ hung hiểm, hoang vắng. Một vệt sét dài xé toạc bầu trời khi Jem chạy nhào vào Bên Ánh Lửa.

“Bruno đâu rồi?” cậu gào lên.

Đó là lần đầu tiên cậu đi đâu mà không có Bruno. Cậu đã nghĩ đi bộ rất lâu tới Cửa Vịnh thì sẽ quá sức đối với một chú chó nhỏ. Jem không chịu thừa nhận với mình là đi bộ hồi lâu như vậy cùng một chú chó không có lòng dạ nào thì cũng hơi quá mức đối với cậu nữa.

Hóa ra không ai biết Bruno đâu cả. Từ sau bữa tối lúc Jem đi không ai thấy chú. Jem tìm khắp nơi nhưng vẫn chẳng thấy chú đâu. Mưa trút xuống như thác lũ, thế gian ngập trong ánh chớp. Phải chăng Bruno ra ngoài đêm đen đó... rồi bị lạc? Bruno sợ sấm sét. Những lần duy nhất chú có vẻ gần gũi tình cảm với Jem là lúc trườn lại gần cậu mỗi khi bầu trời xé toạc từng mảnh.

Jem lo đến mức khi bão dịu đi thì Gilbert nói:

“Dù sao bố cũng phải xuống Cửa Vịnh xem Roy Westcott sao rồi. Con có thể đi cùng, Jem à, rồi trên đường về ta sẽ đánh xe lại chỗ nhà Crawford cũ. Bố nghĩ Bruno về lại đó rồi.”

“Chục cây số sao? Nó không bao giờ làm thế đâu!” Jem nói.

Nhưng chú đã làm như vậy. Khi họ tới ngôi nhà cũ bị bỏ hoang tối om không đèn dóm của Crawford thì một sinh vật nhỏ bé bồm xồm run cầm cập đang cuộn tròn lè loi trên bậc cửa ướt, nhìn họ bằng cặp mắt mệt mỏi, bồn chồn. Chú không phản đối khi Jem bồng chú lên rồi bước qua đám cỏ rồi bời, ngập đến đầu gối mang chú ra xe ngựa.

Jem sung sướng vô cùng. Trăng lùa qua bầu trời mới nhanh làm sao trong lúc từng đám mây lướt ngang! Khi họ đánh xe dọc con đường, rừng ướt mưa dậy hương thơm ngát! Một thế giới biết bao tươi đẹp!

“Con nghĩ sau chuyện này Bruno sẽ vui vẻ ở lại Bên Ánh Lửa, bố à.”

“Có lẽ,” bố cậu chỉ nói thế. Anh ghét làm cậu cụt hứng nhưng anh ngờ rằng trái tim của một chú chó nhỏ cuối cùng đã tan vỡ sau khi mất đi mái nhà cuối cùng.

Bruno chưa từng ăn nhiều nhưng sau đêm đó thì chú ăn ngày một ít hơn. Rồi đến một ngày chú chẳng ăn gì cả. Bác sĩ thú y được mời đến nhưng không thấy có gì bất ổn.

“Theo kinh nghiệm thì tôi từng biết có con chó chết vì buồn và tôi nghĩ đây là một con nữa,” ông nói riêng với bác sĩ.

Ông để lại một liều “thuốc bổ” mà Bruno ngoan ngoãn uống rồi nằm xuống lại, đầu gối lên hai bàn chân trước nhìn ngầy vào khoảng không. Jem đứng nhìn chú một hồi lâu, hai tay đút túi quần, rồi cậu vào thư viện để nói chuyện với bố.

Hôm sau Gilbert lại vào thị trấn, dò hỏi rồi đưa Roddy Crawford về Bên Ánh Lửa. Khi Roddy bước lên mấy bậc thềm thì Bruno, từ phòng khách nghe tiếng bước chân của chủ bèn ngược đầu dòng tai lên. Tiếp theo đó thân hình gầy rạc bé nhỏ phóng qua thảm về phía cậu bé mắt nâu xanh xao.

“Cô bác sĩ thân yêu à,” đêm đó Susan nói giọng điệu kinh sợ, “con chó nó khóc... nó khóc đấy. Nước mắt lăn xuống mũi thật đấy. Cô không tin thì tôi cũng không trách được. Nếu không chính mắt nhìn thấy thì tôi cũng chẳng bao giờ tin.”

Roddy ôm Bruno vào ngực rồi nhìn Jem nửa như thách thức, nửa như van nài.

“Mây mưa nó rồi, tao biết... nhưng nó thuộc về tao. Jake gạt tao. Di Vinnie nói đi không ngại chó gì cả, nhưng tao nghĩ tao không được đòi lại. Đồng đô la của mây đây... tao chưa hề động đến một xu... tao không làm thế được.”

Jem chỉ lưỡng lự một giây. Rồi cậu nhìn thấy mắt Bruno. “Minh đúng là đồ heo con!” cậu thấy khinh ghét bản thân. Cậu cầm lấy đồng đô la.

Chợt Roddy nhoen cười. Nụ cười làm biến đổi hoàn toàn gương mặt ủ dột nhưng thẳng bẻ chỉ nói được hai tiếng cộc lốc, “Cám ơn.”

Tối hôm ấy Roddy ngủ lại với Jem, một Bruno no nê nằm dài giữa hai đứa. Nhưng trước khi đi ngủ Roddy quỳ xuống cầu nguyện và Bruno ngồi xồm trên hai chân sau cạnh cậu bé, hai bàn chân trước để lên giường. Nếu có bao giờ chó cầu nguyện thì lúc ấy Bruno đã cầu nguyện... một lời cầu nguyện tạ ơn và niềm vui có lại trong đời.

Khi Roddy đem đồ ăn đến thì Bruno hăm hờ ăn, một mắt cứ canh chừng Roddy. Chú nhanh nhẩu phóng theo Jem và Roddy khi chúng xuống Glen. “Chưa từng thấy con chó nào tươi vui như thế,” Susan tuyên bố.

Nhưng chiều hôm sau, khi Roddy và Bruno về rồi, Jem ngồi trên bậc thềm cửa hông lúc chạng vạng một hồi lâu. Cậu không chịu đi tìm kho báu hải tặc trong thùng lũng Cầu Vòng với Walter... Jem cảm thấy mình không còn bạo dạn và oai phong lắm liệc nữa. Cậu thậm chí còn không chịu nhìn Tôm vòng lưng lên trong khóm bạc hà, quắt đuôi như một con sư tử núi dữ dẫn khom mình chực phóng. Mèo Bên Ánh Lửa việc gì mà cứ sung sướng trong khi chó thì tan nát cõi lòng!

Cậu thậm chí còn hăm hè với Rilla khi cô bé đưa cậu con voi nhung xanh. Vòi nhưng khi mà Bruno đi rồi ư! Nan cũng phải chịu hình phạt giáng xuống khi tới đề nghị hai đứa cùng nhau nói thầm những gì mình nghĩ về Chúa.

“Mây không nghĩ là tao đang trách Chúa vì chuyện này hả?” Jem lạnh lùng nói. “Mây không có ý niệm cân xứng gì cả, Nan Blythe.”

Nan quay đi lòng tan nát dù cô bé không hiểu tí gì về điều Jem vừa nói, rồi Jem quắc mắt nhìn hoàng hôn như đám than hồng âm ỉ. Chó sủa khắp Glen. Nhà Jenkin ở cuối đường đang gọi chó về... tất cả thay phiên nhau gọi. Ai ai, ngay cả nhà Jenkin, cũng có một con chó... ai cũng có trừ cậu. Cuộc đời như hoang mạc trải dài ra trước mặt cậu vì ở đó sẽ không có con chó nào cả.

Anne đến ngồi trên bậc thềm thấp hơn, cẩn thận không nhìn cậu. Jem cảm nhận

được sự đồng cảm của mẹ.

“Mẹ ơi,” cậu nói giọng nghẹn ngào, “sao Bruno không thương con được khi con thương nó nhiều đến vậy? Con... mẹ có nghĩ con là kiểu con trai mà chó không ưa không?”

“Không phải đâu, con yêu. Hãy nhớ Gyp đã yêu thương con biết chừng nào. Chỉ vì Bruno có quá nhiều tình cảm để trao... mà nó đã trao hết rồi. Có những con chó như vậy... chó chỉ của một người.”

“Nhưng dù sao Bruno và Roddy cũng vui rồi,” Jem nói với vẻ hài lòng ủ rũ và nghiêng qua hôn lên đỉnh đầu dợn sóng của mẹ. “Nhưng con sẽ không bao giờ nuôi con chó nào nữa.”

Anne nghĩ chuyện này rồi sẽ qua; khi Gyppy chết cậu bé cũng đã cảm thấy thế. Nhưng không. Sự quyết tâm đã ăn sâu tận đáy lòng Jem. Ở Bên Ánh Lửa các chú chó rồi sẽ đến và đi... những chú chó ấy thuộc về cả gia đình và là những chú chó dễ thương mà Jem vuốt ve chơi đùa như những người khác. Nhưng sẽ không có “chó của Jem” cho đến ngày một “Chú Cún Thú Hai” nào đó sẽ chiếm được tình cảm của cậu và yêu thương cậu hết lòng vượt cả tình yêu của Bruno... một sự tận tụy sẽ làm nên lịch sử ở Glen. Nhưng chuyện đó thì hãy còn nhiều năm nữa; nên đêm đó một cậu bé rất đổi lè loi trèo lên giường Jem.

“Ước gì mình là con gái,” cậu nghĩ mông lung, “thế thì mình sẽ được khóc hoài khóc mãi!”

Nan và Di sửa soạn đến trường. Hai đứa đã bắt đầu đi học tuần trước hồi tháng Tám.

“Có phải đến đêm thì ta sẽ biết hết mọi thứ không hả mẹ?” buổi sáng đầu tiên Di nghiêm trang hỏi.

Giờ thì đã là đầu tháng Chín, Anne và Susan đã quen với việc bọn nhỏ đi học, thậm chí còn thích thú ngắm cảnh sáng sáng hai đứa bé cất bước đến trường, bé xiu vô tư lự và tươi tắn nghĩ đi học một như cuộc phiêu lưu thôi. Bao giờ hai đứa cũng mang theo một trái táo trong giỏ cho cô giáo và mặc đầm dài vải bông kẻ xếp nếp xanh lam và hồng. Vì hai cô bé trông không giống nhau tí nào nên không bao giờ mặc như nhau. Diana, có mái tóc đỏ, không thể mặc màu hồng, nhưng Nan thì hợp, trong hai đứa sinh đôi Bên Ánh Lửa thì cô bé xinh hơn hẳn. Cô bé có đôi mắt nâu, tóc nâu và nước da dễ thương mà dù chỉ mới lên bảy cô đã hoàn toàn ý thức được rồi. Trong cách ăn mặc của cô bé đã có vẻ nổi bật. Cô bé ngẩng cao đầu kiêu hãnh, cái cằm nhỏ ngộ nghĩnh hơi dễ nhận thấy một chút, vì vậy mà đã bị cho là khá “kiêu”.

“Nó sẽ học được mọi mảnh khoe và đáng điệu của mẹ nó,” bà Alec Davies nói. “Nếu bà hỏi thì tôi sẽ nói là con bé đã biết làm duyên làm dáng rồi đấy.”

Cặp song sinh không giống nhau về nhiều điểm khác chứ không chỉ là về bề ngoài. Di, dù ngoại hình giống mẹ, nhưng rất giống đứa con của cha, về thể chất và phẩm chất. Cô đã chớm có khuynh hướng thực tiễn, lương tri thông thường, khiếu hài hước lung linh của anh. Nan thừa hưởng trọn khiếu tưởng tượng của mẹ và đã làm cho đời sống của riêng mình thú vị theo một cách rất riêng. Chẳng hạn, hè này cô bé đã rất hứng thú được thương lượng với Chúa, ý chính là, “Nếu Ngài làm điều này điều kia thì con sẽ làm chuyện này chuyện nọ.”

Từ nhỏ trẻ con Bên Ánh Lửa đã được dạy những bài cầu nguyện kinh điển quen thuộc, “Con sẽ nằm xuống ngủ”... rồi đến “Cha của chúng con”... rồi được khuyến khích có cả những thỉnh nguyện riêng bằng ngôn ngữ nào tùy ý. Khó mà biết cái gì đã gieo trong Nan ý niệm rằng có thể giục Chúa ban cho những điều cầu xin bằng cách hứa sẽ cư xử tử tế hay chứng tỏ tính kiên cường. Có lẽ một cô dạy lớp giáo lý khá trẻ và xinh đã là nguyên nhân gián tiếp bởi những khiển trách thường xuyên rằng nếu chúng không ngoan thì Chúa sẽ không làm điều này điều kia cho chúng. Thật dễ dàng đảo ngược ý niệm này mà đi đến kết luận rằng nếu ta thể này hay thể kia, làm này hay làm nọ, ta có quyền mong Chúa làm những gì ta muốn. Cuộc “thương lượng” đầu tiên của Nan hồi mùa xuân thành công đến mức vượt xa một số thất bại nên cô bé cứ tiếp tục như thế suốt mùa hè. Không ai biết chuyện đó ngay cả Di. Nan ôm chặt bí mật và đã

bắt đầu cầu nguyện vào những thời khắc và nơi chốn khác nhau, thay vì chỉ buổi tối. Di không đồng tình với chuyện này và đã nói ra.

“Đừng làm Chúa với mọi thứ,” cô bé nghiêm khắc nói với Nan. “Chỉ khiến Ngài trở nên quá tầm thường.”

Anne nghe thấy vậy bèn quở trách cô bé, cô nói, “Chúa ở trong mọi thứ, con yêu. Ngài là người bạn bao giờ cũng gần bên để cho ta sức mạnh và lòng can đảm. Nên Nan hoàn toàn đúng khi cầu xin Ngài ở đâu tùy ý chị.” Dù, nếu Anne biết sự thật về những lời cầu nguyện của cô con gái nhỏ thì cô sẽ khá kinh hoàng.

Một đêm tháng Năm Nan nói, “Chúa kính mến, nếu Ngài làm cho rằng con mọc kín trước tiệc của Amy Taylor tuần tới con sẽ uống hết mọi liều dầu thảo dầu bà Susan đưa mà không làm mình làm mảy chút nào.”

Ngày hôm sau cái răng xuất hiện - thiếu nó làm cái miệng xinh xinh của Nan có một khoảng trống khó coi và chuyện này đã kéo dài lâu rồi - và đến ngày có tiệc thì đã mọc kín. Ta còn muốn dấu hiệu nào chắc chắn hơn nữa? Nan trung thực tuân thủ thỏa thuận về phía mình nên sau đó Susan vui mừng kinh ngạc mỗi khi phát dầu thảo dầu. Nan uống mà không nhăn mặt hay phản đối, dù thỉnh thoảng cô bé ước lẽ ra mình nên đặt ra một giới hạn thời gian... trong ba tháng chẳng hạn.

Không phải bao giờ Chúa cũng đáp lời. Nhưng khi cô bé cầu xin Ngài gửi cho mình một chiếc cúc áo đặc biệt để thêm vào xâu cúc áo - phong trào sưu tầm cúc áo đã bùng nổ lan tràn trong đám nữ sinh ở Glen như bệnh sốt - cam đoan với Ngài rằng nếu Ngài thực hiện thì cô sẽ không bao giờ làm mình làm mảy khi Susan dọn đĩa mẹ cho mình... ngay ngày hôm sau chiếc cúc áo xuất hiện, Susan tìm thấy trên cái áo đầm cũ ở gác mái. Một bộ cúc áo màu đỏ đẹp có kim cương li ti, hay cái mà Nan tin là kim cương. Cô bé bị tất cả ganh tị vì mấy cái cúc áo trang nhã đó và tối hôm ấy khi Di không chịu cái đĩa mẹ thì Nan nghiêm trang nói, “Đưa nó cho cháu, bà Susan ơi. Từ giờ cứ để cháu dùng nó luôn cho.” Susan tưởng cô bé vị tha tuyệt vời nên mới nói thế. Trong khi đó thì Nan cảm thấy tự mãn trong bụng và cả ngoài mặt nữa. Cô bé có một ngày đẹp trời trong buổi dã ngoại của lớp giáo lý, khi mà đêm trước ai cũng tiên đoán sẽ có mưa, bằng cách hứa sáng sẽ tự đánh răng mà không cần ai nhắc. Chiếc nhẫn cô bé làm mất đã tìm lại được với điều kiện cô giữ móng tay sạch tinh, còn khi Walter truyền lại bức hình thiên thần bay bấy lâu nay Nan vẫn khao khát, từ đó về sau đến giờ ăn tối cô không kêu ca mà ăn luôn mỡ lẫn trong nạc.

Tuy vậy, khi cô bé xin Chúa làm cho con gấu bông tã tơi và vịu trề lại và hứa giữ ngăn hộc tủ của mình ngăn nắp, thì có gì đó giáng một trở ngại bất ngờ. Gấu bông không trề lại dù mỗi sáng Nan nóng lòng trông chờ phép lạ và ước gì Chúa nhanh tay

lên. Cuối cùng cô bé đành cam chịu tuổi của gấu. Suy cho cùng thì chú là một con gấu già từ tể còn giữ cho cái học tù đó gần nắp thì khó kinh khủng. Khi bố đem về cho cô một con gấu bông mới, cô bé không thật bụng thích nó, và dù lương tâm bé nhỏ hết sức ái ngại, vẫn quyết định là cô không cần phải cố gắng gì đặc biệt cho cái học tù. Niềm tin trở lại khi cô bé cầu xin cho bên mắt mắt tiêu của con mèo bằng sứ trở lại, sáng hôm sau con mắt đã được đặt vào chỗ cũ dù có hơi lệch, làm con mèo như bị lè. Khi quét nhà Susan đã bắt gặp nên dùng keo dán vào nhưng Nan không biết chuyện này nên vui vẻ thực hiện lời hứa là bò quanh nhà kho mười bốn lần. Bò quanh nhà kho mười bốn lần có ích lợi gì thì ngoài Nan ra không Chúa hay ai khác dừng lại mà ngẫm. Nhưng cô bé ghét làm chuyện đó... bọn con trai cứ muốn cô với Di giả làm con thú nào đó trong thung lũng Cầu Vòng... nhưng có lẽ trong đầu óc mới chớm của cô bé có một ý nghĩ mơ hồ nào đó là ăn năn sám hối biết đâu sẽ làm hài lòng Đấng Bí ẩn, người có quyền ban phát hay thu hồi tùy ý. Dù sao thì mùa hè ấy cô bé cũng đã nghĩ ra vài trò đại đột kỳ quái, khiến Susan thường xuyên thắc mắc chẳng hiểu bọn trẻ lấy đâu ra những ý niệm như vậy nữa.

“Cô bác sĩ thân yêu, theo cô thì tại sao Nan phải đi quanh phòng khách mỗi ngày hai lần mà không bước trên sàn nhà?”

“Không bước trên sàn nhà! Làm sao nó làm được, Susan?”

“Bằng cách nhảy từ bàn này sang ghế khác, kể cả tấm chăn lò sưởi. Hôm qua con bé trượt chân ngã chúi mũi vào thùng đựng than. Cô bác sĩ thân yêu, cô có nghĩ con bé cần một liều thuốc xô không?”

Niên lịch Bên Ánh Lửa bao giờ cũng nhắc đến năm ấy là năm bố suýt bị viêm phổi còn mẹ thì bị thật. Một đêm, Anne vốn đã nhiễm cảm lạnh khủng khiếp rồi, cùng Gilbert đi dự một bữa tiệc ở Charlottetown... mặc chiếc váy mới rất hợp và đeo chuỗi hạt trai của Jem. Cô đóng bộ trông đẹp đến mức bọn trẻ vào gặp trước khi cô đi đưa nào cũng nghĩ thật tuyệt vời khi có một người mẹ khiến ta tự hào như thế.

“Thật là một chiếc váy lót xinh đẹp sang trọng quá chừng,” Nan thở dài. “Lớn lên con có được mặc váy lót bóng giống vậy không, mẹ?”

“Bố không chắc đến lúc đó con gái còn mặc váy lót,” bố nói. “Anne này, anh sẽ đổi ý mà công nhận rằng chiếc váy đó đẹp lộng lẫy dù anh không ủng hộ đám hạt xê quin ấy. Nào, đừng cố quyến rũ tôi, cô kia. Tôi đã trao cho cô mọi lời khen ngợi tối nay tôi định khen rồi. Hãy nhớ câu hôm nay ta đọc thấy trong Tạp chí Y khoa... ‘Sự sống chỉ là hóa học hữu cơ cân bằng một cách tinh tế,’ nên hãy để nó làm ta khiêm tốn và nhã nhặn. Xê quin, đúng là! Váy lót vải bóng, quả là. Chúng ta chỉ là ‘một chuỗi nguyên tử ngẫu nhiên’. Tiến sĩ Von Bemburg nổi tiếng nói vậy mà.”

“Đừng trích lời cái ông Vôn Bemburg khủng khiếp đó với Jem. Hẳn ông ta bị táo bón kinh niên. Ông ta có thể là chuỗi nguyên tử đấy, nhưng em thì không đâu.”

Vài ngày sau Anne là “chuỗi nguyên tử” bị bệnh nặng còn Gilbert là chuỗi nguyên tử lo sợ khủng khiếp. Susan đi quanh trông lo âu phờ phạc, còn cô y tá chuyên nghiệp đến rồi đi mặt mày lo lắng, và một cái bóng không tên bỗng sà xuống rồi lan ra và tối sầm lại ở Bên Ánh Lửa. Bọn trẻ không được cho biết về tình trạng bệnh trầm trọng của mẹ và ngay cả Jem cũng không nhận thức đầy đủ. Nhưng đứa nào cũng cảm thấy cái lạnh lẽo và nỗi sợ nên đi khê và không vui. Chỉ lần này thôi rừng thích vắng tiếng cười và thung lũng Cầu Vòng không trò chơi. Nhưng điều tệ hại nhất trong tất cả là chúng không được phép gặp mẹ. Không có mẹ tươi cười đón chúng về, không có mẹ nhẹ nhàng vào hôn chúc ngủ ngon, không có mẹ vỗ về cảm thông thấu hiểu, không có mẹ cười trước những trò đùa... chưa bao giờ có ai cười như mẹ. Còn tệ hơn nhiều so với khi mẹ đi vắng vì khi ấy ta biết mẹ sẽ về... còn giờ thì ta... không biết gì cả. Không ai nói cho ta biết gì... họ cứ lảng tránh ta.

Nan đi học về tái xanh vì điều Amy Taylor đã nói với cô bé.

“Bà Susan ơi, mẹ... mẹ sẽ không... mẹ không chết phải không, bà Susan?”

“Dĩ nhiên là không,” Susan nói, nhanh nhẩu và liến thoắng quá mức cần thiết. Hai bàn tay bà run run khi rót cho Nan cốc sữa. “Ai nói với cháu vậy?”

“Amy. Nó nói... ôi bà Susan ơi, nó nói chắc mẹ sẽ là thi hài xinh đẹp lắm!”

“Cháu đừng bao giờ để ý những gì nó nói, cháu cưng ạ! Nhà Taylor ai cũng có cái lưỡi không xương. Mẹ may mắn của cháu bệnh khá nặng nhưng mẹ sẽ vượt qua và cháu cứ tin chắc điều đó. Chẳng lẽ cháu không biết cha cháu đang chèo chống con thuyền sao?”

“Chúa sẽ không để mẹ chết đâu, đúng không Susan?” Walter môi tái ngắt hỏi, nhìn bà chăm chăm với vẻ trầm trọng đến mức Susan khó mà thốt lên những lời nói dối dễ dàng. Bà hết sức sợ đó là nói dối. Susan đang hết sức kinh hoàng. Chiều hôm ấy cô y tá đã lắc đầu. Cậu bác sĩ không chịu xuống ăn tối.

“Minh nghĩ Chúa toàn năng biết Ngài định làm gì,” Susan lẩm bẩm khi rửa bát đĩa bữa tối... rồi làm vỡ mất ba cái nhưng lần đầu tiên trong cuộc đời đôn hậu, dung dị bà nghi ngờ điều đó.

Nan buồn bã tha thân quanh nhà. Bố đang ngồi ôm đầu bên bàn thư viện. Cô y tá vào

và Nan nghe cô nói cô nghĩ rằng đêm đó cuộc khủng hoảng sẽ tới.

“Khủng hoảng là gì?” cô bé hỏi Di.

“Em nghĩ là cái con bướm vừa thoát xác ra,” Di thận trọng nói. “Ta hỏi Jem xem.”

Jem biết, và nói cho chúng nghe rồi lên lầu nhốt mình trong phòng. Walter đã biến đầu mắt... cậu nằm úp mặt dưới chân Tiểu Thư Áo Trắng trong thung lũng Cầu Vòng... còn Susan đã đưa Shirley với Rilla đi ngủ. Nan một mình đi ra ngồi xuống mấy bậc thềm. Trong căn nhà sau lưng cô bé là cảnh im ắng xa lạ khủng khiếp. Trước mặt cô bé là làng Glen rực rỡ nắng chiều, nhưng con đường đỏ dài bụi mờ và cô rập mình ngoài mấy cánh đồng cạnh cánh cháy trắng lóa trong khô hạn. Đã nhiều tuần rồi trời không mưa nên hoa héo rũ trong vườn... những bông hoa mẹ yêu thích.

Nan nghĩ lung lăm. Nếu có lúc nào phải thương lượng với Chúa thì chắc hẳn là lúc này. Cô bé hứa làm gì nếu Ngài phù hộ cho mẹ khỏe lại đây? Phải là cái gì đó ghê gớm... cái gì đó cho xứng công Ngài. Nan nhớ có một hôm Dicky Drew nói với Stanley Reese ở trường, “Tớ thách cậu sau nửa đêm đi trong nghĩa trang đấy.” Lúc ấy Nan rùng mình. Ai mà đêm hôm đi khắp bãi tha ma cho được... ai mà làm được dù chỉ mới nghĩ đến thôi? Chuyện Nan sợ nghĩa trang là điều không ai ở Bên Ánh Lửa nghi ngờ. Có lần Amy Taylor bảo con bé là trong đó đầy người chết... “mà không phải lúc nào họ cũng nằm chết đâu,” Amy nói đầy vẻ bí ẩn. Giữa ban ngày ban mặt mà Nan còn khó mà buộc mình đi ngang qua đó nữa là.

Xa xa cây cối trên một ngọn đồi vàng rực mù sương như chạm đến cả bầu trời. Nan vẫn nghĩ nếu cô bé lên được ngọn đồi đó thì cũng sẽ chạm tới trời. Chúa sống chỉ ngay bên kia thôi... ở đó Ngài nghe ta được rõ hơn. Nhưng cô không lên tới ngọn đồi đó được... cô phải cố hết sức mình ở Bên Ánh Lửa này thôi.

Cô bé chấp hai bàn tay rám nắng nhỏ bé và ngược khuôn mặt lấm lem nước mắt lên nhìn trời.

“Chúa thương mến,” cô bé thì thầm, “nếu Ngài làm cho mẹ khỏe lại thì con sẽ đi khắp nghĩa trang sau nửa đêm. Ôi Chúa mến thương, xin hãy làm ơn, làm ơn đi. Nếu Ngài làm việc này thì rất rất lâu sau con sẽ không làm phiền ngài nữa đâu.”

Chương 26

Sự sống, chứ không phải cái chết, đã đến Bên Ánh Lửa vào giờ khắc ma quái nhất trong đêm. Bầy trẻ, cuối cùng cũng đã ngủ, ngay cả trong giấc ngủ hằn cũng cảm thấy Cái Bóng đã rút lui âm thầm và nhanh chóng như khi đến. Vì khi chúng tỉnh dậy, thấy ngày âm u vì cơn mưa được trông đợi, thì trong mắt chúng lại có nắng. Một Susan đã trẻ ra mười tuổi hầu như chẳng cần báo tin vui cho chúng. Khủng hoảng đã qua và mẹ sẽ sống.

Hôm ấy là thứ Bảy nên không phải đi học. Bọn trẻ không được ra ngoài... dù chúng thích được ra ngoài trời mưa. Cơn mưa rào này là quá mức đối với chúng... và ở trong nhà chúng phải rất im lặng. Nhưng chúng chưa bao giờ cảm thấy sung sướng hơn. Bố, gần như cả tuần rồi chưa ngủ, thả mình trên chiếc giường trong phòng dành cho khách và ngủ vùi một giấc triền miên... nhưng chỉ khi đã gửi tin nhắn đường dài đến một ngôi nhà có mái xanh ở Avonlea nơi hai người đàn bà lớn tuổi đang run rẩy mỗi lần điện thoại reo.

Susan, gần đây chẳng lòng dạ đâu nghĩ đến món tráng miệng, đã chế biến thứ “bánh xộp cam” lỏng lẻo cho bữa trưa, bà hứa sẽ làm bánh cuộn nhân mứt cho bữa tối, và nướng gấp đôi mẻ bánh quy. Chim cổ đỏ kêu chiêm chiếp khắp nhà. Mấy cái ghế trông như muốn nhảy nhót. Hoa trong vườn lại can đảm ngẩng mặt lên khi mặt đất khô đón mừng mưa. Còn Nan, giữa lúc đang sung sướng, vẫn cố đối mặt với hậu quả của cuộc điều đình với Chúa.

Cô bé không định cố tránh né, nhưng cứ khất lại, những mong có thêm chút can đảm để làm. Nghĩ về chuyện đó thôi “cũng đã làm máu cô bé đông cứng lại”, như Amy Taylor rất ưa nói. Susan biết hẳn đứa trẻ phải có tâm sự gì đó nên cho uống thầu dầu mãi mà thấy không có cái thiện rõ rệt nào. Nan lẳng lặng uống phần thuốc, dù cô bé không thể không nghĩ rằng từ sau lần thương lượng trước Susan đã cho mình uống thầu dầu thường xuyên hơn. Nhưng dầu thầu dầu đã là gì so với chuyện sau nửa đêm đi quanh bãi tha ma? Nan hoàn toàn không biết làm sao mình làm được chuyện đó. Nhưng cô bé phải làm.

Mẹ vẫn còn yếu đến mức không ai được gấp, ngoại trừ nhìn một cái thật nhanh. Mẹ còn trắng bệch và gầy nhom. Có phải là vì cô bé, Nan, không tuân thủ thỏa thuận?

“Ta phải cho mẹ thời gian chứ,” Susan nói.

Nan băn khoăn không hiểu ta có thể cho ai thời gian bằng cách nào. Nhưng cô bé biết vì sao mẹ không khỏe lại nhanh hơn. Nan nghiêng hàm răng như ngọc trai bé tí.

Mai lại là thứ Bảy và đêm mai cô bé sẽ thực hiện điều mình đã hứa.

Hôm sau trời lại mưa suốt từ sáng đến gần trưa nên Nan không thể không cảm thấy nhẹ nhõm. Nếu đêm nay trời mưa, không ai, ngay cả Chúa, có thể mong cô bé lang thang trong nghĩa trang. Đến trưa thì mưa tạnh nhưng lại có một đám sương mù lên tới bờ cảng rồi trùm phủ Glen, bao quanh Bên Ánh Lửa với vẻ ma thuật kỳ quái. Vậy nên Nan vẫn hy vọng. Nếu trời mù sương thì cô bé cũng đâu có đi được. Nhưng đến giờ ăn tối một ngọn gió nổi lên và cảnh vật mờ mịt trong sương mù biến mất.

“Tối nay không có trăng,” Susan nói.

“Ôi, Susan, bà không làm cho có trăng được sao?”

Nan kêu lên tuyệt vọng. Nếu cô bé buộc phải đi khắp nghĩa trang thì nhất định phải có trăng chứ.

“Tội nghiệp con bé, không ai làm ra trăng được cả?” Susan nói. “Bà chỉ muốn nói sắp có nhiều mây nên ta không thấy trăng được. Vậy chứ có trăng hay không có trăng thì với cháu cũng có gì khác nhau đâu?”

Đó đúng là điều Nan không thể giải thích nên Susan càng băn khoăn hơn. Nhất định là có gì đó làm đứa trẻ khổ sở rồi... cả tuần nay con bé cư xử rất kỳ lạ. Con bé ăn chưa được phân nửa rồi còn ủ rũ thẫn thờ. Có phải nó lo cho mẹ? Con bé đâu cần phải thế... cô bác sĩ thân yêu đang khỏe lên mà.

Đúng, nhưng Nan biết nếu cô bé không giữ lời hứa như đã thỏa thuận thì chẳng mấy chốc rồi mẹ sẽ không khỏe lên nữa. Đến hoàng hôn thì mấy đám mây cuộn đi và trăng lên. Nhưng một mặt trăng kỳ lạ quá... một mặt trăng to ơ là to, đồ ối. Nan chưa thấy trăng như vậy bao giờ. Nó làm cô bé sợ chết khiếp. Cô bé gần như muốn có bóng tối hơn.

Hai đứa sinh đôi đi ngủ lúc tám giờ và Nan phải chờ cho đến khi Di ngủ. Di cứ thong thả thôi. Cô bé cảm thấy buồn và vỡ mộng quá không ngủ ngay được. Sau giờ học, bạn thân của cô bé là Elsie Palmer đã đi về chung với một con bé khác nên Nan tin rằng cuộc đời với mình kể như đã hết. Chín giờ rồi Nan mới thấy an toàn để lên khỏi giường, cô bé mặc đồ mà mấy ngón tay run đến mức còn chẳng cài cúc áo được. Rồi cô bé rón rén xuống nhà và qua cửa hông ra ngoài trong khi Susan nhồi bột làm bánh trong bếp mà yên tâm nghĩ rằng mọi thứ dưới tay bà trông coi đều an toàn trên giường trừ bác sĩ tội nghiệp, đã bị gọi khẩn cấp đến một gia đình dưới Cửa Vịnh có đứa trẻ vừa nuốt chiếc đinh mũ.

Nan đi ra ngoài rồi xuống thung lũng Cầu Vòng. Cô bé phải đi đường tắt băng qua đó mà lên đồng cỏ trên đồi. Cô bé biết rằng người ta sẽ thắc mắc khi thấy cảnh một đứa sinh đôi nhà Bên Ánh Lửa tha thân giữa đường và đi qua làng và có thể ai đó sẽ một hai đôi đưa cô về nhà. Đêm cuối tháng Chín lạnh quá! Cô bé không nghĩ đến nên không mặc áo khoác. Thung lũng Cầu Vòng về đêm không phải là chốn tới lui thân thiện như ban ngày. Mặt trăng đã thu nhỏ lại thành kích thước vừa phải và không dò quạch nữa mà hắt những bóng đen hung hiểm. Nan vẫn luôn sợ bóng tối. Có phải bóng dương xỉ héo bên con suối kia là hai bàn chân có màng không?

Nan ngẩng cao đầu và hếch cằm lên. “Minh không sợ,” cô bé dũng cảm nói to lên. “Bụng mình cảm thấy hơi khó chịu thôi. Là anh hùng mà.”

Cái ý tưởng dễ chịu về việc là một nữ anh hùng đã đưa cô bé được nửa đường lên đồi. Rồi một cái bóng kỳ lạ quét qua thế gian... một đám mây lướt qua mặt trăng... khiến Nan nghĩ đến Chim. Có lần Amy Taylor kể cô nghe câu chuyện rừng rợn về một con Chim Đen Không Lỗ trong đêm sà xuống quắp ta đi. Có phải bóng con chim ấy vừa choàng qua đầu cô đó không? Nhưng mẹ nói không có Chim Đen Không Lỗ. “Minh không tin mẹ lại nói dối... ai chứ mẹ thì không đâu,” Nan nói... rồi đi tiếp cho đến khi tới bên hàng rào. Bên kia là con đường... và đối diện là nghĩa trang. Nan dừng lại thờ.

Một đám mây nữa che khuất mặt trăng. Bốn bề quanh cô bé là một vùng đất nào không rõ, kỳ ảo và xa lạ. “Ôi, thế giới rộng lớn quá!” Nan run cầm cập, nép sát vào hàng rào. Giá mà cô bé lại đang ở Bên Ánh Lửa! Nhưng... “Chúa đang theo dõi mình,” con bé con mới bảy tuổi đầu nói... rồi trèo lên hàng rào.

Cô bé ngã xuống bên kia, đầu gối trầy da và vấy đầm rách toạc. Khi đứng dậy được thì một cọng cỏ dài sắc đâm thủng dép cửa vào chân cô bé. Nhưng cô bé vẫn lết qua đường đến cổng nghĩa trang.

Nghĩa trang lâu đời nằm trong bóng rặng linh sam ở đầu phía Đông. Một bên là nhà thờ Hội Giám lý, bên kia là nhà của mục sư Giáo hội Trưởng lão, lúc này tối om và im lìm vì mục sư đi vắng. Trăng từ sau đám mây thỉnh linh soi xuống khiến nghĩa trang đầy những cái bóng... những cái bóng xê dịch và chập chờn... những cái bóng sẽ chộp lấy ta nếu ta giao mình cho chúng. Một tờ báo ai đó vắt đi bay thốc trên đường, như một mụ phù thủy già nhảy nhót và dù Nan biết đích xác đó là gì nhưng nó vẫn góp phần làm tăng thêm vẻ kỳ dị của đêm. Vút, vút, gió đêm thổi trong đám linh sam. Một chiếc lá dài trên cây liễu bên cổng chợt phát lên má cô bé như bàn tay yêu tình chạm vào. Trong giây lát tim cô bé đứng phắt... nhưng cô bé để tay lên then cổng.

Ngộ nhỡ một cánh tay dài ngoằng từ dưới nắm mở thò ra kéo ta xuống thì sao!

Nan quay lại. Giờ thì cô bé biết rằng, có hay không có vụ thương lượng kia thì cô cũng không bao giờ đi qua nghĩa trang đó vào ban đêm được. Tiếng rên rì rùng rợn bất chợt nghe đâu như ngay bên cô thôi. Chỉ là con bò già bà Ben Baker vẫn thả cho ăn cỏ trên đường đang từ sau một cụm vân sam đi tới. Nhưng Nan không chờ xem đó là tiếng gì. Trong cơn hoảng loạn không kiểm chế được cô bé băng băng xuống đồi, qua làng rồi chạy lên con đường dẫn đến Bên Ánh Lửa. Bên ngoài cổng cô bé cầm đầu phóng qua cái Rilla gọi là “dzũng bunn”. Nhưng nhà đầy rồi, ánh đèn dịu dàng tỏa rạng nơi mấy ô cửa sổ và lát sau cô bé đã loạng choạng vấp ngã vào bếp của Susan, bunn đất lấm lem, bàn chân ướt mềm, chảy máu.

“Trời!” Susan sững sờ nói.

“Cháu không đi qua nghĩa trang được đâu bà Susan ơi, cháu không làm được đâu!” Nan thở hắt hắt.

Đầu tiên Susan không hỏi gì. Bà bế bé Nan đang lạnh, quần trí lên rồi tháo dép và tắt ra cho cô bé. Bà cởi đồ, mặc váy ngủ cho cô bé rồi bồng bé vào giường. Rồi bà xuống nhà lấy một “chút đồ ăn vặt” cho cô. Không cần biết là đứa bé đang có chuyện gì, bà không thể để nó đi ngủ với cái bụng lép kẹp.

Nan ăn và nhấp cốc sữa nóng. Thật tuyệt làm sao khi về lại căn phòng ấm cúng sáng đèn, an toàn trên chiếc giường êm ái! Nhưng cô bé không chịu nói gì cho Susan về chuyện vừa xảy ra. “Đó là bí mật giữa cháu và Chúa, Susan à.” Susan đi ngủ, thề rằng khi nào cô bác sĩ thân yêu tinh táo khỏe mạnh lại thì bà mới hạnh phúc được.

“Tụi nó đang trở nên quá sức mình,” Susan thở dài vô vọng.

Giờ thì nhất định mẹ sẽ chết. Nan tỉnh dậy với niềm tin khủng khiếp đó trong đầu. Cô bé đã không giữ lời nên cũng không thể mong Chúa giữ lời. Tuần sau đó cõi đời thật đáng sợ đối với Nan. Cô bé không thể vui vẻ làm bất cứ việc gì, kể cả khi xem bà Susan xe sợi trên gác xếp... một việc cô vẫn luôn thấy thật lý thú. Cô sẽ không còn cười vui được nữa. Dù cô có làm gì đi nữa. Cô bé đem cho Shirley con chó mún cưa đã bị Ken Ford ngắt đứt tai và là thứ cô thương còn hơn cả chú gấu bông cũ... Nan luôn thích những thứ cũ kỹ... vì Shirley vẫn luôn muốn có nó, rồi cô bé cho Rilla cái nhà làm bằng vỏ sò quý báu mà thuyền trưởng Malachi đã đem từ tận Tây ấn về cho cô, hy vọng làm vậy sẽ khiến Chúa hài lòng; nhưng cô sợ sẽ không được, rồi khi con mèo con cô cho Amy Taylor vì Amy thích nó cứ một hai mò về lại thì Nan biết Chúa không bằng lòng. Ngoài việc đi khắp nghĩa trang ra, chẳng có gì làm Ngài vừa lòng cả; mà Nan bị ám ảnh tội nghiệp biết giờ thì mình sẽ không bao giờ làm được chuyện đó. Cô bé là đứa nhát gan và kẻ trốn tránh. Jem từng nói chỉ những kẻ trốn tránh mới có trốn không thực hiện thỏa thuận.

Anne đã được phép ngồi thẳng dậy trên giường. Cô gần như đã khỏe lại sau trận ốm. Cô sẽ sớm được chăm sóc căn nhà của mình như trước... đọc sách... nằm dựa thoải mái nơi mấy gối kê... ăn những gì cô thích... ngồi bên lò sưởi... nhìn ra vườn... gặp bạn bè... nghe những mẩu tin lượm lặt thú vị đón chào ngày mới rực rỡ như châu ngọc trên sợi dây chuyền của năm... lại được là một phần của đám rước cuộc sống muôn màu.

Cô ăn một bữa tối thật ngon lành... đùi cừu nhồi Susan làm chín tới. Thật thích khi lại cảm thấy đói. Cô nhìn tất cả những gì mình yêu mến quanh phòng. Cô phải may một tấm rèm mới... một tấm rèm với sắc màu ở giữa màu xanh non và vàng nhạt; và nhất định phải đặt mấy tủ để khăn mới trong phòng tắm. Rồi cô nhìn ra cửa sổ. Trong không khí như có phép lạ. Cô thấy màu xanh của bờ cảnh thấp thoáng qua rừng thích; cây bạch dương rủ cành trên bãi cỏ trông như một màn mưa vàng lắt phất rơi. Vòm trời bao la uốn cong trên một vùng đất trù phú thừa hưởng trọn mùa thu... một miền đất của những sắc màu không thể tin nổi, của ánh sáng dịu nhẹ và những cái bóng kéo dài. Chim cổ đỏ vẫn nghiêng mình ngầy ngất, trên đọt linh sam; bọn trẻ vừa hái táo trong vườn trái vừa cười vang.

Tiếng cười đã về với Bên Ánh Lửa. “Sự sống là thứ còn hơn cả hóa học hữu cơ cân bằng thực tế chứ,” cô sung sướng nghĩ.

Nan rón rén vào phòng, mắt mũi đỏ hoe vì khóc.

“Mẹ, con phải nói với mẹ... con không chờ được nữa. Mẹ, con đã gạt Chúa.”

Anne lại rung động vì cảm giác đụng chạm mịn màng của bàn tay bé con nhỏ xíu đang nắm lấy tay cô... một đứa trẻ đang mong cầu giúp đỡ, dễ dàng trong rắc rối nho nhỏ xót xa của nó. Cô lắng nghe Nan nức nở kể hết câu chuyện mà cố giữ mặt nghiêm. Anne luôn cố làm mặt nghiêm nghị khi cần, dù sau đó cô có cười nắc nẻ thế nào với Gilbert. Cô biết nỗi lo của Nan là có thật và đáng sợ đối với bé; cô cũng nhận ra rằng thần học của đứa trẻ này cần được lưu tâm.

“Con yêu, con hiểu lắm cả rồi. Chúa không thương lượng. Ngài cho... cho mà không đòi hỏi chúng ta đáp lại gì ngoài lòng yêu kính. Khi con xin bố hay mẹ cái gì con muốn, bố mẹ không thương lượng với con... mà Chúa thì mãi mãi tốt bụng hơn bố mẹ nhiều. Và Ngài biết nhiều hơn bố mẹ về việc nên ban phát điều gì.”

“Và Ngài sẽ không... mẹ ơi, Ngài không làm mẹ chết vì con không giữ lời hứa sao?”

“Tất nhiên là không rồi, con yêu.”

“Mẹ ơi, dù cho con hiểu sai về Chúa... con có nên giữ lời khi đã thương lượng không? Con đã nói con sẽ làm mà, mẹ biết không. Bố nói ta phải luôn giữ lời hứa. Nếu con không giữ lời con có bị nhục nhã suốt đời không?”

“Bao giờ mẹ khỏe hơn chút, con yêu ạ, một đêm nào đó mẹ sẽ đi với con... rồi đứng lại ngoài cổng... mẹ nghĩ chắc lúc đó con sẽ không sợ đi trong nghĩa trang đâu. Vậy thì lương tâm bé bỏng tội nghiệp của con sẽ nhẹ nhàng hơn. Rồi con sẽ không có những thỏa thuận ngốc nghếch.”

“Không ạ,” Nan hứa, với một cảm giác khá tiếc nuối là cô bé đang từ bỏ một thứ mà, dù có bao nhiêu trở ngại, vẫn thú vị đáng yêu. Nhưng ánh lung linh đã về lại trong mắt và một chút hăng hái ngày xưa lại về trong giọng cô bé.

“Con đi rửa mặt rồi quay lại hôn mẹ nhé, mẹ. Rồi con sẽ hái cho mẹ hết hoa máu rồng con tìm được. Không có mẹ thì đáng sợ quá, mẹ ơi.”

“Ôi, Susan,” Anne nói khi Susan đem bữa ăn tối vào, “cối trần gian tuyệt vời quá! Một thế gian đẹp để thú vị tuyệt vời phải không, Susan?”

“Tôi sẽ đi xa đến độ,” Susan thú nhận, nhớ lại hàng bánh nướng vừa bỏ lại trong kho lương thực, “nói rằng cối trần này cũng có thể chịu đựng được.”

Ở Bên Ánh Lửa tháng Mười năm ấy là tháng hạnh phúc vô cùng, đầy những ngày ta cảm thấy như mình phải chạy nhảy rồi hát hò rồi huyết sáo. Mẹ đã khỏe lại, không chịu để đối xử như người dưỡng bệnh nữa, có những dự tính cho vườn tược, cười lại... Jem vẫn nghĩ mẹ có giọng cười rất đẹp dễ, vui tươi... và trả lời không biết bao nhiêu là câu hỏi. “Mẹ ơi, từ đây đến hoàng hôn là bao xa?... Mẹ ơi, sao ta không gom ánh trăng tràn lênh láng được?... Mẹ ơi, có thật vào ngày Halloween linh hồn người chết về lại không?... Mẹ ơi, cái gì gây ra nguyên nhân?... Mẹ ơi, tà mình bị rắn chuông cắn chết còn hơn là hổ đúng không, vì hổ sẽ làm ta rối trí rồi ăn thịt?... Mẹ ơi, nơi kín gió nghĩa là gì?... Mẹ ơi, có đúng góa phụ là người đàn bà có giấc mơ thành sự thật không? Wally Taylor nói câu ấy là một góa phụ... Mẹ ơi, khi trời mưa to thì lũ chim non làm gì?... Mẹ ơi, nhà mình có thật là một gia đình vô cùng mơ mộng không?”

Câu hỏi cuối là của Jem, ở trường cậu nghe bọn bạn đồn là bà Alec Davies nói vậy. Jem không thích bà Alec Davies, vì cứ mỗi lần gặp cậu đi với mẹ hay với bố thì bà đều hươu hươu ngón trò dài về cậu và hỏi, “Ở trường Jemmy có ngoan không?” Jemmy! Có lẽ họ cũng hơi mơ mộng thật đấy. Susan hẳn đã nghĩ vậy khi phát hiện lối đi lót ván đến nhà kho được trang hoàng thật phung phí những vệt sơn đỏ thắm. “Bọn cháu phải sơn thế cho trò trận giá, Susan à,” Jem giải thích. “Nó tượng trưng cho máu đỏ.”

Ban đêm có thể sẽ có đàn ngỗng trời bay qua một mặt trăng đỏ ối và mỗi khi thấy chúng Jem thầm ao ước được bay đi cùng... đến những bến bờ xa lạ rồi đem về nào khi... báo... vệt... những thứ đại loại thế... rồi thám hiểm Spanish Main^[1].

[1]. Phần lục địa châu Mỹ bao quanh vùng biển Caribe và vịnh Mexico.

Với Jem thì một số thuật ngữ, như “Spanish Main” chẳng hạn, bao giờ nghe cũng có vẻ mời gọi khó cưỡng nổi... “những bí ẩn của đại dương” là một thuật ngữ khác. Bị quần trong những vòng xoắn chết người của măng xà và giao chiến với một con tê giác bị thương, thầy đều nằm trong công việc hằng ngày của Jem. Còn từ “rồng” thì làm cậu hồi hộp ghê gớm. Bức tranh cậu ưa thích nhất, dán trên tường dưới chân giường cậu, là hình một hiệp sĩ mặc áo giáp cưỡi con ngựa trắng mập mập đẹp dễ đứng trên hai chân sau trong khi kỵ sĩ cầm giáo đâm con rồng có cái đuôi lộng lẫy đầy những cuộn những vòng lướt thướt đằng sau, kết liễu nó bằng một cái cắn. Phía sau một tiểu thư mặc váy hồng điểm nhiên thanh thân quý hai bàn tay chấp lại. Không còn nghi ngờ gì là thiếu nữ trông rất giống Maybelle Reese mà đây đó khắp trường Glen mấy cái liếc nhìn ưu ái chín tuổi đầu vẫn dành cho. Ngay cả Susan cũng nhận ra vẻ giống nhau và chọc Jem mặt đỏ lựng về chuyện đó. Nhưng con rồng thì quả là hơi thất vọng... nó trông thật nhỏ bé vô nghĩa dưới con ngựa cao lớn. Đám nó thì dường như không có gì đáng cảm

đặc biệt cả. Nhưng con rồng mà Jem cứu Maybelle thoát khỏi trong những giấc mơ thâm kín thì ra đáng rồng hơn nhiều. Hôm thứ Hai tuần rồi cậu đã cứu cô bé khỏi con ngỗng đực của Sarah Palmer. Biết đâu đấy... à, từ “biết đâu đấy” nghe thật là hay!... cô bé đã nhận ra vẻ kiêu mạn của cậu khi cậu chộp cái cổ như rắn của sinh vật kêu quang quác kia rồi liệng nó qua hàng rào. Nhưng không hiểu sao một con ngỗng đực còn lâu mới lẳng mạn bằng rồng.

Tháng Mười ấy đầy gió... gió nhỏ lao xao trong thung lũng còn gió lớn thì quật trên mấy đợt cây thích... gió hú dọc bờ cát nhưng khi đến dãy núi đá thì lom khom nấp... khom mình nấp rồi nhảy vọt ra. Đêm, cùng những vầng trăng đỏ ối ngái ngủ, đủ lạnh để ý nghĩ về một cái giường ấm trở nên dễ chịu, mấy bụi việt quất ngả màu đỏ tươi, dương xỉ úa màu nâu đỏ sẫm, mấy cây sơn chấy héo sau nhà kho những đồng cỏ xanh nằm đây đó như mảnh vá trên mấy cánh đồng đã gặt hái ở Bắc Glen, còn trong góc vãn sam trên bãi cỏ, cúc đại đóa vàng và nâu đỏ nở rộ. Có bầy sóc riu rít vui vẻ khắp nơi và để kéo vĩ cầm cho những vũ điệu thần tiên trên cả ngàn ngọn đồi. Có táo để hái, cà rốt để đào. Đôi khi bọn con trai đi đào “vỏ sò” cùng thuyền trưởng Malachi khi mấy “con nước” bí ẩn cho phép... thủy triều vào vuốt ve đất liền nhưng rồi lại lùi về biển sâu. Mùi những đám lửa đốt lá khắp Glen, một đụn bí đỏ to trong kho, và Susan đã làm những chiếc bánh nam việt quất đầu tiên.

Bên Ánh Lửa rộn tiếng cười từ bình minh cho tới hoàng hôn. Ngay cả khi mấy đứa lớn hơn đi học thì Shirley và Rilla giờ cũng đã đủ lớn để duy trì truyền thống tiếng cười. Ngay cả Gilbert mùa thu này cũng cười nhiều hơn bình thường. “Mình thích một ông bố biết cười,” Jem ngẫm nghĩ. Bác sĩ Bronson ở Mowbray Narrows không cười bao giờ. Người ta nói ông gây dựng sự nghiệp chỉ thuần bằng cái vẻ trí tuệ nghiêm nghị; nhưng cách bố hành nghề còn hay hơn nữa và khi người ta không cười nổi trước một câu đùa của bố thì chắc hẳn họ đã bị bệnh nặng lắm rồi.

Những ngày trời ấm Anne bận tíu tít trong vườn, uống lấy sắc màu như rượu mà nâng cuối ngày rót trên đám cây thích đỏ thắm, say sưa nổi “buồn thắm thía của vẻ đẹp qua nhanh”. Một buổi chiều khói xám vàng óng ả cô và Jem uơm hết mấy bầu uất kim hương, nó sẽ hồi sinh những bông hoa hồng đỏ tím vàng trong tháng Sáu. “Chuẩn bị cho mùa xuân khi biết mình phải đối mặt mùa đông thú vị nhì, Jem?” “Làm đẹp khu vườn cũng thú vị nữa,” Jem nói. “Bà Susan nói chính Chúa là người làm cho khuôn vật đẹp để nhưng ta có thể phụ Ngài một tay, phải không mẹ?”

“Luôn là thế... luôn là thế, Jem ạ. Ngài san sẻ cái đặc quyền ấy với chúng ta.”

Tuy vậy, không có gì mãi hoài toàn hảo. Người nhà Bên Ánh Lửa đang lo vì chú chim cổ đỏ. Nghe nói khi bầy chim cổ đỏ đi thì chú cũng sẽ muốn theo.

“Cứ nhốt nó lại cho đến khi mấy con kia đi cả rồi và trời có tuyết,” thuyền trưởng Malachi khuyên. “Bấy giờ đã gần như nó sẽ quên rồi mọi chuyện sẽ đầu vào đấy cho đến mùa xuân.”

Thế là chim cổ đỏ trở thành một kiểu tù nhân. Chú đâm đứng ngồi không yên. Chú bay tha thần quanh nhà hay đậu trên bậu cửa sổ băng khuâng nhìn ra chúng bạn đang lục tục sửa soạn đi theo tiếng gọi huyền bí nào ai biết. Chú chẳng thiết ăn nữa và ngay cả sâu và mấy quả hạnh ngon lành nhất của Susan cũng không hấp dẫn được chú. Bọn trẻ chỉ ra cho chú thấy mọi hiểm nguy chú có thể chạm trán... lạnh, đói, lẻ bạn, bão, đêm đen, mèo. Nhưng chim cổ đỏ đã cảm thấy hay nghe thấy những lời hiệu triệu và toàn bản thể trong chú khát khao đáp lời.

Susan là người cuối cùng nhượng bộ. Suốt nhiều ngày bà rất ủ ê. Nhưng cuối cùng, “Thả cho nó đi đi,” bà nói. “Giữ nó là trái tự nhiên.”

Một ngày cuối tháng Mười chúng thả cho chú bay đi, sau khi đã nhốt chú cả tháng trời. Bọn trẻ khóc lóc hôn từ biệt chú. Chú hồ hởi bay vút lên, sáng hôm sau quay lại bậu cửa phòng Susan lấy vụn bánh và rồi sải cánh cho một chuyến bay thật dài. “Chắc đến mùa xuân nó lại về với mình thôi, con yêu,” Anne nói với Rilla đang thẫn thức. Nhưng Rilla vẫn không thấy người ngoại.

“Dzậy thì lâu quá,” cô bé nức nở.

Anne mỉm cười rồi thở dài. Bốn mùa mà đối với Rilla dường như rất lâu lại đang bắt đầu trôi quá nhanh đối với cô. Một mùa hè nữa đã qua, tàn dần vì màu vàng bất tử của những ngọn đuốc dương Lombardy. Chẳng mấy chốc... rất nhanh thôi... bây trẻ Bên Ánh Lửa sẽ không còn trẻ con nữa. Nhưng chúng vẫn là của cô... để mỗi chiều tối cô đón mừng chúng về... để cô dong đầy đời sống bằng những điều kỳ lạ và niềm vui... để cô yêu thương và khuyến khích và qở mắng... một chút. Vì đôi khi chúng cũng rất hư, dù chúng không đáng bị bà Alec Davies gọi là “bọn quỷ Bên Ánh Lửa đó” khi nghe nói Bertie Shakespeare Drew bị cháy sém một tí lúc đóng vai thổ dân da đỏ bị thiêu trên cọc trong thung lũng Cầu Vòng. Phải một lúc lâu hơn dự tính Jem và Walter mới cời trời được cho nó. Hai đứa cũng bị sém một chút mà nào có ai thương chúng đâu.

Năm ấy tháng Mười một là tháng muộn phiền... một tháng gió đông và sương mù. Có những ngày chỉ độc mỗi sương mù lạnh lẽo cuốn qua hay trôi trên biển xám bên kia cồn cát ngậm. Đám bạch dương run rẩy buông những chiếc lá cuối cùng. Khu vườn đã úa tàn và mọi sắc màu tính cách đều cạn khô trừ luống măng tây, vẫn là một tính cách đều cạn khô trừ luống măng tây, vẫn là một rừng nhiệt đới vàng ươm quyến rũ. Walter phải bỏ góc học trên cây thích mà học bài trong nhà. Trời mưa... cứ mưa... rồi lại mưa. “Có khi nào đất trời khô ráo lại không vậy?” Di rền rĩ chán chường. Rồi có một tuần

đắm trong sức quyến rũ của nắng thu muộn, vào những buổi chiều tối lạnh se sắt mẹ sẽ đưa que diêm lên nhóm bùng lò sưởi và Susan sẽ nướng khoai tây cho bữa tối.

Những chiều tối ấy lò sưởi lớn là trung tâm của gia đình. Sau bữa tối họ quây quần quanh lò sưởi và đó sẽ là sự kiện đặc biệt trong ngày. Anne khâu vá và dự trữ một ít áo quần cho mùa đông... “Nan phải có một váy đỏ, vì cô bé rất cương quyết phải có”... thỉnh thoảng cô nghĩ về Hannah, năm nào cũng đan chiếc áo khoác nhỏ cho Samuel bé bỏng... Bao thế kỷ qua các bà mẹ vẫn luôn như thế. Một tình chị em cao cả trong tình yêu và phụng sự... người được và không được nhớ đến cũng như nhau.

Susan nghe bọn trẻ đánh vần rồi cả bọn được vui chơi tùy thích. Walter, sống trong thế giới những điều tưởng tượng và giấc mơ tuyệt đẹp, mãi mê viết một loạt thư từ chú sóc chuột sống trong thung lũng Cầu Vòng gửi cho cậu sóc chuột sống đằng sau nhà kho. Khi cậu đọc cho Susan nghe thì bà vờ như chế giễu, nhưng bà âm thầm chép lại mà gửi cho Rebecca Dew.

“Tôi thấy mấy cái này đọc cũng hay hay, cô Dew thân mến ạ, dù có thể cô sẽ thấy chúng quá nhỏ nhặt không cần để tâm đến. Nếu vậy tôi biết cô sẽ thứ lỗi cho một bà già lắm cảm vì đem nó ra làm phiền cô. Ở trường thằng bé được xem là rất thông minh và ít nhất mấy tác phẩm này cũng không phải thơ. Tôi có thể nói thêm rằng tuần trước bé Jem được chín mươi chín điểm cho bài kiểm tra số học và không ai hiểu vì sao điểm kia bị trừ đi. Có lẽ tôi không nên nói vậy, cô Dew thân yêu, nhưng tôi tin chắc rằng đứa trẻ này sinh ra để trở thành vĩ nhân. Có lẽ chúng ta không còn sống để thấy điều đó nhưng có thể cậu bé sẽ trở thành thủ tướng Canada.”

Tôm sưởi ấm trong quang sáng từ lò sưởi còn cô mèo con Pussywillow của Nan, luôn khiến ta nghĩ đến một tiêu thư tuyết trắng tảo nhả nào đó mặc đồ đen và bạc, thì trèo lên đùi mọi người không thiên vị riêng ai. “Hai con mèo, vậy mà chuột sục sạo khắp trong phòng đồ ăn,” là dấu ngoặc đơn bất bình của Susan. Bọn trẻ cùng trò chuyện về những cuộc phiêu lưu nho nhỏ còn tiếng than van của đại dương xa xa vọng qua đêm thu lạnh.

Thỉnh thoảng cô Cornelia ghé chơi một lúc khi chồng cô đang bàn chuyện trong tiệm Carter Flag. Bọn trẻ sẽ đóng hai tai dài lên nghe lén, vì bao giờ cô Cornelia cũng có những mẩu tin mới nhất nên chúng luôn được nghe những điều thú vị nhất về mọi người. Sẽ rất vui khi Chủ nhật tới ngồi trong nhà thờ nhìn người được nói đến, khoái trá nhảm nháp cái điều ta biết về họ, dù bề ngoài họ nghiêm nghị và đứng đắn là thế.

“Trời, sao nhà cháu trong này ẩm cúng quá, Anne cưng. Đêm nay rét buốt thật mà tuyết lại bắt đầu rơi. Cậu bác sĩ đi rồi à?”

“Vâng. Cháu ghét thấy anh ấy đi... nhưng đằng Cửa Vịnh họ gọi nói bà Brooker Shaw cứ một hai phải gặp anh ấy.” Anne nói, trong khi Susan nhanh nhẩu lên lút nhút đi miếng xương cá to trên thảm lò sưởi Tôm tha vào, mong sao cô Cornelia không để ý thấy.

“Bà ta chẳng bệnh hoạn gì hơn tôi đâu!” Susan nói chua cay. “Nhưng tôi nghe kể bà ta có chiếc váy ngủ ren mới nên chắc là muốn cậu bác sĩ thấy mình mặc. Váy ngủ ren cơ đấy!”

“Cô con gái Leona mua từ Boston về cho bà ta đấy. Con bé về chiều thứ Sáu, cùng bốn rương đồ,” cô Cornelia nói. “Tôi còn nhớ chín năm trước con bé lên đường đi nước ngoài. Đó là khi con bé cảm thấy buồn vì bị Phil Turner phụ bạc. Con bé cố giấu nhưng ai cũng biết. Giờ con bé trở về chăm sóc mẹ, nó nói thế. Con bé sẽ cố tán tỉnh cậu bác sĩ cho xem, ta báo cho cháu biết trước đấy, Anne cưng. Nhưng ta nghĩ chuyện đó sẽ chẳng ăn thua gì với cậu ấy, dù cậu ấy là đàn ông. Và lại cháu đâu có như phu nhân bác sĩ Bronson ở Mowbray Narrows. Cô ta rất hay ghen với các bệnh nhân nữ của chồng, ta nghe nói vậy.”

“Mấy nữ y tá chuyên nghiệp nữa chứ,” Susan nói.

“Thì đấy, một số nữ y tá chuyên nghiệp ấy quá xinh so với công việc,” cô Cornelia nói. “Giờ thì có Janie Arthur; con bé nghỉ giữa các ca và cố giữ cho hai anh chàng của mình không biết gì về nhau.”

“Con bé đó cũng xinh đấy, nhưng giờ nó cũng đâu còn trẻ trung gì nữa,” Susan nói dứt khoát, “nó nên chọn rồi yên bề đi thì tốt hơn nhiều. Nhìn đi Eudora của nó xem... cô ta nói chưa định cưới để còn bông đùa đã, rồi nhìn kết quả đấy. Vậy mà cứ thấy đàn ông là cô ta cố tán tỉnh dù chỉ ít cũng bốn mươi lăm tuổi đầu rồi. Khi mắc phải một thói quen rồi thì sẽ thế đấy. Cô bác sĩ thân yêu, cô nghe cô ta nói gì với cô em họ Fanny khi cô em họ đi lấy chồng chưa? ‘Cô đang lấy đồ thừa của tôi,’ cô ta nói thế đấy. Nghe kể đã có một trận đụng độ dữ dội và từ đó họ không nói chuyện với nhau nữa.”

“Sống chết gì cũng nằm trong quyền năng của cái lưỡi cả thôi,” Anne lơ đãng lẩm nhẩm.

“Nói đúng quá, cưng à. Nhân nói chuyện đó, ta ước ông Stanley khôn ngoan hơn một chút trong mấy bài giáo lý. Ông ta xúc phạm Wallace Young nên Wallace định bỏ nhà thờ. Ai cũng nói bài giáo Chủ nhật vừa rồi là dành cho Wallace.”

“Khi mục sư giảng một bài trúng một cá nhân cụ thể nào đó thì mọi người cứ tưởng nhắm vào chính người đó,” Anne nói. “Một cái mũ cũ thì thế nào chả vừa đầu ai đó,

nhưng đâu có nghĩa nó được may cho anh ta.”

“Nghe có lý đấy,” Susan tán thành. “Mà tôi cũng không ưa gì Wallace Young. Ba năm trước ông ta cho một hãng vẽ quảng cáo trên đàn bà của mình. Tôi thấy vậy thì hà tiện thái quá.”

“Ông em David của ông ta cuối cùng cũng sắp lấy vợ rồi đấy,” cô Cornelia nói. “Lâu nay hấn vẫn tính xem thế nào thì rẻ hơn - cưới hay thuê người làm. ‘Không có đàn bà thì tôi cũng trông coi nhà cửa được nhưng nó sẽ rơi vào tình trạng khó khăn, Cornelia ạ,’ có lần hấn nói với tôi sau khi bà mẹ qua đời. Tôi nghĩ hấn đang ướm ý nhưng hấn không nhận được khích lệ nào từ tôi cả. Nên cuối cùng hấn sắp cưới Jessie King.”

“Jessie King! Vậy mà tôi tưởng hấn đang tán tỉnh Mary North chứ.”

“Hấn nói sẽ không cưới đàn bà ăn cái bắp. Nhưng nghe đâu hấn cầu hôn thì bị chị ta bạt tai cho. Còn nghe đồn Jessie King nói là chị ta thích có một ông chồng dễ coi hơn nhưng nếu là hấn thì cũng đành. Chao ơi, tất nhiên với một số người thì méo mó có hơn không mà.”

“Bà Marshall Elliott này, tôi nghĩ thiên hạ trong vùng đó không nói được phân nửa những gì người ta đồn thổi rằng họ nói đâu,” Susan trách. “Tôi nghĩ Jessie King sẽ thành người vợ tốt cho David Young hơn những gì xứng với hấn nhiều... dù nhìn bề ngoài mà nói thì tôi sẽ công nhận trông hấn cứ như bị thủy triều cuốn.”

“Cô có biết Alden và Stella sinh con gái rồi không?” Anne hỏi.

“Nghe nói vậy. Ta hy vọng trong chuyện con cái Stella biết điều hơn bà mẹ Lisette của con bé. Anne cưng ạ, cháu có tin được không, hồi xưa Lisette đã khóc quá trời vì con của cô em họ Dora biết đi trước Stella?”

“Mấy bà mẹ chúng cháu là hạng ngu muội mà,” Anne mỉm cười. “Cháu nhớ mình đã cảm thấy đàng đàng sát khí khi thấy bé Bob Taylor, hơn Jem một ngày tuổi, mọc được ba cái răng rồi mà Jem chưa mọc cái nào.”

“Bob Taylor bị cắt amidan,” cô Cornelia nói.

“Sao bọn con không bao giờ bị cắt hạ mẹ?” Walter và Di đồng thanh hỏi, giọng điệu có vẻ phật lòng. Chúng thường cùng nói một thứ. Rồi chúng chấp tay lại ước một điều. “Bọn con nghĩ và cảm thấy như nhau về mọi thứ,” Di thường sốt sắng giải thích.

“Làm sao mà ta quên được đám cưới của Elsie Taylor?” cô Cornelia nói về hoài

niệm. “Bạn thân nhất của cô ta là Maisie Millison phải chơi nhạc đám cưới. Thay vì thế cô ta lại chơi Khúc truy điệu trong vở Saul. Dĩ nhiên cô ta vẫn luôn nói mình bối rối quá nên nhầm lẫn, nhưng thiên hạ có cách nghĩ riêng. Cô ta muốn Mac Moorside cho mình. Một tên xỏ lá dễ coi miệng lưỡi khôn khéo... luôn nói với phụ nữ đúng cái mà hần nghĩ họ muốn nghe. Hần bắt Elsie phải chịu khổ sở. Dù sao thì, Anne cũng ạ, cả hai đã về Cõi Tịch Liêu từ lâu còn Maisie thì cưới Harley Russell được nhiều năm nên ai cũng đã quên chuyện anh ta cầu hôn vì cứ tưởng cô ta sẽ nói ‘Không’ nhưng cô ta lại nói ‘Vâng’. Bản thân Harley cũng đã quên chuyện đó... đúng là đồ đàn ông. Anh ta nghĩ mình lấy được người vợ hoàn hảo nhất trên đời và tự chúc mừng mình đã đủ thông minh mà cưới được cô ta.”

“Sao anh ta lại cầu hôn khi biết cô ta sẽ từ chối? Tôi thấy việc đó có vẻ rất lạ lùng,” Susan nói... tức thì thêm vào với sự khiêm nhường khủng khiếp, “Nhưng dĩ nhiên tôi thì làm sao mà biết được những chuyện như thế.”

“Cha anh ra lệnh cho anh ta cầu hôn. Anh ta không muốn, nhưng nghĩ chuyện đó khá an toàn... Cậu bác sĩ về đây rồi.”

Khi Gilbert vào, một đám tuyết nhỏ lùa vào theo. Anh ném áo khoác ra rồi sung sướng ngồi xuống cạnh lò sưởi.

“Anh về trễ hơn dự kiến...”

“Chắc là áo ngủ ren phải quyến rũ lắm,” Anne nói, cười tinh quái với cô Cornelia.

“Em nói gì vậy? Anh thấy một số trò đùa của phụ nữ vượt quá nhận thức đàn ông thô thấp của anh. Anh đi Bắc Glen thăm Walter Cooper luôn mà.”

“Thật khó hiểu sao mà ông đó gượng thêm được,” cô Cornelia nói.

“Cháu hết kiên nhẫn với ông ta rồi,” Gilbert mỉm cười “Đáng ra ông ta phải chết lâu rồi chứ. Một năm trước cháu cho ông ta hai tháng mà giờ ông ta làm tiếng tăm cháu tiêu tùm vì vẫn còn sống.”

“Cháu mà biết nhà Cooper rõ như ta thì anh sẽ không liều tiên đoán cho họ đâu. Cháu không biết ông nội của ông ta sống lại khi họ đã đào huyệt và mua quan tài sao? Người lo tang lễ cũng không chịu nhận lại. Tuy nhiên ta đoán Walter Cooper sẽ thú lắm khi được diễn tập trước đám tang cho mình... đúng là đồ đàn ông. Thôi, tiếng chuông của Marshall kia rồi... còn lọ lê dầm này là cho cháu, Anne cùng ạ.”

Tất cả cùng ra cửa tiễn cô Cornelia. Đôi mắt xám sẫm của Walter ló nhìn ra đêm

bảo.

“Chẳng biết tối nay chim cổ đỏ ở đâu và nó có nhớ bọn con không,” cậu buồn rầu nói. Có lẽ chim cổ đỏ đã đến nơi bí ẩn mà bà Elliott luôn nhắc đến là Cõi Tịch Liêu.”

“Chim cổ đỏ đang ở một miền đất nắng ấm phương Nam rồi,” Anne nói. “Mùa xuân nó sẽ về, mẹ cảm thấy khá chắc như thế, mà vậy là chỉ còn năm tháng nữa thôi. Các bé yêu, đáng lẽ các con phải đi ngủ lâu rồi chứ.”

“Susan ơi,” Di hỏi trong kho lương thực, “bà muốn có em bé không? Cháu biết bà có thể lấy đâu ra một đứa... mới toanh nhé.”

“À há, đâu?”

“Đằng nhà Amy mới có một em. Amy nói các thiên thần đem em bé tới và nó nghĩ lẽ ra họ đã có thể sáng suốt hơn. Giờ nhà họ có tới tám đứa con rồi, không kể em bé đó. Hôm qua cháu nghe bà nói rằng Rilla đang lớn như thổi làm bà thấy lẻ loi... giờ thì bà sẽ không còn em bé nữa. Cháu chắc bà Taylor sẽ cho bà em bé của bà ấy.”

“Xem bọn trẻ nghĩ ra những thứ gì kia! Nhà Taylor có nòi con đàn cháu đông mà. Cha của Andrew Taylor chẳng bao giờ nói ngay được mình có mấy đứa con... luôn phải dừng lại để nhẩm trong đầu. Nhưng bà nghĩ bà chưa cần lấy em bé nào ở ngoài đâu.”

“Susan ơi, Amy Taylor nói bà là gái già. Có phải không hả, Susan?”

“Đó là số phận mà Chúa vô cùng anh minh đã ban cho bà,” Susan nói không nao núng.

“Bà có thích làm gái già không vậy, Susan?”

“Bà không thể thật lòng là bà thích, cháu cưng ạ. Nhưng...” Susan nói thêm, nhớ đến thân phận một số bà vợ mà bà được biết, “bà đã biết ra rằng có những đền bù. Giờ thì đem bánh táo lên cho bố cháu đi, rồi bà mang trà sau. Anh chàng tội nghiệp chắc đói xiêu rồi.”

“Mẹ ơi, mình có gia đình đáng yêu nhất đời phải không?” Walter vừa nói vừa ngả lưng lên lều. “Nhưng mà có điều mẹ có nghĩ nếu ta có thêm dăm ba con nữa thì sẽ hay hơn không?”

“Ma ư?”

“Vâng. Nhà của Jerry Palmer đầy ma. Nó thấy một con một người đàn bà cao lêu đêu mặc áo trắng có bàn tay toàn xương thôi. Con kể cho bà Susan nghe thì bà nói nó bịa chuyện hoặc bụng nó bị gì rồi.”

“Susan nói đúng đấy. Còn Bên Ánh Lửa thì chỉ có những người hạnh phúc sống thôi... nên con thấy đấy, ta không có ma được đâu. Giờ thì con cầu nguyện rồi ngủ đi.”

“Mẹ, con nghĩ tối qua con hư. Con đọc, ‘Ngày mai xin hãy cho chúng con bánh mì hằng ngày,’ thay vì hôm nay. Thế nghe có vẻ hợp lý hơn. Mẹ nghĩ Chúa có để bụng không hả mẹ?”

Khi Bên Ánh Lửa và Thung lũng Cầu Vòng lại cháy rực những ánh lửa mùa xuân xanh lá mông lung thì chim cổ đỏ quay về thật, dẫn theo một cô dâu. Hai đứa xây tổ trên cây táo của Walter và chim cổ đỏ lấy lại mọi thói quen cũ, nhưng cô dâu của chú thì e thẹn hơn, hoặc có thể do ít ưa phiêu lưu hơn, không bao giờ để ai đến gần quá. Susan nghĩ việc chim cổ đỏ quay về rõ ràng là một phép lạ nên ngay đêm ấy đã viết thư báo cho Rebecca Dew biết.

Ánh đèn sân khấu trong vở kịch đời sống nhỏ nhỏ tại Bên ánh Lửa thỉnh thoảng cũng xê dịch, lúc soi chỗ này, lúc chiếu chỗ kia. Họ đã qua khỏi mùa đông mà không có gì bất thường lắm xảy ra với ai và rồi trong tháng Sáu đến lượt Di có cuộc phiêu lưu.

Ở trường có một cô bé mới đến... một cô bé mà khi cô giáo hỏi tên thì trả lời, “Con là Jeruly Penny,” như người ta nói, “Tôi là nữ hoàng Elizabeth,” hay “Tôi là Helen thành Troy.” Giây phút con bé nói điều đó ta cảm thấy việc không biết Jenny Penny chứng tỏ ta chẳng biết gì sất, và không được Jenny Penny hạ cố thì có nghĩa ta không hề tồn tại. Ít nhất thì Diana Blythe cảm thấy thế, dù cô bé không biết diễn đạt thành lời sao cho đúng.

Jenny Penny chín tuổi còn Di lên tám, nhưng ngay từ đầu con bé đã xếp ngang hàng với mấy “đứa con gái lớn” mười và mười một tuổi. Chúng thấy mình không thể lên mặt hay phớt lờ con bé. Con bé không xinh nhưng có vẻ ngoài đáng chú ý... ai cũng phải nhìn nó đến lần thứ hai. Con bé có khuôn mặt tròn trịa mịn màng, vòm tóc đen mun mềm mại không óng ả viền quanh và đôi mắt to xanh sẫm với hàng mi đen dài rỏi. Khi con bé từ từ ngược hai hàng mi lên rồi nhìn ta bằng cặp mắt khinh khinh đó, ta cảm thấy mình là lũ sâu bọ vinyh dự vì không bị giẫm lên. Ta thích được con bé hắt hủi hơn là được người khác tặng bốt: và được chọn làm người thân tín tạm thời của Jenny Penny là một vinh dự gần như quá lớn không chịu nổi. Vì những gì Jenny Penny thổ lộ thật thú vị. Rõ ràng gia đình Penny không phải người thường. Hình như di Lina của Jenny có sợi dây chuyền vàng và ngọc hồng lựu tuyệt vời được ông cậu triệu phú tặng. Một chị họ của nó có chiếc nhẫn kim cương đáng giá cả ngàn đô la còn một chị họ khác giành được giải thưởng diễn thuyết trước công chúng từ một ngàn bảy trăm thí sinh. Con bé có bà di truyền giáo giữa bảy báo ở Ấn Độ. Nói tóm lại, nữ sinh ở Glen, ít nhất là trong một thời gian, chấp nhận Penny theo như con bé tự đánh giá, ngưỡng mộ nó bằng sự thần phục pha lẫn ganh tị, và kể nhiều về con bé tại bàn ăn tối đến mức người lớn cuối cùng đành phải lưu ý.

“Con bé mà Di có vẻ thân thiết thế là ai vậy, Susan?” một chiều Anne hỏi, sau khi Di kể về “tòa lâu đài” Jenny sống, có diềm gỗ trắng quanh mái, năm cửa sổ nhô ra ngoài,

một cụm rừng bạch dương tuyệt vời sau nhà, và bệ lò sưởi bằng gỗ thích đồ trong phòng khách. “Ồ Bốn Làn Gió cháu chưa từng nghe thấy cái tên Penny. Cô có biết gì về nhà họ không?”

“Họ là gia đình mới dọn tới trang trại cũ của Conway ở Base Line, cô bác sĩ thân yêu ạ. Nghe nói ông Penny là thợ mộc mà không sống bằng nghề thợ mộc được... như tôi hiểu thì vì ông ta quá bận bịu chứng minh là không có Chúa... rồi ông ta quyết định thử làm nông trại. Từ tất cả những gì tôi hiểu ra được thì họ là một đám người kỳ quặc. Bọn trẻ làm gì tùy thích. Ông ta nói hồi còn nhỏ đã bị bắt làm này làm kia muốn chết nên con ông ta sẽ không phải bị như vậy. Vì vậy mà cô bé Jenny này đi học trường Glen. Họ ở gần trường Mowbray Narrows hơn nên mấy đứa kia đến đó, còn Jenny lại quyết định đến Glen. Phân nửa trang trại Conway nằm trong vùng này, vì vậy ông Penny trả thuế địa ốc cho cả hai trường, nên lẽ đương nhiên nếu thích thì ông ta có thể cho con học cả hai trường. Dù hình như cô bé Jenny này là cháu ông ta, không phải con gái. Cha mẹ nó mất rồi. Họ nói chính Geogre Andrew Penny là người nhốt con cừu trong tầng hầm của nhà thờ Baptist ở Mowbray Narrows. Tôi không nói họ không đáng kính, nhưng họ nhếch nhác lắm, cô bác sĩ thân yêu... nhà cửa thì bừa bộn... cho nên, nếu tôi được phép mạo muội đưa ra lời khuyên, nhà ta sẽ không muốn Diana đây đưa gì với một bầy khi như thế.”

“Không hẳn là cháu ngăn được con bé chơi với Jenny ở trường, Susan à. Quả thật cháu không biết điều gì để ghét bỏ đứa trẻ ấy, dù cháu cảm thấy chắc chắn con bé đã phóng đại khi kể về bà con và những cuộc phiêu lưu. Tuy nhiên, có lẽ Di sẽ sớm vượt qua cái giai đoạn ‘mê mẩn’ này, và rồi ta sẽ không nghe gì về Jenny Penny nữa.”

Song họ vẫn tiếp tục nghe về con bé. Jenny nói với Di là nó thích cô bé nhất trong tất cả nữ sinh trường Glen nên Di, cảm thấy rằng một nữ hoàng vừa hạ cổ với mình, đã trêu mếu đáp lại. Giờ ra chơi hai đứa như hình với bóng; chúng viết thư cho nhau vào những ngày cuối tuần; chúng nhai chung một cái kẹo cao su; chúng đổi cúc áo cho nhau và chung sức vun mấp đống cát; và cuối cùng Jenny mời Di sau giờ học cùng về nhà và ở lại cả đêm với nó.

Mẹ nói, “Không,” rất dứt khoát nên Di khóc dữ lắm. Mẹ đã cho con ở lại cả đêm với Persis Ford mà, cô bé thôn thức.

“Chuyện đó thì... khác,” Anne nói hơi mơ hồ. Cô không muốn làm Di thành kẻ hợm hĩnh, nhưng tất cả những gì cô được nghe về gia đình Penny đã làm cô nhận ra rằng họ hoàn toàn không thể làm bạn với trẻ Bên Ánh Lửa và gần đây cô khá lo vì sức hấp dẫn của Jenny đối với Diana đã quá rõ ràng.

“Con thấy có gì khác đâu,” Di rên rỉ. Jenny thì cũng lịch thiệp như Persis thôi! Nó

không bao giờ nhai kẹo cao su mua. Nó có cô chị họ biết hết phép tắc xử thế nên Jenny đã được học mọi thứ. Jenny nói nhà mình không biết phép xã giao là gì. Nó còn có những cuộc phiêu lưu kỳ thú nhất.”

“Ai nói thế?” Susan hỏi.

Chính nó nói con mà. Nhà nó thì không giàu nhưng họ có bà con họ hàng giàu sang và đáng kính lắm. Jenny có một ông chú làm thẩm phán rồi cậu em họ của mẹ nó là thuyền trưởng chiếc tàu lớn nhất thế giới. Jenny đặt tên thánh giùm cho tàu của ông khi tàu hạ thủy. Nhà mình thì không có ông chú làm thẩm phán mà cũng không có bà di là nhà truyền giáo giữa bầy báo.”

“Người cùi, con yêu, không phải báo đâu.”

“Jenny nói là báo mà. Con nghĩ nó phải biết vì đó là di nó mà. Ở nhà nó còn có nhiều thứ mà con muốn được xem... phòng nó dán giấy có hình vẹt... phòng khách nhà họ đầy thú nhồi bông... họ còn có tấm thảm mộc bên trên có căn nhà để trong hành lang... rèm cửa sổ thì phủ đầy hoa hồng... rồi còn một cái nhà thật để vào chơi... ông cậu xây cho tụi nó... còn Gammy thì sống chung với nhà họ và là người già nhất thế giới. Jenny với bà sống trước cả thời đại hồng thủy. Chắc con không bao giờ còn cơ hội nào khác để được thấy một người sống trước đại hồng thủy đâu.”

“Bà nghe nói bà cụ ngót nghét trăm tuổi rồi,” Susan nói, “nhưng nếu Jenny của cháu nói bà ta sống trước đại hồng thủy thì nó nói phét đấy. Cháu mà tới một chỗ như thế thì có trời mà biết cháu sẽ lây nhiễm cái gì.”

“Họ đã bị hết mọi thứ có thể bị lây rồi mà,” Di phản đối “Jenny nói trong một năm mà họ tất tật tạt quai bị rồi sởi rồi ho gà rồi ban đỏ.”

“Minh dám cá là họ còn bị đậu mùa nữa,” Susan lắm bầm. “Đúng là bị bỏ bùa rồi!”

“Jenny phải cắt amidan,” Di nức nở. “Nhưng bệnh đó không bị lây, đúng không ạ? Jenny có con em họ chết khi cắt amidan... nó chảy máu đến chết mà không tỉnh lại được. Nên chắc Jenny cũng sẽ chết, nếu trong gia đình đã có truyền thống như vậy rồi. Nó ốm yếu lắm... tuần trước nó ngất xỉu ba lần rồi. Nhưng nó đã khá sẵn sàng. Phần nào vì vậy mà nó rất nóng lòng muốn có con ngủ lại qua đêm với nó... để nó chết rồi thì con sẽ nhớ chuyện đó. Đi mà mẹ. Mẹ cho con đi thì con sẽ không cần cái mũ mới có ruy băng mẹ hứa cho con nữa đâu.”

Nhưng mẹ vẫn sắt đá và thế là Di đâm mình vào một chiếc gối đầm đìa nước mắt. Nan không đồng cảm với cô.... Nan “không ưa” Jenny Penny.

“Chẳng hiểu con bé bị nhiễm cái gì nữa” Anne lo lắng nói. “Ngày trước nó có bao giờ cư xử thế đâu. Như cô nói đó, xem ra nó bị con bé Penny ấy bỏ bùa mất rồi.”

“Cô không cho con bé đến một nơi quá thấp kém so với nó à hoàn toàn đúng đấy, cô bác sĩ thân yêu.”

“Ồ Susan, cháu không muốn nó cảm thấy có ai ‘thấp kém’ hơn nó cả. Nhưng ta phải vạch giới hạn đâu đó. Không phải Jenny thái quá... cháu nghĩ ngoài thói quen phóng đại ra thì con bé khá vô hại... nhưng cháu nghe đồn bọn con trai nhà đó rất đáng sợ. Cô giáo ở Mowbray Narrows đang rối trí với chúng.”

“Họ cố áp chế cậu vậy à?” Jenny cao thượng hỏi khi Di kể là mình không được phép đi. “Tớ thì sẽ không đời nào để ai sai sử tớ thế đâu. Tớ có nghị lực lắm. Trời, cứ húng lên là tớ ngủ cả đêm ngoài trời. Tớ chắc cậu chẳng bao giờ dám nghĩ đến chuyện đó”

Di thêm thường nhìn đứa con gái bí ẩn “thường ngủ cả đêm ngoài trời”. Tuyệt quá!

“Tớ không đi được cậu không trách tớ chứ, Jenny? Cậu biết tớ muốn đi mà?”

“Dĩ nhiên tớ không trách cậu đâu. Dĩ nhiên là một số đứa con gái sẽ không chịu đựng được chuyện đó, nhưng chắc cậu không làm sao khác được. Lẽ ra bọn mình đã được vui lắm chứ. Tớ đã tính mình sẽ đi câu cá dưới trăng trong con suối sau nhà. Bọn tớ thường làm lắm.

Tớ bắt được con cá hồi dài thế này này. Bọn tớ có đàn heo con cực kỳ dễ thương với lại một con lừa con mới chào đời cũng dễ thương với lại một lừa cún con. Thôi được rồi chắc tớ phải Sadie Taylor thôi. Bố mẹ nó không kèm cặp nó.”

“Bố mẹ tớ rất hiền với tớ mà,” Di trung thành phản đối. Bố tớ lại là bác sĩ giỏi nhất đảo Hoàng Tử Edward nữa. Ai cũng nói vậy.”

“Lên mặt vì cậu có bố có mẹ còn tớ thì không chứ gì,” Jenny nói khinh khỉnh. “Trời, bố tớ có cánh và luôn đội vương miện vàng. Nhưng tớ đâu có vì vậy mà đi quanh ngóe mặt lên trời, đúng không? Thôi, Di ơi, tớ không muốn cãi vã với cậu nhưng tớ không muốn nghe ai khoe khoang về gia đình mình đâu. Vậy là không đúng phép xã giao. Mà tớ đã quyết ý sẽ làm một quý cô. Hè này cái con bé Persis Ford cậu hay nhắc đó mà đến Bốn Làn Gió thì tớ sẽ không chơi với nó đâu. Mẹ nó kỳ kỳ ấy ấy, di Lina nói vậy Bà ta cưới một người chết rồi ông ta sống lại.”

“Ồ không phải thế đâu, Jenny. Tớ biết... mẹ đã kể cho tớ nghe... di Leslie...”

“Tớ không muốn nghe về bà ta. Gì đi nữa thì tốt nhất là không nhắc tới chuyện đó, Di à. Chuông reo rồi kìa.”

“Cậu định rủ Sadie hả?” Di ghen ngào, mắt mờ to đau đớn.

“À, chưa tức thì đâu. Tớ chờ xem sao. Có lẽ tớ sẽ cho cậu thêm một cơ hội nữa. Nhưng nếu tớ mà làm vậy thì đó sẽ là cơ hội cuối cùng đấy.”

Mấy hôm sau, giờ ra chơi Jenny Penny đến chỗ Di.

“Tớ nghe Jem nói hôm qua bố mẹ cậu đi vắng đến tối mai mới về phải không?”

“Phải, bố mẹ tớ lên Avonlea thăm bà Marilla.”

“Vậy thì đây là cơ hội cho cậu đó.”

“Cơ hội cho tớ hả?”

“Ở cả đêm với tớ.”

“Ôi, Jenny... nhưng tớ không đi được mà.”

“Dĩ nhiên là được chứ. Đừng có ngốc. Họ sẽ chẳng bao giờ biết được đâu.”

“Nhưng bà Susan sẽ không cho tớ đi đâu...”

“Cậu không phải xin phép bà ta. Tan học cứ theo tớ về nhà. Nan sẽ nói cậu đi đâu nên bà ta sẽ không lo. Mà khi bố mẹ cậu về bà ta sẽ không mách đâu. Sợ bị họ trách mắng mà.”

Di đứng khỏ sở không quyết được. Cô bé biết rất rõ mình không nên đi với Jenny, nhưng sức cám dỗ quả thật không cưỡng lại được. Jenny hướng toàn bộ năng lượng trong đôi mắt tuyệt trần về phía Di.

“Đây là cơ hội cuối cho cậu,” con bé nói thật kịch tính. “Tớ không thể tiếp tục chơi với kẻ nào cho là mình tốt đẹp quá nên không đến nhà tớ chơi được. Nếu cậu không đến thì bọn mình sẽ chia tay mãi mãi.”

Vậy là xong. Di, vẫn bị trói trong sức hút của Jenny Penny, không thể đương đầu với ý nghĩ phải chia tay mãi mãi. Chiều hôm ấy Nan về nhà một mình, báo với Susan rằng

Đi đi đến nhà Jenny Penny để ở lại qua đêm rồi.

Susan mà nhanh nhẹn như mọi ngày thì đã đi thẳng tới nhà Penny mà đem Di về. Nhưng sáng hôm ấy Susan bị trật mắt cá chân nên dù có thể lờ mờ đi quanh lo cái ăn cho bọn nhỏ nhưng bà biết mình không làm sao đi cả dặm xuống đường Base Line. Nhà Penny không có điện thoại còn Jim với Walter dứt khoát không chịu đi. Chúng được mời đến buổi nướng vẹm đẳng ngon hải đẳng, và ở nhà Penny sẽ không ai ăn thịt Di đâu mà lo. Susan đành đầu hàng trước chuyện không tránh khỏi.

Di và Jenny băng qua mấy cánh đồng để về nhà nên đi mất khoảng nửa cây số. Di, dù lương tâm cắn rứt, vẫn vui sướng lắm. Chúng đi qua biết bao cái đẹp... những khóm dương xỉ điều hòa nhỏ nhỏ đầy yêu tinh lai vãng, những vùng rừng cây cối xanh rì, một vùng lòng chảo gió xào xạc mà ta lội trong hoa mao lương vàng ngập đến đầu gối, một lối mòn nhỏ quanh co dưới mấy cây thích non, một con suối là tấm khăn san hoa muôn sắc cầu vồng, một đồng cỏ ngập nắng đầy dâu. Di, vừa nhận ra nét đáng yêu của trần gian, ngây ngất và gần như ước gì Jenny đừng nói nhiều quá. Ở trường thì được thôi nhưng ở đây Di không chắc mình muốn nghe về lúc Jenny ngộ độc..... tất nhiên là vô tình thôi... uống nhầm thuốc. Jenny vẽ vời mấy cơn đau hấp hối thật hay nhưng có phần mơ hồ về lý do sao cuối cùng nó lại không chết. Con bé “hôn mê” rồi nhưng bác sĩ cũng xoay xở lôi nó từ miệng mồ về lại được.

“Mặc dù từ đó trở đi tớ không còn như trước nữa. Di Blythe, cậu đang nhìn gì dữ vậy? Tớ chắc cậu không lắng nghe gì cả.”

“Ồ, có chứ, tớ có nghe mà,” Di nói về hồi lỗi. “Tớ nghĩ cậu có cuộc đời tuyệt vời nhất mà, Jenny. Nhưng nhìn quang cảnh đó đi.”

“Quang cảnh hả? Quang cảnh là gì?”

“Ồ.. ơ là cái mà ta nhìn thấy ý. Kia kia...” Khoát tay về toàn cảnh đồng cỏ và vùng rừng và ngọn đồi đầy mây trước mặt và viên biển màu ngọc bích giữa các ngọn đồi.

Jenny cười khẩy.

“Chỉ là một mớ cây già và bỏ thôi mà. Tớ thấy cả trăm lần rồi. Thịnh thoảng cậu buồn cười quá, Di Blythe. Tớ không muốn làm cậu tự ái, nhưng đôi khi tớ nghĩ cậu không ở đó gì cả. Thật lòng tớ nghĩ vậy đấy. Nhưng tớ cho rằng cậu không làm sao khác được. Người ta nói mẹ cậu vẫn cứ mơ mơ màng màng thế. Này, nhà tớ đây rồi.”

Di ngây người nhìn nhà Penny và lần đầu tiên trải qua cảm giác bàng hoàng vỡ

mộng. Đây mà là “tòa lâu đài” Jenny nhắc đến ư? Tất nhiên nó cũng khá lớn, cũng có năm cửa sổ lớn; nhưng màu sơn loang lổ bạc màu quá còn “điềm gỗ” mất đầu gần hết. Hàng hiên sứt lún thâm hại còn ô cửa bán nguyệt từng đẹp đẽ ngày xưa trên cửa lớn đã vỡ. Mấy tấm màn cong queo, vài ô kính phải dán giấy nâu còn “cụm rừng bạch dương xinh đẹp” sau nhà thì tượng trưng bằng đám ba thân cây già khẳng khiu gân guốc. Mấy chuông gia súc xiêu vẹo, sân đầy máy móc gỉ sét cũ còn vườn thì đúng là một vùng cỏ hoang rậm rạp. Trong đời Di chưa thấy nơi nào như vậy bao giờ và lần đầu tiên trong đầu cô bé nảy ra thắc mắc liệu tất cả những chuyện Jenny kể có thật không. Ai mà có nhiều lần suýt chết, dù là trong chín năm, như nó khẳng định vậy được?

Bên trong nhà cũng chẳng khá khẩm gì hơn. Phòng khách Jenny dẫn cô vào có mùi mốc meo bụi bặm. Trần nhà bạc màu loang lổ vết rạn. Bệ lò sưởi bằng gỗ thích lưng danh thi chưa được sơn... Di mà còn thấy điều đó... lại còn phủ tấm khăn quảng Nhật xấu xí, một hàng tách trà chặn lên trên. Mấy tấm rèm ren sợi màu xấu ời là xấu mà còn thùng lổ chỗ. Màn cửa làm bằng giấy xanh, bị rạn và tả tơi, vẽ một giỏ hoa hồng to đùng. Còn về phòng khách đầy thú nhồi bông thì thật ra trong góc chỉ có một hộp kính đựng ba con chim khá là tàn tạ, một con mất tiêu đầu hai mắt. Với Di, đã quen với cái đẹp và phẩm cách ở Bên Ánh Lửa, căn phòng trông như thứ ta thấy trong ác mộng. Tuy vậy, lạ là hình như Jenny hoàn toàn không thấy sự khác biệt nào giữa những gì mình mô tả và hiện thực. Di tự hỏi phải chăng mình chỉ mơ thấy Jenny kể với cô bé thể này thể kia.

Bên ngoài thì không tệ lắm. Nhà chơi nhỏ ông Penny xây trong góc vên sam, trông giống một căn nhà thật thu nhỏ thì đúng là nơi rất thú vị, bày heo con và lừa con mới sinh “cực kỳ dễ thương”. Còn về lừa cún lai thì chúng lông xù và ngộ nghĩnh như thể thuộc đẳng cấp chó quý tộc. Riêng một con rất đáng yêu, có đôi tai nâu dài và đốm trắng trên trán, lưỡi hồng xiu xiu và mấy bàn chân trắng. Di thất vọng cay đắng biết rằng chúng đều được hứa cho cả rồi.

“Tuy nhiên tớ không biết nếu chưa hứa cho ai thì nhà tớ có cho cậu một con được không,” Jenny nói. “Ông cậu tớ rất kỹ tính về nơi giao chó. Nhà tớ nghe nói Bên Ánh Lửa nhà cậu chẳng giữ chó được gì cả. Hẳn ở nhà cậu có cái gì đó kỳ lạ. Cậu tớ nói chó biết được những thứ mà người không biết.”

“Tớ chắc chúng không biết gì xấu về nhà tớ đâu!” Di kêu lên.

“Thôi được, tớ hy vọng là không. Bố cậu có tàn ác với mẹ cậu không?”

“Không, tất nhiên là không!”

“Thôi được, tớ nghe nói ông ấy đánh mẹ cậu... đánh cho đến khi mẹ cậu thét lên.

Nhưng dĩ nhiên tớ không tin chuyện đó. Tên hạ nói dối có kinh khủng không chứ? Dù sao thì tớ vẫn luôn mến cậu, Di à, và tớ sẽ luôn bên vực cho cậu.”

Di cảm thấy mình phải biết ơn chuyện đó nhiều lắm, nhưng không hiểu sao cô không thấy biết ơn. Cô bé đã bắt đầu cảm thấy rất bối rối và cái ánh hào quang Jenny có được trong mắt cô bé bỗng đâu biến mất không tìm lại được nữa. Khi Jenny kể cho cô nghe lần nó suýt chết đuối vì rơi vào hồ chứa nước thì cô bé không còn cảm thấy hồi hộp như trước. Cô bé không tin... Jenny chỉ tưởng tượng ra thôi. Rất có thể ông cậu triệu phú với chiếc nhẫn kim cương ngàn đô và nhà truyền giáo cho bảy báo cũng chỉ là tưởng tượng hết. Di cảm thấy iu xiu như trái bóng bị chích.

Nhưng vẫn còn Gammy. Chắc hẳn Gammy thì có thật Khi Di và Jenny quay vào nhà thì di Lina, một bà ngực to, má đỏ mấp váp vài hoa không được sạch sẽ cho lắm, bảo chúng là Gammy muốn gặp khách.

“Gammy nằm liệt giường,” Jenny giải thích. “Nhà tớ luôn dẫn khách đến gặp bà. Nhà tớ mà không làm thế thì bà sẽ nổi giận đùng đùng lên.”

“Nhớ đừng quên hỏi chứng đau lưng của bà sao rồi,” di Lina thận trọng. “Bà không thích mọi người không nhớ đến cái lưng của bà.”

“Cậu John nữa đấy,” Jenny nói. “Đừng quên bà cậu John sao rồi.”

“Cậu John là ai?” Di hỏi .

“Con trai bà chết năm chục năm rồi,” di Lina giải thích. “Ông ấy bị bệnh nhiều năm rồi mới chết và Gammy kiểu như đã quen nghe mọi người hỏi thăm ông ấy. Bà thấy nhớ chuyện đó.”

Đến cửa phòng Gammy Di bỗng nán lại. Bất chợt cô bé sợ chết khiếp bà già không thể tưởng này.

“Gì vậy?” Jenny hỏi . “Chẳng ai cắn cậu đâu!”

“Bà... có thật bà sống trước đại hồng thủy không, Jenny?”

“Dĩ nhiên là không rồi. Có ai nói vậy bao giờ đâu? dù sao bà cũng sắp được trăm tuổi, nếu bà sống đến sinh nhật tới. Đi nào!”

Di đi, ngập ngừng. Trong phòng ngủ nhỏ xíu bừa bộn khủng khiếp, Gammy nằm trên một cái giường to Mặt bà, nhăn nhoe và tàn nhang không tin nổi, trông như con khi

già. Bà he hé nhìn Di bằng cặp mắt trũng sâu viền đỏ rồi gắt gỏng nói:

“Đừng có nhìn chằm chằm nữa. Mày là đứa nào?”

“Đây là Diana Blythe, Gammy ơi,” Jenny đáp... một Jenny có phần khép nép.

“Hừm! Một cái tên đẹp nghe kêu ra trò! Ta nghe nói mày có một con chị kiều căng.”

“Nan không kiều căng,” Di la lên, lòng can đảm bùng lên chốc lát. Phải chăng Jenny đã nói xấu Nan?

“Mày là đứa hỗn xược, đúng không? Ta không được nuôi dạy để nói như thế với người bề trên. Nó kiều căng đấy. Ai đi mà đầu hất lên trời, như nhóc Jenny nói ta nghe, thì kiều căng. Một đứa kiều căng nhà mày. Đừng có cãi lời ta.”

Gammy trông giận dữ đến mức Di hấp tấp hỏi cái lưng bà sao rồi.

“Ai nói ta có cái lưng đau? Đúng là tin tưởng vô căn cứ! Lưng ta là chuyện của ta. Lại đây... đến gần giường ta đây!” Di bước lại, ước gì mình đang ở cách xa đây cả ngàn dặm. Bà già đáng sợ này sẽ làm gì mình đây?

Gammy nhanh nhẹn nhắc mình tới mép giường rồi để bàn tay như móng vuốt lên tóc Di.

“Như màu cà rốt nhưng óng ả thật. Cái đầm đó đẹp đấy. Lật lên cho ta xem váy lót nào.”

Di vâng lời, lòng mừng thầm vì đã mặc váy lót trắng có đường ren móc của Susan. Nhưng gia đình kiều gì mà bảo ta phải khoe váy lót ra?

“Ta luôn dựa vào váy lót để đánh giá một đứa con gái,” Gammy nói. “Mày sẽ đậu. Giờ thì đến quần cộc.”

Di không dám từ chối. Cô bé nhắc váy lót lên.

“Hừm Trên đó cũng có ren nữa! Vậy thì phung phí quá. Mà mày chưa hề hỏi thăm John!”

“Ông ấy sao rồi ạ?” Di hỏi hèn hèn.

“Ông ấy sao rồi, nghe nó nói kia mặt dày mày dạn. Theo những gì mày biết thì chắc nó chết rồi. Nói ta nghe cái này xem. Có đúng là mẹ mày có cái dê bằng vàng không... một cái dê vàng ròng?”

“Đúng ạ. Bố tặng cho mẹ sinh nhật vừa rồi.”

“Thôi được, có lẽ ra ta đã không bao giờ tin chuyện đó. Nhóc Jenny nói với tao là có, nhưng mày không bao giờ tin được lời nào nhóc Jenny nói. Một cái dê bằng vàng ròng! Ta chưa từng nghe thấy gì trội hơn. Thôi, mày nên ra mà ăn tối đi. Ăn thì không bao giờ lỗi thời. Jenny, xắn quần lên. Một ống lồng thông dưới váy mày kia. ít ra nhà ta cũng phải tử tế.”

“Ống quần dài... ống quần cộc của con không lồng thông” Jenny hậm hực nói.

“Quần dài cho nhà penny và quần cộc cho nhà Blythe. Đó là sự khác biệt giữa chúng mày và luôn là như vậy. Đừng có cãi lời ta.”

Cả gia đình Penny tụ tập quanh bàn ăn tối trong căn bếp lớn. Ngoài di Lina ra trước đó Di chưa thấy ai trong họ, nhưng khi liếc một vòng quanh tấm ván thì cô bé hiểu ra vì sao mẹ và Susan không muốn cô tới đây. Khăn trải bàn bừa bộn và lem nhem những vết dầu mỡ lâu ngày. Bát đĩa kiểu bình thường không nổi bật. Còn về người nhà Penny... Di chưa từng ngồi vào bàn với đám người như vậy nên cô bé ước gì mình đã về lại Bên Ánh Lửa an toàn rồi. Nhưng giờ cô bé phải đi tới cùng thôi.

Cậu Ben, như Jenny gọi, ngồi ở đầu bàn; ông ta có bộ râu đỏ rục và cái đầu hói viền tóc bạc. ông anh Parker, độc thân, gầy nhẳng và râu ria, đã ngồi vào một góc để tiện đều đều khắc nhổ vào cái thùng gỗ. Bọn con trai, Curt, mười hai tuổi, và George Andrew, mười ba, hai mắt xanh nhạt ẩm muối, cái nhìn táo bạo và da trần soi thấy qua mấy lỗ thùng nơi áo sơ mi rách. Bàn tay phải của Curt bị chai mề cửi, băng lại băng miếng giẻ thấm cả máu. Annabel Penny, mười một, và “Gert” Penny, mười tuổi, là hai đứa con gái khá xinh xắn có đôi mắt nâu tròn xoe. “Tuppy,” lên hai, có mái tóc quăn dễ thương và hai má hồng hào, và em bé, mắt đen tinh nghịch, ngồi trong lòng di Lina, nếu sạch sẽ thì nó sẽ đáng yêu lắm.

“Curt, biết sẽ có khách mà sao anh không kỳ cọ móng tay cho sạch đi?” Jenny nói. “Annabel, đừng có nhồm nhoàm trong miệng mà nói như vậy. Chỉ mình tớ là luôn có chi về gia đình này cho có chút cung cách,” nó giải thích riêng với Di.

“Im miệng đi,” cậu Ben nói giọng ồm ồm.

“Cháu không im miệng... cậu không được bắt cháu im miệng!” Jenny kêu lên.

“Đừng hỗn với cậu mày,” di Lina điềm nhiên nói. “Thôi nào mấy cô, cư xử như quý cô xem. Curt, đẩy khoai tây qua chỗ cô Blythe.”

“Ô hô, cô Blythe,” Curt cười khẩy.

Nhưng ít nhất Diana cũng đã được bồi hồi sung sướng. Lần đầu tiên trong đời cô bé được gọi là cô Blythe. Có điều lạ là thức ăn thì ngon và nhiều. Di, đang đói, đáng ra đã ăn rất ngon... dù ghét uống tách mè... nếu biết chắc nó sạch... và nếu mọi người không cãi nhau như vậy. Cả buổi mấy trận gây gỗ tay đôi diễn ra... George Andrew với Curt... Curt với Annabel... Gert với Jen... thậm chí cậu Ben với di Lina. Họ cãi nhau một trận nảy lửa và ném vào nhau những lời kết tội gay gắt nhất. Di Lina quăng về phía chú Ben tất cả những người đàn ông từ tể lễ ra bà đã có thể lấy làm chồng còn cậu Ben nói ông chỉ ước bà cưới ai mà không phải ông.

“Bố mẹ mình mà cãi nhau như thế thì đáng sợ lắm,” Di nghĩ. “Ôi, giá mà mình được về nhà! Đừng ngậm ngón tay thế, Tuppy.” Chưa kịp nghĩ cô bé đã nói ra. Phải rất lâu họ mới làm cho Rilla bỏ được tật ngậm ngón tay.

Curt tức thì đỏ lựng lên giận dữ.

“Để nó yên đi!” thằng bé kêu lên. “Nó thích thì nó cứ ngậm ngón tay! Nhà tao không bị hoạch học muốn chết như bọn nhóc Bên Ánh Lửa nhà mày. Mày nghĩ mày là ai hả.”

“Curt, Curt! Cô Blythe sẽ nghĩ con không có cung cách gì cả” di Lina nói. Bà khá điềm tĩnh và lại mỉm cười rồi bỏ hai thìa đường vào tách trà cho cậu Ben. “Đừng để ý đến nó, cháu yêu. Ăn miếng bánh nữa đi.”

Di không muốn miếng bánh nữa. Cô bé chỉ muốn về nhà. mà cô không biết cách nào để làm được điều đó.

“Chà,” cậu Ben ồm ồm vừa nói vừa uống soàn soạt cặn chỗ trà còn lại trong tách, “đã quá lắm rồi. Sáng thức dậy... làm lụng cả ngày... ăn ba bữa rồi đói ngủ. Đời gì vậy?”

“Bố bọn nhỏ vẫn thích đùa chút như thế” di Lina mỉm cười.

“Nhân nói về trò đùa... hôm nay anh gặp mục sư Hội Giám lý trong tiệm của Flagg. Hắn cố cãi anh khi anh nói không có Chúa. Ông giảng vào Chủ nhật,” anh bảo hắn. “Giờ đến lượt tôi. Chúng minh cho tôi thấy là có Chúa đi,” anh bảo hắn. Chính ông vừa bảo đến lượt ông giảng cơ mà. Hắn đáp. Ai nấy đều cười như lũ ngốc. Hắn cứ tưởng

mình thông minh lắm.”

Không có Chúa! Cái đáy giường như rơi thế giới của Di. Cô bé muốn khóc.

Chương 29

Sau bữa tối tình hình còn tệ hơn nữa. Trước đó ít ra cô bé và Jenny còn được một mình. Giờ thì cả một đám. Cô bé chưa kịp trốn thì George Andrew đã chụp tay kéo cô băng băng qua một vùng bùn. Cả đời Di chưa bao giờ bị đối xử như vậy. Jem và Walter chọc ghẹo cô bé, Ken Ford cũng hay chọc cô như thế, nhưng Di không biết gì về lũ con trai này.

Curt mời cô bé nhai chung kẹo cao su, cái kẹo nóng hổi vừa từ miệng nó, rồi nổi khùng khi cô bé không chịu.

“Tao sẽ nhét chuột sống vào miệng mày!” nó ré lên. “Đồ láu cá! Đồ đầu đất! Có một thằng anh éo lá!”

“Walter không éo lá!” Di nói. Cô bé sợ chết khiếp nhưng cô sẽ không nghe người ta nói xấu Walter đâu.

“Có - nó làm thơ. Mày có biết tao mà có thằng anh làm thơ thì tao sẽ làm gì không? Tao sẽ trần nước nó... như người ta làm với mèo con ấy.”

“Nhân nói về mèo con, trong nhà kho có nhiều mèo hoang lắm,” Jen nói.

“Bọn mình đi lùng bắt chúng đi.”

Di không đi bắt mèo con với bọn con trai đó đâu, và nói vậy.

“Ở nhà em có nhiều mèo con lắm. Nhà em có mười một con,” cô bé nói tự hào.

“Tớ không tin chuyện đó!” Jen ré lên. “Cậu không có! Chưa ai có mười một con mèo con cả. Có mười một con mèo con thì không đúng.”

“Một con mèo có năm con còn con kia có sáu con. Mà dù gì tớ cũng không ra nhà kho đâu. Mùa đông rồi tớ ngã lộn cổ từ gác xép trong kho nhà Amy Taylor. Nếu không rơi trúng một đồng trống thì tớ đã chết rồi.”

“Đào ôi, nếu Curt không chụp được thì có lần tớ cũng suýt ngã nộn cổ từ gác xép xuống rồi,” Jen nói về hòn sỏi. Ngoài nó ra không ai có quyền rời khỏi gác xép. Di Blythe có những cuộc phiêu lưu! Thật là một hành động láo xược!

“Cậu phải nói lộn cổ mới đúng,” Di nhắc; vậy là từ đó mọi sự giữa cô bé và Jenny đã

chấm hết.

Nhưng dù thế nào thì cũng phải trải qua đêm ấy. Mãi đến khuya chúng mới đi ngủ vì nhà Penny chưa từng đi ngủ sớm. Lúc mười giờ rưỡi Jenny dẫn cô bé vào phòng ngủ rộng có hai giường. Annabel và Gert đang sắp giường cho mình. Di nhìn mấy thứ khác. Mấy cái gối thật hôi hám. Chăn rất bẩn. Giấy... giấy “vết” nổi tiếng... đã bị lũng và thậm chí mấy con vệt trông cũng không ra vệt lắm. Trên giá cạnh giường có một bình đựng nước bằng đá và một chậu rửa.

“Tớ phải cứu rỗi linh hồn mình,” Di nói, trích lời Susan.

“Tớ chẳng có linh hồn gì cả,” Jenny giễu.

“Có lẽ không những tớ có,” Di nói, đứng thẳng dậy. Jenny nhìn cô bé. Nhưng sức mê hoặc trong đôi mắt Jenny đã không còn. Di sẽ không bao giờ khuất phục trước phép thuật của nó nữa.

Annabel nói. “Chắc nó chỉ giả vờ thôi,” Curt nói. “Bỏ con sâu lên người nó đi. Tao có mấy con trong lon đây. Nếu nó chỉ giờ trò đánh lừa thôi thì cái đó sẽ làm nó tỉnh lại.”

“Cậu không phải là đứa con gái như tớ tưởng, Diana Blythe,” Jennie nói buồn bã, như thể mình bị lừa dối ghê gớm lắm.

Di chưa kịp đáp thì George Andrew với Curt xô vào phòng. George Andrew đeo mặt nạ... một thứ gớm ghiếc có cái mũi khổng lồ. Di hét lên.

“Đừng có ré lên như con heo dưới cửa cống thế.” George Andrew ra lệnh. “Mày phải hôn chúc bọn tao ngủ ngon.”

“Nếu không bọn tao sẽ nhốt mày trong cái tù đó... mà nó đầy chuột”, Curt nói.

George Andrew tiến tới Di, cô bé lại ré lên và lùi lại. Mặt nạ làm cô bé sợ chết khiếp. Cô bé biết khá rõ đằng sau đó chỉ là George Andrew và cô không sợ thằng đó; nhưng cái mặt nạ kinh khủng đó mà đến gần thì cô bé chết mất thôi. cô biết mình sẽ chết mất. Đúng lúc cái mũi đáng sợ đó như chạm vào mặt cô bé thì cô vấp phải cái ghế ngã ra sàn, đập đầu vào cạnh sắc của giường Annabel. Trong phút chốc cô bị choáng và nằm mất nhắm nghiền.

“Nó chết rồi... nó chết rồi!” Curt thút thít, bật khóc.

“Ồ, may có làm nó chết cũng không bị đốt đất đâu, George Andrew!”

Di nghe thấy vậy nhưng sợ quá không dám mở mắt. (Nếu chúng tưởng cô bé chết rồi thì chắc chúng sẽ bỏ đi và để cô yên. Nhưng nếu chúng bỏ con sâu lên người cô...)

“Lấy kim chích nó đi. Nó mà chảy máu là nó chưa chết”, Curt nói.

(Kim thì cô chịu được nhưng sâu thì không đâu.)

“Nó chưa chết... nó không thể chết được,” Jenny thì thào. May chỉ làm nó sợ ngất đi thôi. Nhưng nó mà tỉnh lại thì nó sẽ hét ầm lên khắp chỗ này rồi cậu Ben sẽ vào cho bọn mình một trận. Tao ước gì chưa hề mời nó tới đây, đồ chết nhất!”

“May có nghĩ hay là bọn mình khiêng nó về nhà trước khi nó tỉnh lại không?” George Andrew gợi ý.

(“Ồ, giá mà chúng làm thế!”)

“Bọn mình không làm được đâu... xa lắm,” Jenny nói.

“Băng qua đất nhà người ta thì chỉ bốn năm trăm mét thôi. Bọn mình sẽ mỗi đứa cầm một tay một chân... may với Curt còn tao với Annabel.”

Ngoài nhà Penny ra không ai có thể nghĩ ra một ý tưởng như vậy hay thực hiện nó nếu đã nghĩ. Nhưng chúng quen làm bất cứ chuyện gì này ra trong đầu và việc bị chủ gia đình “cho một trận” là một việc nhất định phải tránh nếu được. Bỏ chúng không để ý gì đến chúng trong một chừng mực nào đó nhưng vượt quá giới hạn ấy thì... chúc ngủ ngon!

“Nếu đang khiêng mà nó tỉnh lại thì ta chỉ cần thả nó đấy và bỏ chạy thôi,” George Andrew nói. Không hề có chút nguy cơ Di tỉnh lại. Cô bé run lên vì biết ơn khi cảm thấy được nâng lên giữa bốn đứa. Chúng rón rén xuống lầu rồi ra khỏi nhà, băng qua sân rồi đi qua cánh đồng cỏ ba lá dài... ngang qua rừng... xuống đồi. Hai lần chúng phải để cô bé nằm xuống để nghỉ. Lúc này chúng hoàn toàn tin chắc cô bé đã chết nên chỉ muốn mỗi một điều là khiêng cô về nhà mà không bị ai thấy. Nếu trong đời Jenny Penny trước đây chưa bao giờ cầu nguyện thì lúc này nó đang cầu nguyện... để trong làng không còn ai thức. Nếu chúng đưa Di Blythe về tới nhà được thì cả bọn sẽ thề rằng đến giờ đi ngủ cô bé nhớ nhà đến mức cứ một hai đôi về. Điều gì xảy ra sau đó sẽ không phải chuyện để chúng lo nữa.

Trong khi chúng bàn mưu tính kế như vậy thì Di liều mở mắt một lần. Cô bé thấy

thế giới đang im ngủ xung quanh rất lạ lùng. Mấy cây linh sam tối thui và xa lạ. Mấy ngôi sao đang cười cô. (“Mình không thích bầu trời bao la như vậy. Nhưng nếu mình chỉ cần cố thêm một chốc nữa thôi mình sẽ được về nhà. Nếu chúng biết là mình chưa chết thì chúng sẽ bỏ mình lại đây và rồi mình sẽ không bao giờ về nhà trong bóng tối một mình được.”)

Khi bọn nhóc nhà Penny thả Di trên hàng hiên Bên Ánh Lửa xong, chúng cảm đầu chạy như điên. Di không dám tỉnh lại sớm quá, nhưng cuối cùng cô bé cũng liều mở mắt ra. Phải, cô bé đã về nhà. Có vẻ như quá tuyệt vời không thể tin nổi. Cô đã là cô bé rất, rất hư nhưng cô hoàn toàn tin chắc mình sẽ không bao giờ hư nữa. Cô bé vừa ngồi dậy thì Tôm len lén đi lại mấy bậc thềm rồi cọ vào cô, rù rù. Cô bé ôm chầm lấy chú ta. Chú mới từ tế và niềm nở và thân thiện làm sao! Cô bé không nghĩ mình vào nhà được... cô biết khi bố đi xa Susan sẽ khóa hết mọi cửa nẻo, mà cô không dám đánh thức Susan giờ này. Nhưng cô bé không quan tâm. Đêm tháng Sáu khá lạnh nhưng cô bé sẽ vào vòng và cuộn tròn với Tôm, biết rằng, cạnh cô, đằng sau mấy cửa cánh khóa đó là Susan và mấy đứa con trai và Nan... và nhà.

Thế giới về đêm lạ lùng biết bao! Có phải ngoài cô bé ra ai trong thế giới đó cũng say ngủ? Mấy đóa hồng trắng lớn nơi bụi cây bên mấy bậc thềm trông như những mặt người nhỏ bé trong đêm. Mùi bạc hà như một người bạn. Có bóng đom đóm nhấp nháy trong vườn trái. Suy cho cùng, cô bé sẽ được khoe mình đã “ngủ cả đêm ngoài trời.”

Nhưng sẽ không phải vậy. Hai bóng đen đi qua cổng rồi tiến lên lối xe chạy. Gilbert đi vòng lối sau để cạy mở một cửa sổ bếp còn Anne vừa đi lên mấy bậc thang thì kinh ngạc đứng nhìn đứa nhỏ tội nghiệp ngồi đó, tay ôm con mèo.

“Mẹ... ôi, mẹ ơi!” Cô bé đã an toàn trong vòng tay mẹ. “Di, con yêu! Thế này là thế nào?”

“Ôi, mẹ ơi, con hư quá.. nhưng con xin lỗi... mà mẹ” nói đúng... Gammy rất đáng sợ - nhưng con tưởng đến mai bố mẹ mới về.”

“Bố có điện thoại từ Lowbridge... mai họ phải phẫu thuật cho bà Parker nên bác sĩ Parker muốn bố có mặt. Vì vậy bố mẹ đón chuyến tàu tối rồi đi bộ từ ga về đây. Giờ kể mẹ nghe...”

Đầu đuôi câu chuyện được nức nở kể ra trước khi Gilbert vào được trong nhà rồi mở cửa trước. Anh nghĩ mình đã vào khê lăm rồi, nhưng nếu có liên quan đến sự an toàn của Bên Ánh Lửa thì đôi tai Susan nghe được cả tiếng dơi the the, nên bà khập khiễng xuống lầu, áo choàng rộng khoác ngoài áo ngủ.

Có những tiếng thốt lên và phân trần, nhưng Anne cắt ngang.

“Không ai trách cô cả, Susan thân yêu. Di đã rất hư nhưng bé biết điều đó và cháu nghĩ cô bé đã bị phạt rồi. Cháu xin lỗi chúng cháu đã làm phiền cô... cô phải quay lại giường ngay để anh bác sĩ kiểm tra mắt cá chân cho.”

“Tôi có ngu đâu, cô bác sĩ thân yêu. Cô nghĩ tôi ngu được khi biết rằng đứa bé tội nghiệp đó đang ở đâu sao? Mà đau mắt cá hay không không thì tôi cũng đi pha tách trà cho cả hai đây.”

“Mẹ,” Di nói, từ chiếc gối trắng, “có bao giờ bố tàn ác với mẹ không?”

“Tàn ác ư! Với mẹ? Sao vậy, Di...”

“Bọn nhà Penny nói bố... nói bố đánh mẹ...”

“Con yêu, giờ con biết nhà Penny là sao rồi, con biết không nên để cái đầu bé nhỏ của con lo lắng về bất cứ gì chúng nó. Bao giờ ở đâu cũng có một chút xì xầm đồn đại đầy ác ý những người như thế bịa ra. Con đừng bao giờ để tâm đến chuyện đó nhé.”

“Sáng ra mẹ có quở trách con không, mẹ?”

“Không. Mẹ nghĩ con đã học được một bài học rồi. Giờ thì ngủ đi, con yêu.”

“Mẹ thật phân minh” là ý nghĩ có ý thức cuối cùng của Di. Nhưng Susan, khi đuổi mình bình yên trên giường, mắt cá đã được băng bó thuần thực và thoải mái, đang tự nhủ:

“Sáng ra mình phải tìm lại cây lược dày... để bao giờ thấy quý cô Jenny Penny từ tẻ kia mình sẽ mắng một trận cho con bé đó không bao giờ quên.”

Jenny Penny không bao giờ bị mắng như đã cam đoan, vì con bé không đi học trường Glen nữa. Thay vì vậy, nó cùng với mấy đứa nhà Penny đi học trường Mowbray Narrows, từ đó vắng lại tiếng đồn về những chuyện bịa đặt của nó, trong số có một chuyện thêu dệt là Di Blythe dù sống trong “ngôi nhà lớn” tại Glen St. Mary nhưng cứ xuống ngủ chung với nó, một đêm nó đã ngắt xiu nên được nó, Jenny Penny, nửa đêm cũng về nhà, một mình và không được giúp đỡ. Người nhà Bên Ánh Lửa đã biết ơn quý xuống hôn tay nó rồi ông bác sĩ thân hành lấy xe ngựa có diêm và cặp ngựa đốm xám trừ danh mà chở nó về nhà. “Và nếu có bất cứ việc gì tôi có thể làm cho cô, cô Penny, vì lòng tốt của cô đối với đứa con cùng của tôi thì cứ việc nói ra. Máu trái tim nồng ấm nhất của tôi cũng không đủ đền đáp lại cô. Có sang Phi châu xích đạo tôi cũng sẵn

sàng để đền đáp lại cho cô vì điều cô đã làm,” ông bác sĩ đã thề như thế đấy.

“Tớ biết một chuyện mà cậu không biết... một chuyện mà cậu không biết... một chuyện mà cậu không biết,” Dovie Johnson vừa lú lo vừa ngả nghiêng đi đi lại lại trên mép cầu tàu.

Đến lượt Nan nhận lấy ánh đèn sân khấu... đến lượt Nan thêm một câu chuyện vào những cái bạn-có-còn-nhớ-không của những năm sau Bên Ánh Lửa. Đến chết Nan vẫn còn đỏ mặt khi bị nhắc đến. Cô bé đã rất ngu ngốc.

Nan rùng mình khi thấy Dovie loạng choạng... nhưng chuyện này cũng thật hấp dẫn. Cô bé chắc chắn một lúc nào đó Dovie sẽ ngã, rồi thì sao đây? Nhưng Dovie không hề ngã. Con bé bao giờ cũng may mắn.

Bất cứ điều gì Dovie làm, hay khoe rằng đã làm, đều hấp dẫn Nan... mà chuyện nó làm với chuyện nó khoe có lẽ là hai việc hoàn toàn khác nhau, dù Nan quá ngây thơ và cả tin không biết điều đó, vì cô bé được nuôi dạy ở Bên Ánh Lửa là nơi chưa ai nói gì ngoài sự thật, ngay cả là một câu đùa. Dovie, mười một tuổi và cả đời sống ở Charlottetown, biết nhiều hơn Nan, chỉ mới tám tuổi. Dovie nói Charlottetown là nơi duy nhất mà thiên hạ cái gì cũng biết. Làm sao mà biết được cái gì khi bị giam chân ở một nơi buồn tẻ như Glen St. Mary?

Nhân kỳ nghỉ Dovie đến sống với dì Ella ở Glen một thời gian, rồi nó với Nan bỗng dưng thành một đôi bạn thân thiết bất chấp khoảng cách tuổi tác. Có lẽ vì Nan nể nang Dovie, cô bé thấy nó như người lớn rồi. Còn Dovie thì thích cái đuôi bé nhỏ khiêm tốn đầy lòng sùng bái ấy.

“Ồ Nan Blythe chẳng có gì xấu... nó chỉ hơi yếu đuối thôi,” con bé nói với dì Ella.

Những người theo dõi tại Bên Ánh Lửa không thấy có gì bất thường ở Dovie... mặc dù, như Anne ngầm, mẹ nó là em họ của Avonlea Pye... nên không phản đối gì chuyện Nan chơi thân với nó dù Susan từ đầu đã không tin cậy đôi mắt xanh màu quả lý gai có hàng mi vàng nhạt đó. Nhưng ta phải làm gì? Dovie “cư xử đàng hoàng,” ăn mặc tử tế, như quý cô, và không nói nhiều quá Susan không thể đưa ra lý do gì cho sự thiếu tin tưởng của mình nên kín miệng. Hết kỳ nghỉ Dovie sẽ về nhà và từ đây đến đó thì đương nhiên không cần lược chải trong trường hợp này.

Thế là hầu hết thời gian rảnh rỗi Nan và Dovie chơi với nhau ở cầu tàu, thường có một hai con tàu xếp buồm, nên tháng Tám đó Thung Lũng Cầu Vòng gần như không thấy Nan đâu. Mấy đứa trẻ Bên Ánh Lửa kia không quan tâm gì lắm đến Dovie nên

không có gì buồn nhớ. Con bé đã chơi khăm Walter nên Di nổi khùng lên “nói này nói nọ”. Đường như Dovie thích chơi khăm. Có lẽ đó là lý do đám nữ sinh Glen không bao giờ cố dụ nó bỏ rơi Nan.

“Ồ, nói tớ nghe đi mà,” Nan nài nỉ.

Nhưng Dovie chỉ tỉnh quái nhảy mất bảo rằng Nan còn nhỏ quá không nói chuyện như vậy được. Đúng là tức điên lên được.

“Làm ơn nói tớ nghe đi mà, Dovie.”

“Không được đâu. Di Kate kể cho tớ nghe bí mật này, nhưng di chết rồi. giờ trên đời chỉ có mình tớ biết thôi. Khi nghe tớ đã hứa sẽ không bao giờ kể với ai cả. Cậu sẽ nói lại cho ai đó... cậu không nhịn được đâu.”

“Tớ không nói đâu mà... tớ làm được mà!” Nan kêu lên.

“Nghe đồn người Bên Ánh Lửa nhà cậu chuyện gì cũng nói cho nhau nghe. Susan sẽ sớm moi được từ cậu thôi”

“Không đâu mà. Tớ biết rất nhiều chuyện mà tớ chưa từng kể với Susan. Bí mật. Tớ sẽ nói bí mật của tớ cho cậu nghe nếu cậu nói bí mật của cậu cho tớ.”

“Ồ, tớ đâu có cần biết bí mật của một đứa bé con như cậu” Dovie nói.

Đúng là một sự xúc phạm tãt tình! Nan thấy mấy bí mật nho nhỏ của mình thật đáng yêu... cây anh đào dại cô bé tìm thấy đã nở hoa trong rừng vân sam tít sau nhà kho của ông Taylor... giấc mơ thấy một nàng tiên áo trắng tí xiu nằm trên lá súng trong đầm lầy... tưởng tượng một con tàu đi vào cảng có thiên nga gắn xích bạc kéo... cuộc phiêu lưu cô bé bắt đầu thêu dệt về tiểu thư xinh đẹp ở nhà cũ của MacAllister. Với Nan thấy đều rất tuyệt vời và huyền hoặc nên khi nghĩ lại chuyện này, cô bé cảm thấy mừng vì rất cuộc cô đã không phải kể cho Dovie.

Nhưng Dovie biết được gì về cô mà cô không biết? Câu hỏi cứ ám ảnh Nan như một con muỗi.

Ngày hôm sau Dovie lại nhắc chuyện nó biết điều bí mật.

“Tớ nghĩ kỹ rồi, Nan này... có lẽ cậu phải biết vì nó là về cậu mà. Dĩ nhiên ý di Kate muốn nói là tớ không được kể cho ai nghe cả ngoài đương sự. Nghe này. Nếu cậu cho tớ con hươu bằng sứ thì tớ sẽ nói cho cậu tớ biết được gì về cậu”

“Ồ, tớ không cho cậu con đó được đâu, Dovie ơi. Sinh nhật vừa rồi Susan tặng tớ mà. Làm vậy bà sẽ đau lòng lắm.”

“Vậy thì thôi. Cậu thích có con hươu cũ rích hơn là biết một điều quan trọng về bản thân thì cứ đi mà giữ nó. Tớ chẳng cần biết. Tớ giữ kín thì hơn. Tớ vẫn thích biết những điều mấy đứa con gái khác không được biết. Vậy ta mới quan trọng. Chủ nhật tuần tới ngồi trong nhà thờ tớ nhìn cậu mà tự nhủ, Giá mà cậu biết điều tớ biết về cậu, Nan Blythe. Sẽ vui lắm.”

“Điều cậu biết về tớ có tốt không?” Nan dò hỏi.

“Ồ, nó rất lãng mạn... cứ như trong truyện ấy. Mà thôi đừng lo, cậu không cần biết thì thôi, tớ cứ giữ trong lòng vậy.”

Đến lúc này thì Nan đã tò mò muốn điên thật rồi. Cô bé mà không được biết cái điều bí ẩn mà Dovie biết kia là gì thì đời cũng chẳng đáng sống nữa. Cô bé bỗng nảy ra một ý tưởng.

“Dovie, tớ không cho cậu con hươu, nhưng nếu cậu nói tớ nghe điều cậu biết về tớ thì tớ sẽ cho cậu cây dù đồ của tớ.”

Đôi mắt màu quả lý gai của Dovie lung linh. Bấy lâu nay nó bị nổi thềm thường cây dù đồ đó gặm nhấm.

“Cây dù đồ mới tuần rồi mẹ cậu mua trên thị trấn cho cậu đó hả?” con bé thương lượng.

Nan gật. Hơi thờ dòn đập. Có phải... ồ, có phải Dovie sắp nói cho cô nghe thật không?

“Mẹ cậu có cho phép cậu không?” Dovie hỏi.

Nan lại gật, nhưng hơi thiếu quả quyết. Cô bé không chắc chuyện đó lắm. Dovie đánh hơi thấy vẻ ngập ngừng.

“Cậu phải có cây dù đồ đó ngay đây,” con bé nói dứt khoát “trước khi tớ nói cho cậu. Không dù thì không bí mật.”

“Mai tớ sẽ đem lại mà,” Nan hấp tấp hứa. Cô bé cần phải biết Dovie biết gì về mình, chỉ có vậy thôi.

“Thôi được để tớ nghĩ kỹ đã,” Dovie nói về hoài nghi. “Đừng trông mong gì nhiều. Tớ không chắc cuối cùng tớ có nói cho cậu không. Cậu còn nhỏ quá... tớ đã nói với cậu điều đó khá nhiều lần rồi mà.”

“Tớ lớn hơn hôm qua rồi,” Nan năn nỉ. “Ồ, thôi mà, Dovie, đừng có nhỏ nhen mà.”

“Tớ nghĩ tớ có quyền đối với cái mình biết,” Dovie tàn nhẫn nói. “Cậu sẽ nói cho Anne... đó là mẹ cậu...”

“Dĩ nhiên tớ biết tên mẹ mình chứ,” Nan nói, có chút tự trọng. Bí mật gì thì cũng có giới hạn. “Tớ đã nói tớ sẽ không cho bất kì ai ở Bên Ánh Lửa biết rồi mà.”

“Cậu thẻ không?”

“Thẻ hả?”

“Đừng có mà vệt nuôi nữa đi. Dĩ nhiên ý tớ là hứa long trọng ấy.”

“Tớ xin hứa long trọng.”

“Long trọng hơn nữa kia.”

Nan chẳng biết mình còn long trọng hơn làm sao được. Cô bé mà long trọng hơn nữa thì mặt cô sẽ hóa đá mất.

“Chấp tay lại, nhìn lên trời

Xin thẻ thật lòng,”

Dovie nói.

Nan thực hiện xong nghi thức.

“Mai cậu đem dù tới đi rồi ta sẽ xem,” Dovie nói. “Trước khi lấy chồng mẹ cậu làm gì, Nan?”

“Mẹ tớ dạy học... dạy giỏi nữa,” Nan nói.

“À, tớ thắc mắc thôi. Mẹ tớ nghĩ bố cậu cưới mẹ cậu thì thật sai lầm. Chẳng ai biết tí gì về gia đình mẹ cậu cả. Mẹ tớ nói, còn bao nhiêu cô ông ấy có thể cưới. Giờ tớ phải đi

rồi. Orevor^[1].”

[1]. Tiếng Pháp Au revoir có nghĩa là “tạm biệt”. Dovie không thực sự biết tiếng Pháp mà chỉ phá tâm mô phỏng.

Nan biết vậy có nghĩa là “mai gặp”. Cô bé rất tự hào có một đứa bạn thân biết nói tiếng Pháp. Dovie đi rồi cô vẫn còn ngồi trên cầu tàu một hồi lâu. Cô bé thích ngồi trên cầu tàu ngắm mấy chiếc thuyền đánh cá ra ra vào vào và đôi lúc một con tàu từ từ rời cảng, đến những vùng đất lớn xa xôi. Như Jem, cô thường ước mình được đóng thuyền đi... xuôi bến cảng xanh, mang cơn cát âm u, ngang mũi đất hải đăng mà ban đêm ngọn đèn biển Bốn Làn Gió quay quay thành một tiền đồn bí ẩn, đi ra, ra nữa, đến đám sương mù xanh là cái vịnh mùa hè, đi tiếp, tiếp nữa, đến các đảo thần tiên trong biển sáng vàng. Trên đôi cánh tưởng tượng Nan bay đi khắp thế gian khi ngồi xỏm đó trên cái cầu tàu cũ đã oằn xuống.

Nhưng chiều nay đầu óc cô bé căng cả lên theo cái bí mật của Dovie. Dovie sẽ nói cho cô thật không? Là gì vậy nó có thể là gì? Rồi còn mấy cô gái đáng ra bố đã cưới là sao? Nan thích suy đoán về mấy cô gái đó. Có thể mẹ là một trong số họ. Nhưng chuyện đó thật kinh khủng. Trừ mẹ ra không ai có thể là mẹ.

“Nghĩ lại thì tớ không biết sắc đỏ đó có hợp với nước da của tớ không nữa. Nó khá là lòe loẹt. Tớ nghĩ tớ không nói đâu.”

Nan cũng có khí phách riêng mà Dovie vẫn chưa dụ dỗ thành lòng tuân phục mù quáng được. Không có gì chọc giận tinh thần ấy nhanh cho bằng sự bất công.

“Thương lượng là thương lượng, Dovie Johnson! Cậu đã nói cây dù đôi lấy bí mật. Dù đây và chuyện đó đúng là không hình dung nổi.

“Con nghĩ Dovie Johnson sắp tiết lộ cho con một bí mật,” đêm đó khi được hôn tạm biệt Nan tâm sự với mẹ. “Dĩ nhiên con sẽ không thể nói lại ngay cả với mẹ, mẹ ơi, vì con đã hứa sẽ không nói rồi. Mẹ không buồn đâu, phải không mẹ?”

“Không đâu,” Anne nói, cô thấy rất thích thú.

Hôm sau khi xuống cầu tàu Nan cầm theo cây dù. Đó là chiếc dù của cô bé, cô tự nhủ. Nó đã được tặng cho cô nên cô bé được toàn quyền làm gì cũng được. Sau khi đã xoa dịu lương tâm bằng triết lý này cô bé lên đi khi không ai thấy. Cô nhói lòng khi nghĩ phải từ bỏ cây dù bé xíu sắc sỡ, thân yêu, nhưng đến lúc này thì nổi cơn cào muốn biết xem Dovie biết gì đã mạnh mẽ quá không cưỡng lại được.

“Dù đây, Dovie,” cô bé hết cả hơi nói. “Giờ thì nói tớ nghe bí mật đi.”

Dovie giật mình. Nó chưa hề định bụng để chuyện đi xa thế này... nó chưa hề tin mẹ của Nan Blythe sẽ để nó đem cho cây dù đỏ. Con bé bấu môi.

“Cậu phải giữ lời hứa,”

“Ồ, tốt thôi,” Dovie nói giọng chán nản.

Bốn bề bỗng lặng phắc. Những làn gió lặng đi. Nước không khóa bì bõm quanh mấy cây cột cầu tàu nữa. Nan rung mình ngầy ngất sung sướng. Cuối cùng thì cô bé sắp được biết Dovie biết điều gì.

“Cậu biết Jimmy Thomas dưới Cửa Vịnh không,” Dovie nói. “Jimmy Thomas Sáu Ngón ấy?”

Nan gật. Dĩ nhiên cô bé biết nhà Thomas... ít nhất là biết đến sự tồn tại của họ. Thỉnh thoảng Jimmy Sáu Ngón ghé Bên Ánh Lửa để bán cá. Susan nói ta chẳng bao giờ chắc có được cá ngon của ông ta không. Nan không thích bề ngoài của ông ta. Ông ta có cái đầu hói, một túm tóc bạc xoắn xít mỗi bên, cái mũi khoằm đỏ au. Nhưng Thomas thì có liên quan gì đến chuyện này được đâu

“Cậu cũng biết Cassie Thomas?” Dovie tiếp.

Nan đã gặp Cassie Thomas một lần khi Jimmy Sáu Ngón đưa nó theo trong chiếc xe chở Cassie cũng trạc tuổi cô bé, có chòm tóc quăn đỏ và đôi mắt xám lục bạo dạn. Con bé đã thề lưỡi chóc Nan.

“À...” Dovie hít một hơi sâu... “sự thật về cậu đây. Cậu là Cassie Thomas còn nó là Nan Blythe.” Nan nhìn Dovie chằm chằm. Cô bé không hiểu Dovie muốn nói gì cả. Điều nó nói chẳng có nghĩa gì cả.

“Tớ... tớ... cậu muốn nói gì?”

“Tớ thấy mình đã nói khá rõ rồi mà,” Dovie nói mà cười thương hại. Vì con bé bị ép nói ra nên nó sẽ nói sao cho đáng. “Cậu và nó ra đời cùng một đêm. Lúc đó nhà Thomas sống ở Glen. Y tá bỗng chị sinh đôi của Di xuống cho nhà Thomas, để nó trong nôi rồi đưa cậu về với mẹ của Di. Cô ta không dám bắt luôn Di, nếu không thì cô ta đã làm rồi. Cô ta ghét mẹ cậu và dùng cách đó để trả đũa. Và đó là lý do thật ra cậu là Cassie Thomas và đáng ra đang sống dưới Cửa Vịnh còn Cass phải đang ở trên Bên Ánh Lửa thay vì bị bà mẹ kẻ già nện. Nhiều lần tớ thấy thương hại cho nó.”

Nan tin từng chữ câu chuyện thêu dệt ngớ ngẩn này. Cả đời cô bé chưa từng nói dối nên cô không một phút nghi ngờ sự thật trong câu chuyện của Dovie. Cô bé chưa từng nghĩ rằng có ai huồng hồ Dovie thân yêu của mình, lại bịa ra một câu chuyện như vậy được. Cô bé ngây người nhìn Dovie bằng cặp mắt đau khổ, vỡ mộng.

“Làm thế nào... làm thế nào đi Kate của cậu biết được chuyện đó?” cô bé hồn hên qua hai môi khô.

“Cô y tá nói cho đi biết bên giường bệnh,” Dovie long trọng nói. “Tớ cho rằng cô ta bị lương tâm cắn vọt. Ngoài tớ ra đi Kate chưa hề kể cho ai nghe. Khi tớ đến Glen và thấy Cassie Thomas... ý tớ là Nan Blythe... tớ nhìn nó thật kỹ. Nó có tóc đỏ và cùng màu mắt với mẹ cậu. Cậu thì có mắt nâu và tóc nâu. Đó là lý do trông cậu không giống Di...sinh đôi bao giờ cũng trông giống nhau như đúc. Còn Cass có đúng kiểu tai của bố cậu... nằm ép sát bên đầu thật đẹp. Tớ nghĩ giờ thì chẳng làm gì để khắc phục chuyện này được nữa. Nhưng tớ vẫn nghĩ vậy là không công bằng, cậu được sung sướng và được nuôi nấng như búp bê trong khi Cass... Nan... rách rưới tội nghiệp thì ăn còn không đủ, nhiều bạn như thế rồi. Mỗi lần lão Sáu Ngón về nhà trong tình trạng say khướt thì lão còn đánh đập nó nữa!... ủa, cậu nhìn tớ như vậy làm gì?”

Nỗi đau của Nan lớn hơn sức chịu đựng. Giờ thì với cô bé thấy đều rõ ràng kinh khủng. Mọi người vẫn thấy thật lạ là cô và Di không giống nhau. Đây là lý do tại sao.

“Tớ ghét cậu vì nói tớ nghe chuyện này, Dovie Johnson!”

Dovie nhún đôi vai béo tròn.

“Tớ đâu có nói là cậu sẽ thích, đúng không? Cậu bắt tớ nói mà. Cậu đi đâu đấy?”

Vì Nan, trắng bệch và choáng váng, đã đứng lên. “Về nhà nói cho mẹ biết,” cô bé khổ sở nói.

“Cậu không được... cậu không dám đâu! Nhớ là cậu thề sẽ không nói rồi mà” Dovie kêu lên.

Nan nhìn nó chằm chằm. Đúng là cô đã hứa sẽ không nói. Mà mẹ vẫn dặn ta không được thất hứa.

“Tớ nghĩ tớ cũng về nhà đây,” Dovie nói, không thích cái nhìn của Nan cho lắm.

Con bé chộp cây dù lên rồi bỏ chạy, cặp chân trần múp míp lấp lánh dọc cầu tàu cũ.

Nó bỏ lại sau lưng một đứa trẻ tan nát cõi lòng, ngồi giữa vũ trụ bé nhỏ điêu tàn của mình. Dovie không cần biết. Yếu đuối không phải là Nan. Thật ra chơi xỏ nó cũng chẳng vui thú gì lắm. Dĩ nhiên về tới nhà nó sẽ nói cho mẹ nó ngay rồi biết ra là mình bị gạt.

“Vừa may đến Chủ nhật thì mình cũng về nhà rồi,” Dovie ngẫm nghĩ.

Nan ngồi trên cầu tàu đầu như hàng giờ... bế tắc, tan nát, tuyệt vọng. Cô bé không phải là con của mẹ! Cô bé là con của Jimmy Sáu Ngón... Jimmy Sáu Ngón mà cô luôn âm thầm sợ chỉ vì ông ta có sáu ngón. Cô bé chẳng việc gì phải sống ở Bên Ánh Lửa, được bố mẹ yêu thương. “Ôi!” Nan rên khẽ thảm thương. Nếu biết bố mẹ sẽ không yêu thương cô nữa. Tất cả tình yêu sẽ dành cho Cassie Thomas .

Nan đưa tay lên ôm đầu. “Nó làm mình chóng mặt quá,” cô bé nói.

“Sao cháu không ăn gì cả vậy, cháu yêu?” Susan hỏi tại bàn ăn tối.

“Con chơi ngoài nắng lâu quá phải không, con yêu?” mẹ lo lắng hỏi. “Con nhưc đầu hả?”

“D...ạ,” Nan nói. Nhưng không phải cô bé nhưc đầu. Có phải cô bé đang nói dối mẹ không? Nếu là vậy, cô bé còn phải nói dối bao nhiêu lần nữa đây? Vì Nan biết mình sẽ không bao giờ ăn được nữa... chừng nào cô bé còn phải giữ sự thật kinh khủng này một mình. Cô bé cũng biết mình sẽ không bao giờ nói cho mẹ biết được. Không phải vì lời hứa... chẳng phải có lần Susan nói rằng hứa sai thì nên bỏ hơn là giữ sao?... mà vì điều đó sẽ làm mẹ đau lòng. Không hiểu sao, Nan biết chắc chắn không nghi ngờ gì là điều đó sẽ làm mẹ đau lòng kinh khủng. Mà mẹ thì không nên như vậy... không nên... đau lòng. Bố cũng thế.

Vậy nhưng... còn Cassie Thomas. Cô bé sẽ không gọi nó là Nan Blythe đâu. Cứ nghĩ Cassie Thomas là Nan Blythe là Nan lại cảm thấy khủng khiếp không tả được. Cô bé thấy như thể chuyện đó làm cô bị xóa nhòa. Cô mà không phải Nan Blythe thì cô sẽ không phải ai cả! Cô bé sẽ không là Cassie Thomas.

Nhưng Cassie Thomas cứ ám ảnh cô bé. Cả tuần cô bị con bé ấy ám ảnh... một tuần khốn khổ khi Anne và Susan thật sự lo cho đứa bé, không ăn không chơi, và, như Susan nói, “chỉ ù rũ quanh quẩn”. Có phải vì Dovie Johnson về nhà rồi? Nan nói không phải. Nan nói không vì gì cả. Cô bé chỉ cảm thấy mệt. Bố chăm sóc cho cô và kê một liều thuốc mà Nan ngoan ngoãn uống. Nó không khiếp như dầu thầu dầu nhưng giờ thì thậm chí dầu thầu dầu cũng chẳng nghĩa lý gì nữa. Ngoài Cassie Thomas ra không còn gì có ý nghĩa nữa... và từ trong đầu óc rối bời câu hỏi khủng khiếp đã nổi lên xâm chiếm cô bé.

Chẳng phải Cassie Thomas nên lấy lại những quyền thuộc về mình sao?

Có công bằng không khi mà cô, Nan Blythe... Nan cuồng cuồng bám chặt danh tính mình... có mọi thứ mà Cassie Thomas bị khước từ và có quyền được hưởng? Không, vậy là không công bằng. Nan chắc chắn một cách tuyệt vọng vậy là không công bằng. Đầu đó trong Nan có một ý thức công bằng và chơi đẹp mạnh mẽ. Và nó mỗi lúc một đè nặng trong cô đến mức phải nói cho Cassie Thomas thì mới công bằng.

Suy cho cùng, có lẽ sẽ không ai để tâm gì lắm. Tất nhiên mới đầu bố mẹ sẽ buồn bực một chút, nhưng ngay khi họ biết Cassie Thomas là con mình thì mọi yêu thương sẽ

dành cho Cassie còn cô, Nan, sẽ chẳng là gì đối với họ. Mẹ sẽ hôn Cassie Thomas và hát cho nó nghe trong ánh hoàng hôn mùa hè... hát bài Nan thích nhất...

“Em đã thấy có một con tàu, dong buồm đi, dong buồm đi trên biển,

Ô kia, tàu chất đầy những món quà xinh xắn cho em.”

Nan và Di vẫn thường nói về cái ngày con tàu của chúng cập bến. Nhưng giờ thì những thứ xinh xắn... phần của cô bé trong số đó... sẽ thuộc về Cassie Thomas. Cassie Thomas sẽ đóng vai nữ hoàng đẹp như tiên trong buổi hòa nhạc lớp giáo lý sắp tới và đeo băng đô kim tuyến lấp lánh của cô bé. Nan đã trông chờ vai diễn đó biết chừng nào! Susan sẽ làm bánh xốp trái cây cho Cassie Thomas còn Pussywillow sẽ rù rù cho nó. Nó sẽ chơi búp bê của Nan trong nhà chơi trái thâm rêu của Nan trong rừng thích, và ngủ trên giường của cô. Di có thích chuyện đó không? Di có thích Cassie Thomas làm chị không?

Đến một ngày Nan biết cô bé không chịu nổi điều đó nữa. Cô bé phải làm điều công bằng. Cô bé sẽ xuống Cửa Vịnh nói cho nhà Thomas biết sự thật. Họ sẽ nói cho bố mẹ. Nan cảm thấy rằng cô bé không thể tự mình làm điều đó.

Khi đã đi đến quyết định này rồi thì Nan cảm thấy khá hơn một chút, nhưng buồn ơi là buồn. Cô bé cố ăn chút bữa tối vì đó sẽ là bữa cuối cùng cô ăn tại Bền Ánh Lửa.

“Mình sẽ luôn gọi mẹ là ‘mẹ’,” Nan tuyệt vọng nghĩ. “Và mình sẽ không gọi Jimmy Sáu Ngón là ‘bố’. Mình chỉ rất kính cần gọi ‘ông Thomas’. Chắc chắn ông ta sẽ không phiền gì chuyện đó.”

Nhưng có gì đó làm cô bé ghen ngạo. Nhìn lên cô đọc thấy dầu thầu dầu trong mắt Susan. Susan tội nghiệp chẳng hề nghĩ cô sẽ không còn ở đây nữa để uống trước giờ đi ngủ. Cassie Thomas sẽ phải uống. Đó là một thứ mà Nan không ganh tị với Cassie Thomas.

Nan đi ngay sau bữa tối. Cô bé phải đi trước khi trời tối nếu không cô sẽ không còn can đảm. Cô bé đi mà mặc áo đầm chơi vải bông kẻ ô, không dám thay, sợ Susan hay mẹ hỏi vì sao. Và chẳng thật ra mọi áo đầm đẹp của cô bé đều thuộc về Cassie Thomas. Nhưng cô bé mặc cái tạp dề mới mà Susan may cho cô... cái tạp dề nhỏ xíu xinh xắn có viền trang trí vô sò, viền vô sò màu đỏ Thổ Nhĩ Kỳ. Nan thích cái tạp dề đó. Chắc hẳn Cassie Thomas sẽ không giận cô bé lắm.

Cô bé đi xuống làng, băng qua làng, ngang con đường cầu tàu, xuống đường cảng, một bóng dáng bé nhỏ hào hiệp, bất khuất. Nan không hề biết mình là một anh hùng. Trái

lại cô cảm thấy rất xấu hổ về mình vì thật khó làm điều gì đúng và công bằng, khó mà không giận Cassie Thomas, rất khó mà không sợ Jimmy Sáu Ngón, rất khó mà không quay đầu lại chạy về Bên Ánh Lửa.

Đó là một buổi chiều tối sẫm. Một đám mây đen nặng nề lơ lửng ra đến tận biển, như một con dơi đen lớn. Ánh chớp từng hồi chập chờn bên trên cảng và mấy ngọn đèn cây cối um tùm xa hơn. Cùm nhà ngư dân ở Cửa Vịnh thắm đẫm ánh sáng đỏ thoát ra từ dưới đám mây. Đây đó từng vũng nước lấp lánh như những viên hồng ngọc không lồ. Một con tàu buồm trắng lặng lẽ đang lững lờ trôi qua mấy đụn cát mù sương về đại dương bí ẩn gọi mới, lữ mòng biển kêu kỳ lạ.

Nan không thích cái mùi của nhà dân chài hay mấy đám trẻ con lem luốc đang chơi đùa đánh nhau la hét trên cát. Chúng tò mò nhìn Nan khi cô bé dừng lại hỏi chúng đâu là nhà của Jimmy Sáu Ngón.

“Nhà đằng kia kia,” một thằng nhỏ vừa nói vừa chỉ. “Mày có chuyện gì với ông đó?”

“Cám ơn” Nan nói, quay đi.

“Mày không biết xử sự khá hơn hả?” một đứa con gái la lên. “Họm quá không trả lời nổi một câu cho lịch sự!”

Thằng bé sấn tới trước mặt cô.

“Thấy cái nhà sau lưng nhà Thomas kia không?” Nó nói. “Trong đó có con rắn nước nên tao sẽ nhốt mày trong đó nếu không chịu nói tao nghe mày cần gì ở Jimmy Sáu Ngón.”

“Lại đây, cô Kiều Kỳ,” một đứa con gái to xác chọc. “Mày từ Glen đến, mà dân Glen ai cũng nghĩ mình là nhân vật quan trọng. Trả lời câu hỏi của thằng Bill đi!”

“Nếu mày không coi chừng,” một thằng khác nói, “Tao sẽ trấn nước vài con mèo con rồi tao nhúng mày vào luôn đó.”

“Mày mà có một hào thì tao sẽ bán cho mày một cái răng,” một đứa con gái lông mày đen nói, cười toe. “Hôm qua tao mới nhổ một cái.”

“Tao không có một hào và răng của mày không giúp gì được tao cả,” Nan nói, cố gom chút can đảm. “Mày để tao yên đi.”

“Đừng có hỗn xược với tao!” con lông mày đen nói. Nan toan chạy. Thằng rắn biển chia một chân ra làm cô bé vấp. Cô bé ngã sòng soài trên cát lẫn tẩn những lớp thủy triều. Mấy đứa kia ré lên cười.

“Tao chắc giờ mày sẽ không còn ngẩng cao đầu vậy nữa,” lông mày đen nói. “Mặc cái thứ vỏ sò đỏ đỏ mà vênh váo ở đây há.”

Rồi có đứa kêu lên, “Thuyền của Jack Xanh vào kìa” thế là cả bọn chạy đi. Đám mây đen đã sà xuống thấp hơn và mọi vũng hồng ngọc đã thành màu xám.

Nan nhòm dậy. Áo cô bé lấm tẩm cát còn tất thì lấm lem. Nhưng cô bé đã thoát được những kẻ hành hạ. Chúng là bạn chơi của cô bé trong tương lai sao?

Cô không được khóc... cô không được! Cô bé leo lên mấy bậc thang ván cốt kết dẫn tới cửa nhà Jimmy Sáu Ngón. Như mọi căn nhà ở Cửa Vịnh, nhà của Jimmy Sáu Ngón dựng trên mấy khối gỗ để tránh xa những con nước lên cao bất thường, khoảng không bên dưới thì ngổn ngang hỗn độn bát đĩa vỡ, lon rỗng, bầy tôm hùm cũ và đủ thứ rác rưởi. Cửa mở nên Nan nhìn vào một cái bếp cô chưa từng thấy có gì giống thế bao giờ. Sàn trơn bần thiêu, trần lem nhem bám bần ám khói, chậu chén đầy bát đĩa chưa rửa. Thức ăn thừa trên chiếc bàn gỗ cũ ọp ẹp và ruồi đen to khủng khiếp bu đầy. Một bà có mớ tóc muối tiêu bù xù đang ngồi trên ghế xích đu chăm một đứa bé bụ bẫm... một đứa bé xám ngoét vì ghét bần.

“Em mình,” Nan nghĩ.

Không thấy tăm hơi Cassie hay Jimmy Sáu Ngón đâu và chuyện xảy ra tiếp theo làm Nan thấy mừng vì điều đó.

“Mày là ai và mày muốn gì?” người đàn bà nói khá là bất lịch sự.

Bà ta không mời nhưng Nan vẫn bước vào. Bên ngoài trời bắt đầu đổ mưa và một hồi sấm chớp làm rung chuyển căn nhà. Nan biết mình phải nói điều cô bé đến để nói trước khi lòng can đảm không còn, nếu không cô bé sẽ quay đầu mà chạy khỏi ngôi nhà đáng sợ đó và đứa bé đáng sợ đó và lũ ruồi đáng sợ đó.

“Vui lòng cho cháu gặp Cassie,” cô bé nói. “Cháu có chuyện quan trọng muốn nói với nó.”

“Chứ gì nữa!” người đàn bà nói. “Nhìn tướng mày thì phải quan trọng rồi. Hừm, Cass không có nhà. Bố nó dẫn nó đi Bắc Glen một vòng rồi mà bão sắp đến này thì chẳng biết khi nào họ mới về. Ngồi xuống đi.”

Nan ngồi xuống một cái ghế gãy. Cô bé biết dân Cửa Vịnh nghèo nhưng cô không biết ai trong họ thế này. Bà Tom Fitch ở Glen nghèo nhưng nhà bà Tom Fitch gọn gàng và ngăn nắp như Bên Ánh Lửa. Dĩ nhiên, ai cũng biết Jimmy Sáu Ngón uống sạch bao nhiêu tiền lão làm ra. Và từ giờ thì đây sẽ là nhà của cô bé!

“Dù sao thì mình cũng sẽ cố dọn dẹp nó cho sạch sẽ,” Nan buồn bã nghĩ. Nhưng tim cô bé nặng như chì. Ngọn lửa hy sinh bản thân mình cao cả vẫn mời gọi cô bé giờ đã tắt.

“Mày muốn gặp Cass làm gì?” bà Jimmy Sáu Ngón tò mò hỏi, lau cái mặt bẩn thỉu của đứa bé bằng một cái tạp dề còn bẩn hơn.

“Nếu là chuyện buổi hòa nhạc lớp giáo lý thì nó không đi được đâu, mà dứt khoát là vậy. Nó chẳng có lấy một miếng giẻ rách cho từ tể. Sao mà tao kiếm cho nó được cái nào? Tao hỏi mày đó.”

“Không ạ, không phải về buổi hòa nhạc,” Nan ừ ừ nói. Cô bé cũng nên cho bà Thomas biết toàn bộ câu chuyện. Dù gì bà ta cũng phải biết.” Cháu đến để nói nó là... để nói nó là... nó là cháu còn cháu là nó!”

Có lẽ bà Sáu Ngón cần được tha thứ khi nghĩ chuyện này không minh mẫn cho lắm.

“Chắc mày bị khủng rồi,” bà ta nói. “Mày muốn nói cái quái gì vậy hả?”

Nan ngẩng đầu lên. Điều tồi tệ nhất giờ đã qua.

“Cháu muốn nói là Cassie và cháu sinh ra cùng một đêm rồi... rồi... cô y tá đã đánh tráo túi cháu vì cô ta ghét mẹ cháu, rồi... rồi... đáng ra Cassie phải sống ở Bên Ánh Lửa... và được những lợi thế.”

Câu cuối này cô bé nghe cô dạy giáo lý dùng nhưng Nan nghĩ nó có cái kết cao quý cho một câu nói chẳng đầu ra đầu.

Bà Sáu Ngón ngây nhìn cô.

“Tao điên hay mày điên? Cái mày nói chẳng có nghĩa lý gì cả. Ai lại bảo mày một chuyện tào lao như vậy?”

“Dovie Johnson ạ.”

Bà Sáu Ngón giữ cái đầu tóc bù xù ra sau cưỡi. Bà ta có thể lằm lem bẩn thỉu nhưng bà có tiếng cười thật quyến rũ. “Đáng ra tao phải biết rồi chứ. Cả mùa hè tao giặt đồ cho đi nó và đứa nhóc đó đúng là khó ưa! Trời, nó nghĩ đi lừa thiên hạ là khôn ngoan sao chứ! Thôi, cô bé Chẳng-biết-tên-gì này, mày không nên tin mọi điều Dovie thêu dệt nếu không con đó sẽ làm mày gặp rắc rối đó.”

“Ý bà nói chuyện đó không có thật sao?” Nan há hốc.

“Không hề. Trời đất, hần mày non nớt lắm mới đi tin cái gì như vậy Cass chắc còn già đời hơn mày nhiều. Nhưng dù sao thì mày là đứa nào vậy hả?”

“Cháu là Nan Blythe.” Ôi, ý nghĩ tuyệt hay. Cô bé là Nan Blythe!

“Nan Blythe! Một trong hai đứa sinh đôi ở Bên Ánh Lửa sao! Ủa, tao còn nhớ cái đêm mày chào đời mà. Tao tình cờ ghé Bên Ánh Lửa có chút chuyện. Hồi đó tao chưa cưới Sáu Ngón... chưa bao giờ đáng thương như vậy... mẹ của Cass còn sống và khỏe mạnh, còn Cass mới biết đi. Mày trông giống bà nội mày... đêm đó cũng có bà ấy ở đó nữa, dương dương tự đắc về hai đứa cháu gái sinh đôi. Nghĩ coi mày mất trí rồi mới đi tin chuyện bịa khùng điên như vậy.”

“Cháu có thói quen tin người,” Nan vừa nói vừa đứng lên với cung cách hơi đỉnh đặc, nhưng cô bé đang mừng quá nên không muốn chinh bà Sáu Ngón gay gắt cho lắm.

“Chà, trong cái thế giới này thì tốt nhất là mày bỏ cái thói quen đó đi,” bà Sáu Ngón nói về nhạo báng. “Và đừng có chạy lông nhông với bọn con nít ưa đi gạt thiên hạ nữa. Ngồi xuống đi, nhóc. Con mưa này tạnh mày mới về được. Trời đang mưa như trút và tối nhem như một bầu mèo đen. Ủa, nó đi rồi... con nhỏ đi mất rồi.”

Nan đã nhặt nhòa trong cơn mưa như trút. Chỉ có niềm vui sướng cuồng điên nhờ những lời cam đoan của bà Sáu Ngón mới đưa được cô về nhà qua cơn bão đó. Gió đập vui cô bé, mưa chảy rờn rờn trên người cô, tiếng sét kinh hoàng làm cô nghĩ vũ trụ đã nổ toang rồi. Chỉ có cái ánh chớp xanh lạnh soi đường cho cô bé. Không biết bao lần cô bé trượt chân ngã xuống. Nhưng rồi cuối cùng cô bé cũng loạng choạng, nước mưa nhỏ long tong, vào hành lang ở Bên Ánh Lửa.

Mẹ chạy ra và đỡ được cô trong vòng tay.

“Con yêu, con làm cả nhà kinh hãi quá chừng! Ôi, con đi đâu vậy?”

“Bà chỉ mong sao Jem và Walter không chết trong cơn mưa đó khi đi tìm con,” Susan nói, giọng bà căng ra gay gắt quá. Nan gần như đã cạn không còn hơi thở. Cô bé

chỉ còn biết há miệng hồn hên khi cảm thấy vòng tay mẹ ôm lấy cô:

“Ồ, mẹ ơi, con là con... đúng là con. Con không phải Cassie Thomas và con sẽ không bao giờ là ai cả mà lại là con thôi.”

“Bé cưng tội nghiệp bị mê sảng rồi,” Susan nói. “Chắc con bé ăn phải cái gì không hợp.”

Anne tắm cho Nan và cô bé vào giường rồi mới cho cô bé nói. Rồi cô nghe đầu đuôi câu chuyện.

“Ôi, mẹ ơi, con có đúng là con mẹ không?”

“Tất nhiên, con yêu. Làm sao con có thể nghĩ gì khác đi được?”

“Con không bao giờ nghĩ Dovie sẽ bịa chuyện với con... Dovie thì không. Mẹ ơi, mình còn biết tin ở ai đây? Jen Penny kể cho Di những chuyện khủng khiếp...”

“Chúng chỉ là hai trong bao cô bé con quen, con yêu ạ Trong mấy bạn chơi với con chưa bao giờ có ai nói với con điều gì không thật. Ở đời có những người như thế, người lớn cũng như trẻ con. Bao giờ lớn hơn chút nữa con sẽ phân biệt được vàng thau.”

“Mẹ, con ước gì Walter và Jem và Di không biết con gốc ra sao.”

“Chúng không cần biết đâu. Di đi Lowbridge với bố, còn mấy anh con chỉ cần biết con đi quá xa xuống đường Càng rồi gặp bão. Con đã ngu ngốc tin Dovie nhưng con là cô bé rất can đảm khi đi dâng cho Cassie Thomas bé bỏng tội nghiệp cái con nghĩ đúng là chỗ của nó. Mẹ tự hào về con.”

Bão đã tan. Trăng đang nhìn xuống một trần gian hạnh phúc tuyệt vời.

“Ôi mình rất mừng mình được là mình” là ý nghĩ cuối cùng của Nan khi cô bé ngủ thiếp đi.

Sau đó Gilbert và Anne vào nhìn những gương mặt bé nhỏ đang ngủ sát bên nhau thật dễ thương. Diana ngủ mà hai khoe môi nhỏ rần rờ mím lại còn Nan ngủ thiếp đi mà miệng mím cười. Gilbert nghe câu chuyện và giận đến mức may cho Dovie Johnson là nó đã xa anh cả năm chục cây số rồi. Nhưng Anne cảm thấy lương tâm dần vặt.

“Đáng ra em phải biết cái gì làm con bé khổ sở. Nhưng tuần này em lại mãi bận tâm đến những chuyện khác những thứ thật ra có quan trọng gì so với nỗi đau của một đứa

trẻ. Cứ nghĩ con yêu tội nghiệp đã chịu đựng những gì xem.”

Cô ần năn cúi xuống, chăm chăm nhìn chúng không muốn rời. Chúng hãy còn là của cô... hoàn toàn của cô, cho cô làm mẹ và yêu thương che chở. Chúng vẫn tìm đến cô cùng mọi tình yêu và nỗi đau trong trái tim bé bỏng. Vài năm nữa chúng vẫn là của cô... thế rồi? Anne rùng mình. Được làm mẹ thật ngọt ngào biết mấy... nhưng cũng khủng khiếp biết mấy.

“Em không biết cuộc sống sẽ dành điều gì cho chúng” cô thì thầm.

“Ít nhất thì hãy hy vọng và tin tưởng rằng đứa nào rồi cũng sẽ được một tấm chồng tốt như mẹ nó,” Gilbert chọc ghẹo.

Chương 32

“Vây là Hội Phụ Nữ Thiện Nguyên sắp có buổi may chần tại Bên Ánh Lửa rồi,” bác sĩ nói. “Mang hết mấy món bát đĩa nguy nga tráng lệ của cô ra đi, Susan, cung cấp thêm mấy cây chổi để sau đó còn gom góp tiếng tăm nhé.”

Susan mỉm cười thiếu não, như một người đàn bà khoan dung với sự thiếu hiểu biết của đàn ông về mọi thứ cơ bản, nhưng bà không thấy muốn cười... ít nhất là cho đến khi mọi thứ liên quan đến bữa ăn tối của Hội Thiện Nguyên đã đâu đó xong xuôi.

“Bánh nướng nhân thịt gà nóng,” bà vừa đi quanh vừa lầm bầm, “khoai tây nghiền và đậu xốt kem cho món chính. Cũng là một dịp thích hợp để dùng tấm khăn bàn ren mới của cô, cô bác sĩ thân yêu. Ở Glen chưa bao giờ thấy thứ gì như vậy nên tôi tin chắc nó sẽ gây xôn xao. Tôi đang chờ thấy mặt bà Annabel Clow khi nhìn thấy nó. Cô có dùng cái giỏ hai màu bạc xanh để cắm hoa không?”

“Có chứ, đây hoa păng xê và dương xỉ xanh rêu hái trong rừng thích. Cháu còn muốn cô đặt ba chậu phong lữ hồng lộng lẫy của cô đâu đây... trong phòng khách nếu ta may chần ở đó hay trên lan can ngoài thềm nếu trời đủ ẩm. Cháu mừng là ta hãy còn rất nhiều hoa. Vườn chưa bao giờ đẹp như hè vừa rồi, cô Susan nhỉ. Nhưng hình như mùa thu nào cháu cũng nói thế thì phải?”

Có rất nhiều thứ phải giải quyết. Ai ngồi cạnh ai...chẳng hạn, nếu để bà Simon Millison ngồi bên bà William McCreery thì không bao giờ ổn, bởi họ chưa từng nói chuyện với nhau vì một mối cừu thù khó hiểu nào đó từ thời đi học. Rồi lại còn chuyện phải mời ai... vì đặc quyền của bà chủ tiệc là mời một vài khách không phải thành viên trong Hội.

“Cháu sẽ mời bà Best và bà Campbell,” Anne nói. Susan trông hoài nghi.

“Họ là người mới đến mà, cô bác sĩ thân yêu,”... rất giống như bà nói, “Họ là cá sấu mà.”

“Vợ chồng cháu cũng từng là người mới đến đấy thôi, Susan.”

“Nhưng trước đó ông chú của cậu bác sĩ đã ở đây nhiều năm rồi. Không ai biết gì về nhà Best và nhà Campbell cả. Nhưng đây là nhà cô mà, cô bác sĩ thân yêu, và tôi là ai mà phân đối người cô muốn mời? Tôi còn nhớ dịp may chần nhiều năm trước tại nhà bà Carter Flagg, bà Flagg đã mời một bà không quen. Bà ta mặc vài pha len đến, cô bác sĩ thân yêu ạ... nói rằng không nghĩ Hội Phụ Nữ Thiện Nguyên đáng để chung diện! ít

ra với bà Campbell thì không phải sợ chuyện đó rồi. Bà ta rất cầu kỳ chải chuốt... dù tôi không đời nào hình dung ra cảnh mình mặc áo màu xanh cẩm tú cầu đi nhà thờ.”

Anne cũng không, nhưng cô không dám cười.

“Cháu nghĩ chiếc váy đó dễ thương hợp với mái tóc bạc của bà Campbell mà, Susan. Mà này, bà ấy muốn xin công thức làm nước xốt lý gai đậm đà của cô đây. Bà ấy nói đã được ném tại bữa tối ngày Hội mùa và nó ngon lắm.”

“Ồ, đây cô bác sĩ thân yêu, đâu phải ai cũng làm được nước xốt lý gai đậm đà...” vậy là không còn tỏ vẻ chê bai váy cẩm tú cầu nữa. Từ đó trở đi nếu muốn bà Campbell có thể xuất hiện trong bộ đồ dân dã Fiji cũng được, dù thế nào Susan vẫn sẽ tìm ra lý do bào chữa.

Những tháng trẻ đã thành tháng già nhưng mùa thu vẫn nhớ mùa hạ nên ngày may chần giống tháng Sáu hơn là tháng Mười. Tất cả thành viên Hội Phụ Nữ Thiện nguyện được mời đều đã đến, sung sướng chờ được một buổi tán gẫu thật ra trò và một bữa ăn tối của Bên Ánh Lửa, có lẽ ngoài ra còn được thấy một thứ thời trang mới dễ thương nào đó vì vợ bác sĩ vừa lên thị trấn.

Susan, vẫn không bị những trách nhiệm nấu nướng dồn cả lên đầu khuất phục, hiền ngang đi quanh nhà dẫn các bà các cô tới phòng dành cho khách, bình thản vì biết không ai trong họ có chiếc tạp dề viền ren móc sâu cả tắc bằng chỉ Số Một Trăm. Tại triển lãm Charlottetown tuần trước Susan đã giành giải nhất nhờ mũi ren đó. Ở đó bà và Rebecca Dew đã hẹn nhau làm nên một ngày huy hoàng, rồi đêm ấy Susan về nhà là người phụ nữ kiêu hãnh nhất đảo Hoàng Tử Edward.

Mặt Susan hoàn toàn kiềm chế nhưng ý nghĩ thì của riêng bà đôi khi điểm một chút tình ma.

“Celia Reese tới rồi đây, đang kiểm xem có cái gì để cười cợt như mọi khi. Chà, ở bàn ăn tối nhà ta thì bà ta sẽ không tìm thấy đâu, hãy cứ tin chắc chuyện đó. Myra Murray mặc nhưng đồ theo mình thấy thì hơi quá lộng lẫy đối với buổi may chần nhưng mình không phủ nhận chị ta mặc trông đẹp. Ờ ra thì cũng không phải vài pha len. Agatha Drew... cặp kính cợt vào sợi dây như thường lệ. Sarah Taylor... có thể đó là dịp may chần cuối cùng bà ta dự... cậu bác sĩ nói quả tim bà ta yếu kinh lắm, nhưng tinh thần của bà ta thì! Bà Donald Reese... ờ Chúa, bà ta không dắt Marry Anna theo nhưng chắc chắn chúng ta sẽ phải nghe nhiều đấy. Jane Burr ở Bắc Glen. Cô ta không phải thành viên của Hội. Chà, sau bữa ăn tối tôi sẽ đếm thìa, hãy cứ tin chắc chuyện đó. Cả nhà đó ai cũng có tật táy máy tay. Candace Crawford... cô ta không quan tâm gì đến mấy buổi họp mặt Hội nhưng đó là nơi thích hợp để khoe hai lần tay xinh xắn và

chiếc nhẫn kim cương. Emma Pollock mặc váy lót lộ ra dưới váy, dĩ nhiên rồi... một người đàn bà đẹp nhưng cũng hơi hợt như cả họ nhà ấy. Tillie MacAllister, đừng có mà làm đổ mứt ra khăn bàn như ở buổi may chần nhà bà Palmer đấy nhé. Martha Crothers, bà sẽ có bữa ăn tử tế một lần này thôi. Chồng bà không đến được thì thật chán... tôi nghe nói ông ta phải sống nhờ quả hạch hay cái gì đó đại loại vậy. Bà Elder Baxter...tôi nghe nói người lớn trong nhà cuối cùng cũng đã làm Harold Reese sợ mà tránh xa Mina rồi. Harold cứ mơ mộng thay vì hành động, mà trái tim mềm yếu thì không bao giờ chinh phục được phái đẹp như Kinh Thánh nó. Thôi được, ta có đủ đồ để may hai tấm chần lông và kim đã được xâu chỉ sẵn rồi.”

Mấy tấm chần được xếp trên hàng hiên rộng rãi, sau đó thì ai nấy đều tíu tít cả ngón tay lẫn cái lưỡi. Anne và Susan mãi lo chuẩn bị cho bữa tối trong bếp, còn Walter, hôm ấy bị giữ ở nhà không đi học vì cổ họng hơi đau, ngồi trên mấy bậc thềm có màn cây leo che khuất tầm nhìn của những người may chần. Cậu luôn thích nghe người lớn nói chuyện. Họ nói những thứ thật lạ lùng, kỳ bí... rồi sau đó ta có thể nhớ lại rồi dệt nên chất liệu cho một vở kịch, những thứ phản chiếu màu sắc và bóng tối, hài kịch và bi kịch, những câu pha trò và nỗi buồn của mọi gia đình trong Bốn Làn Gió.

Trong hết thảy mấy bà mấy cô đang có mặt, Walter mến cô Myra Murray nhất, tiếng cười truyền cảm và mấy nếp nhăn ngộ nghĩnh quanh mắt. Cô biết làm cho câu chuyện đơn sơ nhất cũng đầy kịch tính và sinh động, đến đâu cô cũng làm cho cuộc sống tươi vui hơn; trông cô cũng thật xinh khi mặc chiếc áo nhung đỏ anh đào, mái tóc đen gọn sóng mượt mà và đôi hoa tai hình giọt nước đỏ bé tí bên tai. Bà Tom Chubb, gầy như que kim thì cậu ít thích nhất... có lẽ vì có lần bà gọi cậu là “đứa trẻ bệnh hoạn”. Cậu nghĩ bà Allan Milgrave trông hết như một cô gà mái xám béo tốt còn bà Grant Clow thì hết như cái trống có chân. Cô David Ransome còn trẻ có mái tóc màu nâu nhạt thì đẹp lắm, “đẹp quá mức không phù hợp để ở nông trại”, Susan đã nói ngày Dave cưới cô. Cô dâu trẻ, cô Morton MacDougall, trông như hoa anh túc trắng ngái ngủ. Edith Bailey, thợ may ở Glen, mấy lọn tóc bạc như sương và đôi mắt đen vui vẻ, không giống địa vị “gái già”. Cậu thích bà Meade, lớn tuổi nhất ở đó, có đôi mắt bao dung, dịu dàng và lắng nghe nhiều hơn là nói, còn cậu không thích Celia Reese, có cái nhìn thích thú ma mãnh như thể đang cười cợt tất cả mọi người.

Nhóm may chần vẫn chưa bắt đầu trò chuyện thật sự. Họ đang bàn về thời tiết và quyết định xem nên ghép vải hình quạt hay hình thoi, thế là Walter miên man nghĩ đến vẻ đẹp của ngày đã chín, bãi cỏ lớn có những thân cây hùng vĩ, và trần gian trông như một đấng Nhân từ nào đó đang vòng tay vàng ôm lấy. Lá ngả sắc vàng thong thả rơi nhưng cây thực quỳ hào hiệp vẫn sắc sỡ trên tường gạch và đám bạch dương dệt phép phù thủy của loài dương lá rung dọc lối đi đến nhà kho. Walter mãi chìm trong vẻ yêu kiều quanh mình đến mức cuộc chuyện trò của buổi may chần đã đến hồi sôi nổi rồi cậu mới sực nhớ ra nhờ câu tuyên bố của bà Simon Millison.

“Gia đình đó nổi tiếng là có những đám tang ly kỳ. Các chị có ai quen được chuyện xảy ra ở đám tang Peter Kirk không?”

Walter đồng tai lên. Cái này nghe thú vị đây. Nhưng cậu rất thất vọng khi bà Simon không tiếp tục kể chuyện đã xảy ra. Chắc ai cũng dự đám tang hay nghe chuyện rồi.

(“Nhưng sao trông ai cũng có vẻ không thoải mái khi nghe nhắc đến chuyện ấy vậy?”)

“Chắc chắn những gì Clara Wilson nói về Peter đều đúng, nhưng ông ta đã nằm dưới mồ rồi, tội nghiệp, nên ta hãy để ông ta yên nghỉ đi,” bà Tom Chubb nói với vẻ rất giả tạo... cứ như có ai đề nghị cái táng ông ta.

“Mary Anna luôn nói những câu thông minh lắm nhé” bà Donald Reese nói. “Các chị biết hôm nọ chúng tôi sắp đến dự đám tang Margaret Hollister thì con bé nói gì không? Mẹ ơi, con bé nói, ở đám tang có kem không?”

Vài bà lên cười mim thích thú với nhau. Hầu như ai cũng lờ bà Donald đi. Quả thật chỉ có một cách như vậy khi bà ta bắt đầu trầm lẫn như một kéo Mary Anna vào, cả đúng lúc lẫn không đúng lúc. Ta mà tỏ chút khuyến khích thì bà ta sẽ làm ta điên lên được. “Mấy chị biết Mary Anna nói gì không?” là câu khẩu lệnh lâu năm ở Glen.

“Nhân nói về đám tang,” Celia Reese nói, “ngày tôi còn con gái ở Mowbray Narrows có một đám tang kỳ quặc Stanton Lane đã đi thoát ly về lục địa miền Tây, sau đó có tiếng đồn là ông ta đã chết. Người nhà đánh điện nhờ người ta gửi xác về, thế rồi họ gửi, nhưng Wallace MacAllister, người lo tang lễ, khuyên họ không mở quan tài. Đám tang vừa mới mở màn tốt đẹp thì chính Stanton Lane bước vào, khỏe mạnh tráng kiện. Chưa bao giờ biết được cái xác đó thật ra là ai.”

“Thế người ta xử lý ông ta thế nào?” Agatha Drew hỏi.

“Ồ, họ chôn ông ta. Wallace nói việc chôn cất không thể trì hoãn được. Nhưng ta không đoàn hoàng gọi đó là đám tang được khi mà ai nấy đều mừng rỡ vì Stanton trở về ông Dawson đôi bài thánh ca cuối ‘Hãy khuấy khóa, hỡi những tín đồ Cơ Đốc’ thành ‘Đôi khi một ngọn đèn cũng mang đến điều ngạc nhiên’, nhưng hầu như ai cũng thấy đáng lẽ ông ta cứ để vậy luôn.”

“Các chị biết hôm nọ Mary Anna nói gì với tôi không? Con bé nói, Mẹ ơi, mục sư họ có biết hết mọi chuyện không?”

“Khi rồi rầm ông Dawson bao giờ cũng quên trước quên sau,” Jane Burr nói. “Hồi ấy Bắc Glen do ông ta phụ trách và tôi nhớ có một Chủ nhật ông ta giải tán giáo đoàn rồi mới sức nhớ vẫn chưa lo lạc quyền. Vậy là ông ta chỉ còn biết chộp lấy cái đĩa quyền tiền mà chạy quanh sân. Đúng ra thì,” Jane nói thêm, “những ai đóng góp tiền hôm ấy chưa bao giờ đóng góp trước đó hoặc sau đó. Họ không thích từ chối ông mục sư. Nhưng ông ta như vậy thì thật chẳng ra thể thống gì.”

“Cái tôi không thích ở ông Dawson,” cô Cornelia nói, “là mấy bài cầu nguyện dài lê thê tàn nhẫn của ông ấy ở đám tang. Quả thật đến mức mọi người nói họ ganh tị với xác chết. Ông ấy lập kỷ lục ở đám tang Letty Grant. Tôi thấy mẹ ông ấy xiêu tới nơi rồi nên mới lấy dù chôn sau lưng bảo ông ấy cầu nguyện lâu thế đủ rồi.”

“Ông ấy chôn cất cho Jarvis tội nghiệp của tôi,” bà George Carr nói, nước mắt lã chã. Bà cứ khóc mỗi khi nhắc đến chồng mặc dù ông qua đời đã hai mươi năm rồi.

“Anh ông ấy cũng là mục sư,” Christine Marsh nói. “Hồi tôi còn con gái ông ấy ở Glen. Một đêm chúng tôi có buổi hòa nhạc trong hội trường và vì ông ấy là một trong các diễn giả nên ngồi trên bục. Ông ấy căng thẳng như ông em nên cứ xục xịch ghế ra sau mãi rồi bất ngờ ngã ngửa, cả người cả ghế, ngay trên gờ bờ hoa và cây cảnh chúng tôi xếp quanh bục. Chỉ còn thấy được mỗi hai bàn chân chìa lên bên trên bục. Không hiểu sao sau đấy tôi cứ thấy nó làm hỏng mất bài giáo lý của ông ấy. Hai bàn chân ông ấy to khiếp.”

“Đám tang của Lane thì có thể chán thật đấy,” Emma Pollock nói, “nhưng ít ra cũng còn hơn không có đám nào. Các chị có nhớ tình trạng lộn xộn nhà Cromwell không?”

Mọi người cùng cười ồ lên nhớ lại. “Kể chúng tôi nghe chuyện đó đi,” bà Campbell nói. “Bà Pollock à, xin bà nhớ cho tôi là người lạ ở đây và tất cả mấy thiên trường thiên dòng họ tôi đều chưa được biết.”

Emma không biết “thiên trường thiên” là gì nhưng bà thích kể chuyện.

Abner Cromwell sống gần Lowbridge trong nông trại lớn nhất vùng đó và thời ấy ông ta là nghị sĩ. Ông ta là một trong những con ếch to nhất trong vùng nước Tory và quen biết mọi người quan trọng lớn nhỏ trên đảo. Ông ta cưới Julie Flagg, mẹ bà ta là người nhà Reese còn bà ngoại thuộc dòng họ Clow nên gần như họ có họ hàng với mọi gia đình ở Bốn Làn Gió. Một hôm có thông báo đăng trên tờ Daily Doanh nghiệp... ông Abner Cromwell đột tử tại Lowbridge và đám tang sẽ được tổ chức lúc hai giờ chiều hôm sau. Không hiểu sao vợ chồng Abner Cromwell không đọc được thông báo đó... mà dĩ nhiên thời ấy trong làng không có điện thoại. Sáng hôm sau Abner đi Halifax dự hội nghị Đảng Tự do. Lúc hai giờ mọi người bắt đầu lục tục kéo đến dự đám tang, đến sớm

để có chỗ ngồi tốt, tưởng sẽ đông lắm vì Abner là một người lồi lạc thể. Mà quả là đông thật, các chị cứ tin tôi. Đường sá hàng dặm quanh đó đúng là một dòng xe độc mã và thiên hạ cứ rào rào đổ đến cho đến khoảng ba giờ. Bà Abner muốn điên lên khi cố làm cho họ tin chồng bà chưa chết. Mới đầu một số người không tin bà. Bà ấy khóc mà nói với tôi rằng dường như họ nghĩ bà thủ tiêu cái xác rồi. Thế rồi đến khi thuyết phục được họ tin thì người ta lại làm như thể họ nghĩ Abner đáng ra phải chết. Họ giẫm khắp bãi cỏ có những luống hoa bà ấy rất tự hào. Không biết bao nhiêu là bà con xa cũng tới, mong được bữa ăn tối và chỗ ngủ lại qua đêm mà bà ấy lại không nấu nướng gì nhiều. Julie chưa bao giờ biết lo xa lắm, điều ấy thì phải công nhận. Hai hôm sau Abner về tới nhà thì thấy bà vợ trên giường suy nhược thần kinh và phải hàng tháng bà ấy mới vượt qua được chuyện đó. Suốt sáu tuần bà ấy không ăn lấy một miếng... à thì, hầu như không ăn gì. Tôi nghe đồn bà ấy nói nếu có đám tang thật thì bà ấy cũng không thể nào buồn lo hơn được. Nhưng tôi chưa hề tin bà ấy nói thể thật.”

“Chị đâu thể chắc,” bà William MacCreery nói. “Thiên hạ vẫn nói những thứ kinh khủng thể thôi. Khi họ khổ sở thì sự thật sẽ lộ ra mà. Chủ nhật đầu tiên sau khi chôn chồng, bà chị Clarice của Julie vẫn đến hát đồng ca như thường ngày.”

“Đám tang chồng cũng không làm Clarice buồn chán được lâu đâu” Agatha Drew nói. “Ồ cô ta thì chẳng có gì đáng tin cậy cả. Bao giờ cũng hát ca nhảy nhót.”

“Tôi đã từng hát ca nhảy nhót... trên bờ biển chẳng ai nghe thấy tôi,” Myra Murray nói.

“À, nhưng từ ấy đến nay thì chị đã khôn ngoan hơn rồi,” Agatha nói.

“Khôngggg, ngu ngốc hơn thì có,” Myra Murray nói thông thả. “Giờ thì ngu ngốc quá không còn nhảy nhót trên bờ biển được.”

“Mới đầu,” Emma nói, không bị tức mắt dịp kể hết câu chuyện, “họ nghĩ mẩu cáo phó ấy đưa ra để đùa... vì trước đó mấy hôm Abner thất cử... nhưng hóa ra đó là tin cáo phó cho một Amasa Cromwell, sống tít trong rừng ở bên kia Lowbridge... không liên quan gì cả. ông ta thì chết thật. Nhưng phải rất lâu sau thiên hạ mới tha thứ cho Abner vì đã làm họ thất vọng, ấy là nếu mà họ có đời nào tha thứ.”

“Chà, kể cũng hơi bất tiện thật ấy chứ, đánh xe cả quãng đường dài như thế, ngay trong vụ mùa nữa, để rồi thấy ra là ta đi chỉ tổ mất công,” bà Tom Chubb chống ché.

“Nhưng thường thì thiên hạ vẫn thích có đám tang,” bà Donald Reese sôi nổi. “Tôi nghĩ ta đều như trẻ con cả. Tôi dẫn Mary Anna đến đám tang chú Gordon của nó và nó thích lắm. Mẹ ơi, ta không đào chú lên rồi chôn chú lại cho vui sao? “con bé nói thể

đấy.”

Chuyện này thì họ cười thật... ai cũng cười trừ bà Elder Baxter, bà làm mặt nghiêm nghị và chọc kim vào tấm chăn không thương tiếc. Thời này chẳng còn gì thiêng liêng nữa. Chuyện gì cũng cười được. Còn bà, vợ một người đã có tuổi, sẽ không cho phép cười cợt gì liên quan đến đám tang.

“Nhân nói về Abner, mấy chị có nhớ cáo phó anh của ông ta, John, viết cho vợ mình không?” bà Allan Milgrave hỏi. “Nó mở đầu như thế này, ‘Chúa Trời, vì những lý do chỉ mình Ngài biết, đã hài lòng lấy đi cô dâu xinh đẹp của tôi mà để cho cô vợ xấu xí của chú em họ William sống’. Làm sao tôi quên được chuyện đó đã gây xôn xao đến thế nào!”

“Làm sao một thứ như vậy lại được in nhỉ?” bà Best hỏi.

“Ô kia, hồi ấy ông ta là tổng biên tập tờ Doanh nghiệp mà. ông ta tôn thờ bà vợ... Bertha Morris, tên cô ta đấy... mà ông ta lại ghét vợ William Cromwell vì chị ta không muốn ông cưới Bertha. Chị ta nghĩ Bertha lỏng bông phù phiếm quá.”

“Nhưng cô ta xinh mà,” Elizabeth Kirk nói.

“Cả đời tôi chưa thấy ai xinh vậy,” bà Milgrave đồng tình. “Nhà Moms có nòi người đẹp. Nhưng hay thay đổi... đổi như gió Không ai biết vì sao tâm trí cô ta ổn định đủ lâu mà cưới John. Người ta đồn bà mẹ khuyến khích cô ta. Bertha phải lòng Fred Reese nhưng anh ta nói tiếng là chuyên đi tán tỉnh. Thà rằng được sẽ trên tay, còn hơn được hứa trên mây hạc vàng, bà Moms dạy cô ta thế.”

“Cả đời tôi đã nghe câu tục ngữ đó,” Myra Murray nói, “nhưng tôi tự hỏi có đúng vậy không. Có lẽ con hạc trên mây biết hót con sẽ trên tay thì không.”

Chẳng ai biết phải nói thế nào nhưng dù gì bà Tom Chubb cũng nói. “Chị thì lúc nào cũng kỳ cục, Myra ạ.”

“Mấy chị biết hôm nọ Mary Anna nói gì với tôi không?” bà Donald hỏi. “Nó nói, Mẹ ơi, con sẽ phải làm sao nếu chẳng ai hỏi cưới con cả?”

“Mấy gái già chúng ta trả lời câu đó được đấy nhỉ?” Cella Reese hỏi, đưa cùi chỏ huých Edith Bailey một cái. Celia không ưa Edith vì Edith vẫn còn khá xinh đẹp và không hẳn đã hết cơ hội.

“Của đáng tội Gertrude Cromwell cũng xấu thật,” bà Grant Clow nói. “Thân hình chị

ta như tấm ván. Nhưng nội trợ giỏi lắm. Tháng nào cũng đem hết màn ra giặt giũ, còn Bertha mà mỗi năm giặt một lần thì cũng đã giỏi lắm rồi. Mấy tấm chợp cửa sổ nhà cô ta lúc nào cũng quần quoe. Gertrude nói chỉ đánh xe ngang nhà John Cromwell thôi cũng đủ rùng mình. Vậy mà John Cromwell tôn thờ Bertha còn William thì chỉ kiên nhẫn chịu đựng Gertrude. Đàn ông thật lạ. Họ nói buổi sáng diễn ra lễ cưới William còn ngủ nướng nên mặc vội vàng đến mức xô nhảm đôi giày cũ và đi tất cộc kệch.”

“Ấy vậy còn đỡ hơn Oliver Random,” bà George Carr cười khúc khích. “Anh ta quên may đồ cưới, còn bộ đồ véc của anh ta thì hoàn toàn không dùng được. Bị vá. Vậy là anh ta mượn bộ tốt nhất của em trai. Nó cứ che chỗ này hở chỗ kia.”

“Nhưng ít ra William với Gertrude còn cưới nhau,” bà Simon nói. Cô em Caroline của dù ta thì không. Cô ta và Ronny Drew cãi nhau chuyện mục sư nào sẽ làm lễ rồi rồi rồi cuộc họ chẳng cưới nữa. Ronny bức điên đến nỗi đi cưới Edna Stone trước khi kịp bình tĩnh lại. Caroline đến dự đám cưới. Cô ta ngẩng cao đầu nhưng mặt thì như người chết.”

“Nhưng ít nhất cô ta còn giữ mồm giữ miệng,” Sarah Taylor nói. “Philippa Abbey thì không. Khi bị Jim Mowbray phụ bạc cô ta đến đám cưới của anh ta mà nói toang ra hết những điều cay đắng nhất suốt buổi lễ. Tất nhiên họ đều là tín đồ Anh giáo cả,” Sarah Taylor kết luận, như thể điều đó giải thích được cho mấy thói đồng đánh ấy.

“Có thật sau đó cô ta đeo hết nữ trang Jim tặng lúc họ đính hôn đến tiệc chiêu đãi không?” Celia Reese hỏi.

“Không, đâu có! Tôi không hiểu sao người ta cứ đồn đại những chuyện như vậy. Có những người chẳng làm gì hơn là đi rêu rao lại những lời đồn đại. Tôi dám nói Jim Mowbray cả đời phải ước gì mình đã lấy Pilippa. Vợ anh ta giữ rịt... mặc dù mỗi khi chị ta đi vắng thì anh ta được mặc sức.”

“Tôi chỉ thấy Jim Mowbray có một lần, ấy là đêm bỏ cánh cứng gần như làm giáo đoàn chạy tán loạn tại lễ kỷ niệm ở Lowbridge,” Chrishne Crawford nói. “Rồi cái gì bỏ cánh cứng chưa làm thì Jim Mowbray góp phần. Đêm ấy trời nóng nực nên họ để mở hết cửa sổ. Hàng trăm con bọ cánh cứng cứ tràn vào bay loạn xạ. Sáng ra người ta nhặt được tám mươi bọ chết trên bục đồng ca. Một số bà cuống cuồng cả lên khi bọ bay sát mặt. Ngồi đối diện tôi ngay bên kia lối đi là vợ của mục sư mới đến... bà Peter Loring. Bà ấy đội chiếc mũ ren lớn có chùm lông vũ rũ xuống...”

“Người ta vẫn nghĩ bà ấy làm vợ mục sư mà quá ư là chải chuốt,” bà Elder Baxter tự ý chen vào.

“Xem tôi búng con bọ trên mũ bà vợ mục sư này,” tôi nghe Jim Mowbray thì thầm...

anh ta ngồi ngay cạnh bà ấy. Anh ta nghiêng người tới nhắm một phát vào con bọ... trật, nhưng lại hất cái mũ qua một bên bay là là xuống lối đi ngay sát rào chắn khu vực điện thờ. Jim phát hoảng. Ông mục sư thấy mũ vợ bay là đà liền quên mất mình giảng đến đâu, không nhớ lại được nên tuyệt vọng chịu thua. Dân đồng ca hát điệp khúc cuối, vừa hát vừa đập bọ cánh cứng. Jim xuống nhặt mũ lại cho bà Loring. Anh ta tưởng mình sẽ bị mắng nhiếc thậm tệ, vì người ta nói tính bà ấy sôi nổi lắm. Nhưng bà ấy chỉ chụp mũ lên mái đầu tóc vàng xinh đẹp và cười với anh ta. Anh mà không làm thế, bà ấy nói, Peter đã tiếp tục nói thêm hai mươi phút nữa và ta đều phát điên cả rồi. Dĩ nhiên bà ấy thật tử tế vì đã không giận nhưng thiên hạ nghĩ bà ấy không nên nói về chồng như thế.”

“Nhưng mấy chị phải nhớ bà ấy đã ra đời thế nào chứ.” Martha Crothers nói.

“Sao, thế nào?”

“Tên hồi con gái của bà ấy là Bessy Talbot, quê ở miền thượng Tây. Một đêm nhà bố bà ấy bị cháy, giữa cảnh náo loạn nguy biến thì Bessy chào đời... ngoài vườn... dưới sao.”

“Lãng mạn quá!” Myra Murray nói.

“Lãng mạn ư! Tôi lại thấy việc đó không được đúng đắn cho lắm.”

“Nhưng cứ thử nghĩ đến việc sinh ra dưới bầu trời sao xem!” Myra mơ màng nói. “Chao ôi, hẳn bà ấy là đứa con của các vì sao... lấp lánh... xinh đẹp... can đảm... chân thực ánh mắt lung linh.”

“Bà ấy đúng là như thế,” Martha nói, “dù có phải là nhờ các vì sao hay không. Bà ấy cũng một thời gặp khó khăn ở Lowbridge vì thiên hạ nghĩ vợ mục sư phải hết sức đoan trang từ tốn. Chao ôi, một hôm có ông già bắt gặp bà ấy múa hát bên nôi đứa con, ông ta bèn răn rằng không nên vui mừng như thế mà phải đợi đến bao giờ biết nó có ứng cử không đã.”

“Nhân nói về em bé, mấy chị có biết hôm nọ Mary Anna nói sao không, Mẹ ơi, con bé nó, nữ hoàng có em bé không?”

“Chắc đó là Alexander Wilson,” bà Allan nói. “Một kẻ ưa cầu nhàu bẩm sinh, nếu trên đời thật sự có người nào sinh ra đã ưa cầu nhàu. Tôi nghe nói ông ta không cho người nhà ho he tiếng nào trong giờ ăn. Còn cười thì... nhà ông ta chẳng bao giờ có tiếng cười.”

“Cứ nghĩ một nhà không có tiếng cười xem” Myra nói. “Chao ôi, chuyện đó thật... bất kính.”

“Mỗi khi không muốn nói với vợ, Alexander ngâm cầm cả ba ngày liền,” bà Allan nói tiếp. “Đúng là nhẹ nhõm cho bà ta,” bà nói thêm. Ít ra Alexander đó cũng còn làm ăn trung thực bà Grant Clow nói cứng nhắc. Alexander đó là anh họ xa của bà mà nhà Wilson lại có tinh thần gia đình. “Khi chết đi ông ấy để lại bốn ngàn đô la.”

“Phải để lại như thế ông ta tiếc lắm nhỉ,” Celia Reese nói.

“Em trai Jeffry của ông ấy chẳng để lại được một xu,” bà Clow nói. “Tôi phải thừa nhận trong nhà đó Jeff là kẻ vô tích sự. Có Chúa biết, ông ta suốt ngày cười với cợt. Kiếm được xu nào là tiêu hết... với ai cũng thân thiết được rồi chết đi không một xu dính túi. Cứ lòng bông cười đùa vậy rồi ông ta nhận được gì ở cuộc đời?”

“Có lẽ không nhiều,” Myra nói, “nhưng cứ nghĩ đến tất cả những gì ông ta đem đến cho cuộc đời xem. Ông ta luôn cho đi... sự cô vũ, niềm đồng cảm, lòng thân ái, thậm chí cả tiền. Ít ra ông ta có nhiều bạn bè còn thì ông Alexander cả đời không có lấy một người bạn.”

“Bạn bè Jeff đâu có chôn cất cho ông ta,” bà Allan bẻ lại Alexander phải lo tất... dựng một cái bia thật tử tế cho ông ta nữa. Mất cả trăm đô la.”

“Nhưng khi Jeff hỏi mượn anh trai một trăm để trả tiền phẫu thuật có thể cứu mạng ông ta, chẳng phải Alexander đã từ chối sao?” Celia Drew hỏi.

“Thôi nào, thôi nào, ta đang trở nên hà khắc quá rồi,” bà Can phản đối. “Suy cho cùng chúng ta không sống trong một thế giới toàn cục và lưu ly nên ai cũng có lỗi lầm cả.”

“Hôm nay Lem Anderson cưới Dorothy Clark đấy,” bà Millison nói, nghĩ bụng đã đến lúc cuộc trò chuyện chuyển sang một hướng vui vẻ hơn. “Mà chưa được một năm từ khi cậu ta thề sẽ bắn nát óc mình nếu Jane Elliott không chịu cưới.”

“Lũ thanh niên vẫn nói những thứ lạ lùng vậy mà,” bà Chubb nói. “Chúng giữ kín chuyện đó lắm... mãi đến ba lần trước mới tiết lộ là đã đính hôn. Tuần trước tôi có nói chuyện với mẹ cậu ta mà bà ấy nói bóng gió gì về một đám cưới sớm vậy đâu. Tôi không chắc là mình thích kiểu đàn bà gì mà cứ tầm ngấm tầm ngấm như Nhân Sư vậy.” “Tôi ngạc nhiên thấy Dorothy Clark cưới cậu ta đấy,” Agatha Drew nói. “Tôi cứ tưởng mùa xuân rồi con bé và Frank Clow sẽ thành đôi.”

“Tôi nghe Dorothy nói Frank là người xứng hợp nhất nhưng quả là nó không chịu nổi khi nghĩ sáng sáng thức dậy phải thấy cái mũi đó chìa ra trên ra giường.”

Bà Elder Baxter rùng mình kiêu mấy bà cô không chồng và không chịu cười cùng mọi người.

“Các chị không nên nói những thứ như thế trước mặt cô gái trẻ như Edith,” Celia nói, nháy mắt qua cái chặn.

“Ada Clark đính hôn chưa?” Emma Pollock hỏi.

“Chưa không hẳn,” bà Milison nói. “Mới hy vọng. Nhưng con bé sẽ giành được cậu ta thôi. Mấy cô gái đó đều khéo chọn chồng cả. Chị nó là Pauline cưới được trang trại ngon lành nhất đằng cảng.”

“Pauline xinh nhưng con bé toàn những ý nghĩ ngớ ngẩn,” bà Milgrave nói.

“Đôi khi tôi nghĩ con bé chẳng bao giờ khôn ngoan ra được.”

“Ồ, có chứ,” Myra Murray nói. “Một ngày nào đó con bé sẽ có con cái rồi sẽ học được ở chúng sự sáng suốt..như chị và tôi vậy.”

“Lem và Dorothy định sống ở đâu?” bà Meade hỏi.

“Ồ, Lem có mua một trang trại ở Bắc Glen. Nhà cũ của Carey, chị biết đấy, chỗ bà Roger Carey tội nghiệp giết chồng ấy.”

“Giết chồng ư!”

“Ồ, tôi sẽ không nói ông ta không xứng đáng nhận điều đó đâu nhưng ai cũng nghĩ bà ấy đi hơi quá xa. Đùng - bỏ thuốc diệt cỏ trong chén trà của ông ta... hay xúp nhĩ? Ai cũng biết chuyện đó nhưng chưa ai làm gì cả. Làm ơn đưa tôi cái ống chì, Celia.”

“Nhưng bà Millison này, bà muốn nói bà ta chưa từng bị xét xử... hay bị trừng phạt ư” bà Campbell há hốc.

“Ấy, không ai muốn đưa hàng xóm vào tình cảnh như vậy. Nhà Carey có quan hệ lớn ở Bắc Glen. Và lại, bà ấy bị đồn đến đường cùng. Dĩ nhiên không ai ủng hộ chuyện giết người như thói quen nhưng nếu có ai đang bị giết thì đó là Roger Carey. Bà ấy sang Mỹ rồi tái hôn. Bà ấy chết đã nhiều năm rồi. Chồng thứ hai sống lâu hơn. Chuyện ấy xảy ra ngày tôi còn con gái. Họ thường nói bóng ma Roger Carey hay lảng vảng.”

“Thời khai sáng này chắc chẳng ai lại tin có ma,” bà Baxter nói.

“Sao ta không được tin có ma?” Tillie MacAllister hỏi. “Ma thú vị chứ. Tôi biết một ông bị ma ám, con ma lúc nào cũng cười ông ta... kiểu như nhếch mép ấy. Làm ông ta bực điên. Làm ơn cho mượn cây kéo đi bà MacDougall.”

Cô dâu nhỏ đã được hỏi kéo hai lần bèn đưa qua, mặt đỏ lựng. Cô vẫn chưa quen được gọi là bà MacDougall.

“Nhà Truax cũ đằng cảng bị ma ám nhiều năm trời...khua gõ khắp nhà”... một chuyện hết sức kỳ bí,” Christine Crawford nói.

“Nhà Truax ai cũng xấu bụng mà,” bà Baxter nói.

“Dĩ nhiên nếu ta không tin vào ma thì chuyện như thế không thể xảy ra được,” bà MacAllister nói về hồn đồi.

“Nhưng em tôi làm trong một nhà ở Nova Scotia bị những tiếng cười khúc khích ám.”

“Ma gì vui quá!” Myra nói. “Tôi sẽ không phiền chuyện đó đâu.”

“Giống như là cú ấy nhì,” bà Baxter vẫn cương quyết hồ nghi nói.

“Trước lúc chết mẹ tôi thấy thiên thần quanh giường,” Agatha Drew nói với vẻ đắc thắng ai oán.

“Thiên thần đâu phải ma,” bà Baxter nói.

“Nhân nói đến mẹ, chú Parker nhà chị sao rồi, Tillie?” bà Chubb hỏi.

“Thình thoảng yếu lắm. Chúng tôi không biết sẽ thế nào. Làm chúng tôi bế tắc cả... ý tôi là trong việc chuẩn bị quần áo mùa đông. Nhưng hôm nọ khi bàn chuyện đó tôi đã bảo cô em, Thôi ta cứ lo đồ tang đi, tôi nói, rồi thì chuyện gì xảy ra cũng được.”

“Mấy chị biết hôm nọ Mary Anna nói gì không? Con bé nói, Mẹ ơi, con không xin Chúa làm cho tóc con quăn nữa đâu. Cả tuần nay đêm nào con cũng xin mà Ngài chẳng làm gì cả.”

“Tôi đã xin Ngài một điều suốt hai mươi năm,” bà Bruce Duncan nói chua chát, nãy

giờ bà không hề nói hay ngược đôi mắt đen lên khỏi tấm chắn. Bà có tiếng là may mắn đẹp... có lẽ vì bà không bao giờ xao nhãng vì chuyện phiếm mà chỉ lo khâu thật chính xác từng mũi.

Một sự im lặng chốc lát trùm xuống vòng người. Ai cũng đoán biết được điều bà cầu xin... nhưng đó không phải chuyện để bàn trong buổi may mắn. Bà Duncan không nói nữa.

“Có đúng là May Flagg với Billy Carter đã chia tay và cậu ta đang hẹn hò với một người nhà MacDougan đang vắng không?” Martha Crothers hỏi sau một khoảng dừng phải phép.

“Phải. Dù không ai biết chuyện gì xảy ra.”

“Thật buồn...đôi khi những chuyện nhỏ làm tan vỡ các đám,” Candace Crawford nói. “Dick Pratt với Lilian MacAllister chẳng hạn... cậu chàng đang chuẩn bị cầu hôn cô nàng tại buổi dã ngoại thì bị chảy máu cam. Cậu ta phải đi ra suối... gặp một cô gái lạ cho mượn khăn tay. Cậu ta đem lòng yêu mến và rồi trong vòng hai tuần thì họ cưới nhau.”

“Các chị nghe chuyện xảy ra với Jim MacAllister Béo đêm thứ Bảy tuần rồi ở cửa hiệu của Milt Cooper đằng Cửa Vịnh chưa? bà Simon hỏi, nghĩ bụng đã đến lúc ai đó giới thiệu một chủ đề vui vẻ hơn là ma quỷ và phụ tình. “Anh ta mắc thói quen ngồi lên lò suốt mùa hè. Nhưng đêm thứ Bảy lạnh nên Milt đốt lò sưởi. Vì vậy khi Jim Béo tội nghiệp ngồi xuống... thì bóng cả cái...” ,

Bà Simon không nói anh ta bị bóng cái gì mà lảng lảng vỗ một phần thân.

“Mông,” Walter nói nghiêm trang, chui đầu qua màn cây leo. Thật tình cậu tưởng bà Simon không nhớ ra từ cần.

Một sự im lặng thất kinh trùm xuống những người may mắn. Walter Blythe ở đó từ này giờ sao? Ai cũng cố nhớ lại xem có chuyện nào cực kỳ không phù hợp với đôi tai trẻ con. Nghe nói phu nhân bác sĩ Blythe rất chú trọng chuyện con cái mình nghe thấy những gì. Lưỡi họ chưa hết tê liệt thì Anne ra mời họ vào ăn tối.

“Mười phút nữa thôi, cô Blythe ạ. Lúc ấy bọn tôi sẽ xong cả hai tấm chắn,” Elizabeth Kirk nói.

Mấy tấm chắn đã xong, họ lấy ra, giữ, giảng lên và trầm trở.

“Tôi thắc mắc không biết ai sẽ ngủ dưới tấm chăn này,” Myra Murray nói.

“Có lẽ một người mới làm mẹ ôm đứa con đầu lòng,” Anne nói.

“Hay những đứa trẻ bé bỏng cuộn mình một đêm thảo nguyên lạnh giá,” bắt ngờ cô Cormnelia nói.

“Hay một tấm thân thấp khóp già cả tội nghiệp sẽ được ấm hơn,” bà Meade nói.

“Tôi mong không có ai qua đời dưới tấm chăn này,” bà Baxter buồn bã nói.

“Mấy chị biết trước khi tôi tới Mary Anna nói gì không? bà Donald hỏi khi từng người một vào phòng ăn. ‘Nó nói,’ Mẹ ơi, đừng quên mẹ phải ăn cho hết phần trên đĩa mình đấy.”

Vậy là tất cả cùng ngồi xuống ăn uống vinh danh Chúa, vì cả buổi chiều họ đã hoàn thành tốt đẹp một việc và xét cho cùng, hầu như chẳng có ai hiếm độc gì lắm.

Ăn tối xong họ về nhà. Jane Burr đi xa làng nhất cùng bà Simon Millison.

“Tôi phải nhớ mọi món ăn để về kể cho mẹ,” Jane băng khuôn nói, không biết Susan đang đếm thìa. “Từ khi nằm liệt giường mẹ tôi không bao giờ bước chân ra khỏi nhà nhưng thích nghe chuyện lắm. Cái bản đồ sẽ là bữa tiệc cho bà.”

“Y như mấy bức hình ta thấy trong tạp chí ấy,” bà Simon thờ dãi đồng tình. “Tôi cũng nấu được bữa tối ngon lành như ai, nếu tôi muốn, nhưng tôi không biết trình bày bản ăn đầy phong cách như vậy. Còn về thằng bé con Walter ấy hả, tôi mới muốn đét đít nó làm sao chứ. Nó dọa tôi một cú điểnng người!”

“Anh thấy hình như Bên Ánh Lửa toàn những nhân vật chán ngắt đúng không?” bác sĩ nói.

“Em không may mắn,” Anne nói, “nên em không nghe được họ nói những chuyện gì.”

“Cháu chẳng bao giờ nghe cả, cưng à,” cô Comelia nói, cô nán lại giúp Susan buộc chân. “Có cháu ở buổi may chân thì họ sẽ không mặc sức. Họ nghĩ cháu không tán thành chuyện ngồi lê đôi mách.”

“Tùy theo loại gì chứ,” Anne nói.

“Ừ, thật ra hôm nay chẳng ai nói gì khủng khiếp quá. Hầu hết người họ nhắc đến đều đã chết... hay đáng ra phải chết,” cô Comelia nói, nhớ lại câu chuyện đám tang bị hủy của Abner Cromwell mà cười. “Chỉ có bà Millison lại phải lo vụ án mạng cũ khủng khiếp đó của Madge Carey với chồng. Ta nhớ hết chuyện đó. Không có vết tích bằng chứng rằng Madge làm việc ấy... trừ chuyện con mèo chết sau khi ăn chút xúp. Con vật đó bệnh cả tuần rồi. Nếu cháu hỏi ta thì Roger Carey chết vì viêm ruột thừa... dù dĩ nhiên hồi ấy không ai biết mình có ruột thừa.”

“Quả thật tôi nghĩ đáng tiếc là người ta lại phát hiện ra,” Susan nói. “Thì còn đủ cả, cô bác sĩ thân yêu khấn trái bàn thì không có vấn đề gì.”

“Thôi ta phải về đây,” cô Comelia nói. “Tuần tới khi nào Marshall mổ heo ta sẽ gửi cho cháu ít sườn.”

Walter lại ngồi trên mây bạc thêm, mắt mơ màng. Hoàng hôn đã buông xuống. Cậu tự hỏi, nó từ đâu buông xuống? Có phải một linh hồn vĩ đại nào có đôi cánh dơi trút nó ra khắp thế gian từ một cái vại màu tím? Trăng đang lên và trên đồi ba cây vân sam già oăn mình trong gió trông như ba mũ phù thủy gù già khú gầy nhom đang khập khiễng trèo lên đồi. Có phải con yêu tinh nhỏ hai tai lông lá đang lom khom trong bóng tối đấy không? Giả sử ngay lúc này đây cậu mở cánh cửa trong bức tường gạch, liệu cậu có bước vào, không phải khu vườn lũng danh đâu mà là một xứ thiên thai lạ kỳ nào đó, nơi các công chúa tỉnh khỏi giấc ngủ mùa mê, nơi có lẽ cậu sẽ tìm thấy rồi đi theo Tiếng Vọng như cậu hằng mơ ước? Ta không dám cất tiếng. Vì chỉ cần lên tiếng thôi thì một điều gì đó sẽ tan biến mất.

“Con yêu,” mẹ cậu đi ra nói, “con không được ngồi đây thêm nữa. Trời đang lạnh. Nhớ cổ họng con đấy.”

Lời nói ra đã làm tan bùa mê. ánh sáng huyền hoặc đã mất. Bãi cỏ vẫn là nơi đẹp đẽ nhưng không còn là xứ thần tiên nữa. Walter đứng lên.

“Mẹ, mẹ kể con nghe chuyện xảy ra ở đám tang Peter Kirk nhé?” Anne nghĩ ngợi một lát... rồi rùng mình.

“Không phải bây giờ, con yêu. Có lẽ... lúc nào đó...”

Chương 33

Anne, một mình trong phòng riêng... vì có điện gọi Gilbert đi rồi... ngồi xuống bên cửa sổ đôi phút để tương thông với cái dịu dàng của đêm và thương thức sức quyến rũ thần tiên của căn phòng sáng trắng. Ai đó muốn nói sao thì nói, Anne thầm nghĩ, nhưng căn phòng sáng trắng bao giờ cũng có gì đó lạ lùng. Tính cách nó đối khác hoàn toàn. Không thân thiện lắm... không con người lắm. Nó xa xôi cách biệt và thu mình trong thế giới riêng. Gần như nó xem ta là kẻ xâm nhập.

Cô hơi mệt sau ngày bận rộn còn giờ thì khắp nơi đều yên tĩnh tuyệt vời... bảy trẻ đã ngủ, Bên Ánh Lửa đã trật tự trở lại. Trong nhà không một âm thanh ngoài tiếng thỉnh thoảng đều đều từ Susan đang nhồi bột bánh mì trong bếp.

Những âm thanh của đêm vọng qua cửa sổ mở, Anne biết và yêu thích từng thanh âm đó. Tiếng cười êm từ cảng vắng lại trong không khí êm đêm. Có ai đang hát dưới Glen, nghe như những nốt nhạc ám ảnh của một bài ca nào đã lâu rồi. Trên biển có những lối đi trắng soi ánh bạc, nhưng Bên Ánh Lửa phủ trùm bóng tối. Cây cối thì thầm “những câu đố đời xưa” và một con cú đang kêu trong Thung Lũng Cầu Vồng.

“Mùa hè năm nay mới hạnh phúc làm sao,” Anne nghĩ... và rồi có chút nhói đau khi nhớ lại điều cô nghe từ Highland Kitty ở Bắc Glen từng nói... “một mùa hè không bao giờ đến hai lần”.

Không bao giờ hoàn toàn như trước. Một mùa hè nữa sẽ đến... nhưng bọn trẻ sẽ lớn thêm chút nữa và Rilla sẽ đến trường... “và mình sẽ không còn bé con nào nữa,” Anne buồn bã nghĩ. Jem giờ lên mười hai và đã nhắc đến “Kỳ thi vào đại học”... Jem mà hôm qua đây thôi hãy còn là cậu bé trong Ngôi Nhà Mơ Ước cũ. Walter đang lớn nhanh như thổi và chính sáng hôm ấy cô nghe Nan gheo Di về một “cậu bé” nào đó ở trường, Di đỏ mặt và hất mái tóc đỏ hoe. Thôi cuộc sống là vậy. Niềm vui và nỗi buồn... hy vọng và lo sợ... và đổi thay. Luôn đổi thay! Ta không thể ngăn nó được. Ta phải để cái cũ đi và mở lòng đón nhận cái mới... học cách yêu mến nó và rồi lại để nó ra đi. Mùa xuân, dù đáng yêu là vậy, phải nhường cho mùa hạ rồi mùa hạ mất mình cho mùa thu. Chào đời... đám cưới... chết...

Anne chợt nghĩ đến chuyện Walter đòi kể cho nghe sự việc xảy ra tại đám tang Peter Kirk. Đã nhiều năm rồi cô không nghĩ đến, nhưng cô không quên. Cô cảm thấy chắc chắn rằng không ai có mặt ở đây mà đã quên hay sẽ quên. Ngồi đó trong buổi chiều chạng vạng sáng trắng cô nhớ lại tất cả.

Đó là vào tháng Mười một... tháng Mười một đầu tiên họ ở Bên Ánh Lửa... theo sau

một đợt nóng như mùa hè vào cuối thu. Nhà Kirk sống ở Mowbray Narrows nhưng đi nhà thờ Glen và Gilbert là bác sĩ của họ; nên cả anh và Anne đều đi dự đám tang.

Cô nhớ đó là một ngày ẩm áp, êm đềm, xanh ngọc trai. Khắp quanh họ là cảnh vật nâu tím dịu hiu thảng Mười một, mặt trời soi qua nhưng kẽ nứt trong mây tạo thành những vạt nắng đây đó trên triền cao con dốc. “Kirkwynd” gần bờ biển đến mức một làn gió mặn thổi qua rừng linh sam nghiêm nghị sau nhà. Đó là một ngôi nhà lớn trông thịnh vượng nhưng Anne vẫn luôn thấy chái chữ L trông hết như một khuôn mặt dài duột, khinh bạc.

Anne dừng lại để chuyện trò với đám bà đang tụm lại trên bãi cỏ cứng không hoa. Họ đều là những người làm việc chăm chỉ từ tẻ, đối với họ đám tang không phải là một sự kiện háo hức khó chịu.

“Tôi quên mang theo khăn tay rồi,” bà Bryan Blake than vãn. “Nếu khóc thì tôi làm sao đây?”

“Sao chị lại phải khóc?” em dâu bà là Camilla Blake hỏi cộc lốc. Camila không ưa đàn bà quá mau nước mắt. “Peter Kirk đâu phải bà con với chị mà chị cũng đâu ưa gì ông ta.”

“Tôi nghĩ khóc tại đám tang là đúng mực,” bà Blake nói cứng nhắc. “Nó thể hiện tình cảm khi một hàng xóm được triệu hồi đến ngôi nhà trường cừ.”

“Nếu ngoài những người thích peter ra không ai khóc tại đám tang ông ta cả thì sẽ chẳng có nhiều mắt ướt đâu” bà Curtis Rodd nói lạnh nhạt. “Đó là sự thật nên sao không nói toạc ra? Ông ta là một lão bịp sùng đạo và tôi biết điều đó nếu không ai biết nữa cả. Ai đang tiến đến cánh cổng nhỏ thế kia? Đứng... đừng nói với tôi là Clara Wilson đấy nhé.”

“Đúng đấy,” bà Bryan thì thầm, mặt tỏ vẻ không tin nổi.

“Thôi được, mấy chị biết là sau khi vợ đầu của Peter mất thì cô ta nói chừng nào đến dự đám tang ông ta thì cô ta mới tới nhà, và cô ta đã giữ lời,” Camilla Blake nói. “Cô ta là em của vợ đầu Peter,”... giải thích riêng cho Anne đang tò mò nhìn Clara Wilson khi cô lướt qua mà không nhìn thấy họ, đôi mắt màu hổ phách nung nấu nhìn thẳng trước mặt. Cô là người đàn bà mảnh khảnh có gương mặt bi thảm, đôi mày đen, mái tóc đen dưới cái mũ vành buồn cười mà đàn bà lớn tuổi vẫn còn đội... một thứ có lông vũ và “hạt huyền” với tấm mạng ít vải ngắn đến ngang mũi. Cô không nhìn hay nói chuyện với ai cả, chiếc váy vải bóng đen sột soạt trên cỏ khi cô bước lên mấy bậc thềm.

“Jed Clinton ở cửa kia, khoác bộ mặt đưa đám” Camila mĩa mai. “Rõ ràng hẳn ta nghĩ đã đến lúc chúng ta phải vào. Lúc nào cũng huênh hoang là tại đám tang hẳn tổ chức mọi thứ đều diễn ra đúng như dự kiến. Hẳn không bao giờ tha thứ cho Winnie Clow vì xiêu trước khi có bài thuyết giáo. Lẽ ra bà ta xiêu sau đó thì chuyện đã không tệ đến thế. Chà, chắc không ai ngắt tại đám tang này đâu. Olivia không phải kiểu dễ ngắt.”

“Jed Clinton... người lo dịch vụ tang lễ ở Lowbridge,” bà Reese nói. “Sao họ không thuê người ở Glen?”

“Ai? Carter Flagg à? Sao thế, bà thân mến, cả đời Peter và ông ta cứ hăm hè choảng nhau. Carter muốn cưới Amy Wilson mà, các chị biết đấy.”

“Rất nhiều người muốn cưới bà ấy,” Camilia nói. “Hồi xưa bà ấy rất xinh đẹp, tóc đỏ đồng và đôi mắt đen như mực. Dù hồi ấy thiên hạ nghĩ trong hai người thì Clara đẹp hơn. Lại là cô ta không bao giờ lấy chồng. Cuối cùng thì mực sư cũng tới kia... có đức cha Owen ở Lowbridge đi cùng nữa. Dĩ nhiên ông ta là em họ của Olivia. Ôn cả trừ chuyện ông ta cứ đưa nhiều ‘ôi’ vào bài cầu nguyện quá. Ta nên vào thôi kéo Jed lại nổi cơn.”

Trên đường đến ghế ngồi Anne dừng lại nhìn Peter Kirk. Cô chưa hề thích ông ta. “Mặt ông ta tàn nhẫn,” lần đầu tiên thấy ông ta cô đã nghĩ như vậy. Đẹp, phải... nhưng đôi mắt lạnh như thép ngay từ hồi ấy đã húp híp, cái miệng của kẻ keo kiệt mỏng dính núng lại tàn nhẫn. Ông ta nổi tiếng là ích kỷ và kiêu ngạo trong cách cư xử với đồng loại dù có nghề nghiệp ngoan đạo và mấy bài cầu nguyện ngọt xót. “Bao giờ cũng cảm thấy mình quan trọng,” có lần cô nghe ai đó nói. Nhưng nhìn chung thì ông ta được tôn trọng và kính nể.

Ông ta cao ngạo lúc còn sống cũng như khi đã chết và có gì nơi mấy ngón tay dài chắp lại bên trên ngực im lìm làm Anne rùng mình. Cô nghĩ đến trái tim người đàn bà bị nắm giữ trong đó và liếc nhìn Olivia Kirk, mặc đồ tang ngồi đối diện cô. Olivia là một phụ nữ cao ráo, xinh đẹp đôi mắt xanh to... “tôi không chịu được đàn bà xấu,” Peter Kirk từng nói... nhưng mặt cô điềm nhiên và vô hồn. Không có dấu vết nước mắt rõ ràng... nhưng, nghĩ lại thì Olivia là người nhà Random mà nhà Random không phải kiểu mau nước mắt, ít nhất cô cũng ngồi nghiêm trang và góa phụ đau khổ nhất trên đời cũng không thể nào mặc đồ tang nặng nề hơn.

Không khí ngậy mùi thơm của hoa xếp hai bên quan tài... cho Peter Kirk, người chưa hề biết đến sự tồn tại của hoa. Chi hội của ông ta gửi đến một vòng hoa, nhà thờ gửi một vòng, Hội Bảo thủ gửi một vòng, các ủy viên trường học gửi một vòng, Hội Phô mai gửi một vòng. Đứa con trai độc nhất, từ lâu đã xa lạ thì không gửi gì, nhưng

dại diện dòng họ Kirk gửi một mỏ neo to hoa hồng trắng có hàng chữ “Cuối cùng cũng đã về nơi nương náu” bằng nũ hồng đỏ chạy ngang, và còn một vòng hoa của chính Olivia ... một vòng huệ trắng. Camilla Blake nhắm mắt khi nhìn thấy nó và Anne nhớ cô từng nghe Camilla kể rằng không lâu sau đám cưới thứ hai của Peter cô ta có mặt ở Kirkwynd đúng lúc Peter ném chậu hoa huệ trắng mà cô dâu cầm theo ra cửa sổ. Ông ta nói rằng sẽ không để nhà mình chen chúc đồ tang.

Đường như Olivia đã rất điềm tĩnh chấp nhận, sau đó ở Kirkwynd không còn huệ trắng nữa. Phải chăng Olivia... nhưng Anne nhìn gương mặt bình thần của bà Kirk mà bỏ qua điều nghi ngờ. Suy cho cùng, người bán hoa thường gợi ý nên dùng loại hoa nào.

Dàn đồng ca hát “Cái chết như biển hẹp ngăn cách nước Chúa với nước chúng ta” rồi Anne bắt gặp ánh mắt Camila và biết cả hai đang tự hỏi Peter Kirk sẽ khớp làm sao vào nước Chúa ấy. Anne gần như còn nghe được Camilia nói, “Nếu dám thì cứ tưởng tượng Peter Kirk bên cây đàn hạc và có vầng hào quang xem.”

Đức cha Owen đọc một chương rồi cầu nguyện, cùng nhiều “ôi” và nhiều khăn nài những trái tim đang sầu đau nên thấy được an ủi. Mục sư ở Glen có bài phát biểu mà nhiều người thầm cho là thái quá, dù đã chấp nhận thực tế rằng ta phải nói gì đó tốt đẹp về người chết. Nghe gọi Peter Kirk là một người cha triu mến và người chồng dịu dàng, một hàng xóm tốt bụng và một tín đồ Cơ Đốc nhiệt thành thì họ cảm thấy đó là sự lạm ngôn. Camila tìm chỗ nấp sau khăn tay, không phải để rơi nước mắt, còn Stephen Macdonald hắng giọng vài lần. Bà Bryan hẳn đã mượn được khăn tay của ai đó, vì bà đang thút thít vào khăn, nhưng đôi mắt xanh Olivia cúi xuống vẫn ráo hoảnh.

Jed Clinton hít một hơi nhẹ nhõm. Cho đến lúc này mọi chuyện đều diễn ra tuyệt vời. Một bài thánh ca nữa... diễu hành theo tục lệ để nhìn lần cuối “đi hài”... rồi thì một đám tang thành công nữa sẽ thêm vào danh sách dài của ông ta.

Có chút lao xao ở một góc gian phòng lớn và rồi Clara Wilson đi qua ma trận những hàng ghế đến chiếc bàn bên quan tài. Ở đó cô quay lại nhìn về nhóm người họp mặt. Chiếc mũ cột dây buồn cười hơi tuột qua một bên nên một lọn tóc đen dày buông lơ trên vai. Nhưng không ai thấy Clara Wilson lộ bích. Khuôn mặt dài tái xanh ửng đỏ, đôi mắt bị thâm ám ảnh đang bùng bùng. Cô là người đàn bà ám ảnh. Cay đắng, như một căn bệnh vô phương cứu chữa ăn dần ăn mòn nào đó, dường như đã lan khắp người cô.

“Quý vị vừa nghe toàn điều dối trá... quý vị là những người đến đây để ‘tỏ lòng kính trọng’... hay thỏa óc tò mò, bất kể đó là gì. Giờ tôi sẽ nói cho quý vị biết sự thật về Peter Kirk. Tôi không phải người đạo đức giả... tôi không bao giờ sợ hấn khi còn sống và cũng không sợ khi giờ hấn đã chết. Chưa từng có ai dám nói thẳng thắn vào mặt hấn

sự thật về hắn nhưng giờ thì sẽ được nói... ở đây tại đám tang mà hắn được gọi là một người chồng tốt và một người hàng xóm tử tế. Một người chồng tốt ư! Hắn cưới chị Amy của tôi... người chị xinh đẹp của tôi, Amy. Quý vị đều biết chị dễ thương và yêu kiều thế nào. Hắn làm cho đời chị ấy khốn khổ. Hắn hành hạ và làm nhục chị... hắn thích làm vậy. Ô, hắn đi nhà thờ đều đặn... cầu nguyện lê thê và trả nợ nần. Nhưng hắn là bạo chúa và kẻ áp bức... đến con chó của hắn cũng bỏ chạy khi nghe hắn đến gần.

“Tôi nói với Amy là chị sẽ hối hận vì lấy hắn ta. Tôi giúp chị may váy cưới... tôi tha may vài liệm cho chị còn hơn. Hồi ấy chị si mê hắn ta điên dại, tội nghiệp chị, nhưng chị làm vợ hắn chưa được một tuần thì đã biết hắn là thế nào. Mẹ hắn đã là nô lệ nên hắn mong vợ mình cũng là nô lệ. ‘Trong nhà của tôi sẽ không có tranh luận,’ hắn nói với chị. Chị không có can đảm để tranh luận... lòng chị tan nát. Ô, tôi biết chị trải qua những gì, chị yêu quý xinh đẹp tội nghiệp. Hắn ngăn cản chị trong mọi chuyện. Chị không được có một vườn hoa... chị không được nuôi một con mèo... tôi cho chị một con thì hắn trấn nước cho chết. Chị phải ghi chép đảng hoàng cho hắn từng xu dù tiêu. Có ai trong quý vị từng thấy chị mặc cái gì đảng hoàng tử tế chưa? Hắn sẽ bắt lỗi vì chị đội cái mũ đẹp nhất nếu trời như muốn mưa. Mưa không được làm hư cái mũ của chị con người tội nghiệp. Mà chị là người thích áo quần xinh đẹp! Hắn luôn chế nhạo mọi người. Cả đời hắn chưa bao giờ cười... đã ai trong quý vị nghe hắn thật sự cười chưa? Hắn mím cười... ồ phải, hắn luôn mím cười, bình thản và ngọt lịm khi gây ra những điều buồn đau phiền muộn nhất. Hắn mím cười bảo chị sau khi đưa con đầu chết lúc lọt lòng rằng chị cũng nên chết quách đi, nếu chị không thể sinh ra thứ gì ngoài chuột chết. Mười năm sau thì chị chết... và tôi mừng chị đã thoát được hắn. Lúc ấy tôi đã nói với hắn tôi sẽ không bước chân vào nhà hắn cho đến chừng nào đến dự đám tang hắn. Một số quý vị có nghe tôi nói. Tôi đã giữ lời và giờ tôi đến để nói sự thật về hắn. Đó là sự thật... Ông biết điều đó”... cô giận dữ chỉ vào Stephen Macdonald... “Bà biết điều đó”... ngón tay dài phóng về Camilia Blake... “Bà biết điều đó”... Olivia Kirk không hề nhúc nhích... “Ông biết điều đó”... chính mục sư tội nghiệp cũng cảm thấy như thể ngón tay đó đâm xuyên qua mình. “Tôi đã khóc tại đám cưới Peter Kirk nhưng tôi bảo hắn tôi sẽ cười tại đám tang hắn. Và tôi sẽ làm vậy.”

Cô thịnh nộ quay ngoắt lại rồi cúi bên quan tài. Những sai trái mừng mù bao năm đã được rửa hận. Cuối cùng cô đã trút được nỗi căm giận. Toàn thân cô run lên vì chiến thắng và mãn nguyện khi cô nhìn xuống bộ mặt im lìm lạnh ngắt của người chết. Ai cũng chờ nghe tiếng cười thù hận vỡ ra. Nhưng không. Khuôn mặt giận dữ của Clara Wilson bất thần biến đổi... co rúm... nhẵn lại như mặt đứa trẻ. Clara đang... khóc.

Nước mắt giàn giụa xuống đôi má lấm lem, cô quay lại để rời phòng. Nhưng Olivia Kirk lên trước mặt cô và để tay lên cánh tay cô. Trong chốc lát hai người đàn bà nhìn nhau. Căn phòng chìm trong im lặng.

“Cảm ơn Clara Wilson,” Olivia Kirk nói. Mặt cô cũng khó dò như trước nay vẫn vậy, nhưng trong giọng nói điềm nhiên đều đều có một ẩn ý làm Anne rung mình. Cô cảm thấy như thể một cái hồ thành linh mở ra trước mắt. Clara Wilson có thể căm thù Peter Kirk, còn sống hay đã chết, nhưng Anne cảm thấy nỗi hận thù của cô còn quá yếu ớt so với lòng căm thù của Olivia Kirk.

Clara nước mắt giàn giụa đi ra, ngang một Jed thịnh nộ với một đám tang đã hồng trong tay. Mục sư, định tuyên bố cho bài thánh ca cuối cùng, “Yên nghỉ trong lòng Chúa,” nghĩ lại nên chỉ rụt rè tuyên bố ban phước. Jed không có thông báo thường lệ là bạn bè bà con giờ có thể nhìn vĩnh biệt “thì hài”. Thứ nghiêm trang duy nhất có làm, ông ta cảm thấy, là đẩy ngay nắp quan tài và đem chôn Peter Kirk cho khuất mắt càng nhanh càng tốt.

Anne hít vào một hơi sâu bước xuống mấy bậc thềm. Không khí trong lành lạnh ngắt dễ chịu làm sao sau căn phòng ngột ngạt, đầy mùi hoa cùng nỗi cay đắng của hai người đàn bà như tra tấn họ. Buổi chiều đã lạnh hơn và xám hơn. Từng nhóm nhỏ đây đó trên bãi cỏ đang thì thầm bàn tán. Vẫn còn thấy Clara Wilson băng qua đồng cỏ úa về nhà.

“Chep, chuyện đó đúng là không tin nổi nhỉ?” Nelson mất hồn nói.

“Choáng váng... choáng váng!” Elder Baxter nói.

“Sao chúng ta không có đôi người ngăn cô ta lại?” Henry Reese hỏi.

“Vì mấy chị đều muốn nghe cái cô ta muốn nói mà,” Camilla bẻ lại.

“Làm vậy không được... trang nghiêm,” chú Sandy MacDougall nói. ông ta đã bắt được một từ vừa lòng nên cứ uốn nắn trong lưỡi. “Không được trang nghiêm. Một đám tang phải trang nghiêm dù nó có thể là gì khác đi nữa... trang nghiêm.”

“Chúa ơi, đời có buồn cười không chứ?” Augustus Palmer nói.

“Khi Peter và Amy mới làm quen tôi đã để ý rồi mà,” James Porter già trầm ngâm. “Mùa đông đó tôi cũng đang tán tỉnh người đàn bà của mình. Ngày ấy Clara xinh đẹp lắm. Mà cô ta làm bánh anh đào thì tuyệt!”

“Cô ta bao giờ cũng là cô gái miệng lưỡi sắc sảo,” Boyce Warren nói. “Khi thấy cô ta tới tôi đã nghĩ sẽ có kiểu chấn động nào đó nhưng không nghĩ nó sẽ có dạng như vậy. Còn Olivia nữa chứ! Mấy chị có tưởng tượng được vậy không? Phụ nữ thật kỳ lạ.”

“Nó sẽ thành câu chuyện ta nhớ đến hết đời cho xem,” Camilia nói. “Suy cho cùng, tôi nghĩ nếu không bao giờ có những chuyện như vậy xảy ra thì lịch sử sẽ là thứ chán phèo.”

Jed nắn lòng gọi mấy người khiêng quan tài xúm lại đưa quan tài ra ngoài.

Khi xe tang chạy xuôi đường, đoàn xe ngựa chậm chậm theo sau, người ta nghe thấy một con chó tru thảm thiết trong chuồng. Có lẽ, cuối cùng thì cũng có một sinh vật đang sống tiếc thương cho Peter Kirk.

Stephen Macdonald đến chỗ Anne khi cô chờ Gilbert. Ông là người ở Bắc Glen cao ráo có cái đầu như hoàng đế La Mã xưa. Anne vẫn luôn mến ông.

“Có mùi như tuyết,” ông nói. “Tôi vẫn luôn thấy như tháng Mười một là thời gian nhớ nhà. Cô có bao giờ nghĩ vậy không cô Blythe?”

“Có. Năm đang buồn bã nhìn lại mùa xuân của mình đã mất.”

“Mùa xuân... mùa xuân! Cô Blythe ạ, tôi đang già đi. Tôi thấy mình nghĩ các mùa đang khác đi. Mùa đông không như đã từng... tôi không nhận ra mùa hè... còn mùa xuân... giờ chẳng có mùa xuân nữa. Ít nhất, đó là cách ta cảm nhận khi người ta từng quen biết không về để cùng chia sẻ. Giờ là Clara Wilson tội nghiệp... cô nghĩ sao về mọi điều ấy?”

“Ồ, thật đau lòng. Hận thù như vậy...”

“Pháiiii. Bà biết không, chính cô ta phải lòng Peter từ lâu yêu khủng khiếp. Ngày ấy Clara là người con gái xinh đẹp nhất Mowbray Narrows... những lọn tóc đen xinh xắn quanh gương mặt trắng mịn... nhưng Amy lại hay cười nói, líu lo. Peter bỏ Clara mà thân thiết với Amy. Cách ta được sinh ra thật kỳ lạ, bà Blythe ạ.”

Một thoáng lay động kỳ quái trong đám linh san toi bởi gió thổi đằng sau Kirkwynd, xa tít ngoài kia một trận gió tuyết làm trắng xóa một ngọn đồi có hàng dương Lombardy đâm lên bầu trời xám xịt. Ai nấy vội vã bỏ đi trước khi gió tuyết tới Mowbray Narrows.

“Minh có quyền hạnh phúc không khi những người đàn bà kia đau khổ như vậy?” Anne tự hỏi khi đánh xe về nhà nhớ lại đôi mắt Olivia Kirk khi cô cảm ơn Clara Wilson.

Anne đứng dậy bên cửa sổ. Chuyện đó cũng gần mười hai năm về trước rồi. Clara

Wilson đã chết còn Olivia Kirk đến sống bên bờ biển và đi bước nữa. Cô trẻ hơn Peter nhiều.

“Thời gian nhân từ hơn ta tưởng,” Anne nghĩ. “Thật là một sai lầm đáng sợ khi ôm mãi cay đắng trong lòng bao năm trời... ôm chặt nó trong tim như một kho báu. Nhưng mình nghĩ chuyện xảy ra tại đám tang Peter Kirk là cái Walter không bao giờ phải biết. Dứt khoát đó không phải câu chuyện cho trẻ con.”

Rilla ngồi trên mấy bậc thềm Bên Ánh Lửa, chân bắt chéo... hai đầu gối nâu nhỏ xíu mồm mím thật dễ thương!... Cô bé đang buồn ơ là buồn. Nếu ai hỏi sao con mèo nhỏ hờn dỗi không vui thế thì ắt người hỏi đã quên mất tuổi thơ, khi mà những chuyện nhỏ nhặt nhất đối với người lớn lại là bi kịch âm u đáng sợ đối với trẻ con. Rilla chìm trong tận cùng tuyệt vọng vì Susan nói bà sẽ nướng ổ bánh bạc vàng cho buổi họp mặt của Viện Mô cô lúc tối nên chiều nay cô bé, Rilla, phải mang bánh đến nhà thờ.

Xin đừng hỏi tôi vì sao Rilla thấy thà chết còn hơn phải xách ổ bánh qua làng đến nhà thờ Giáo hội Trưởng lão ở Glen St. Mary. Đôi lúc trong mấy cái đầu bé bỏng của trẻ nhỏ có những ý niệm lạ lùng, và không hiểu sao trong đầu Rilla nghĩ rằng bị người ta thấy mang bánh đi đâu cũng thật xấu hổ và bẽ mặt. Có lẽ vì, khi chỉ mới lên năm, một hôm bé gặp bà cụ Tillie Pake đang cầm ổ bánh đi trên đường còn cả đám con trai trong làng theo sát gót mà hét lên giễu bà. Bà cụ Tillie sống dưới Cửa Vịnh và là một bà lão rách rưới bẩn thỉu ghê lắm.

“Bà Tillie Pake già

Ăn cắp bánh kem

Cho nên đau bụng.”

Bọn con trai ẽ a thế đấy.

Bị xếp ngang hàng với Tillie Pake là điều Rilla không làm sao chịu nổi. Trong đầu bé đã ăn sâu ý nghĩ ta là “quý cô,” thì không thể nào cầm bánh đi được. Nên đó là lý do bé ngồi chán nản trên thềm và cái miệng nhỏ xíu thân thương, mất một răng cửa, vắng bóng nụ cười mọi ngày. Thay vì trông như thể bé hiểu mấy bông thủy tiên đang nghĩ gì hay chia sẻ với bông hồng vàng một bí mật chỉ hai đứa biết thôi, bé lại trông như người đang tan nát cõi lòng. Ngay cả đôi mắt to nâu nhạt gần như nhắm tít mỗi khi bé cười cũng đau đớn giãy vò, thay vì là hai hồ nước quuyến rũ mọi ngày. “Đúng là mấy bà tiên đã chạm khê vào mắt con,” có lần bà dì Kitty MacAllister nói với bé thế. Bố cam đoan bé sinh ra đã quuyến rũ và mới chào đời được nửa giờ đã nhoeùn cười với bác sĩ Parker. Thế nhưng Rilla biết nói chuyện bằng mắt giỏi hơn lưỡi vì bé bị ngọng thấy rõ. Nhưng rồi bé sẽ hết tật đó thôi... bé đang lớn nhanh như thổi. Năm ngoái bố đo bé ngang khóm hồng; năm nay thì ngang cây trúc đào; chẳng mấy chốc sẽ bằng đám thực quý và bé sẽ đi học. Rilla vẫn vui vẻ mãn nguyện lắm cho đến lúc Susan ra cái thông báo khủng khiếp này. Thật tình Rilla phần uất nói với bầu trời, Susan chẳng biết xấu hổ gì cả. Thật ra thì Rilla phát âm là “bít thấu ỏ” nhưng bầu trời xanh mềm mại yêu kiều trông

như thế đã hiểu.

Sáng hôm ấy bố mẹ đi Charlottetown còn mấy đứa kia đi học cả, nên chỉ còn Rilla với Susan ở Bên Ánh Lửa. Thường thì trong hoàn cảnh như vậy Rilla sẽ thích thú lắm. Không bao giờ bé thấy lẻ loi; bé sẽ rất sung sướng được ngồi đó trên mấy bậc thềm hay trên phiến đá rêu xanh đặc biệt của riêng mình trong Thung Lũng Cầu Vòng, có một hai chú mèo con xinh đẹp bầu bạn, rồi dệt nên những điều tưởng tượng về mọi thứ bé thấy... góc bãi cỏ trông như một xứ bướm nhỏ vui tươi... anh tíc rung rinh bên vườn... đám mây mềm mại tuyệt vời một mình một cỏi trên bầu trời bầy ong nghệ to vo ve trên đám sen cạn... cây kim ngân cúi xuống chạm ngón tay vàng lên mấy lọn tóc nâu đỏ của bé... ngọn gió đang thổi... nó thổi đi đâu vậy kia?... Chim cô đỏ, đã về lại và đang khệnh khạng đầy vẻ quan trọng dọc lan can trên hiên, băn khoăn không hiểu vì sao Rilla lại không chịu chơi với chú... Rilla chẳng thể nghĩ đến điều gì khác ngoài cái thực tế kinh khủng là bé phải mang ổ bánh... một ổ bánh... qua làng đến nhà thờ cho buổi họp người ta tổ chức để giúp đỡ lũ trẻ mồ côi. Rilla biết rõ mớ rằng trại trẻ mồ côi ở Lowbridgel và lũ trẻ tội nghiệp sống ở đó không cha không mẹ. Bé thấy thương xót cho các bạn ấy ghê lắm. Nhưng ngay cả... là làm vì đứa trẻ mồ côi nhất trong những trẻ mồ côi Rilla Blythe bé bỏng cũng không sẵn lòng để người ta thấy mình đang mang một ổ bánh.

Có lẽ nếu trời mưa thì bé không phải đi. Trông trời không giống như là sẽ có mưa nhưng Rilla chấp hai tay lại ngón tay nào của bé cũng có một lúm nhỏ vì mồm mỉm... tha thiết cầu xin:

“Chúa iu dẫu, xin hãy làm cho trời mưa thật to. Làm cho trời mưa như chút. Ông chi...” Rilla nghĩ đến một khả năng cứu vãn khác, “làm cho cái bản của Thusanth cháy... cháy thành tro.”

Than ôi, đến giờ ăn thì ổ bánh đã sẵn sàng, nướng vừa chín tới, có lớp nhân và kem trang trí, rắc thẳng chêm chệ trên bàn bếp. Đó là loại bánh Rilla mê nhất... “Bánh bạc vàng” nghe đúng là rất hoa mỹ... nhưng bé cảm thấy mình sẽ không bao giờ ăn miếng nào được nữa.

Thế mà... chẳng phải đang có sấm rền trên những ngọn đồi thấp bên kia cảng sao? Có lẽ Chúa đã nghe thấy lời cầu nguyện của bé... có lẽ trước lúc phải đi thì sẽ có động đất. Liệu bé có thể giả vờ đau bụng nếu trường hợp xấu nhất xảy ra không? Không. Rilla rùng mình. Vậy đồng nghĩa với dầu thầu dầu đấy. Động đất còn hơn!

Mấy đứa kia không nhận thấy là Rilla, ngồi trên ghế ưa thích nhất, có chú vẹt trắng ngộ nghĩnh bằng len soi nơi lưng ghế, im lìm ghê lắm. Tụi heo ít ky! Mẹ mà ở nhà thì mẹ đã nhận thấy rồi. Cái ngày đáng sợ khi hình bố xuất hiện trên tờ Doanh nghiệp mẹ

đã thấy ngay bé khổ sở thế nào. Rilla đang nằm khóc thảm thiết trên giường thì mẹ vào và vỡ lẽ ra Rilla tưởng chỉ bọn hung thủ mới có hình trên báo. Mẹ giải quyết êm xuôi chuyện đó ngay. Mẹ có muốn thấy con gái của mình cầm ổ bánh đi khắp Glen như bà lão Tillie Pake không?

Rilla thấy khó mà nuốt trôi bữa trưa, dù Susan đã dọn cái đĩa xanh dễ thương có vòng nụ hồng mà bà Rachel Lynde gửi tặng bé sinh nhật vừa rồi và thưởng bé chỉ được dùng vào ngày Chủ nhật. Đĩa màu xanh với nụ hồng! Khi mà ta phải làm một việc xấu hổ như thế ư! Nhưng mà bánh xốp trái cây Susan làm để ăn tráng miệng thì lại ngon quá.

“Thuthan ơi, đi học về Nan mới cả Di mang bán đi không được sao?”, bé khẩn khoản.

“Sau giờ học Di sẽ đi chơi với Jessie Reese luôn còn Nan thì đã mệt rã rời rồi,” Susan nói, có cảm tưởng là mình đang đùa. “Và lại lúc ấy thì muộn quá. Ban tổ chức muốn có đủ bánh trước ba giờ để họ cắt ra và dọn bàn rồi còn về nhà ăn tối. Sao cháu lại không muốn đi hả, Hột Mít? Cháu vẫn thấy đi lấy thư là vui mà.”

Rilla có béo lùn một tí thật nhưng bé ghét bị gọi như vậy.

“Cháu ông muốn làm tổn thương tình cảm của cháu,” bé cương quyết giải thích.

Susan cười. Rilla bắt đầu nói những thứ làm cả nhà phải cười ồ. Bé chẳng bao giờ hiểu nổi sao họ cười vì bé nói nghiêm chỉnh mà. Chỉ có mẹ là không cười bao giờ, mẹ không cười ngay cả khi mẹ biết Rilla tưởng bố là quân giết người.

“Buổi họp mặt nhằm quyên tiền cho các cô bé cậu bé nghèo không có cha hay mẹ gì cả” Susan giải thích... như thể bé là em bé không hiểu chuyện vậy!

“Cháu cũng gần giống chệ mồ côi mà,” Rilla nói. “Cháu chị có một cha và một mẹ”.

Susan lại cười. Chẳng ai hiểu cả.

“Cháu biết mẹ cháu đã hứa với ban tổ chức cái bánh ấy rồi, cục cưng. Bà thì không rảnh mang đi mà bánh thì Phải đem đi. Vậy nên mặc cái đầm vải bông kẻ xanh vào rồi đi đi.”

“Búp bê của cháu mới độ bền,” Rilla tuyệt vọng nói. “Cháu phải cho em đi ngủ và ợ lại mí em. Chắc là em bị mất ngủ hay thao ấy.”

“Búp bê của cháu sẽ ổn cả cho đến khi cháu về. Cháu đi rồi về chỉ trong nửa giờ thôi

mà,” là câu trả lời tàn nhẫn của Susan.

Hết hy vọng rồi. Ngay cả Chúa cũng phụ lòng bé, chẳng có vẻ gì là sắp mưa cả. Rilla, nước mắt chực tràn ra rồi, không phản đối gì được nữa bèn đi lên phòng mặc chiếc váy vải bông mịn mới thêu kiểu tổ ong và đội chiếc mũ đi lễ có viền hoa cúc. Nếu bé trông khá kính thì biết đâu thiên hạ sẽ không nghĩ bé giống bà lão Tillie Pake.

“Cháu nghĩ mặt mũi cháu sẽ thạch nếu bà vui lòng nhìn thau tai cho cháu,” bé nói với Susan về trịnh trọng vô cùng.

Bé sợ Susan quờ vì mặc chiếc váy và mũ đẹp nhất. Nhưng Susan chỉ kiểm tra tai cho bé, đưa bé một giỏ đựng ổ bánh, bảo bé để ý cư xử lễ phép và vì Chúa dừng dừng lại nói chuyện với mọi con mèo bé gặp.

Rilla làm “mặt” nổi loạn với Gog và Magog rồi bước đi Susan triu mến nhìn theo bé.

Cứ nghĩ bé nhà ta đã đủ lớn để tự mang ổ bánh đến nhà thờ xem,” bà nghĩ, phần tự hào, phần buồn bã khi quay lại làm việc, sung sướng chẳng hay biết gì nỗi đau đón ghê gớm mình giáng xuống một đứa bé mà vì nó bà sẽ sẵn sàng hy sinh tính mạng.

Từ sau lần ngủ gật trong nhà thờ ngã khỏi ghế đến giờ chưa bao giờ Rilla thấy nhục nhã như thế. Thường thì bé thích xuống làng, có biết bao nhiêu thứ thú vị để xem: nhưng hôm nay dây phoi quuyến rũ của bà Carter Fagg, bao hiều là chần may để thương treo trên đó, hông giành được cái liếc nhìn nào của Rilla, và bé hoàn toàn đứng đưng với con nai bằng gang mới ông Augustus Pamer dựng trong sân. Trước đây mỗi lần đi ngang bé vẫn luôn ước ao có một con như thế trên bãi cỏ nhà Bên Ánh Lửa. Nhưng giờ thì nai gang là cái gì chứ? Nặng nóng tràn như sông xuống dọc con đường và ai ai cũng đồ ra phở. Hai đứa con gái đi ngang, to nhỏ với nhau. Có phải nói về bé không? Bé mừng tượng ra chúng đang nói gì. Một ông đánh xe dọc đường nhìn bé. Thật ra ông đang tự hỏi có phải đó là bé nhà Blythe không và trời ơi, bé xinh xắn đáng yêu quá chừng! Nhưng Rilla cảm thấy mắt ông nhìn xuyên qua cái giò và thấy ổ bánh. Rồi khi Annie Drew đánh xe qua cùng bố nó thì Rilla đỉnh ninh nó đang cười bé. Annie Drew mười tuổi mà trong mắt Rilla đã là cô bé lớn lắm rồi.

Thế rồi có cả đám con trai con gái đang đứng ở góc nhà Russell. Bé phải đi qua trước mặt chúng. Thật đáng sợ khi cảm thấy cả đám đưa mắt nhìn bé rồi lại nhìn nhau. Bé bước qua, liềm linh kiêu hãnh đến mức cả bọn nghĩ bé làm cao và phải làm cho bé bỏ thói vênh vào đi. Chúng sẽ cho cái thứ mặt mèo đó thấy. Một đứa vẫn luôn kiêu căng như hết thấy mấy đứa con gái nhà Bên Ánh Lửa thôi mà! Chỉ vì chúng sống trong ngôi nhà to!

Millie Flagg khệnh khạng đi theo sau bé, nhại bước đi của bé và xới từng đám bụi lên cả hai.

“Cái giỏ với con bé đi đâu đó?” Drew “Bánh Chọc” quát lên.

“Mùi mỳ dính tèm lem kia, Mặt Mút,” Bill Pahner giễu.

“Mèo ăn mất lưỡi mỳ rồi hả?” Sarah Warren nói.

“Nhãi ranh!” Beenie Bentley cười khẩy.

“Tấp vào lề đường không tao bắt mỳ ăn bọ bây giờ,” Sam Flagg bự con ngừng nhai củ cà rốt sống đủ lâu để nói.

“Nhìn nó đỏ mặt kia,” Mamie Taylor cười rúc rích.

“Cá là mỳ mang bánh đến nhà thờ Giáo hội Trưởng lão” Charlie Warren nói. “Bột sống như bao nhiêu bánh của Susan Baker thôi mà.”

Niềm kiêu hãnh không cho Rilla khóc, nhưng sức chịu đựng của ta cũng phải có giới hạn. Suy cho cùng, bánh nhà Bên Ánh Lửa...

“Lần thau dừa nào làm quá tao thế nói bớ tao không cho tụi bay thuốc thang gì nữa,” bé nói thách thức.

Rồi bé nhìn ngây kinh hoảng. Không thể nào là Kenlleth Ford rẽ vào góc đường Càng được! Không thể nào! Đúng rồi!

Chuyện đó thì không làm sao chịu nổi. Ken với Walter là bạn thân và trong trái tim bé bóng của mình Rilla nghĩ Ken là cậu bé tử tế nhất, đẹp trai nhất thế giới. Chẳng mấy khi cậu để ý đến bé lắm... mặc dù có lần cậu cho bé một con vịt sô cô la. Và một ngày không thể nào quên cậu đã ngồi xuống cạnh bé trên phiến đá rêu trong Thung Lũng Cầu Vòng và kể bé nghe câu chuyện về ba chú gấu và ngôi nhà nhỏ trong rừng. Nhưng bé bằng lòng tôn thờ từ xa. Vậy mà giờ con người tuyệt vời này lại bắt gặp bé xách ổ bánh!

“Ô kia, Hột Mít! Trời nóng khiếp quá, hả? Hy vọng tối nay anh được một lát bánh.”

Vậy ra anh biết là bánh mất rồi! Ai cũng biết cả!

Rilla đi qua làng và tưởng chuyện tồi tệ nhất đã qua rồi thì điều tồi tệ nhất xảy đến.

Bé nhìn xuôi một con đường nhánh thì thấy cô giáo dạy giáo lý của mình, cô Emmy Parker, đang đi dọc vệ đường. Cô Emmy Parker vẫn còn cách một quãng khá xa nhưng Rilla nhận ra cô nhờ chiếc váy... chiếc váy vải bông mịn xếp nếp màu xanh non có những chùm hoa trắng bé xíu... “váy hoa anh đào”, Rilla thầm gọi thế. Cô Emmy mặc trong giờ giáo lý Chủ nhật vừa rồi và Rilla nghĩ đó là chiếc váy xinh nhất bé từng thấy. Nhưng nghĩ lại thì cô Emmy lúc nào cũng mặc những chiếc váy xinh như thế mà... khi thì ren và xếp nếp, khi thì có nét mềm như lụa.

Rilla tôn thờ cô Emmy. Cô rất xinh xắn và thanh nhã, làn da trắng ời là trắng còn đôi mắt nâu ời là nâu còn nụ cười thì u buồn, đáng yêu... buồn, ngày nọ một cô bé khác đã ri tai với Rilla, vì người cô sắp cưới đã chết. Bé rất mừng vì được học trong lớp của cô Emmy. Bé sẽ rất ghét học trong lớp cô Flome Flagg... cô Flome Flagg xấu mà Rilla thì không chịu nổi cô giáo xấu.

Khi Rilla gặp cô Emmy ngoài lớp giáo lý và cô Emmy mỉm cười nói với bé thì đó là những thời khắc quan trọng trong đời đối với Rilla. Được cô Emmy gật đầu chào ngoài đường không thôi thì lòng bé cũng đã chột phoi phoi kỳ lạ và khi cô Emmy mời cả lớp đến tiệc bong bóng xà phòng nơi chúng làm bong bóng đó bằng xirô dâu, Rilla chỉ còn muốn chết được vì sung sướng.

Nhưng gặp cô Emmy khi đang cầm ổ bánh thì đúng là không chịu nổi nên Rilla sẽ không chịu đâu. Và chẳng, cô Emmy sắp tổ chức một buổi tập đối thoại cho buổi hòa nhạc của lớp giáo lý tới mà Rilla thì đang thầm ôm ấp hy vọng được mời tham gia... cô tiên mặc áo đỏ đội mũ chóp xanh nhỏ xíu. Nhưng mọi hy vọng sẽ chỉ là vô ích nếu cô Emmy thấy bé xách một ổ bánh.

Cô Emmy sẽ không thấy đâu! Rilla đang đứng trên cây cầu nhỏ bắc qua dòng suối khá sâu như một con lạch, Bé giật ổ bánh trong giỏ ra ném xuống con suối nơi mấy cây tổng quán sủi giao nhau trên vùng nước tối đen. Cái bánh bị ném qua mấy cành cây rồi rơi bùm và kêu ừng ục. Rilla bắt chột cảm thấy nhẹ nhõm và tự do và giải thoát vô cùng, bé quay lại thì gặp cô Emmy, mà giờ thì bé thấy, đang mang một gói giấy nâu cộm cộm.

Cô Emmy mỉm cười với bé, từ bên dưới cái mũ xanh nhỏ có cọng lông chim màu cam bé xíu.

“Ôi, cô thật đẹp quá, cô giáo... đẹp quá,” Rilla há hốc trằm trồ.

Cô Emmy lại mỉm cười. Ngay cả khi tim ta tan vỡ... mà cô Emmy thật lòng tin tim mình đang tan vỡ... thì nhận được một lời khen chân thành như thế cũng không phải không dễ chịu.

“Cô nghĩ chắc là vì cái mũ mới đấy, em yêu. Lông mịn mà. Cô nghĩ”... liếc cái giỏ trống không... “em đang mang bánh đến cho buổi họp mặt. Thật tiếc là em chỉ đến mà không dự. Cô cũng đem bánh của cô đây... một ổ bánh sô cô la thật to.”

Rilla nhìn lên thăm thương, không thốt nên lời. Cô Emmy đang đem bánh, do vậy cầm bánh không thể là chuyện mất mặt được. Vậy mà bé... ôi, bé đã làm gì vậy chứ? Bé đã ném ổ bánh bạc vàng ngon lành của Susan xuống suối... và bé đã đánh mất cơ hội được đi cùng cô Emmy tới nhà thờ, cả hai cùng mang bánh!

Khi cô Emmy đi tiếp thì Rilla về nhà cùng điều bí mật đáng sợ. Bé vui mình trong Thung Lũng Cầu Vòng cho đến giờ ăn tối, khi lại chẳng ai nhận thấy bé rất ít nói. Bé sợ kinh khủng, Susan sẽ hỏi bé đưa bánh cho ai, nhưng không có câu hỏi nào làm ta lúng túng được nêu ra. Sau bữa tối mấy đứa kia bỏ đi chơi trong Thung Lũng Cầu Vòng nhưng Rilla ngồi một mình trên bậc thềm cho đến khi mặt trời lặn, cả bầu trời vàng rực đầy gió đàng sau Bên Ánh Lửa và ánh đèn trong làng dưới kia vụt sáng. Rilla vẫn luôn thích nhìn chúng bừng sáng, đầy đó, khắp Glen, nhưng đêm nay bé chẳng màng. Cả đời bé chưa bao giờ buồn bã như vậy. Bé không biết mình sống làm sao đây nữa. Buổi chiều thắm lại thành màu tím và bé còn buồn hơn nữa. Mùi bánh mì tròn phết đường nhựa thích khoái khẩu nhất thoảng lại... Susan đã chờ đến chiều tối mất mẻ để nướng bánh cho gia đình... nhưng bánh đường nhựa thích, cũng như mọi thứ khác, chỉ là hư ảo. Bé khổ sở lên cầu thang vào giường dưới tấm trải mới có hoa màu hồng bé đã từng rất tự hào. Nhưng bé không ngủ được. Bé vẫn bị con ma bánh dim dưới nước ám ảnh. Mẹ đã hứa cái bánh ấy với ban tổ chức... họ sẽ nghĩ sao về mẹ vì không gửi bánh tới? Mà đáng ra đó là ổ bánh lộng lẫy nhất ở đây rồi! Tối nay gió nghe lẻ loi quá chừng. Nó đang trách móc bé. Nó nói, “Ngốc... ngốc... ngốc,” không biết bao lần.

“Chuyện gì làm cháu thao thức vậy, cung?” Susan hỏi khi bước vào cùng một chiếc bánh đường nhựa thích.

“Ôi Thuthan, cháu... cháu chán mình quá.”

Susan trông lo lắng. Nghĩ mà xem, trong giờ ăn tối đứa bé đã có vẻ mệt mỏi.

“Mà tất nhiên cậu bác sĩ lại đi vắng rồi. Gia đình bác sĩ chết còn vợ thợ đóng giày đi chân đất,” bà nghĩ thầm, rồi nói ra:

“Để bà xem cháu có bị sốt không nhé, cháu cung.”

“Không, không, Thuthan. Chỉ là... cháu vừa làm một chuyện rất kinh khủng, Thuthan... Thathan khiến cháu làm vậy. Không, không, không phải hấn, Thuthan...”

chính cháu làm, cháu... cháu ném cái bánh xuống con lạch rồi.”

“Trời ơi!” Susan sững sờ nói. “Cái gì khiến cháu làm thế?”

“Làm gì?” Đó là mẹ, từ thị trấn về đến nhà. Susan mừng rỡ rút lui, thấy thật may vì là cô bác sĩ đã về để tiếp quản tình huống. Rilla nức nở kể hết đầu đuôi câu chuyện.

“Con yêu, mẹ không hiểu đây. Sao con lại nghĩ mang bánh đến nhà thờ là chuyện khủng khiếp như vậy?”

“Con tưởng nó giống như bà lão Tillie Pake, mẹ ơi. Con làm thẩu mặt mẹ rồi! Ôi mẹ, nếu mẹ tha thứ cho con thì con thế không bao giờ hư nữa... con sẽ nói với ban tổ chức là mẹ có làm một ổ bánh...”

“Đừng để ý ban tổ chức, con yêu ạ. Họ đã có nhiều bánh lắm rồi... bao giờ cũng thế. Chắc chẳng ai để ý là ta không gửi bánh đến đâu. Chỉ cần ta không nói chuyện này với ai. Nhưng sau chuyện này, Bertha Marilla Blythe, hãy luôn nhớ một điều là Susan hay mẹ không bao giờ bảo con làm chuyện gì mất mặt cả.”

Cuộc đời lại đáng yêu rồi. Bố đến cửa để nói, “Chúc ngủ ngon, Mèo Con,” còn Susan đi nhẹ vào để nói bữa tối ngày mai họ sẽ có món bánh nướng nhân thịt gà.

“Nhiều nước sốt hạ, Thuthan?”

“Ê hề luôn.”

“Vội lại điệm tâm cháu có được phép ăn một quả trứng luộc không, Thuthan. Cháu không hứng...”

“Cháu sẽ có hai quả trứng luộc nếu cháu muốn. Còn giờ cháu phải ăn bánh mì tròn rồi ngủ đi, bé cưng.”

Rilla ăn bánh mì nhưng trước khi đi ngủ bé lên khỏi giường và quỳ xuống.

Rất thành khẩn bé nói:

“Chúa thương mến ơi, thìn làm ơn cho con thành đũa chệ luôn ngoan và bít vâng lời, dù con được bạo làm gì. Và thìn phù hộ cho cô Emmy thân iu cùng hết mọi trệ mồ côi.”

Bọn trẻ nhà Bên Ánh Lửa cùng nhau nô đùa, cùng nhau đi dạo, có đủ kiểu phiêu lưu với nhau; ngoài ra mỗi đứa lại có đời sống nội tâm nhưng mơ mộng và tưởng tượng riêng. Nhất là Nan, ngay từ đầu đã tạo cho mình vở kịch bí mật từ mọi thứ nghe hay thấy hay đọc được rồi sống trong vương quốc những điều kỳ lạ và hư cấu mà người trong gia đình hoàn toàn không nghi ngờ gì. Mới đầu cô bé theo dõi những vũ điệu của yêu tinh và tiên nữ trong các thung lũng ma ám và những nữ thần rừng trong mây cây dương. Cô bé và cây liễu lớn bên công đã thì thầm những bí mật còn ngôi nhà cũ bỏ hoang của Bailey ở đầu trên Thung Lũng Cầu Vòng là tàn tích của một ngọn tháp ma ám. Hằng tuần cô bé có thể là công chúa bị giam cầm trong một lâu đài lơ lửng bên biển... hằng tháng cô bé là y tá trong khu người cùi ở ẩn Độ hay một xứ sở nào đó “mù khơi”. Với Nan thì “mù khơi” vẫn luôn là một từ màu nhiệm... như tiếng nhạc mơ hồ bên đồi gió.

Lớn hơn chút nữa, cô bé xây dựng vở kịch về người thật nhìn thấy trong cuộc đời bé nhỏ của mình. Nhất là người đi lễ. Nan thích nhìn người trong nhà thờ vì ai cũng ăn mặc rất tử tế. Đó gần như là một điều kỳ diệu. Họ trông rất khác so với những ngày trong tuần.

Những người khá kính im lặng ở các dãy ghế dành cho nhiều gia đình khác nhau sẽ kinh ngạc và có lẽ hơi kinh hoàng nếu biết những truyện hư cấu mà thiếu nữ đoàn trang, mắt nâu trong hàng ghế nhà Bên Ánh Lửa đang dựng lên về họ. Annetta Millison có cặp lông mày đen, tốt bụng sẽ sống sờ nếu biết Nan Blythe hình dung cô là mẹ mình bắt cóc trẻ em, lược sống chúng để làm các thứ thuốc giúp cô trẻ mãi không già. Nan tưởng tượng chuyện này sống động đến độ có lần cô bé sợ gần chết lúc chạng vạng gặp Annetta Millison trên đường làng lao xao tiếng thì thầm của mao lương vàng. Cô bé tuyệt không thể đáp lại lời chào thân tình của Annetta nên Annetta nghĩ quả là Nan Blythe đang trở thành cô mèo con kiêu căng hách dịch cần được dạy dỗ đôi chút về cách cư xử cho phải phép. Bà Rod Palmer xanh xao chưa từng nghĩ mình hạ độc ai đó và đang khổ sở ăn năn. Ông già Gordon MacAllister có bộ mặt trịnh trọng không hề biết lúc mình chào đời đã bị một mụ phù thủy giáng lời nguyền, kết quả là ông không bao giờ cười được nữa. Fraser Palmer ria mép đen có đời sống không chê trách vào đâu được chẳng hề biết khi nhìn ông Nan Blythe đã nghĩ, “Minh dám chắc ông đó đã làm một việc ám muội và liều lĩnh. Trông như ông ta có một bí mật hải hùng nào đó đè nặng lương tâm.” Còn Archibald Fyfe không nghi ngờ gì khi Nan Blythe thấy ông đi tới thì mãi nghĩ ra một câu vắn vè để đáp lại vì chỉ được nói với ông bằng thơ thôi. ông chưa bao giờ nói với cô bé tiếng nào vì cực kỳ sợ trẻ con, nhưng Nan rất thích thú vì được nghĩ ra một câu vắn vè thật nhanh và liều lĩnh.

“Cháu rất khỏe, cảm ơn nhé, ông Fyfe,

Vợ chồng ông cũng khỏe, chắc chẳng sai?”

hay,

“Vâng, hôm nay ngày đẹp dữ,

Đúng là ngày để ta chơi chữ.”

88 chút nữa và chụp lấy cô bé. Nan rung cả mình khi chạy thoát được nó.

Một hôm Nan sững sờ khi nghe Susan nói Thomasine Fair đã dọn đến sống trong NGÔI NHÀ ÂM U... hay, như Susan diễn đạt không lãng mạn gì cả, nhà cũ của MacAllister.

“Cháu nghĩ bà ấy sẽ thấy nó khá hoang vắng,” mẹ cô bé nói. “Nó hẻo lánh quá.”

“Bà ta sẽ không để ý chuyện đó đâu,” Susan nói. “Bà ta chẳng hề đi đâu, thậm chí đi nhà thờ cũng không. Nhiều năm rồi chẳng đi đâu... dù người ta đồn ban đêm bà ta đi dạo trong vườn. Thôi, thôi, cứ nghĩ chuyện bà ta bây giờ ra sao... từng rất xinh đẹp và ưa được tán tỉnh khủng khiếp. Thời thanh xuân bà ta đã làm tan nát bao trái tim! Giờ nhìn bà ta đây! Thôi, đó là lời cảnh báo, hãy cứ tin chắc chuyện đó.”

Mà cảnh báo cho ai thì Susan không giải thích và không nói gì thêm, vì ở Bên Ánh Lửa không ai để ý mấy đến Thomasine Fair. Nhưng Nan, đã đâm khá chán mọi cuộc đời trong giấc mơ cũ và mong mọi cái gì mới, bắt lấy Thomasine Fair trong NGÔI NHÀ ÂM U. Từng tí một, ngày lại ngày, đêm tiếp đêm... ban đêm thì người ta có thể tin vào bất cứ điều gì... cô xây đắp một huyền thoại về bà cho đến khi nó nở rộ hồi nào không hay và trở thành một giấc mơ thân thương nhất đối với Nan cho đến nay. Trước giờ chưa có gì lỗi cuốn, sống động đến như hình ảnh Tiểu Thư Có Đôi Mắt Huyền Hoặc. Đôi mắt nhung huyền đẹp để đôi mắt sâu thẳm... đôi mắt ám ảnh... đầy ăn năn cho những trái tim nàng đã làm tan vỡ. Đôi mắt độc ác... bất cứ ai làm tan nát cõi lòng và không bao giờ đi lễ thì phải độc ác thôi. Người độc ác thì thú vị lắm. Tiểu thư đang vui mình xa lánh cõi đời như để sám hối tội ác của mình.

Nàng có phải là công chúa không? Không đâu, trên đảo Hoàng Tử Edward hiếm hoi công chúa lắm. Nhưng nàng cao, mảnh dẻ, xa vắng, đẹp lạnh lùng như một công chúa, mái tóc đen huyền dài thả hai bím dày bên vai, xuống tận chân. Nàng có gương mặt ngọc ngà cân đối, cái mũi Hy Lạp xinh đẹp, như mũi bức tượng Artemis Cung Bạc của mẹ, và bàn tay trắng muốt yêu kiều vẫn chấp lại mỗi đêm nàng đi dạo trong vườn, chờ

người yêu đích thực nàng đã không đoái hoài đến và biết đem lòng yêu thì đã quá muộn màng... bạn có nhận thấy huyền thoại đang tiến triển thế nào không?... chiếc váy nhung đen thướt tha trên cổ. Nàng đeo thắt lưng bằng vàng và đôi hoa tai ngọc trai lớn và nàng phải sống cuộc đời bóng tối và bí ẩn cho đến bao giờ người yêu đến giải thoát cho nàng. Bấy giờ nàng sẽ ân hận về những cư xử độc ác tàn nhẫn của mình xưa kia rồi chìa đôi bàn tay xinh đẹp ra cho chàng và cuối cùng thì cúi đầu kiêu hãnh khuất phục. Họ thường ngồi bên đài phun nước... đến lúc này thì đã có một đài phun nước... hẹn thề lần nữa và nàng sẽ theo chàng, “qua khắp các ngọn đồi rồi đi xa thật xa, quá viên tằm cùng,” giống như Công chúa ngủ trong rừng trong bài thơ đêm nọ mẹ đọc cho cô bé trong cuốn sách cũ của Tennyson bỏ tảng lâu, lâu lắm rồi. Nhưng người yêu của Tiểu Thư Mất Huyền Hoặc thì tặng nàng những món trang sức tuyệt bích.

Tất nhiên là NGÔI NHÀ ẨM U được bày biện tráng lệ, có những căn phòng bí mật và cầu thang, rồi Tiểu Thư Có Đôi Mắt Huyền Hoặc thường ngủ trên chiếc giường khám xà cừ bên dưới lọng nhung tím. Nàng thường được một con chó săn thỏ đứng canh giữ... một cặp... một đoàn... và nàng thường nghe ngóng... nghe ngóng... nghe... chờ một tiếng nhạc của cây đàn hạc xa xăm. Nhưng chừng nào nàng còn độc ác thì nàng vẫn không nghe thấy, cho đến ngày nào người yêu đến và tha thứ cho nàng... và thế đấy.

Dĩ nhiên chuyện đó nghe có vẻ rất ngu ngốc. Những giấc mơ nghe rất ngu ngốc khi được diễn đạt bằng từ ngữ tàn nhẫn lạnh lùng. Nan mười tuổi đầu không bao giờ diễn đạt chúng thành lời... cô bé chỉ sống trong chúng. Giấc mơ về Tiểu Thư Có Đôi Mắt Huyền Hoặc độc ác này đã trở nên thực hữu như cuộc sống diễn ra xung quanh cô bé. Nó ám ảnh cô. Hai năm rồi nó là một phần của cô...không hiểu sao, một cách kỳ lạ nào đó, cô đã tin nó. Cô bé sẽ không đời nào kể cho ai nghe về giấc mơ ấy đâu ngay cả là mẹ. Đó là báu vật đặc biệt của cô, bí mật không thể tách rời của cô, không có nó cô sẽ không còn hình dung được đời sống đang diễn ra nữa. Cô bé thích một mình trốn đi mơ màng về Tiểu Thư Có Đôi Mắt Huyền Hoặc hơn là chơi trong Thung Lũng Cầu Vòng.

Anne đã nhận thấy khuynh hướng này nên có phần lo lắng. Nan đang trở nên thái quá như vậy. Gilbert muốn cho cô bé lên Avonlea chơi, nhưng Nan, lần đầu tiên, thiết tha nài nỉ để không phải đi. Cô bé không muốn xa nhà, cô nói với về thật tội nghiệp. Còn với mình cô bé tự nhủ cô sẽ chết mất nếu phải xa Tiểu Thư Có Đôi Mắt Huyền Hoặc yêu kiều buồn bã kỳ lạ. Đúng, Mất Huyền Hoặc chưa bao giờ đi đâu ra khỏi nhà. Nhưng một hôm nào đó biết đâu nàng ra ngoài, nên nếu Nan đi vắng thì cô bé sẽ bỏ lỡ không được thấy. Được thoáng thấy nàng một cái thôi thì tuyệt vời biết chừng nào! Chao ôi, con đường nàng bước chân qua thôi cũng sẽ được lãng mạn mãi. Cái ngày điều đó xảy ra cũng sẽ khác với mọi ngày khác. Cô bé sẽ khoanh tròn nó trong lịch. Giờ Nan đã đến mức độ chỉ mong sao được nhìn thấy nàng dù chỉ một lần thôi. Cô bé biết

khá rõ phần nhiều những gì mình hình dung về nàng chỉ là tưởng tượng. Nhưng cô bé không nghi ngờ chút gì là Thomasine Fair trẻ trung và yêu kiều, độc ác và quyến rũ... Đến lúc này thì Nan tin chắc mình đã nghe Susan nói vậy và chừng nào nàng còn như vậy thì Nan còn tiếp tục tưởng tượng ra mãi bao điều về nàng.

Nan gần như không tin vào tai mình khi một sáng nọ Susan nói với cô:

“Bà muốn gửi một gói đồ cho Thomasine Fair ở nhà cũ MacAllister. Đêm qua bố cháu cầm trên thị trấn về. Chiều nay cháu chạy đi đưa nó nhé, cục cưng?”

Thế thôi sao! Nan nín thở. Có phải cô bé sẽ được đi không? Có thật những giấc mơ trở thành hiện thực như thế không? Cô bé sẽ được nhìn thấy NGÔI NHÀ ÂM U, cô bé sẽ gặp Tiểu Thụ Có Đôi Mắt Huyền Hoặc độc ác xinh đẹp của mình. Thấy nàng thật... có lẽ nghe nàng nói... có lẽ... ồ, tuyệt diệu,... chạm bàn tay mảnh mai trắng muốt. Còn mấy con chó săn cáo và đài phun nước và những thứ khác nữa, Nan biết mình đủ tưởng tượng ra thôi nhưng chắc thực tại cũng sẽ tuyệt vời như vậy.

Cả buổi trưa Nan cứ nhìn đồng hồ, thấy thời gian trôi chậm chạp... ồ, chậm quá... gần hơn gần hơn nữa. Khi một đám mây đông cuộn lên báo điềm gở và mưa bắt đầu rơi thì cô bé khó mà cầm được nước mắt.

“Minh chẳng hiểu sao mà Chúa để hôm nay mưa được,” cô bé thì thầm tức giận.

Nhưng cơn mưa rào chẳng mấy chốc đã tạnh và mặt trời lại soi sáng. Phần

chấn quá Nan hầu như chẳng nuốt được miếng nào trong bữa trưa. “Mẹ, con mặc áo đầm vàng được không?”

“Ghé nhà hàng xóm mà sao con lại muốn mặc đẹp như thế hả cưng?” Hàng xóm ư! Nhưng dĩ nhiên mẹ đâu có hiểu... không làm sao hiểu được.

“Đi mà, mẹ.”

Được rồi,” Anne nói. Chiếc váy vàng chẳng mấy chốc sẽ chật. Cũng nên để Nan tranh thủ mặc thôi.

Hai chân Nan khá run khi cô bé lên đường, cái gói nhỏ quý báu trong tay. Cô đi đường tắt qua Thung Lũng Cầu Vòng, lên đồi, đến đường nhỏ. Giọt mưa vẫn còn nằm trên đám lá cây sen cạn như những viên ngọc trai tuyệt trần, không khí có vẻ tươi mát thật dễ chịu; bầy ong vo ve trong cây cỏ ba lá trắng bên dòng suối; chuồn chuồn xanh mỏng tang lấp lánh trên mặt nước... kim chích của quỳ, Susan gọi chúng như vậy; hoa

cúc trên đồng cỏ bên đồi gặt đầu chào cô... đừng đưa về phía cô... vẫy chào cô... cười với cô, tiếng cười bạc vàng tuyệt diệu. Tất cả đều thật đáng yêu và cô sắp gặp Tiểu Thư Có Đôi Mắt Huyền Hoặc Độc Ác. Tiểu thư sẽ nói gì với cô? Mà đến gặp nàng thì có an toàn tuyệt đối không? Nếu ta ở lại đôi phút với nàng rồi thấy một trăm năm đã trôi qua, như trong truyện cô và Walter đọc tuần trước ấy?

Chương 36

Nan cảm thấy rộn sống lưng khi rẽ vào con đường mòn. Có phải cảnh thích khô héo vừa lay động? Không phải, cô bé thoát được rồi... cô bé đi qua rồi. A ha, mù phù thủy già, bà không bắt được tôi rồi! Cô bé bước tới cuối lối nhỏ bùn lầy và những vết lún không đủ sức làm tàn lụi nỗi háo hức trong cô. Còn vài bước nữa thôi... NGÔI NHÀ ÂM U đã ngay trước mặt, ở giữa và đằng sau mấy thân cây ướt đẫm tối om đó. Cuối cùng cô bé cũng sắp được thấy nó rồi! Cô bé khẽ rung mình... không hay biết đó là do trong thâm tâm cô đang sợ mình sẽ đánh mất giấc mơ, một nỗi sợ bí mật không được thừa nhận. Dù còn trẻ hay trưởng thành hay đã già, đánh mất giấc mơ bao giờ cũng là một thảm họa.

Cô bé len qua một khoảng hở trong đám vân sam non mọc um tùm chắn cuối lối đi. Cô bé nhắm tịt mắt; cô có dám mở mắt ra không? Trong khoảnh khắc chi nỗi sợ không thôi xâm chiếm cô bé và không cần nói nhiều thì cô đã quay đầu bỏ chạy rồi. Suy cho cùng... tiểu thư độc ác mà. Ai biết được nàng sẽ làm gì ta? Nàng là phù thủy nữa không chừng. Sao cô chưa bao giờ chột nghĩ có thể Tiểu Thư Độc Ác là phù thủy nhi?

Rồi cô quyết tâm mở mắt nhìn chăm chăm thật đáng thương.

Đây mà là NGÔI NHÀ ÂM U... tòa lâu đài tối tăm, đường bệ, sừng sững hình tháp trong mơ của cô sao? Cái này sao!

Đó là một căn nhà lớn, từng là màu trắng, giờ thì xám xịt. Đây đó, những cửa chớp vỡ, từng là màu xanh lá, đang đưa long ra. Mấy bậc thềm cửa trước sứt mẻ. Một cổng vòm gần kính vỡ tro bụi ô kính vỡ nát gần hết. Lan can trang trí hình cuộn quanh hiên đã gãy. Ô kìa, nó chỉ là một căn nhà cũ mệt mỏi hư hao vì đã nhiều đời!

Nan tuyệt vọng nhìn quanh. Không có đài phun nước... chẳng thấy khu vườn... à thì, không có gì để ta gọi là vườn được. Không gian phía trước nhà, có hàng rào cọc lờm chờm bao quanh, đây cỏ dại và cỏ rối cao đến đầu gối. Một con heo còm nhom rúc đằng sau hàng rào. Nguru bằng mọc dọc lối đi chính giữa. Từng cụm hoa vàng bò lan um tùm ở các góc, nhưng lại có một cụm ly da báo ngoan cường thật lộng lẫy và, ngay bên mấy bậc thềm mòn vẹt một luống cúc vạn thọ rực rỡ.

Nan bước chầm chậm trên lối đi đến luống cúc vạn thọ NGÔI NHÀ ÂM U đã mãi mãi không còn nữa. Nhưng Tiểu Thư Mất Huyền Hoặc vẫn còn. Chắc hẳn nàng có thật... nàng phải có thật! Hồi lâu rồi Susan đã nói sao về nàng nhi?

“Chúa ơi, cháu làm ta sợ gần chết!” một giọng thân thiện nhưng lầm bầm nói.

Nan nhìn cái bóng dáng vừa bồng đầu từ bên luống cúc vạn thọ đứng lên. Ai thế nhỉ? Không thể nào là... Nan không chịu tin đây là Thomasine Fair. Chuyện đó thì đúng là quá khủng khiếp!

“Ồ kìa,” Nan nghĩ, chán nản thất vọng, “nàng... nàng già rồi!”

Thomasine Fair, nếu mà đó là Thomasine Fair... mà giờ thì cô bé biết đó là Thomasine Fair... dứt khoát là già. Béo nữa! Bà ấy trông như tấm nệm nhồi lông chim buộc sợi dây ở giữa mà Susan xương xẩu vẫn luôn ví với quý bà béo lùn. Bà đi chân trần, mặc váy xanh lá đã ngả thành màu vàng, và cái mũ dạ đàn ông cũ mềm trên mái tóc xám hung hung, lưa thưa. Mặt bà tròn như chữ O, hồng hào và nhăn nheo, mũi hếch. Mắt bà xanh nhợt nhạt, xung quanh đầy dấu chân chim to tướng, trông vui nhộn.

Ồi, tiểu thư của mình... Tiểu Thư Độc Ác Mắt Huyền Hoặc quyền rũ của mình, nàng đâu rồi? Nàng có chuyện gì rồi? Nàng tồn tại thật mà!

“Thôi nào, cháu là cô bé xinh xắn nào vậy?” Thomasine Fair hỏi.

Nan tóm ngay lấy cơ hội.

“Cháu là... cháu là Nan Blythe, Cháu đến để đem cho bà cái này.” Thomasine mừng rỡ chồm tới cái gói.

“A, đâu phải ta không mừng khi có lại kính!” bà nói. “Mỗi Chủ nhật đọc niên lịch ta nhớ nó kính khủng. Mà cháu là một trong mấy đứa con gái nhà Blythe đấy hả? Cháu có mái tóc xinh quá! Ta vẫn luôn muốn được gặp vài đứa nhà cháu. Ta nghe mẹ các cháu nuôi dạy các cháu rất khoa học. Cháu có thích thể không?”

“Thích... gì ạ?”Ồ, Tiểu Thư Độc Ác, duyên dáng, nàng đâu có đọc niên lịch ngày Chủ nhật. Nàng cũng đâu có nói về “mẹ”.

“Ồ, kìa, thì được nuôi dạy một cách khoa học chứ gì nữa.”

“Cháu thích kiểu cháu đang được nuôi dạy ạ,” Nan nói, cố mỉm cười nhưng không thành.

“À, mẹ cháu là một người đàn bà đẹp thật đấy. Cô ấy vẫn giữ được vóc dáng. Lần đầu thấy cô ấy tại đám tang Libby Taylor ta nói ta cứ tưởng cô ấy là cô dâu, cô ấy trông

vui lắm. Ta vẫn nghĩ mỗi khi thấy mẹ cháu bước vào phòng là ai nấy đều sôi nổi lên như thể chờ thấy có gì xảy ra. Thời trang mới cũng hợp với cô ấy nữa. Đa số bọn ta không hợp để mặc mấy thứ ấy. Nhưng thôi vào ngồi một lát đã... ta mừng được gặp ai đó... thỉnh thoảng ta cũng thấy thui thui. Ta không đủ sức gắn điện thoại. Hoa là bạn... cháu đã bao giờ thấy khóm cúc vạn thọ nào đẹp hơn chưa? Ta còn con mèo nữa.”

Nan muốn trốn đến tận cùng trái đất, nhưng cô bé cảm thấy nếu không chịu vào để một bà già phải tự ái thì sẽ không ổn chút nào. Thomasine, váy lót thò ra bên dưới váy đi trước lên mấy bậc thang xập xệ dẫn vào một căn phòng rõ ràng là bếp và phòng khách chung. Nó sạch tinh và vui mắt với rất nhiều cây cảnh. Không khí ngạt ngào mùi bánh mì mới nướng dễ chịu.

“Ngồi đây,” Thomasine từ từ nói, đẩy chiếc ghế bập bênh có nệm vá sặc sỡ về phía trước. “Để ta dời cây loa kèn non đó đi tránh chỗ cho cháu. Chờ ta đeo cái hàm răng dưới vào đã. Không đeo trông buồn cười, đúng không? Nhưng nó làm ta hơi đau một tí. Đây, giờ ta nói chuyện được rõ hơn rồi.”

Một con mèo đốm, thốt ra đủ kiểu meo meo khác thường đi tới chào họ, ở thay cho mấy con chó săn cáo trong giấc mơ đã tan biến!

“Con mèo đó là trùm bắt chuột,” Thomasine nói. “Chỗ này đầy chuột. Nhưng nó che mưa che nắng mà ta thì ngán sống chung với bà con rồi. Bị người khác khổng chế. Bị sai sử suốt cứ như ta là cô rác. Tệ nhất là vợ thằng Jim. Kêu ca vì có đêm ta làm mặt xấu với mặt trắng. A, vậy thì sao nào? Có hại gì trắng không? Ta nói, Tao sẽ không làm cục gỏi cẩm kim nữa. Thế nên ta đến đây một mình và sẽ ở lại đây chừng nào còn đi được. Nào, cháu ăn gì? Ta làm cho cháu cái sandwich hành nhé?”

“Không... không ạ, cảm ơn bà.”

“Cảm lạnh mà ăn nó thì tốt lắm đấy. Ta từng bị rồi...có thấy ta bị khản giọng sao không? Nhưng ta chỉ cần quần tí vải đồ bơi nhựa thông và mỡ ngỗng quanh cổ khi đi ngủ. Không gì công hiệu bằng.”

Vải đồ và mỡ ngỗng! Ấy là chưa nói đến dầu thông!

“Nếu cháu không ăn sandwich... cháu có chắc không ăn không?... để ta xem trong hộp bánh quy có gì.”

Bánh quy... cắt thành hình gà trống và vịt... ngon lạ lùng và tan lịm trong miệng. Đôi mắt tròn mớ của bà Fair tươi cười với Nan.

“Giờ cháu sẽ thích ta, đúng không? Ta muốn được mấy cô bé thích.”

“Cháu sẽ cố ạ,” Nan hỗn hển, lúc đó đang ghét Thomasine Fair tội nghiệp như ta ghét kẻ nào làm tan tành mộng tưởng của ta.

“Cháu biết không, ta cũng có vài đứa cháu nhỏ đang ở bên lục địa phía Tây.”

Cháu!

“Để ta cho cháu xem hình. Xinh, đúng không? Trên kia là hình Poppa thân yêu tội nghiệp. Chết cũng hai chục năm rồi.”

Hình của Poppa thân yêu tội nghiệp là “bức chì màu” lớn vẽ một người có râu và viền tóc bạc loăn xoăn quanh cái đầu hói.

Ồ, người yêu bị rế rúng!

“Ông ấy là người chồng tốt dù ba mươi đã hói,” bà Fair triu mến nói. “Trời, hồi còn con gái ta từng kén cả chọn canh người theo đuổi. Giờ già rồi chứ ngày trẻ ta cũng có một thời sung sướng. Bạn trai những đêm Chủ nhật! Cổ ngồi ngoài trời với nhau. Ta ngẩng cao đầu kiêu hãnh như bất kỳ nữ hoàng nào! Từ đầu Poppa đã ở trong sổ họ nhưng ta chẳng biết nói gì với ông ấy. Ta thích họ táo bạo hơn một chút. Rồi có Andrew Metcalf., ta suýt nữa thì trốn đi cùng anh ta. Nhưng ta biết chuyện đó sẽ không may mắn. Cháu đừng bao giờ trốn đi. Chuyện đó là không may và đừng bao giờ để ai nói cháu nghe khác đi.”

“Cháu... cháu sẽ không... cháu sẽ không, thật mà.”

“Cuối cùng rồi ta cưới Poppa. Lòng kiên nhẫn của ông ấy rốt cuộc đã thắng và ông ấy cho ta hai mươi bốn giờ để chọn cưới ông hay bỏ đi. Bỏ ta muốn ta yên bề cho rồi. Ông ấy đâm lo khi Jim Hewitt trầm mình vì ta không chịu cưới. Khi đã quen sống với nhau rồi Poppa với ta thật sự hạnh phúc. Ông nói ta hợp với ông vì ta không suy nghĩ nhiều quá. Poppa cho rằng đàn bà sinh ra không phải để nghĩ ngợi. ông nói nó làm họ khô cằn và trái tự nhiên. Ông ấy rất kỹ đầu nướng, thỉnh thoảng ông cũng có những cơn đau lưng nhưng đầu của ta luôn giải quyết được hết. Trong thị trấn có một bác sĩ chuyên khoa nói có thể chữa cho ông ấy lạnh hẩn nhưng Poppa cứ nói ta mà rơi vào tay mấy bác sĩ chuyên khoa thì họ sẽ không buông ta ra nữa... không bao giờ. Ta nhớ ông ấy cho lợn ăn. Ông ấy rất thích thịt lợn. Ta chẳng ăn tí thịt muối nào nhưng ta nghĩ đến ông. Bức hình đối diện Poppa là nữ hoàng Victoria. Thỉnh thoảng ta nói với bà, Bà thân mến ơi, nếu họ lột sạch ren rúng nữ trang của bà thì tôi không chắc bà trông xinh đẹp gì hơn tôi.”

Trước khi để Nan đi bà cứ cố nài cô bé lấy một túi kẹo bạc hà, một chiếc dép thùy tinh màu hồng để đựng hoa, và một ly mứt lý gai.

“Cái ấy là cho mẹ cháu. Ta luôn gặp may với mứt lý gai. Một ngày nào đó ta sẽ xuống Bên Ánh Lửa. Ta muốn xem mấy con chó sứ nhà cháu. Nhấn Susan Baker là ta rất biết ơn vì mớ cải xanh hồi mùa xuân bà ấy gửi cho ta nhé.”

Cải xanh!

“Ồ đám tang Jacob Warren ta đã định cảm ơn nhưng bà ấy bỏ về sớm quá. Ta thích thông thả ở lại mấy đám tang. Cả tháng rồi không có đám nào. Ta luôn nghĩ không có đám tang thì thật buồn chán. ở Lowbridge bao giờ cũng có nhiều đám. Xem ra chẳng công bằng gì cả. Đến chơi với ta nữa nhé? Ở cháu có cái gì đó... Kinh Thánh nói ‘ơn nghĩa quý hơn bạc vàng,’ mà ta thấy đúng đấy.”

Bà mỉm cười vui vẻ với Nan... bà có nụ cười dễ thương. Ở đó ta thấy Thomasine xinh đẹp rất lâu về trước. Nan cũng cố nhòe cười lần nữa. Mắt cô bé cay cay. Cô bé Phải đi khỏi trước khi khóc trước mặt thiên hạ.

“Cô gái bé bỏng dễ thương, cư xử tử tế đấy,” Thomasine Fair già trầm ngâm, nhìn theo Nan qua cửa sổ. Không được cái khiêu ăn nói của mẹ nhưng vậy cũng chẳng sao. Bọn nhóc ngày nay hầu như đứa nào cũng tự cho mình khôn ngoan khi thật ra chúng đúng là hỗn xược. Có bé con đến chơi làm mình thấy như trẻ lại.”

Thomasine thờ dài rồi đi ra cắt cho xong mấy bông cúc vạn thọ và nhỏ ít ngưi bàng.

“Ơn Chúa, mình vẫn còn linh hoạt,” bà ngẫm nghĩ.

Nan về lại Bên Ánh Lửa thăm sâu hơn vì giấc mơ đã mất. Một thung lũng nhỏ đầy hoa cúc cũng không mời được cô bé... suốt hát gọi cô cũng vô ích. Cô bé muốn về nhà và trốn biệt ánh mắt mọi người. Hai đứa con gái cô bé gặp vừa đi qua vừa cười khúc khích. Có phải chúng cười nhạo cô bé đấy không? Nếu biết ra thì, mọi người sẽ cười nhạo thế nào kia chứ! Nan Blythe bé bỏng ngốc nghếch đã thua dẹt nên lắm thứ mơ mộng hão huyền về một nữ hoàng xanh xao bí ẩn mà chỉ gặp góa phụ nghèo của Poppa và kẹo bạc hà.

Kẹo bạc hà!

Nan không khóc đâu. Con gái mười tuổi đầu rồi không được khóc. Nhưng cô bé cảm thấy ủ ê khôn tả. Một điều gì đó quý báu và xinh đẹp đã không còn... mất rồi... một

nguồn vui bí mật mà cô bé tin sẽ không bao giờ còn là của cô nữa. Cô bé thấy Bên Ánh Lửa ngào ngạt mùi bánh quy đậm đà thơm phức nhưng cô bé không vào bếp để ngon ngọt với Susan lấy vài cái. Giờ ăn tối cô bé chán ăn thấy rõ mặc dù cô đọc thấy trong mắt Susan mấy chữ dầu thầu dầu. Anne để ý thấy từ khi Nan ở nhà cũ của MacAllister về, cô bé rất ít nói... Nan, là người mà nói đúng nghĩa là hát líu lo từ sáng đến tối rồi kể cả sau đó nữa. Phải chăng đi bộ một đoạn đường dài vào một ngày nóng là quá sức đối với cô bé?

“Vi sao mà con có vẻ khổ sở vậy, con gái?” cô hỏi thật tự nhiên khi đem khăn tắm mới vào phòng hai đứa sinh đôi lúc chạng vạng thì thấy Nan ngồi thu lu trên bậu cửa sổ thay vì xuống Thung Lũng Cầu Vòng rình bắt hổ trong rừng nhiệt đới với mấy đứa kia.

Nan không định bụng cho bất kỳ ai biết mình đã ngốc thể. Nhưng chẳng hiểu làm sao mọi thứ cứ tự kể cho mẹ nghe.

“Ôi mẹ ơi, có phải trong đời mọi sự đều là nỗi thất vọng không?”

“Không phải mọi sự đâu, con yêu. Con có muốn kể mẹ nghe hôm nay cái gì đã làm con thất vọng không?”

“Ồ mẹ ơi, Thomasine Fair... tốt bụng! Mà mũi bà lại héch!”

“Nhưng tại sao,” Anne hỏi ngờ ngạc thật tinh, “con lại để tâm mũi bà ấy héch hay không?”

Mọi chuyện bèn lộ ra. Anne lắng nghe với vẻ mặt nghiêm trang như mọi khi, mong sao mình nhìn được mà không bật cười khanh khách. Cô nhớ tới cô ngày thơ bé ở Chái Nhà Xanh cũ. Cô nhớ rừng, Ma ám và hai đứa con gái khiếp đảm vì chính những cái mình tưởng tượng ra ở đó. Cô cũng hiểu nỗi chua chát đáng sợ khi ta mất một giấc mơ.

“Con không nên nặng lòng quá khi những tưởng tượng tan biến, con yêu ạ.”

“Con không làm sao khác được,” Nan nói chán chường. “Nếu con được sống lại một cuộc đời khác thì con sẽ không bao giờ tưởng tượng gì cả. Con cũng sẽ không bao giờ tưởng tượng nữa đâu.”

“Con ngốc nghếch thân yêu của mẹ... con ngốc nghếch yêu quý của mẹ ơi, con đừng nói như vậy. Trí tưởng tượng là một thứ tuyệt vời cần có... nhưng cũng như mọi thiên khiếu khác, ta phải có nó nhưng đừng để nó có ta. Con hơi xem nặng những gì con tưởng tượng ra.Ồ điều đó thú vị lắm chứ... mẹ biết niềm vui gây ngất đó. Nhưng con phải học cách đứng bên này lằn ranh giữa cái thực và cái không thực. Lúc ấy khả năng

thoát vào một thế giới đẹp đẽ của riêng con bất cứ lúc nào con muốn mới thật kỳ diệu, giúp con vượt qua những giờ phút khó khăn trong cuộc sống. Mỗi khi được dạo bước vào Hòn Đảo Thần Tiên về mẹ sẽ dễ dàng giải quyết những điều rối rắm hơn.”

Nghe những lời dỗ dành khôn ngoan này xong Nan cảm thấy đã có lại lòng tự trọng. Hóa ra mẹ không thấy vậy là ngu ngốc. Mà chắc chắn đâu đó trên cõi đời này có một Tiểu Thư Xinh Đẹp Độc Ác Mắt Huyền Hoắc, dù cho nàng không sống trong NGÔI NHÀ ẨM U... mà giờ nghĩ lại thì Nan thấy cũng chẳng tệ lắm, nào là có cúc vạn thọ cam rồi con mèo đốm thân thiện rồi hoa phong lữ rồi chân dung Poppa thân yêu tội nghiệp. Thật ra thì chỗ ấy khá vui nhộn nên có lẽ một ngày nào đó cô bé sẽ lại đến thăm Thomasine Fair và được ăn mấy cái bánh quy ngon lành ấy Cô bé không còn giận Thomasine nữa.

“Mẹ tuyệt vời quá!” cô bé thờ dài, được che chở và nướng nấu trong vòng tay thân thương ấy.

Hoàng hôn tím xám đang phủ xuống ngọn đồi. Đêm hè thắm lại xung quanh... một đêm mượt mà như nhung và đầy tiếng rì rào. Một vì sao xuất hiện bên cây táo lớn. Khi bà Marshall Elliott đến nên mẹ phải xuống nhà thì Nan đã vui vẻ lại rồi. Mẹ nói mẹ sẽ dán lại tường phòng hai đứa bằng giấy có hình hoa mao lương vàng xinh xắn và mua cho cô bé và Di một cái rương mới bằng gỗ tuyết tùng để cất mọi thứ. Chỉ có điều nó sẽ không phải rương gỗ tuyết tùng. Đó là một rương báu huyền hoặc chỉ mở ra khi ta đọc một câu thần chú nhất định nào đó. Phù Thủy Tuyết có thể rì tai cho ta một chữ, Phù Thủy Tuyết trắng lạnh lẽo yêu kiều. Một ngọn gió thổi qua có thể mách ta một chữ nữa... một ngọn gió xám u buồn than van. Sớm muộn gì rồi ta cũng sẽ tìm được hết các chữ để mở rương ra, thì thấy nó có cơ man nào ngọc trai rồi hồng ngọc rồi kim cương. Cơ man nào chẳng phải là một từ rất hay sao?

Ồ, phép lạ nghìn đời vẫn chưa mất. Trên đời vẫn còn đầy phép lạ.

“Năm học này tớ làm bạn thân nhất của cậu được không?”, giờ ra chơi chiều hôm đó Delilah Green hỏi.

Delilah có đôi mắt xanh sẫm tròn xoe, mái tóc quăn nâu nhạt óng ả, đôi môi hồng chúm chím, và một giọng nói hấp dẫn hơi rung rung. Diana Blythe đáp lại sức quyến rũ của giọng nói đó ngay.

Trong trường Glen ai cũng biết lúc này Diana Blythe không có bạn thân. Cô và Pauline Reese làm bạn nổi khổ được hai năm nhưng rồi gia đình Pauline dọn đi nên Diana cảm thấy thui thui lắm. Pauline là kiểu bạn tốt. Nói đúng ra thì con bé thiếu hẳn cái sức quyến rũ kỳ lạ của Jenny Penny giờ gần như đã bị quên lãng nhưng nó thực tế, ngộ nghĩnh, biết phải trái. Tính từ cuối cùng đó là của Susan và là lời khen cao nhất Susan có thể ban phát. Bà hoàn toàn vừa ý chuyện Pauline làm bạn của Diana.

Diana nghi ngại nhìn Delilah rồi liếc qua Laura Carr bên kia sân chơi, cũng là một cô bé mới đến. Trong giờ ra chơi buổi chiều Laura và cô vừa chơi với nhau và cả hai đều thấy rất dễ chịu. Nhưng Laura thì khá bình thường, đầy tàn nhang và mái tóc màu hung hung bất trị. Cô bé chẳng có vẻ đẹp của Delilah Green mà cũng không có chút xiu gì long lanh hấp dẫn như nó.

“Cậu mà thương nó thì cậu không được thương tớ. Chọn một trong hai đứa tớ đi,” Delilah nói, chia hai bàn tay ra thật ấn tượng. Giọng nó quyến rũ hơn bao giờ hết... rõ ràng làm Diana lạnh cả sống lưng. Cô bé để hai bàn tay vào hai bàn tay Delilah và chúng nhìn nhau long trọng, cảm thấy như chỉ dành cho nhau và gắn kết với nhau rồi. Ít nhất thì Diana cảm thấy thế.

“Cậu sẽ mãi mãi thương tớ, đúng không?” Delilah tha thiết hỏi.

“Mãi mãi,” Diana cũng thề tha thiết như vậy.

Delilah vòng hai tay ôm Diana rồi cả hai cùng đi xuống suối. Mấy đứa còn lại trong lớp bốn hiểu rằng một liên minh đã được ký kết. Laura Carr khề thờ dài. Cô bé thích Diana Blythe lắm. Nhưng cô biết mình không địch với Delilah.

“Tớ rất mừng là cậu sẽ để tớ được thương cậu,” Delilah nói. “Tớ rất tình cảm... tớ không thể nào thôi yêu thương mọi người được. Xin cậu, từ từ với tớ nhé, Diana. Tớ là đứa trẻ buồn đau. Tớ chịu lời nguyền từ lúc lọt lòng mẹ. Không ai... không một ai yêu thương tớ cả.”

Bằng cách nào đó Delilah đã xoay xở đưa được hàng bao năm đơn độc và đáng yêu vào cái “không một ai” đó. Diana siết chặt tay nó.

“Từ đây cậu sẽ không bao giờ phải nói như vậy nữa đâu Delilah. Tớ sẽ mãi thương cậu.”

“Mãi mãi nhé?”

“Mãi mãi,” Diana trả lời. Chúng hôn nhau, như trong một nghi thức. Hai thằng con trai bên hàng rào hò reo chế giễu nhưng ai mà thèm quan tâm?

“Cậu sẽ thích tớ hơn Laura Carr nhiều lắm,” Delilah nói. “Giờ mình đã là bạn thân rồi nên tớ mới cho cậu biết một điều tớ còn chẳng dám mơ sẽ kể nếu cậu chọn nó. Con bé đó là kẻ giả dối. Giả dối kinh khủng. Trước mặt thì nó vờ là bạn nhưng sau lưng nó cười cợt ta và nói những thứ hèn hạ nhất. Con bé tớ quen đi học chung với nó ở Mowbray's Narrows kẻ tớ nghe. Cậu suốt tí thì tiêu rồi đó. Tớ thì khác vậy nhiều lắm... tớ thật như đêm vậy, Diana.”

“Tớ tin chắc mà. Nhưng cậu nói mình là đứa trẻ buồn đau là sao hả, Delilah?”

Mất Delilah dường như giương ra cho đến khi to hết cỡ. “Tớ có mẹ kế,” con bé thì thầm.

“Mẹ kế hả?”

“Khi mẹ cậu chết rồi cha cậu cưới lần nữa thì bà đó là mẹ kế,” Delilah nói, giọng còn hời hợt hơn nữa. “Giờ thì cậu biết chuyện rồi đấy Diana. Giá mà cậu biết tớ bị đối xử thế nào. Nhưng tớ không hề kêu ca. Tớ âm thầm chịu đựng.”

Nếu Delilah thật sự âm thầm chịu đựng thì có thể thắc mắc không biết Diana lấy đâu ra mọi thông tin cô kể tới tập cho người nhà Bên Ánh Lửa trong vài tuần sau đó. Cô bé đang say sưa thần phục và đồng cảm dành cho Delilah trĩu nặng sầu đau và bị ngược đãi, nên cô phải kể về con bé cho bất cứ ai chịu nghe.

“Cháu nghĩ đến lúc nào đó cái cơn mê mẩn mới này cũng sẽ hết thôi,” Anne nói. “Delilah này là ai vậy, Susan? Cháu không muốn bọn trẻ trở thành những đứa nhóc hay làm cao... nhưng sau những gì ta trải qua với Jenny Penny...”

“Nhà Green đáng kính lắm, cô bác sĩ thân mến ạ. Ở Lowbridge ai cũng biết họ. Họ dọn đến nhà cũ của Hunter hồi mùa hè. Bà Green là vợ hai và có hai con riêng. Tôi không biết nhiều về bà ta nhưng hình như bà ta đối xử với nó thoải mái, tử tế, dễ chịu. Tôi khó mà tin bà ta đối xử với Delilah như Di nói.”

“Con đừng tin nhiều vào mọi điều Delilah nói,” Anne căn dặn Diana. “Có thể con bé có khuynh hướng phóng đại một chút. Cứ nhớ Jenny Penny...”

“Chao ôi, mẹ, Delilah chẳng giống Jenny Penny chút nào mà mẹ,” Di phản uất nói. “Không chút nào cả. Nó chân thật cực kì. Mẹ à, mẹ mà thấy nó thôi thì mẹ sẽ biết nó không thể nào nói dối. Ở nhà ai cũng chê cười nó vì nó khác biệt lắm. Bản chất của nó lại rất tình cảm. Nó bị bạc đãi từ lúc chào đời. Mẹ kể căm ghét nó. Nghe những nỗi khổ của nó mà con đau lòng quá. Chao ôi, nó không đủ ăn, thật thể mà. Nó chưa hề biết không bị đói là sao. Mẹ ơi, nhiều lần họ để nó đi ngủ mà không được ăn tối nên nó khóc đến khi thiếp đi. Mẹ đã bao giờ khóc vì đói chưa mẹ?”

“Thường lắm con ạ,” mẹ nói.

Diana ngậy nhìn mẹ, những cánh bướm trong câu hỏi hoa mỹ của cô không còn ngọn gió nào cả.

“Trước khi đến Chái Nhà Xanh, ở viện mồ côi, mẹ vẫn thường đói meo... và trước đó nữa. Mẹ có bao giờ cần nhắc đến những ngày ấy đâu.”

“À, nếu vậy mẹ phải đủ sức cảm thông với Delilah chứ,” Di nói, đầu óc hoang mang đã trấn tĩnh lại. “Mỗi khi đói quá nó cứ ngồi xuống rồi tưởng tượng ra những thứ để ăn. Cứ nghĩ chuyện nó tưởng tượng ra những thứ để ăn xem!”

“Con với Nan cũng thường làm vậy mà,” Anne nói. Nhưng Di không chịu nghe.

“Nó không chỉ chịu đựng về thể xác mà còn tinh thần nữa. Chao ôi, nó muốn thành một nhà truyền giáo mẹ à... hiến dâng đời mình... nhưng cả nhà ai cũng cười cợt nó.”

“Họ nhẩn tâm quá,” Anne đồng tình. Nhưng trong giọng cô có gì đó khiến Di sinh nghi.

“Mẹ, tại sao mẹ lại nghi hoặc như vậy?”, cô bé hỏi trách móc.

“Lần thứ hai,” mẹ mỉm cười, “mẹ phải nhắc con chuyện Jenny Penny. Con cũng đã tin nó mà.”

“Hồi ấy con chỉ là con nít nên dễ bị lừa,” Diana nói hết sức trang nghiêm. Cô cảm thấy khi nói về Delilah Green thì mẹ không cảm thông và hiểu biết như mọi ngày. Từ đó Diana chỉ nói với Susan, vì nghe nhắc đến tên Delilah thì Nan chỉ gật thôi. “Đúng là ghen ghét rồi,” Diana buồn bã nghĩ.

Cũng không phải Susan đồng cảm gì đáng kể. Nhưng Diana phải nói cho ai đó nghe về Delilah và vì Susan chế giễu thì không làm ta đau lòng như mẹ. Ta đâu thể mong Susan hiểu hết được. Nhưng mẹ đã từng là con gái... mẹ thương yêu di Diana... tấm lòng mẹ đầm thắm thế mà. Sao câu chuyện Delilah thân yêu tội nghiệp bị bạc đãi lại làm mẹ thờ ơ thế được?

“Chắc mẹ cũng hơi ganh tị nữa, vì mình thương Delilah quá nhiều,” Diana ngẫm nghĩ thật thông thái. “Người ta nói các bà mẹ vẫn thường đâm ra như thế. Kiểu như là khur khur ấy.”

“Nghe cách mẹ kể đối xử với Delilah mà máu cháu sôi lên,” Di kể cho Susan. “Nó là kẻ chịu đọa đầy, Susan à. Nó chưa bao giờ có gì ngoài chút cháo cho bữa sáng và bữa tối... chút xiu xiu thôi. Nó cũng không được ăn cháo với đường. Susan ơi, cháu đã thôi không lấy đường ăn cháo nữa vì chuyện đó làm cháu cảm thấy có tội.”

“Ồ, ra là vậy. Thôi được, đường đã tăng một xu, nên vậy cũng tốt.”

Diana thề sẽ không kể cho Susan nghe gì về Delilah nữa, nhưng chiều hôm sau cô bé lại giận đến không nhịn được

“Susan ơi, tối qua mẹ Delilah cầm ấm trà nóng hồi rượt nó đấy. Nghĩ mà xem, Susan. Dĩ nhiên Delilah nói không phải lúc nào bà ta cũng làm vậy... chỉ khi nào bà ta bực lắm. Thường thì bà ta chỉ nhốt Delilah trên gác xếp tối... gác xếp có ma. Mấy con ma mà những đứa trẻ tội nghiệp thấy đó, Susan. Vậy là không lành mạnh cho nó đâu. Lần họ nhốt nó trên gác xếp vừa rồi nó đã thấy sinh vật đen đen nhỏ xiu kỳ quặc chưa từng thấy ngồi trên guồng quay tợ, đang kêu ư ừ.”

“Loại sinh vật gì,” Susan nghiêm trang hỏi. Bà đang bắt đầu thích thú nghe những nỗi khổ của Delilah và những chữ nhần nhá của Di, rồi bà với cô bác sĩ cười lên mấy chuyện đó.

“Cháu cũng không biết nữa... nó chỉ là một sinh vật. Nó làm con bé muốn tự tử luôn. Nhưng cháu sợ nó sẽ bị dồn đến mức đó thật đấy. Bà biết không, Susan, nó có ông chú tự sát hai lần.”

“Một lần chưa đủ à?”, Susan tàn nhẫn hỏi.

Di dần dần bỏ đi, nhưng hôm sau cô phải quay lại cùng một chuyện đau lòng nữa.

“Chưa bao giờ Delilah có búp bê cả, Susan à. Giáng sinh năm ngoái nó ước ao có một con trong tất. Mà bà nghĩ thử xem thay vào đó nó thấy gì hả Susan? Một cây roi! Bà biết không, hầu như ngày nào họ cũng quát nó. Thử nghĩ đứa bé tội nghiệp đó bị quát xem, Susan.”

“Hồi còn bé bà bị quát nhiều mà giờ bà có bị làm sao đâu” Susan nói, có trời biết bà sẽ làm gì nếu có ai thử quát bọn trẻ nhà Bên Ánh Lửa.

“Khi cháu kể cho Delilah nghe về mấy cây Giáng sinh nhà mình thì nó khóc thút thít, Susan à. Nó chưa có cây Giáng sinh bao giờ. Nhưng nó chắc chắn năm nay phải có một cây. Nó tìm được cây dù cũ chỉ còn trơ gọng nên nó sẽ đặt vào cái xô và trang trí để làm cây Giáng sinh. Vậy không đáng thương sao, Susan?”

“Chẳng phải ở đó có sẵn rất nhiều cây linh sam non sao? Mấy năm sau này linh sam sau lưng nhà Hunter cũ đã gần lớn rồi,” Susan nói. “Bà thật lòng ước gì đứa con gái đó tên gì chứ không phải Delilah. Tên như vậy cho một đứa trẻ Cơ Đốc giáo ư!”

“Sao vậy Susan, tên đó có trong Kinh Thánh mà. Delilah rất tự hào về cái tên Kinh Thánh của mình. Hôm nay ở trường, Susan à, con nói Delilah là tối mai nhà ta sẽ ăn gà thì nó nói... bà nghĩ nó nói gì, Susan?”

“Bà chắc mình chẳng bao giờ đoán ra,” Susan nói dứt khoát. “Mà cháu chẳng có việc gì phải nói chuyện trong lớp cả.”

“Ồ, bọn cháu đâu có nói. Delilah nói bọn cháu không bao giờ được vi phạm nội quy. Chuẩn mực của nó cao lắm. Bọn cháu viết ngoáy rồi gửi cho nhau mà. À, Delilah nói, Cậu đem theo cho tớ một miếng xương được không, Diana? Chuyện đó làm cháu khóc. Cháu sẽ đem cho nó một miếng xương... còn dính thật nhiều thịt. Delilah cần được ăn uống tử tế. Nó phải làm lưng như nô lệ... một nô lệ, Susan à. Nó phải quán xuyến hết mọi việc nhà... à thì cũng gần hết. Mà nếu làm không đúng thì nó sẽ bị đánh cho tan xương... hay bị bắt ăn trong bếp với đám gia nhân.”

“Nhà Green chỉ có một thằng bé giúp việc người Pháp thôi mà.”

“Thì nó phải ăn cùng thằng bé đó. Thằng đó ngồi ăn mà chỉ mang tất và mặc sơ mi thôi. Delilah nói giờ đã có cháu yêu thương nên nó không để tâm đến mấy chuyện đó nữa. Ngoài cháu ra chẳng có ai yêu thương nó cả, Susan ư?”

“Kính khủng!” Susan nói, diện mạo hết sức trầm trọng.

“Delilah nói nếu có một triệu đô thì nó sẽ cho cháu hết, Susan à. Dĩ nhiên cháu sẽ chẳng lấy đâu nhưng điều đó chứng tỏ nó tốt bụng thế nào.”

“Khi ta không có thì cho đi một triệu hay một trăm gì cũng dễ thôi,” Susan chỉ nói chùng đó.

Chương 39

Một ngọn gió đông rét căm căm đang càu nhàu quanh Bên Ánh Lửa như bà già bần tính. Hôm ấy là một ngày cuối tháng Tám lạnh lẽo có mưa phùn làm ta nản lòng, một ngày mà mọi thứ đều không suôn sẻ... hồi còn ở Avonlea mọi người hay gọi nó là “ngày Jonah”. Con cún Gilbert mới mua về cho mấy cậu con trai gặm mất men sứ ở chân bàn ăn... Susan phát hiện bầy thiêu thân đã có một kỳ nghỉ hè ở La Mã trong tù đưng chẵn... con mèo con mới của Nan đã phá nát bụi dương xỉ đẹp nhất... cả buổi chiều Jem và Bertie Shakespeare lấy xô thiếc ra làm trống huyền não khủng khiếp trên gác xép... Anne thì làm vỡ cái chao đèn thủy tinh vẽ. Nhưng không hiểu sao nghe nó vỡ toang cũng đủ làm cô thấy dễ chịu! Rilla bị đau tai còn Shirley có một đốm đỏ kỳ lạ trên cổ, làm Anne lo nhưng Gilbert chỉ liếc qua hờ hững và nói giọng lơ đãng chưa từng thấy là anh nghĩ không quan trọng gì. Dĩ nhiên nó đâu quan trọng gì với anh! Shirley là con của anh thôi mà! Và cũng chẳng quan trọng gì khi tuần rồi anh mời nhà Trent đến ăn tối mà quên không cho Anne biết trước đến tận lúc họ tới. Cô và Susan có một ngày cực kỳ tất bật nên đã tỉnh một bữa ăn tối qua loa. Mà bà Trent lại có tiếng là chủ nhà lịch sự nhất Charlottetown! Đồi tất đen có mấy ngón màu xanh của Walter đâu? “Walter, con có nghĩ con để cái gì đúng chỗ ấy chỉ một lần thôi được không? Nan, mẹ không biết Bảy Biển ở đâu cả Lạy Chúa, đừng hỏi nữa! Mẹ không lấy làm lạ là người ta đã đọc Socrates. Họ phải làm thế.”

Walter và Nan nhìn sững. Trước kia chúng có bao giờ nghe mẹ nói giọng điệu như vậy đâu. Cái nhìn của Walter còn làm Anne bực hơn nữa.

“Diana, có cần nhắc con mãi là không được xoắn hai chân quanh ghế piano không? Shirley, giá mà con không trét mứt đầy ra tờ tạp chí mới đó! Có ai làm ơn cho tôi biết mấy lẵng trụ đèn treo đâu rồi không!”

Chẳng ai cho mẹ biết được... Susan đã tháo ra đem đi rửa... rồi Anne phóng lên lầu để trốn mấy cặp mắt đau buồn của bọn trẻ. Trong phòng mình cô luống cuống đi tới đi lui. Cô làm sao vậy? Phải chăng cô đang biến thành một kẻ dằn dỗi không biết kiên nhẫn với mọi người? Đạo này cái gì cũng làm cô bực được. Chút kiêu cách của Gilbert mà trước đây cô chưa từng để tâm làm cô thấy bực. Cô mệt mỏi chán nản vì những phận sự đều đều, không bao giờ dứt... mệt mỏi chán nản khi phải lo cho những ý muốn thất thường của gia đình. Tất cả những gì cô làm cho ngôi nhà và gia đình mình từng đem lại cho cô niềm thích thú. Giờ cô dường như không để tâm đến cái mình làm. Cô cứ luôn cảm thấy như người trong ác mộng, cố đuổi kịp ai đó mà chân bị xiềng.

Tệ nhất là Gilbert không hề nhận thấy thay đổi nào ở cô. Anh bận bịu ngày đêm và dường như không quan tâm gì ngoài công việc của mình. Hôm ấy trong bữa ăn anh chỉ

nói vèn vèn một câu “Làm ơn đưa giùm mù tạt.”

“Tất nhiên là mình nói chuyện với bàn ghế cũng được,” Anne cay đắng nghĩ. “Vợ chồng mình đang trở thành thói quen của nhau... không hơn. Đêm qua anh không nhận ra mình mặc chiếc váy mới. Và lần cuối anh gọi mình là ‘cô gái Anne’ đến giờ đã lâu đến nỗi mình quên mất là lúc nào. Thôi được, mình nghĩ mọi cuộc hôn nhân cuối cùng rồi cũng đến đó. Có lẽ đa số phụ nữ đều trải qua chuyện này. Anh ấy chỉ xem mình như một thứ đương nhiên. Giờ đây với anh chỉ có công việc là có ý nghĩa thôi. Khăn tay của mình đâu rồi?”

Anne lấy khăn tay rồi ngồi xuống ghế để tha hồ tự hành hạ. Gilbert không còn yêu cô nữa. Mỗi khi hôn cô anh hôn lơ đãng... chỉ là “thói quen”. Mọi ánh hào quang đã mất. Những câu đùa ngày xưa họ cùng cười với nhau hiện lên trong hồi tưởng, giờ đây bị kịch. Sao cô lại từng thấy chúng ngộ được nhỉ? Monty Turmer hôn vợ đều đặn mỗi tuần một lần... làm bản ghi nhớ để nhắc mình. (“Có người vợ nào muốn được những nụ hôn như thế không?”) Curtis Ames gặp vợ mình đội mũ mới nên không nhận ra. Bà Clancy Dare đã nói, “Tôi không để tâm đến chồng mấy nhưng khi không có bên cạnh thì lại thấy nhớ.” (“Mình nghĩ Gilbert sẽ nhớ mình nếu mình không có bên cạnh! Chuyện bọn mình đã đến nước ấy rồi ư?”) Nat Elliott nói với vợ sau mười năm chung sống, “Nếu em phải biết thì anh muốn nói là anh chán làm người có gia đình rồi.” (“Mà mình thì cưới nhau đã mười lăm năm!”) Thôi có lẽ đàn ông nào cũng như thế. Có lẽ cô Comelia sẽ nói họ thế. Sau một thời gian thì khó mà giữ họ. (“Nếu chồng mình mà phải giữ thì mình không muốn giữ anh ấy.”) Nhưng còn bà Theodore Clow đã tự hào nói ở Hội Phụ nữ Thiện nguyện, “Chúng tôi lấy nhau đã hai mươi năm mà chồng tôi vẫn yêu tôi như ngày mới cưới.” Nhưng có lẽ bà ta đang tự dối mình hay chỉ “giữ thể diện”. Mà bà ta trông ngày càng già. (“Mình tự hỏi mình có đang già đi không”)

Lần đầu tiên cô có cảm giác tuổi tác là một gánh nặng. Cô đến bên gương ngắm soi. Quanh mắt đã bắt đầu xuất hiện mấy dấu chân chim li ti nhưng dưới ánh sáng rõ mới thấy. Nét cằm vẫn chưa mờ. Cô vẫn xanh xao như vậy. Mái tóc dày gọn sóng chưa có sợi bạc nào. Nhưng có ai thật lòng thích tóc đỏ không? Mũi cô vẫn thẳng nét. Anne vỗ lên mũi như một người bạn, nhớ lại vài khoảnh khắc trong đời khi chỉ có mũi là cái giúp cô vượt qua tất cả. Nhưng giờ thì Gilbert chỉ xem mũi cô là chuyện đương nhiên. Nó khoằm hay tẹt, anh chỉ cần biết có thể. Chắc anh đã quên cô có mũi. Như bà Dare, chắc khi nó không còn nữa anh mới thấy nhớ.

“Ôi, mình phải đi xem Rilla với Shirley thế nào,” Anne buồn bã nghĩ. “ít ra, chúng cũng còn cần mình, mấy bé cung tội nghiệp. Cái gì làm mình cảm cầu với chúng vậy? Ôi chắc cả đám đang nói sau lưng mình, Mẹ tội nghiệp trở nên quàu quàu quá chừng!”

Trời vẫn mưa và gió cứ than van. Khúc ngẫu hứng bằng mấy chào thiếp trên gác xép

đã dùng nhưng tiếng một con dế lẻ loi trong phòng khách vẫn không ngừng râm ran làm cô muồn điên. Buổi trưa cô nhận được hai lá thư. Một là của bà Marilla... nhưng Anne thờ dãi khi gấp thư lại. Chữ viết của bà Marilla đang trở nên yếu ớt và run rẩy quá. Thư kia là của bà Banett Fowler ở Charlottetown mà Anne chỉ quen sơ. Bà Banett Fowler muốn vợ chồng bác sĩ Blythe ăn tối với họ thứ Ba tuần tới lúc bảy giờ để gặp bạn cũ của bà, bà Andrew Dawson ở Winnipeg, nhũ danh Christine Stuart.

Anne thả lá thư xuống. Những ký ức cũ cuộn cuộn đổ về một số nhất định là khó chịu. Christine Stuart ở Redmond... cô gái mà thiên hạ từng nói Gilbert đã hứa hôn... người con gái cô đã từng ghen tuông cay đắng đến vậy phải, giờ thì, hai mươi năm sau, cô thừa nhận điều đó. cô đã ghen... cô đã căm ghét Christine Stuart. Đã nhiều năm rồi cô không nghĩ đến Christine nhưng cô nhớ cô ta rất rõ. Một cô gái cao, làn da trắng ngà, đôi mắt to xanh sẫm và vàng tóc đen huyền. Và một vẻ khác biệt nào đó. Nhưng cái mũi dài... phải, nhất định là mũi dài. Đẹp... ồ, ta không thể phủ nhận Christine rất đẹp. Cô nhớ nhiều năm trước có nghe Christine đã “lấy chồng từ tế” và đã sang sống ở lục địa phía Tây.

Gilbert về để ăn vội bữa tối... ở Bắc Glen đang có dịch sỏi... Anne lặng lẽ đưa anh lá thư của bà Fowler.

“Christine Stuart ư! Tất nhiên mình sẽ đi chứ. Vì những ngày xưa, anh thích được gặp cô ấy,” anh nói, với vẻ trầm trồ lần đầu tiên sau nhiều tuần rồi. “Cô gái tội nghiệp, cô ấy cũng có những buồn phiền riêng. Em biết không, chồng cô ấy mất bốn năm trước.”

Anne không biết. Vậy làm thế nào mà Gilbert biết? Sao anh chưa từng nói cho cô? Anh cũng quên thứ Ba tuần tới là kỷ niệm đám cưới của chính họ? Họ chưa bao giờ nhận lời mời nào vào ngày đó mà chỉ đi riêng với nhau. Chà, cô sẽ không nhắc anh đâu. Nếu muốn, anh cứ gặp Christine của anh. Một cô gái ở Redmond có lần đã mơ hồ nói với cô, “Giữa Gilbert và Christine có nhiều thứ hơn là chị biết đấy, Anne.” Lúc ấy cô chỉ cười chuyện đó... Claire Hallett là loại đầy ác ý. Nhưng có lẽ trong đó cũng có gì đó. Anne chợt nhớ, hơi nản lòng, họ cưới nhau được ít lâu thì cô tìm thấy trong sổ tay cũ của Gilbert một bức hình Christine. Gilbert có vẻ khá dừng dưng và nói anh thấy mắc không biết bức hình cũ ấy ở đâu ra. Nhưng... nó có phải là một trong những thứ không quan trọng nhưng lại mang ý nghĩa cực kỳ quan trọng? Phải chăng... Gilbert đã từng yêu Christine? Có phải cô, Anne, chỉ là chọn lựa thứ hai? Giải khuyến khích?

“Rõ ràng là mình không... ghen,” Anne nghĩ, cổ cười. Chuyện ấy thật lố bịch. Còn gì tự nhiên hơn chuyện Gilbert thích cái ý gặp lại một người bạn cũ ở Redmond? Còn gì tự nhiên hơn chuyện một người đàn ông bận rộn, lấy vợ đã mười lăm năm, quên mất thời gian, ngày tháng, mùa? Anne viết cho bà Fowler, nhận lời mời... và rồi mất ba ngày

trước thứ Ba để hy vọng đến tuyệt vọng là có ai đó ở Bắc Glen bắt đầu chuyển dạ vào khoảng năm giờ rưỡi chiều thứ Ba.

Chương 38

Diana sung sướng quá chừng. Thì ra mẹ không ganh tị... mẹ không ích kỷ giữ cho riêng mình... mẹ hiểu. Cuối tuần bố mẹ sẽ lên Avonlea nên mẹ nói cô có thể mời Delilah Green ở lại Bên Ánh Lửa thứ Bảy và Chủ nhật.

“Tôi thấy Delilah ở buổi dã ngoại của lớp giáo lý rồi,” Anne nói với Susan. “Con bé xinh, như quý cô... dù tất nhiên chắc chắn nó hay phóng đại. Có lẽ mẹ kể cũng hơi khắt khe với nó... tôi còn nghe bố nó khá quyết đoán và nghiêm khắc. Chắc là con bé ấy có những nỗi buồn nên thích tìm kiếm sự đồng cảm cho trầm trọng thêm.”

Susan có hơi hồ nghi.

“Nhưng ít ra ai sống trong nhà Laura Green cũng sẽ sạch sẽ,” bà ngẫm nghĩ. Không có chuyện dùng lược dày ở đây.

Diana có rất nhiều kế hoạch tiếp đãi Delilah.

“Minh làm gà nướng được không, Susan... nhồi thật nhiều? Bánh nướng nữa. Bà không biết đứa trẻ tội nghiệp đó ước ao được nếm bánh nướng thế nào đâu. Nhà họ không bao giờ có bánh nướng... mẹ kể nó bần tiện lắm.”

Susan rất từ tế về chuyện đó. Jem và Nan đã đi Avonlea còn Walter ở dưới Ngôi Nhà Mơ Ước với Kenneth Ford. Sẽ chẳng có gì làm u ám việc Delilah tới chơi và rõ ràng mọi chuyện mới đầu có vẻ rất suôn sẻ. Sáng thứ Bảy Delilah tới, mặc áo muslin hồng thật đẹp... hình như ít ra mẹ kể cũng từ tế với nó trong chuyện quần áo. Còn con bé, Susan liếc cái đã thấy ngay, tai và móng tay sạch không chêm vào đâu được.

“Hôm nay đúng ngày quan trọng trong đời tớ,” nó trịnh trọng nói với Diana. “Trời, đây đúng là một ngôi nhà lớn! Hai con chó sứ kia! Ôi, chúng tuyệt vời quá!”

Cái gì cũng tuyệt vời. Delilah cứ nhắc đi nhắc lại mãi hai chữ ấy. Con bé giúp Diana dọn bàn ăn và hái đầy cây đậu hoa cắm trong giỏ thủy tinh nhỏ trang trí chính giữa bàn.

“Ồ, cậu không biết đấy chứ tớ muốn làm này làm kia chỉ vì tớ thích,” nó nói với Diana. “Còn gì cho tớ làm nữa không, đi mà?”

“Cháu tách quả hạch để chiều bà làm bánh cũng được” Susan nói, chính bà cũng bị vẻ đẹp và giọng nói của Delilah hấp hồn. Suy cho cùng, có lẽ Laura Green là người Tartar.

Ta không thể cứ đánh giá thiên hạ theo những gì họ thể hiện nơi công cộng. Đĩa của Delilah đầy ắp gà với đồ nhồi và nước sốt, rồi con bé được miếng bánh nướng thứ hai mà không cần phải bóng gió gì.

“Tớ thường thắc mắc nếu được ăn mọi thứ một lúc thì thế nào. Cảm giác đó thật tuyệt vời,” nó nói với Diana khi cả hai rời bàn.

Chúng có một buổi chiều thật vui. Susan cho Diana hộp kẹo thì Diana chia với Delilah. Delilah trầm trồ một con búp bê của Di nên Di tặng cho con bé. Chúng làm sạch luống păng xê và cuốc bỏ bỏ công anh mọc lan vào bãi cỏ. Chúng giúp Susan lau bóng đồ bạc rồi giúp bà chuẩn bị bữa tối. Delilah làm việc đầu đó và ngăn nắp đến mức Susan đầu hàng hoàn toàn. Chỉ hai thứ làm hỏng buổi chiều... Delilah xoay xở sao đó mà làm lấm mực vào áo và mất chuỗi hạt bệc giả trai. Nhưng Susan dùng muối với chút chanh tẩy sạch mực thật gọn gàng... làm phai màu một chút... còn Delilah nói xâu chuỗi thì không có gì quan trọng. Ngoài chuyện nó đang ở Bên Ánh Lửa với Diana thân yêu nhất ra thì chẳng có gì quan trọng cả.

“Không phải bọn cháu ngủ trong phòng dành cho khách à?” đến giờ ngủ Diana hỏi. “Nhà ta luôn xếp cho khách ngủ trong phòng dành cho khách mà, Susan.”

“Tối mai đi Diana sẽ về với bố mẹ cháu,” Susan nói. “Phòng của khách đã dọn cho đi ăy. Cháu cho Tôm vào giường cháu thì được nhưng không được để nó trong phòng dành cho khách đây.”

“Trời, ra giường của cậu có mùi thơm quá!” Delilah nói khi chúng rúc dưới mền.

“Susan luôn ngâm nước sôi với rễ cây diên vĩ thơm mà,” Diana nói.

Delilah thờ dãi.

“Tớ thắc mắc không biết cậu có biết mình là đứa con gái may mắn thế nào không, Diana. Tớ mà có một mái nhà như cậu nhưng đó là số phận của tớ trong đời này rồi. Tớ phải gánh chịu thôi.”

Susan, lúc đi một vòng quanh nhà mỗi đêm trước khi lui về nghỉ, vào bảo chúng đừng huyền thuyên nữa mà ngủ đi. Bà cho mỗi đứa một chiếc bánh đường nhựa thích.

“Cháu sẽ không bao giờ quên lòng tốt của bà, bà Baker,” Delilah nói, giọng run run xúc động. Susan đi ngủ mà ngẫm mình chưa từng thấy con bé nào cư xử đáng hoàng hơn, dễ thương hơn. Chắc chắn bà đánh giá sai về Delilah Green rồi. Dù lúc ấy Susan chợt nghĩ rằng, một đứa trẻ không bao giờ có đủ ăn thì xương của Delilah Green vậy là

được bọc da thật rất tròn trĩnh!

Chiều hôm sau Delilah về còn bố mẹ và đi Diana đêm mới về tới. Hôm thứ Hai thì sét đánh ngang tai. Diana, quay lại trường giờ trưa, bước vào hiên thì nghe tên mình. Trong lớp Delilah Green ngồi chính giữa một nhóm con gái hiếu kỳ.

“Ồ, Bên Ánh Lửa tớ quá ư thất vọng. Theo kiểu Di khoác lác về nhà nó thì tớ tưởng sẽ thấy một tòa lâu đài chứ. Dĩ nhiên nó cũng khá to đấy, nhưng một số đồ đạc cũ sồn cả rồi. Mấy ghế thì cũ rách kinh khủng.”

“Cậu có thấy mấy con chó sứ không?” Bessy Palmer hỏi.

“Chúng chẳng có gì tuyệt vời cả. Lông còn chẳng có. Tớ đã nói với Diana ngay lúc đó là tớ thật thất vọng.”

Diana đang đứng “chôn chân xuống đất”... hay ít ra thì cũng xuống mặt hiên. Cô bé không nghĩ mình đang nghe lên... cô bé điếng người đến không còn nhúc nhích được.

“Tớ thấy tội cho Diana,” Delilah nói tiếp. “Cái kiểu bố mẹ nó sao nhãng gia đình thật đáng hổ thẹn. Mẹ nó thích lông bông kinh khủng. Cái kiểu bà ta đi bỏ mấy đứa nhỏ có mình Susan già đó trông coi thì thật khủng khiếp...mụ ấy lại kiểu như dờ hơi nữa chứ. Mụ sẽ cho cả đám vào trại tế bần thôi. Cảnh phung phí diễn ra trong bếp mụ ta thì ôi mấy cậu không tin nổi đâu. Vợ bác sĩ lằng lơ và lại lười biếng lắm nên có ở nhà thì cũng chẳng nấu nướng, nên Susan toàn quyền muốn làm gì thì làm. Mụ định cho bọn mình ăn trong bếp nhưng tớ đứng lên nói với mụ ta, Tôi có phải là khách hay không đây? Susan nói tớ mà hỗn thì mụ sẽ nhốt tớ lại trong phòng kho sau nhà. Tớ nói, Bà chẳng dám đâu, thế là mụ chẳng dám. Bà vênh váo với bọn trẻ Bên Ánh Lửa thì được, Susan Baker, nhưng bà không vênh váo với tôi được đâu, tớ nói với mụ ấy. Ồ, để tớ kể mấy cậu nghe tớ đã đứng lên phản kháng Susan. Tớ không để mụ ta cho Rilla uống xi rô an thần. Bà không biết nó độc hại cho trẻ con sao? tớ nói.

Nhưng đến giờ ăn thì mụ trút giận lên đầu tớ. Trời ơi mụ chia phần ăn cho ta mới còn con bún xin làm sao chứ! Có gà đấy nhưng tớ chỉ được cái phao câu còn thậm chí chẳng ai mời tớ thêm miếng bánh nữa. Đáng lẽ Susan để tớ ngủ trong phòng của khách nhưng Di nó nhất quyết không chịu... chỉ vì nhỏ nhen. Nó ganh lắm. Nhưng tớ vẫn thấy tội cho nó. Nó kể tớ là Nan véo nó dễ sợ lắm. Hai cánh tay nó tím bầm cả. Bọn tớ ngủ trong phòng nó rồi có một mèo đực già nua ghê lở nằm dưới chân giường cả đêm. Vậy thì không được vệ sinh nên tớ nói với Di thế. Còn râu hạt trai của tớ biến đâu mất. Dĩ nhiên tớ không nói là Susan lấy. Tớ tin mụ ta trung thực... nhưng mà ngộ quá. Còn Shirley thì ném lọ mực vào tớ. Làm hỏng váy tớ nhưng tớ không quan tâm. Mẹ tớ sẽ mua cho tớ cái mới thôi. À, nhưng dù sao tớ cũng giúp họ cuộc sạch bề công

trên bãi cỏ rồi còn đánh bóng đồ bạc nữa. Đáng lẽ mấy cậu phải thấy. Tớ không biết nó được chùi rửa khi nào nữa kia. Tớ bảo Susan vợ bác sĩ đi vắng rồi thì cứ thông thả đi. Tớ để mụ ta biết là tớ đã nhìn thấu ruột gan rồi. Sao bà chẳng chịu chùi rửa nồi khoai tây vậy, Susan? tớ hỏi. Mấy cậu phải thấy mặt mụ kia. Nhìn chiếc nhẫn tớ mới có này, mấy cô. Một thằng tớ quen ở Lowbridge tặng đấy.”

“Ồ, tớ vẫn thấy Diana Blythe đeo mà,” Peggy MacAllister nói khinh khỉnh.

“Còn tớ chẳng tin chữ nào cậu nói về Bên Ánh Lửa, Delilah Green à,” Laura Carr nói.

Delilah chưa kịp trả lời trả vốn gì thì Diana, đã nhúc nhích và nói lại được, ào vào lớp.

“Judas” cô bé nói. Sau đó cô ăn năn nghĩ lại rằng nói vậy thì không được quý cô lắm. Nhưng lòng cô đau đớn và khi mọi cảm xúc rồi bởi cả lên thì ta không làm sao cân nhắc lời lẽ cho đúng được.

“Tớ không phải Judas!” Delilah đáp ứng, đỏ mặt, có lẽ lần đầu tiên trong đời.

“Phải! Trong con người cậu chẳng có lấy một tia thành thật nào cả! Ngày nào cậu còn sống thì đừng bao giờ nói chuyện với tớ nữa!”

Diana ào ra khỏi lớp học chạy về nhà. Cô không thể ở lại trường chiều hôm ấy... cô không thể! Chưa bao giờ cánh cửa trước Bên Ánh Lửa đánh sầm như thế.

“Con yêu có chuyện gì vậy?” Anne hỏi, đang hội ý với Susan trong bếp thì bị cắt ngang vì một cô con gái sụt sùi nức nở úp mình lên vai mẹ.

Đầu đuôi câu chuyện được nức nở tuôn ra, có hơi thiếu mạch lạc.

“Mọi tình cảm cao quý trong con đều bị tổn thương quá rồi, mẹ ơi. Con sẽ không bao giờ tin ai nữa đâu!”

“Con yêu, đâu phải bạn con ai cũng thế. Pauline đâu có vậy”

“Chuyện này hai lần rồi,” Diana chua chát nói vẫn đau đớn vì cảm giác bị phản bội và mất mát. “Sẽ không có lần thứ ba nào nữa.”

“Tôi tiếc là Di đã mất niềm tin ở con người,” Anne khá rầu rĩ nói khi Di đã lên lầu. “Đây đúng là một thâm kịch đối với nó. Quả thật con bé không được may mắn với vài

con bạn thân. Jenny Penny... rồi giờ là Delilah Green. Rắc rối là Di luôn mê mấy đứa con gái biết kể những câu chuyện thú vị. Mà cái kiểu Delilah chịu đọa đầy khổ sở đã mang đến một câu chuyện thật hấp dẫn.”

“Bà bác sĩ thân mến ời, nếu bà hỏi thì tôi sẽ nói con bé nhà Green đúng là một đứa tinh ranh,” Susan nói, càng quả quyết hơn vì bản thân bà đã bị đôi mắt và cách xử sự của Delilah tài tình đánh lừa. “Con bé gọi mèo nhà ta là ghê lờ, đúng là một ý! Tôi không nói là không có thứ gì như mèo đực, bà bác sĩ thân mến ạ, nhưng mấy cô bé không nên nói về chúng. Tôi không mê mèo, nhưng Tôm đã được bảy tuổi rồi nên ít nhất cũng phải được tôn trọng. Còn về cái nồi khoai tây của tôi...”

Nhưng thật ra Susan không biết diễn đạt cảm nghĩ thế nào về cái nồi khoai tây.

Trong phòng riêng Di đang ngẫm nghĩ rằng suy cho cùng thì có lẽ làm “bạn thân nhất” với Laura Carr vẫn chưa quá muộn. Laura chân thật, dù con bé không thú vị cho lắm. Di thờ dãi. Hương sắc cuộc sống đã biến mất cùng với niềm tin của cô vào số phận đáng thương của Delilah.

Đứa bé hy vọng lại chào đời quá sớm. Người ta gọi cho Gilbert lúc chín giờ tối thứ Hai. Anne khóc đến ngủ thiếp đi rồi thức dậy lúc ba giờ. Chuyện giữa đêm thức giấc đã từng rất thú vị với cô... nằm nhìn qua cửa sổ thấy cái duyên dáng yêu kiều của đêm đang diễn ra... nghe tiếng Gilbert thờ đều bên cạnh... nghĩ về bọn trẻ bên kia hành lang và ngày mới đẹp tươi sắp đến. Nhưng giờ ư! Anne vẫn còn thức khi bình minh, trong xanh như ngọc, đã lộ dạng nơi bầu trời dằng Đông và cuối cùng Gilbert cũng về. “Sinh đôi,” anh nói thần thờ rồi ném mình vào giường thiếp đi ngay. Sinh đôi, đúng là! Bình minh kỷ niệm mười lăm năm ngày cưới của ta mà chồng chỉ nói với ta được có hai chữ “sinh đôi”. Anh còn không nhớ hôm nay là ngày kỷ niệm.

Lúc mười một giờ xuống nhà dường như Gilbert cũng không nhớ được gì hơn. Lần đầu tiên anh không nhắc đến; lần đầu tiên anh không có quà cho cô. Được thôi, anh cũng sẽ không có quà. Cô chuẩn bị sẵn nhiều tuần nay rồi... một con dao bỏ túi cán bạc, một bên khắc ngày tháng còn bên kia khắc mấy chữ cái viết tắt tên anh. Dĩ nhiên anh phải mua lại của cô bằng một xu, nếu không nó sẽ chia cắt tình yêu của họ. Nhưng vì anh đã quên nên cô cũng sẽ quên, để trả thù.

Cả ngày Gilbert có vẻ như mất hồn. Hầu như anh không nói gì với ai mà cứ thần thờ trong thư viện. Phải chăng anh đang mãi hấp hức say sưa được gặp lại Christine? Có lẽ bấy nhiêu năm nay trong thâm tâm anh vẫn ao ước cô ta. Anne thừa biết ý nghĩ này hoàn toàn vô lý nhưng ghen tuông thì có bao giờ có lý? Cổ thần nhiên cũng vô ích thôi. Thái độ thần Cả ngày Gilbert có vẻ như mất hồn. Hầu như anh không nói gì với ai và cứ nhiên không tạo được ảnh hưởng nào đến tâm trạng cô.

Họ sẽ lên thị trấn bằng chuyến tàu năm giờ. “Bọn con vào xem mẹ sửa soạn được không mẹ ơi?”, Rilla hỏi.

“Ồ, nếu con muốn,” Anne nói... rồi tức khắc ghìm mình lại. Sao vậy, giọng cô đang trở nên cáu kỉnh. “Lại đây, con yêu” cô ăn năn nói thêm.

Rilla thích nhất là được xem mẹ sửa soạn xiêm y. Nhưng tối ấy ngay cả Rilla cũng nghĩ mẹ không thấy thích thú.

Anne đắn đo đôi chút không biết nên mặc chiếc váy nào. Mà cô mặc gì thì cũng có quan trọng đâu, cô chưa chát thắm nhũ. Giờ đây Gilbert chẳng hề để ý thấy nữa. Tấm gương không còn là bạn cô nữa... cô trông xanh xao mệt mỏi... và thừa. Nhưng trước mặt Christine cô không được trông quá quê kệch lỗi thời. (“Mình sẽ không để cô ta thấy áy ngại cho mình.”) Chiếc váy mới có lớp lưới màu tảo xanh bên ngoài lớp lót có

nụ hồng? Hay voan màu kem cùng áo chèn Eton có ren của Cluny? Cô mặc thử cả hai rồi chọn chiếc váy lưới xanh. Cô thử vài kiểu tóc rồi kết luận là kiểu tóc hoàng hậu Pompadour buồn thối trông rất hợp thời.

“Ôi mẹ, trông mẹ đẹp quá!” Rilla tròn xoe mắt há miệng trầm trồ.

Chà, trẻ con và kẻ khờ luôn nói thật. Chẳng phải Rebecca Dew từng nói cô “khá đẹp” là gì? Còn về Gilbert, ngày trước anh vẫn khen ngợi cô nhưng mấy tháng qua anh khen được một chữ là khi nào? Anne chẳng nhớ được chữ nào.

Gilbert đi ngang để đến tù áo mà không nói tiếng nào về chiếc váy mới của cô. Anne đứng một lát bưng bưng phần hân; rồi cô hờn dỗi cời váy ném qua giường. Cô sẽ mặc chiếc váy đen cũ... một thứ tẻ nhạt được xem là cực kỳ “thanh nhã” trong các giới ở Bốn Làn Gió nhưng Gilbert chưa bao giờ thích. Cô nên đeo gì ở cổ đây? Chuỗi hạt của Jem, dù được nâng niu gìn giữ nhiều năm, đã đứt bung từ lâu. Quả thật cô không có sợi dây chuyền nào cho tử tế. Thôi được, cô lấy chiếc hộp nhỏ đựng trái tim trắng men hồng Gilbert tặng cô ở Redmond. Chẳng mấy khi cô đeo nó... suy cho cùng, màu hồng không hợp với mái tóc đỏ của cô lắm... nhưng tối nay sẽ đeo. Gilbert có để ý thấy không? Đây, cô sẵn sàng rồi. Sao Gilbert vẫn chưa xong? Cái gì làm anh lâu thế? Ồ, chắc chắn là anh đang cạo râu thật là kỹ lưỡng! Cô đập cửa.

“Gilbert, anh không nhanh lên thì ta sẽ trễ tàu đấy.”

“Em nói cứ như cô giáo ấy,” Gilbert nói, bước ra. “Xương bàn chân của em có gì bất ổn không?”

Ồ, anh đùa vậy được sao? Cô không để mình nghĩ anh mặc áo đuôi tôm này trông đẹp thế nào đâu. Suy cho cùng, thời trang ăn mặc của đàn ông hiện đại thật lố bịch. Không có chút quyền rũ nào. “Những ngày thênh thang thời nữ hoàng Elizabeth” hẳn đã lộng lẫy biết bao khi đàn ông mặc áo chèn xa tanh trắng với áo choàng nhưng đồ cùng cơ ren xếp nếp! Vậy mà trông họ đâu có yếu đuối nhu nhược. Họ là những người đàn ông tuyệt vời và phiêu lưu nhất thế giới từng được thấy.

“Thôi được, nếu em vội thế thì đi nào,” Gilbert lơ đãng nói. Giờ đây lúc nào nói với cô anh cũng lơ đãng. Cô chỉ là một phần trong những đồ đạc bàn ghế... phải rồi, chỉ là một cái bàn cái ghế thôi mà!

Jem chờ họ tới ga. Susan và cô Comelia... đến để hỏi họ có nhờ Susan làm món khoai tây sò cho bữa ăn của nhà thờ như mọi khi được không... trầm trồ nhìn theo.

“Anne giữ dáng đẹp quá,” cô Comelia nói.

“Đúng thế,” Susan đồng tình, “dù mấy tuần qua đôi lúc tôi nghĩ cô ấy cần hăng hái lên một tí. Nhưng cô ấy giữ dáng tốt. Còn cậu bác sĩ thì bụng vẫn phẳng như mọi khi.”

“Một cặp lý tưởng,” cô Comelia nói.

Cặp lý tưởng không nói gì thú vị lắm suốt quãng đường lên thị trấn. Dĩ nhiên Gilbert vô cùng bồi hồi trước viễn cảnh được gặp lại tình cũ quá lâu còn trò chuyện với vợ được! Anne hắt hơi. Cô đâm sợ mình bị nhức đầu sổ mũi. Suốt bữa ăn mà cứ sịt mũi trước mắt bà Andrew Dawson, nữ danh Christine Stuart thì khủng khiếp thế nào! Trên môi cô có một đốm ran rất... có lẽ vết rộp khủng khiếp đang xuất hiện. Nàng Juliet có bao giờ hắt hơi không? Tường tượng Portia bị phát cước xem. Hay Argive Helen nắc cụt! Hay Cleopatra có cục chai!

Ở nhà Barrett Fowler, khi xuống lầu Anne vấp phải đầu con gấu trên thảm trong hành lang, loạng choạng qua cửa phòng khách rồi băng qua đủ thứ lộn xộn bàn ghế nhồi căng cứng và những thứ phi lý mạ vàng mà bà Barrett Fowler gọi là phòng khách, rồi ngồi phịch xuống trường kỷ, may là đồ nghiêng qua phải. Cô thất kinh nhìn quanh tìm Christine, rồi mừng khi nhận ra Christine vẫn chưa xuất hiện. Nếu cô ta ngồi đó khoải trá nhìn vợ Gilbert Blythe bước vào mà như say rượu vậy thì khủng khiếp biết bao! Gilbert thậm chí cũng chẳng hỏi cô có đau không. Anh mãi mê trò chuyện với bác sĩ Fowler và một bác sĩ Murray nào không rõ, từ New Brunswick tới và là tác giả của một chuyên khảo đáng chú ý về các bệnh nhiệt đới đang gây xôn xao trong giới y khoa. Nhưng Anne để ý thấy là khi Christine bước xuống, với một thoáng hương nước hoa cây vôi voi báo trước, chuyên khảo nhanh chóng bị lãng quên. Gilbert đứng lên mất long lanh hứng thú thấy rõ.

Christine đứng thật ẩn tượng bên ô cửa một lúc. Cô ta thì không có chuyện vấp vào cái đầu gấu. Christine, Anne nhớ, ngày xưa có thói quen rùng lại bên cửa để khoe mình. Mà rõ ràng cô ta xem đây là một dịp tuyệt hảo để cho Gilbert thấy anh đã đánh mất cái gì.

Cô ta mặc chiếc váy nhung tím có tay áo dài tha thướt viền vàng, và đuôi cá dài lướt thướt viền hai hàng ren vàng. Một băng đô vàng viền quanh mái tóc vẫn còn đen. Một sợi dây chuyền vàng dài, mỏng, sáng rực kim cương, thông xuống nơi cổ. Anne tức thì cảm thấy mình lồi thối, tinh lẻ thô kệch, sơ sài, và lỗi một đến sáu tháng. Cô ước mình đã không đeo trái tim trắng men ngu ngốc đó.

Rõ ràng Christine vẫn xinh đẹp như mọi khi. Hơi quá bóng bẩy và trông chải chuốt, có lẽ... phải rồi, đấy đã ra đáng kể. Mũi chắc chắn là không ngắn đi chút nào còn cằm nhất định là đã độ trung niên. Vì cô ta đứng bên ô cửa như thế, ta sẽ thấy hai bàn chân

cô ta... chắc nịch. Và chẳng phải cái vẻ khác biệt của cô ta đang phai tàn một chút sao? Nhưng hai má vẫn bóng như ngà còn đôi mắt to xanh sẫm vẫn rực rỡ nhìn ra từ dưới nếp nhăn song song thú vị từng được xem là hấp dẫn biết mấy ngày còn ở Redmond. Phải, bà Andrew Dawson là người đàn bà vô cùng xinh đẹp... và không cho cái ấn tượng là trái tim bà đã chôn kín dưới nắm mộ của Andrew Dawson.

Christine thu hút cả phòng ngay phút giây bước vào. Anne cảm thấy như mình hoàn toàn không có mặt trong khung cảnh này. Nhưng cô ngồi thẳng người lên. Christine không được thấy chút sút kém tuổi trung niên nào. Cô sẽ giương cao cờ bước vào trận đấu. Đôi mắt xám của cô ngả sang xanh lục sẫm và bầu má ửng hồng. (“Nhớ là mình có mũi nữa nhé!”) Bác sĩ Murray, trước đó không để ý gì đặc biệt đến cô, hơi ngạc nhiên nghĩ rằng Blythe có cô vợ trông hết sức khác biệt. Bên cạnh cô thì dáng điệu đó của bà Dawson rõ ràng là trông quá ư bình thường.

“O, kia, Gilbert Blythe, anh vẫn điển trai như xưa,” Christine nói tình quái... Christine tình quái!... “Thật vui vì thấy anh không khác gì cả.”

(“Cô ta vẫn nói cái giọng kéo ra như trước. Sao mình ghét cái giọng mượt mà của cô ta quá!”)

“Khi anh nhìn em,” Gilbert nói, “thời gian không còn ý nghĩa gì nữa. Em học đâu được cái bí quyết trẻ mãi không già thế?”

Christine cười.

(“Chẳng phải tiếng cười của cô ta có hơi the thé sao?”)

“Anh thì bao giờ cũng biết ca tụng gớm, Gilbert. Các vị biết không” ... tình quái liếc một vòng mọi người... “Bác sĩ Blythe là tình cũ của tôi vào cái thời mà anh ấy đang già vờ nghĩ là hóm qua. Còn Anne Shirley kia! Chị dâu có khác nhiều như tôi nghe đồn... dù tôi nghĩ nếu ta chỉ tình cờ gặp ngoài đường thì chắc tôi không nhận ra đâu. Tóc chị sẫm màu hơn xưa một chút xíu, nhỉ? Gặp lại thế này không phải tuyệt trần sao? Tôi đã rất sợ chị đau lưng không tới được.”

“Tôi đau lưng ư!”

“Sao, phải rồi; không à? Tôi tưởng chị đau lưng...”

“Chắc là tôi nghe nhầm rồi,” bà Fowler nói ra điều xin lỗi. Có người nói với tôi là sức khỏe chị kém đi vì chứng đau lưng trầm trọng lắm...”

“Đây là phu nhân bác sĩ Parker ở Lowbridge. Tôi chưa bị đau lưng bao giờ cả,” Anne nói giọng dứt khoát.

“Vậy thì tốt quá rồi,” Christine nói, giọng điệu có phần hơi xấc xược. “Cái chứng ấy thật là khổ khổ. Tôi có bà di đúng là bị nó hành hạ khổ sở.”

Cô ta có cái vẻ như muốn hạ bệ Anne xuống thế hệ các bà di. Anne cũng ráng nhoen cười bằng môi, không phải bằng mắt. Giá mà cô nghĩ ra được cái gì thông minh để đối đáp! Cô biết chắc ba giờ đêm đó mình sẽ nghĩ ra một câu thông minh nhưng lúc này thì chuyện đó chẳng giúp gì được cô.

“Tôi nghe anh chị có bảy đứa con,” Christine nói với Anne mà nhìn Gilbert.

“Chỉ có sáu đứa còn sống,” Anne nói, nhẵn mặt. Cô vẫn chưa thôi đau lòng mỗi khi nghĩ đến Joyce nồn nà bé bỏng.

“Đúng là một gia đình!” Christine nói.

Có một gia đình đông đúc tức thì cứ như điều nhục nhã lồ bịch. “Tôi thấy chị thì lại không có bé nào cả,” Anne nói.

“Tôi không bao giờ quan tâm đến chuyện con cái, chị biết đấy,” Christine nhún đôi vai rất đẹp, nhưng giọng thì hơi cứng rắn. “Tôi e mình không phải mẫu phụ nữ làm mẹ. Thật tình tôi chưa bao giờ nghĩ sứ mệnh duy nhất của đàn bà là đưa trẻ con vào một thế giới vốn đã đông đúc lắm rồi.”

Rồi họ vào phòng để ăn tối. Gilbert điu Christine bác sĩ Murray điu bà Fowler, còn bác sĩ Fowler, một ông nhỏ nhắn tròn trịa, chẳng nói chuyện với ai khác nếu đó không phải một bác sĩ khác, điu Anne.

Anne cảm thấy căn phòng khá ngột ngạt. Có một thứ mùi khó hiểu làm ta nôn nao. Có lẽ bà Fowler đang đốt nhang. Thực đơn thì ngon nhưng Anne cứ đều đều những động tác ăn mà không thấy ngon miệng và mím cười cho đến khi cô cảm thấy mình đậm trông giống mèo Cheshire. Cô không làm sao rời mắt khỏi Christine, cô ta cứ mím cười với Gilbert. Hàm răng cô ta đẹp... gần như quá đẹp nữa. Trông như quảng cáo kem đánh răng. Christine vừa trò chuyện vừa khoát tay rất ấn tượng. Hai bàn tay đẹp... mặc dù khá to.

Cô ta đang nói với Gilbert về tốc độ sống nhịp nhàng. Cô ta muốn nói cái quái gì vậy? Chính cô ta có biết không? Rồi họ chuyển sang nói về vở kịch. Nỗi khổ hình của Chúa.

“Chị đã đến Oberammergau bao giờ chưa?” Christine hỏi Anne.

Mà cô ta thừa biết Anne chưa đến! Tại sao cứ Christine hỏi thì câu gián dị nhất nghe cũng xác xược?

“Tất nhiên là gia đình trói buộc ta khủng khiếp lắm,” Christine nói. “Ồ, chị nghĩ hồi tháng rồi ở Halifax tôi gặp ai nào? Cô bạn nhỏ của chị ấy... cưới ông mục sư xấu xí...anh ta tên gì ấy nhỉ?”

“Jonas Blake,” Anne nói. “Philippa Gordon cưới anh ấy. Tôi cũng chưa từng nghĩ anh ấy xấu xí.”

“Không sao? Tất nhiên là sở thích khác nhau mà. Thôi được dù sao thì tôi có gặp họ. Tội nghiệp Philippa!”

Christine dùng từ “tội nghiệp” rất ấn tượng.

“Sao lại tội nghiệp?” Anne hỏi. “Tôi nghĩ cô ấy và Jonas rất hạnh phúc.”

“Hạnh phúc ư! Ôi trời, giá mà chị! thấy nơi họ sống. Một làng chài nhỏ thảm hại, lộn mà chạy vào vườn thì đúng là chuyện sôi động! Tôi nghe nói anh Jonas có nhà thờ từ tế ở Kingsport nhưng từ bỏ vì nghĩ phận sự của mình là đến với những người dân chài ‘cần’ mình. Tôi không ưa mấy kiểu cuồng tín như thế. ‘Sao chị lại sống nổi’ ở một nơi cách biệt, hẻo lánh thế này? tôi hỏi Philippa. Chị biết cô ta nói sao không?”

Christine vung hai bàn tay đeo nhẫn ra thật diễn cảm.

“Có lẽ cũng như tôi sẽ nói về Glen St. Mary,” Anne trả lời. Rằng đó là nơi duy nhất trên thế giới ta muốn sống.”

“Là chị mãi nguyện ở đó,” Christine mỉm cười. (“Cái miệng đầy răng kinh khủng đó!”) “Có thật chị không bao giờ cảm thấy mình muốn một đời sống rộng lớn hơn? Nếu tôi nhớ đúng thì chị từng có khá nhiều hoài bão. Chẳng phải hồi ở Redmond chị viết vài thứ khá thông thái sao? Tất nhiên là hơi kỳ quặc viễn vông, nhưng mà...”

“Tôi viết cho những ai còn tin có xứ thần tiên. Là họ vẫn còn rất nhiều, chị biết không, và họ thích nhận được tin từ xứ ấy”

“Vậy chị chưa bỏ hẳn à?”

“Không hẳn... nhưng giờ thì tôi viết thư sống,” Anne nói, nghĩ đến Jem và bọn nhỏ.

Christine nhìn ngây, không nhận ra câu trích dẫn. Anne Shirley có ý gì? Nhưng tất nhiên, nghĩ lại thì ở Redmond cô ta đã nổi tiếng là có những câu bí ẩn rồi. Cô ta giữ dáng thật đáng ngạc nhiên nhưng chắc cô ta là kiểu đàn bà lấy chồng rồi thì thôi không còn nghĩ ngợi gì nữa. Tội nghiệp Gilbert! Cô ta cầu anh từ trước khi tới Redmond. Anh chưa bao giờ có dịp thoát khỏi tay cô ta.

“Thời này còn ai ăn hạt có hai nhân nữa không vậy?” bác sĩ Murray hỏi, ông vừa tách một quả hạnh đôi. Christine quay qua Gilbert.

“Anh còn nhớ cái hạt hai nhân có lần mình ăn không?” cô ta hỏi.

(“Có phải họ vừa trao nhau một cái nhìn đầy ý nghĩa?”)

“Em nghĩ anh quên được sao?” Gilbert hỏi. Họ bắt đầu nhắc không biết bao nhiêu là những “anh-có-còn-nhớ-không” trong khi Anne ngây nhìn bức tranh con cá và mấy quả cam treo bên trên tủ búp phê. Chưa bao giờ cô nghĩ Gilbert và Christine lại có chung nhiều hồi ức như thế. “Anh có nhớ lần mình đi dã ngoại trên Arm không?... Anh có nhớ đêm mình đi nhà thờ của người da đen không?... Anh có nhớ đêm mình đi dự hội hóa trang không?... Em là quý cô Tây Ban Nha mặc váy nhung đen quấn tấm khăn ren vuông và tay cầm quạt.”

Dường như Gilbert nhớ tất cả mọi thứ đến từng chi tiết. Mà anh vừa quên kỷ niệm ngày cưới của mình.

Khi họ quay lại phòng khách thì Christine liếc ra cửa sổ nhìn bầu trời đằng Đông khoe ánh bạc xam xám sau những cây dương âm u.

“Gilbert ơi, mình đi dạo trong vườn đi. Em muốn biết lại ý nghĩa của trăng lên tháng Chín.”

(“Trăng lên tháng Chín thì có ý nghĩa gì khác với tháng nào khác? Cô ta nói lại là có ý gì. Trước đây cô ta đã từng như vậy với anh ư?”)

Vậy là họ ra vườn. Anne cảm thấy mình bị gạt qua một bên rất khó chịu và tức tưởi. Cô ngồi xuống ghế có tầm nhìn rõ khu vườn... cô chẳng chịu thú nhận ngay với chính mình rằng cô chọn nó vì lý do đó. Cô thấy được Christine và Gilbert đang bước dọc lối đi. Họ đang nói gì với nhau vậy? Có vẻ như Christine đang nói nhiều hơn. Có lẽ Gilbert lặng người vì xúc động quá không nói nên lời. Ngoài ấy anh có đang mỉm cười về những kỷ niệm mà cô không được chia sẻ? Cô nhớ lại những đêm cô cùng Gilbert đi dạo

trong vườn trắng ở Avonlea. Anh đã quên rồi sao?

Christine ngược lên nhìn bầu trời. Dĩ nhiên cô biết cô ta đang khoe ngấn cổ trắng đầy đặn thanh tú khi ghéech mặt lên như thế. Đã bao giờ trắng lên chậm đến thế chưa?

Mấy người khách kia, cuối cùng cũng đã quay lại, vào ngồi cùng. Có tiếng nói chuyện, tiếng cười, tiếng nhạc. Christine hát... rất hay. Cô ta vẫn luôn có “máu nhạc.” Cô ta hát cho Gilbert... “những ngày đầu yêu đã tàn phai không tìm đâu thấy nữa.” Gilbert ngồi dựa ra ghế bành và đang im lặng khác thường. Phải chăng anh đang băng khuâng hồi tưởng những ngày đầu yêu đã phai tàn đó? Phải chăng anh đang hình dung đời mình sẽ thế nào nếu anh cưới Christine? (“Minh vẫn luôn biết Gilbert nghĩ gì về ngày trước mà. Đầu mình bắt đầu nhức rồi. Nếu hai đứa không bỏ về sớm thì mình sẽ hét toáng lên mất. Nhờ trời tàu mình chạy sớm.”)

Khi Anne xuống nhà dưới thì thấy Christine đang đứng trên hiên với Gilbert. Cô ta với tay nhặt chiếc lá trên vai anh, cử chỉ rất âu yếm.

“Anh có khỏe thật không đấy, Gilbert? Trông anh mệt mỏi kinh khủng. Em biết anh đang làm việc quá sức.”

Annie bỗng bàng hoàng kinh hoàng. Gilbert trông mệt mỏi thật... mệt kinh khủng... đến khi Christine chỉ ra rồi cô mới thấy! Không bao giờ cô quên được nỗi nhục của giây phút đó, (“Minh đã quá mặc nhiên nhìn nhận Gilbert mà lại trách anh như vậy.”)

Christine quay qua cô.

“Thật vui được gặp lại chị đấy, Anne. Khá giống như ngày xưa.”

“Vâng,” Anne nói.

“Nhưng tôi vừa nói với Gilbert là trông anh hơi mệt mỏi. Chị nên chăm sóc anh ấy kỹ hơn, Anne. Chị biết không, có thời tôi thật lòng thích anh chồng này của chị đấy. Tôi tin anh đúng là bạn trai tử tế nhất tôi từng có. Nhưng chị phải tha thứ cho tôi vì đã không cướp mất anh ấy của chị.”

Anne lại chết trân.

“Có lẽ anh ấy đang thương thân vì chị không làm thế” cô nói, với cái “lời làm kiêu” nào đó mà ngày còn ở Redmond Christine không phải là không nhận thấy, khi bước vào xe của bác sĩ Fowler để ra ga.

“Chị ngộ quá!” Christine nói, nhún đôi vai xinh đẹp. Cô ta nhìn theo như thể họ là cái gì đã làm mình buồn cười vô cùng.

“Buổi tối thú vị chứ?” Lúc đỡ cô lên tàu Gilbert hỏi lơ đãng hơn bao giờ hết.

“Ồ, thú vị chứ,” Anne nói... trong khi trong thâm tâm cô cảm thấy, theo câu nói rất hay của Jane Welsh Carlyle, buổi tối ở vào tình thế gay go.

“Sao em lại làm tóc kiểu ấy?” Gilbert vẫn nói thản thờ.

“Kiểu mới mà.”

“À, nó không hợp với em. Có thể hợp tóc nào đó nhưng không hợp tóc em.”

“Ồ, tề quá tóc em lại màu đỏ,” Anne nói lạnh nhạt. Gilbert nghĩ mình khôn ngoan khi bỏ dở một đề tài nguy hiểm. Anne, anh ngẫm nghĩ, vẫn hơi nhạy cảm về tóc cô. Dù sao anh cũng đã mệt quá không muốn trò chuyện. Anh dựa đầu ra ghế xe và khép mắt. Lần đầu tiên Anne để ý thấy những sợi bạc nhỏ trong đám tóc trên tai anh. Nhưng cô dần lòng.

Từ nhà ga Glen họ lặng lẽ theo đường tắt đi bộ về Bên Ánh Lửa. Không khí tràn ngập làn hương thoang thoảng của vân sam và dương xỉ thơm. Trăng soi trên những cánh đồng ướt đầm sương. Họ đi ngang một căn nhà cũ bỏ hoang có những ô cửa sổ vỡ buồn bã từng lung linh ánh đèn. “Cũng như đời mình vậy thôi,” Anne nghĩ. Giờ đây dường như mọi thứ đều mang một nghĩa âm u nào đó. Con thiêu thân trắng mờ lập lờ bay qua họ trên bãi cỏ, cô buồn phiền nghĩ, giống như bóng ma một tình yêu đã phai nhạt. Rồi cô vướng chân vào cái vòng bóng vô vàn tuyệt vọng đã ngã chúi mũi vào một cụm trúc đào. Bọn trẻ muốn gì mà lại để nó ở đây? Mai cô sẽ cho chúng biết cô nghĩ sao về chuyện đó!

Gilbert chỉ nói, “Ồi!” rồi đưa một bàn tay ra đỡ cô vững. Nếu là Christine vấp khi họ đang ngắm suy từng lời giải đáp ý nghĩa của trăng lên thì anh có hững hờ vậy không?

Khi họ vào nhà thì Gilbert chạy vội vào thư phòng còn Anne lặng lẽ lên phòng, ánh trăng đang nằm trên sàn, ánh bạc tĩnh lặng lạnh lẽo. Cô đến bên cửa sổ mở nhìn ra. Rõ ràng đó là đêm dành cho chó nhà Carter Flagg trú và nó đang dốc hết tâm trí vào việc đó. Lá cây dương Lombardy lấp lánh bạc trong ánh trăng. Căn nhà quanh cô đêm nay dường như đang thì thầm... thì thầm thật hung hiểm, như thể nó không còn là bạn cô nữa.

Anne cảm thấy buồn bệnh và lạnh lẽo và trống trải. Vàng thoi của cuộc sống đã

thành lá úa. Chẳng còn gì ý nghĩa nữa. Mọi thứ đều có vẻ như xa xôi hư ảo.

Xa dưới kia thủy triều đang tiếp tục cuộc hẹn hò tự ngàn xưa với bến bờ. Cô có thể... vì giờ Nomlan Douglas đón bụi vân sam đi rồi... nhìn thấy Ngôi Nhà Mơ Ước của cô. Ở đó họ đã hạnh phúc biết bao... khi mà chỉ được bên nhau trong căn nhà của riêng mình là đủ, cùng những viễn cảnh, những âu yếm, những khắc giờ im lặng. Mọi sắc màu buổi sáng trong đời họ... Gilbert nhìn cô với nụ cười trong mắt anh giữ chỉ cho mình cô... mỗi ngày tìm thấy thêm một cách nói “Anh yêu em”... chia nhau tiếng cười như san sát nỗi đau.

Còn giờ thì... Gilbert dần chán cô rồi. Đàn ông vẫn luôn là thế... sẽ luôn là như thế. Cô từng nghĩ Gilbert là ngoại lệ nhưng giờ cô đã biết sự thật. Và cô sẽ điều chỉnh đời mình theo thế nào đây?

“Tất nhiên, còn có bọn trẻ,” cô ngây dại nghĩ. Mình phải tiếp tục sống vì chúng. Mà không ai được biết cả...không một ai. Mình sẽ không để người ta thương hại.”

Gì thế. Có ai đang lên cầu thang, ba bước một, như kiểu rất lâu về trước ở Ngôi Nhà Mơ Ước Gilbert vẫn thường đi... vì giờ thì lâu lắm rồi anh không làm thế. Không thể nào là Gilbert... đúng rồi!

Anh chạy nhào vào phòng... anh ném một gói nhỏ lên bàn... anh ôm lấy eo Anne rồi diu cô trong điệu van xơ vòng vòng khắp phòng như cậu học trò rồ dại, cuối cùng hết hơi dừng lại giữa vũng ánh trắng bạc.

“Anh đúng, Anne... ơn trời, anh đúng rồi! Bà Garrow sẽ không sao cả... bác sĩ chuyên khoa đã nói thế.”

“Bà Garrow? Gilbert, anh điên rồi ư?”.

“Anh chưa kể em nghe sao? Hẳn anh đã nói rồi chứ...thôi được anh nghĩ chắc vì đó là đề tài nhứt nhối đến mức anh không thể nào nhắc đến. Suốt hai tuần qua anh lo phát cuồng vì chuyện đó... không thể nghĩ đến gì khác, dù thức hay ngủ. Bà Garrow sống ở Lowbridge và là bệnh nhân của Parker. Anh ấy mời anh tham gia hội chẩn... anh chẩn đoán trường hợp của bà khác với anh ấy... bọn anh suýt tranh cãi... anh tin chắc mình đúng... anh nhất quyết là vẫn còn cơ may... bọn anh chuyển bà lên Montreal... Parker nói bà ta sẽ không bao giờ còn sống trở về... chồng bà ấy sẵn sàng thấy anh là bẩn. Khi bà ấy đi rồi anh tan nát... có lẽ anh đã làm... có lẽ anh đã giày vò bà ấy không cần thiết. Khi vào thư phòng thì anh thấy lá thư... anh đã đúng... họ đã tiến hành phẫu thuật... bà ấy có cơ may sống rất lớn. Cô gái Anne ơi, anh nhảy lên tới mặt trăng cũng được nữa! Anh vừa trẻ lại được hai chục tuổi.”

Anne phải khóc hoặc cười... thế rồi cô bật cười. Cười lại được thì tuyệt vời biết bao... tuyệt vời khi cảm thấy muốn cười. Bỗng nhiên tất cả đều tốt đẹp.

“Em nghĩ chắc vì vậy mà anh quên mất hôm nay là kỷ niệm ngày cưới của mình?”, cô trêu anh.

Gilbert buông cô ra đủ lâu để nhảy tới cái gói nhỏ anh thả trên bàn.

“Anh không quên đâu. Hai tuần trước anh đã gửi thư đi Toronto để mua cái này. Vậy mà tối nay nó mới đến. Sáng nay anh cảm thấy túi hồ khi không có gì để tặng em đến mức anh không nhắc đến ngày này... dù em cũng đã quên... hy vọng là em quên. Khi anh vào văn phòng thì thấy có món quà cùng lá thư của Parker. Xem em có thích không nào.”

Đó là một mặt dây chuyền kim cương nhỏ. Ngay cả trong ánh trắng nó cũng lấp lánh như một sinh vật.

“Gilbert... còn em...”

“Em đeo vào thử đi. Anh đã mong nó về đến hồi sáng... vậy thì em đã có gì để đeo đến bữa ăn tối ngoài trái tim trắng men cũ đó rồi. Dù nó nằm gọn nơi lõm cổ trắng muốt yêu kiều của em thì đẹp thật, em yêu. Sao em lại không mặc chiếc áo màu xanh đó, Anne? Anh thích nó... nó làm anh nhớ lại chiếc váy in hình những nụ hồng em vẫn mặc ở Redmond.”

(“Vậy là anh có thể thấy chiếc váy! Vậy là anh vẫn còn nhớ cái ở Redmond ngày trước khiến anh trầm trồ nhiều lắm!”)

Anne cảm thấy như con chim sổ lồng... cô lại đang tung bay. Vòng tay Gilbert quanh cô... mắt anh nhìn vào mắt cô dưới ánh trắng.

“Anh yêu em mà phải không, Gilbert? Với anh em không chỉ là thói quen chứ? Lâu rồi anh không nói yêu em.”

“Em yêu, tình yêu quý giá của anh! Anh không nghĩ em cần lời nói ra mới biết điều đó. Anh không thể sống thiếu em. Em luôn cho anh thêm sức mạnh. Đâu đó trong Kinh Thánh có một câu dành cho em... “Trọn đời nâng làm cho chồng được ích lợi, chớ chẳng hề làm tổn hại.”

Cuộc sống ít phút trước dường như âm u ngu ngốc đã lại vàng rực và hồng hào và

lòng lấy sắc cầu vòng. Mặt dây chuyền kim cương tuyệt xuống sàn, phút đó không ai biết. Nó đẹp... nhưng còn có biết bao thứ đáng yêu hơn... lòng tin và sự bình yên và công việc thú vị... tiếng cười và lòng tốt... cái cảm giác an toàn thân thuộc về một tình yêu bền vững.

“Ôi, giá mà ta lưu giữ được khoảnh khắc này mãi mãi, Gilbert!”

“Ta sẽ được nhiều khoảnh khắc. Đã đến lúc ta có một tuần trăng mật thứ hai. Anne, tháng Hai tới sẽ có một hội nghị y khoa lớn ở Luân Đôn. Vợ chồng mình sẽ đi dự... rồi sau đó thăm thú Cựu Thế Giới đôi chút. Ta sẽ đi nghỉ. Ta sẽ lại là đôi tình nhân... sẽ giống như cưới nhau lần nữa. Lâu rồi em không còn như em ngày trước. (“Vậy là anh có nhận thấy mà.”) Em mệt mỏi và làm việc quá sức... em cần thay đổi không khí. (“Cả anh nữa, anh yêu. Em đã đuối mù kinh khủng.”) Anh sẽ không dễ bị chê trách là vợ bác sĩ mà. Chẳng khỏe mạnh. Khi về lại thì ta đã thoải mái và tươi tỉnh, có lại mọi khiếu hài hước. Nào, em đeo thử mặt dây chuyền rồi ta đi ngủ thôi. Anh thêm ngủ quá... nhiều tuần rồi không được một giấc cho từ tể, nào là cặp sinh đôi rồi nào là lo lắng chuyện bà Garrow.”

“Hồi tối anh với Christine nói chuyện gì trong vườn mà lâu thế? Anne hỏi, đeo kim cương nghiêng đầu ngهن cổ trước gương.

Gilbert ngáp.

“Ồ, anh không biết nữa. Christine cứ nói gì đó không nghe rõ. Nhưng cô ấy đưa ra cho anh thấy một dữ kiện này. Bọ chết bay xa được gấp hai trăm lần chiều dài của nó. Em có biết chuyện đó không, Anne?”

(“Họ nói về bọ chết mà mình lại khổ sở vì ghen tuông. Mình ngốc ời là ngốc!”)

“Mà sao hai người lại đi nói về bọ?”

“Anh cũng không nhớ nữa... có lẽ là gợi ý từ Dobermann.”

“Dobermann! Dobermann là gì?”

“Một giống chó mới. Có vẻ như Christine rành về chó lắm. Anh bị ám ảnh chuyện bà Garrow quá nên không để ý lắm những gì cô ấy nói. Thình thoảng anh nghe được một chữ nào là mặc cảm và ức chế... tâm lý học mới đang thịnh hành... nào là nghệ thuật... nào là thị hiếu và chính trị nào là ếch.”

“Ếch ư!”

“Một số thí nghiệm mà một người ở viện nghiên cứu Winnipeg đang tiến hành. Christine thì chưa lúc nào thú vị cho lắm, nhưng giờ lại chán hơn. Lại còn tình quái nữa chứ! Ngày trước cô ấy có tình quái bao giờ đâu.”

“Cô ấy nói gì mà tình quái quá vậy?” Anne ngây thơ hỏi.

“Em không nhận thấy à? Ô, anh nghĩ em chẳng thể hiểu được đâu... bản thân em không có kiểu như vậy. Thôi chuyện đó không quan trọng. Tiếng cười của cô ấy làm anh hơi khó chịu. Cô ấy còn béo lên nữa. Nhờ trời em không béo ra, cô gái Anne.”

“Ô, em thấy cô ấy đâu có béo gì lắm,” Anne nhân từ nói. “Nhưng nhất định cô ấy là một phụ nữ rất xinh đẹp.”

“Cũng tạm tạm. Nhưng mặt thì đã thô cứng... cô ấy bằng tuổi em mà trông già hơn cả chục tuổi.”

“Vậy mà anh nói với cô ấy về chuyện trẻ mãi không già!” Gilbert cười biết lỗi.

“Người ta phải nói xã giao chứ. Văn minh không thể tồn tại mà không có một chút đạo đức giả. Ô, thôi được rồi, Christine đâu phải mụ già rình xấu xa, dù cho cô ấy không thuộc dòng những người quen Joseph. Chẳng phải lỗi của cô ấy khi hơi thiếu muối. Cái gì thế.”

“Quà kỷ niệm ngày cưới em tặng anh. Em muốn anh trả em một xu... em sẽ không mạo hiểm đâu. Tối nay em bị giày vò biết mấy! Em phải khổ sở vì ghen với Christine.”

Gilbert trông ngạc nhiên thật tình. Anh chưa hề chột nghĩ Anne lại ghen với ai.

“Sao vậy, cô gái Anne, anh chưa bao giờ nghĩ em mà lại có chuyện ấy.”

“Ô, nhưng có đấy. Nhiều năm trước em ghen chuyện anh thư từ với Ruby Gillis kinh khủng.”

“Anh có thư từ với Ruby Gillis thật à? Anh quên mất rồi. Tội nghiệp Ruby! Vậy chứ Roy Gardner thì sao? Lươn ngắn không được chê trách dài đâu.”

“Roy Gardner ư? Lâu rồi Philippa viết thư cho em nói có gặp anh ta giờ béo tốt lắm. Gilbert này, bác sĩ Murray có thể rất kiệt xuất trong nghề thật đấy nhưng ông ấy trông gầy như que củi còn bác sĩ Fowler lại trông như chiếc bánh vòng. Đứng bên họ anh trông rất đẹp... và hoàn hảo.”

“Ồ, cảm ơn em... cảm ơn. Vợ thì sẽ nói thế mà. Để khen lại thì anh nghĩ tối nay em trông đẹp khác thường đấy Anne, dù mặc chiếc váy ấy. Em có hồng hào lên chút còn mắt thì thật long lanh. Aaa, tuyệt quá! Khi ta mệt rồi thì chẳng đâu bằng cái giường. Còn một câu nữa trong Kinh Thánh... thật lạ là mấy câu ngày xưa ta học ở lớp giáo lý ấy cứ trở về với ta trong suốt cuộc đời?.. ‘Tôi sẽ nằm và ngủ bình an.’ Bình an... và ngủ...ngủ ngon nhé.”

Hầu như chưa nói hết câu Gilbert đã ngủ thiếp đi. Gilbert thân yêu nhất đã mệt rồi! Bé con có thể chào đời và bé con có thể từ giã cõi đời nhưng đêm đó không ai được quấy rầy giấc ngủ của anh. Điện thoại cứ việc reo inh ỏi đi.

Anne không thấy buồn ngủ. Cô hạnh phúc quá chưa ngủ được. Cô đi nhẹ trong phòng, thay đồ, tết tóc, trông như một người đàn bà được yêu. Cuối cùng cô khoác chiếc áo ngủ mỏng vào rồi băng qua hành lang đến phòng mấy cậu con trai. Walter với Jem trên giường và Shirley trong cũi đều đã ngủ say. Ôm, sống lâu hơn nhiều thế hệ mèo con xinh xắn và đã thành thói quen của gia đình, cuộn mình dưới chân Shirley. Jem đã ngủ thiếp trong khi đọc “Tiểu sử truyền trường Jim”... cuốn sách để mở trên ra giường. Ô, Jem bên dưới tấm chăn trông đã dài quá chừng. Không bao lâu nữa cậu đã là người trưởng thành rồi. Cậu là chú bé cứng cáp đáng tin cậy lắm sao! Walter ngủ mà mỉm cười như người biết được một bí mật thú vị. Trăng soi trên gối cậu qua song cửa sổ lấp lánh khắc màu... hắt bóng hình chữ thập rõ nét trên đầu tường. Nhiều năm sau nữa Annie sẽ còn nhớ điều đó và bản khoản phải chăng đó là điềm của Courcelette...một ngôi mộ có dấu thập “đầu đó ở Pháp”. Nhưng đêm nay nó chỉ là cái bóng... chỉ vậy thôi. Mấy nốt đỏ trên cổ Shirley đã lặn mất. Gilbert nói đúng. Bao giờ anh cũng đúng.

Nan và Diana với Rilla ở phòng bên... Diana, những lọn tóc đỏ ẩm ướt nhỏ xíu dễ thương, một bàn tay nhỏ nắm nhẹ kê dưới má, Nan thì hàng mi như cánh quạt phất lên má. Sau cặp mí có đường gân xanh đó là đôi mắt nâu nhạt của cha. Còn Rilla nằm úp bụng. Anne lật cô bé lên nhưng đôi mắt nhắm nghiền vẫn không hề mở.

Đứa nào cũng lớn nhanh quá chừng. Chỉ vài năm nữa thôi chúng sẽ là những chàng trai cô gái... tuổi trẻ rón rén đến... đợi chờ... một vì sao cùng những giấc mơ bay bổng ngọt ngào... những con tàu bé bỏng dong buồm ra khỏi vịnh bình yên đến những bến cảng xa lạ. Bọn con trai gây dựng sự nghiệp và mấy cô nàng... chà, đã thấy được đáng mấy cô dâu xinh đẹp choàng khăn voan mờ bước xuống mấy bậc thang thân thương ở Bến Ánh Lửa. Nhưng trong vài năm nữa chúng vẫn còn là của cô... để cô thương yêu dịu dàng... để cô hát những bài ca biết bao bà mẹ đã hát. Của cô... và của Gilbert.

Cô đi ra rồi xuôi hành lang đến bên ô cửa sổ lồi. Mọi ngõ vực ghen tuông hậm hực đều đã theo những con trăng già. Cô cảm thấy tự tin vui tươi vô tư lự.

“Blythe! Mình cảm thấy Vô Tư^[1],” cô nói, cười lỏm chơi chữ ngớ ngẩn. “Mình cảm thấy đúng như vào buổi sáng Pacificque nói với mình là Gilbert bị một vô.”

[1]. Blithe, phát âm như Blythe. Trong tiếng Anh có nghĩa thanh thân, vô tư.

Bên dưới kia là vẻ bí ẩn và yêu kiều của một khu vườn về đêm. Những ngọn đồi xa xa, lấp lăm ánh trắng, như một bài thơ. Nhiều tháng nữa cô sẽ thấy ánh trắng trên những ngọn đồi mờ xa ở Scotland... trên thị trấn Melrose... trên Kenilworth hoang tàn... bên trên nhà thờ gần Avon mà Shakespeare đang yên nghỉ... có lẽ cả trên đấu trường Colosseum... trên điện thờ Acropolis... trên những dòng sông buồn phiền chảy qua những đế chế diệt vong.

Đêm nay mát mẻ; không bao lâu nữa những đêm mùa thu buổi giá hơn, lạnh lẽo hơn sẽ đến; rồi tuyết dày... tuyết trắng dày... tuyết mùa đông lạnh dày... những đêm đông gió toí bời. Nhưng nào ai cần biết. Sẽ có phép màu của ánh lửa lò sưởi trong những căn phòng xinh xắn... chẳng phải mới đây Gilbert nói về những khúc gỗ táo anh mua để đốt lò sưởi? Chúng sẽ tô điểm cho những ngày âm đạm sắp đến. Tuyết dày và gió buốt có là gì khi anh yêu bừng sáng, và mùa xuân đã gần kề? Và tất cả những điều đáng yêu nhỏ nhỏ đây đó dọc đường đời nữa chứ.

Cô quay người rời khỏi cửa sổ. Mặc chiếc váy trắng, tóc tết thành hai bím dài, cô trông như Anne những ngày dưới Chái Nhà Xanh... Redmond... Ngôi Nhà Mơ Ước. Ánh sáng tâm hồn đó vẫn soi sáng trong cô. Tiếng bày trè thờ nhẹ văng qua ô cửa mở. Gilbert, hiếm khi nào ngáy, lúc này đang ngáy rõ ràng. Anne cười. Cô nghĩ đến điều Christine đã nói. Christine tội nghiệp không con cái, bắn những mũi tên chế giễu tầm thường.

“Đúng là một gia đình!” Anne hân hoan nhắc lại.

-The end-

